L.M. NGUYỄN-HỒNG

LỊCH-SỬ TRUYỀN-GIÁO Ở VIỆT-NAM

QUYỂN I

HIỆN-TẠI

LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO Ở VIỆT - NAM

LỊCH SỬ TRUYỀN GIÁO
Ở VIỆT - NAM, IN LẦN
THỨ NHẤT, NGOÀI 3000
CUỐN THƯỜNG VÀ 2000
CUỐN ĐẶC - BIỆT, CÓ
IN THÊM 200 CUỐN TRÊN
GIẤY QUÝ DÀNH RIÊNG
CHO NHÀ XUẤT BẢN
——— HIỆN - TẠI ———

Linh-mục NGUYỄN-HỒNG

LỊCH-SỬ TRUYỀN-GIÁO Ở VIỆT-NAM

QUYỂN I

(CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN 1615 - 1665)

NHÀ XUẤT BẢN HIỆN TẠI

1959

Tuyên Ngôn

Là một Linh-mục Công-giáo, bao giờ cũng thành thực phục tòng Giáo-hội. Vậy những danh từ dùng, cũng như những nhận-xét về đời sống thánh-thiện của các nhân vật trong sách này, không hề bao giờ có ý muốn đi trước Giáo - hội.

Linh - mục
NGUYỄN - HỒNG

Nihil Obstat
Đà - lạt, 1 - 5 - 1959
Jos. NGUYỄN NGÀ
Cens. del.

Imprimatur
Saigon, die 30-5-59
Paulus LÊ-TRUNG-THỊNH
Vic, del.

Thay lời tựa

Tử-Trường Tư-mã-Thiên đã lưu danh vạn đại với nhân loại nói chung, và dân tộc Trung-Hoa nói riêng, là nhờ bộ Sử-ký bất hủ của ông.

Từ xưa tới nay, ai đọc bộ Sử-ký cũng phải nhận chân giá trị sử-khoa của nó. Tử-Trường tiên sinh, ngoài cái thần-trí thiên bẩm, đã hiến trót đời mình để sưu tầm, phân tách, tuyển lựa và hệ thống hóa tài liệu một cách khá khoa học. Chỉ nguyên nhìn vào việc : tiên-sinh thân đi khắp chốn, đến tận nơi có sự kiện xảy ra để điều tra, sưu tầm những tài liệu chính xác, đã đủ làm tăng giá trị cho tác phẩm của Tiên - sinh. Sử - gia muôn thuở này còn có một đức tính tối quan trọng cho khoa chép sử : khách quan trước các tài liệu. Sử-liệu có thế nào, Tiên - sinh ghi chép như thế chứ không theo chủ quan phê phán một cách thiên lệch như nhiều sử gia sống trước Tiên-sinh. Điểm nào tồn nghi thì để là tồn nghi chứ không hề võ - đoán. Vấn đề nào có nhiều thuyết khác nhau thì kể cả ra để độc giả tự cân nhắc. Với bấy nhiêu đức tính cần thiết của một sử gia trên đây, cộng với giọng văn thành thực, đầy hùng khí, bộ Sử ký đã trở thành bất-hủ và tên Tử-Trường Tư-mã-Thiên còn lại mãi trong Sử-vàng chói lọi chẳng những của riêng dân tộc Trung-Hoa mà của cả nhân loại vậy.

Được hân hạnh đọc bản thảo cuốn Lịch-Sử Truyền Giáo ở Việt-Nam của Linh-mục Nguyễn-Hồng, kẻ cầm bút thiển cận này không thể không liên tưởng đến những đặc điểm của bộ Sử-Ký của Tư-mã-Thiên.

Thực vậy, linh mục Nguyễn-Hồng đã từ lâu năm hằng lưu tâm đến vấn đề Truyền-Giáo ở Việt-Nam bằng cách tìm tòi thu-tập tài liệu ở ngay trong nước. Nhưng tiếc thay, các tài liệu Truyền-giáo thời sơ khởi ít còn lưu

lại ở Việt-Nam. Các tài liệu sống thì không còn, mà các sử liệu ghi chép thì phần lớn đã đưa sang Roma hay Ba-lê mất cả. Do đó, muốn viết một bộ Sử truyền giáo cho hoàn toàn đầy đủ với những tài liệu hiện có ở trong nước thì thực là khó. Nhưng bao giờ trời cũng phù người có chí : cha được xuất ngoại du học ! Thế là cha có đủ phương tiện để hoàn tất bộ sử. Bắt tay ngay vào việc bằng cách sưu tầm tài liệu khắp các bảo tàng thư viện của thánh Bộ truyền giáo của Dòng Tên ở Roma, lại qua Ba-lê vào thư viện Hội các cha Thừa-sai Ba-lê để hoàn bị tác phẩm.

Với một chí kiên nhẫn, một lòng ham thích say sưa, với những nhìn xa thấy rộng của trời Âu, sau mấy năm trường tận tụy, cha đã hoàn tất bộ Lịch-Sử Truyền-Giáo ở Việt-Nam, mà hôm nay, quyển thứ I trong bộ sử ấy, khiêm tốn ra mắt đồng bào Việt-Nam.

Với những tài liệu chính xác, ghi chép một cách rất vô tư, hệ thống hóa một cách mạch lạc dưới ngọn bút trôi chảy, khúc-triết và hùng kính, cuốn Lịch-Sử này có hi vọng làm thỏa mãn những đòi hỏi của toàn thể giáo hữu Công-Giáo Việt-Nam. Hơn nữa, theo thiển kiến của kẻ hèn này, thì bộ Sử truyền giáo của linh mục Nguyễn-Hồng cũng sẽ không hổ-thẹn khi nằm trên tay bất cứ một sử-gia chuyên môn nào.

Nhưng trí một người có hạn, óc cá nhân có mức nên tác giả cũng như kẻ cầm bút viết mấy lời này vẫn thành thực thầm ước được nghe lời chỉ giáo của chư độc giả bốn phương.

Viết tại Cái-Sắn – Kênh I
Quí-Hạ năm Kỷ-Hợi

Linh-Mục : MẬU-HẢI

CHƯƠNG I

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA GIÁO-HỘI VIỆT-NAM.

I.— Giáo-Hội Việt-Nam trước thế kỷ XVI :

1.— Công cuộc truyền giáo vùng Đông-Á trước thế kỷ XVI.

2.— Giáo-hội Việt-Nam trước thế kỷ XVI.

II.— Công cuộc truyền giáo trong khu vực nhà Hậu-Lê, Nam Triều :

1.— Những cuộc gặp gỡ với Tây phương đầu thế kỷ XVI.

2.— Công cuộc truyền giáo dưới triều Lê-Anh-Tông (1556-1573).

3.— Ordonez de Cevallos và Công chúa Mai-Hoa.

III.— Công cuộc truyền-giáo trong khu vực nhà Mạc, Bắc Triều :

1.— Đoàn truyền giáo của Cha Diego Oropesa.

2.— Cha Bartolomé Ruiz.

IV.— Công cuộc truyền-giáo miền Nam nước Việt :

1.— Các Cha Dòng Thánh Đa-Minh người Bồ.

2.— Các Cha Dòng Thánh Đa-Minh Tây Ban Nha.



Hình đầu cuốn sách « Delle missioni . . . »
của Cha Marini (1663).

I.— GIÁO-HỘI VIỆT-NAM TRƯỚC THẾ-KỶ XVI.

1— Công cuộc truyền giáo vùng Đông - Á trước thế kỷ XVI.

Trước khi lên trời Chúa Giêsu đã để lại cho các tông-đồ sứ mệnh truyền giáo : « Chúng con hãy đi giảng cho muôn dân và làm phép rửa cho họ, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần ». Trung thành với sứ mệnh, trong vòng không đầy một nửa thế kỷ sau, hầu hết các đô thị lớn của đế - quốc Roma và Hy - lạp thời đó đã được nghe giảng tin lành. Đi xa hơn cả, thánh Tôma đã tới Ấn độ. Sau khi đã đưa được nhiều vua chúa và dân chúng trở lại, vị tông đồ đã minh chứng tin lành bằng máu tử đạo của mình. Công cuộc truyền giáo và tử đạo của Ngài đã được tất cả các tử đạo lục nói đến. Năm 1548, người ta đã khám phá ra mộ của Ngài ở Méliapour có hình thánh giá và bảng ghi chú. (1)

Theo nhiều tác giả, công cuộc truyền giáo của Ngài được một số môn đệ và nhất là các thừa sai ở Ba tư đến tiếp tục. Trước thế kỷ IV, tòa Tổng Giám mục « Catholicos Seleucie - Ctésiphon » đã có nhiều địa phận thuộc hạt trong vùng Đông - Á, như đảo Socotora, Tích Lan, miền Malabar thuộc Ấn-độ và bao trùm cả những giáo đoàn vùng Tartaria và Trung-Quốc. (2)

---

(1) Léon Joly. Le Christianisme et l'Extrême-Orient, Paris, Lethielleux, 1907 t. I, trang 13.
(2) Duchesne : Les Eglises séparées.

Năm 1625 ở Tây ngàn phủ, người ta khám phá ra một bia đá 1700 chữ, trên đầu có hình thánh giá, kể công cuộc truyền giáo do Olopen chỉ huy vào đầu thời kỳ nhà Đường (618-907). Theo lời ghi chú trong bia thì « năm 635, dưới triều nhà Đường, có nhiều tây giang đạo trưởng do Olopen dẫn đầu đến truyền đạo Cơ Đốc, mang theo nhiều sách vở và ảnh tượng ». Tiếp theo kể các mầu nhiệm của đạo và tường trình sự tiếp đãi tử tế của vua nhà Đường, công cuộc truyền giáo tiến triển, xây dựng các nhà thờ, rồi bị bách hại... Cuối cùng kết luận : « Bia này làm để ghi lại cho muôn đời sau nhớ những việc đã xảy ra đó, dựng năm 782 » nghĩa là gần 150 năm sau khi công cuộc truyền giáo của Olopen được mở đầu (1).

Qua một vài di tích trên đây về những bước đầu công cuộc truyền giáo vùng Đông-Á, từ thế kỷ thứ XIII, chúng ta có những tài liệu chắc chắn và đầy đủ hơn. Đó là công cuộc truyền giáo ở Trung-Quốc dưới triều nhà Nguyên.

Mông Cổ, một dân tộc hiếu chiến và hung dữ, ở vào khoảng thượng lưu Hắc - long giang. Dưới quyền chỉ huy của Thiết mộc chân (Témoudjine) tức Thành cát tư hãn (Gengis Khan) Nguyên thái tổ, những đoàn kỵ binh thiện chiến người Mông Cổ xâm chiếm cả vùng Trung-Á, Ba Tư và đe dọa các nước Tây phương. Thành cát tư hãn mất, người con thứ ba là A loa đài (Agotai) lên thay, hiệu Nguyên thái Tông. Công cuộc chinh phục miền tây vẫn tiếp tục. Dưới quyền chỉ huy của Bathou, cháu Thành cát tư hãn, quân Mông Cổ xâm chiếm nước Nga, Ba lan và tiến vào biên thùy nước Đức, đi đến đâu phá phách, giết hại vô kể. Các nước Âu châu đều rùng mình lo sợ (2). Đức Thánh Cha Innocentê IV và vua thánh Louis, nước Pháp, sai sứ sang Mông Cổ. Sứ giả là các

(1) Léon Joly, op. cit. trang 107. Nhiều người cho rằng các vị thừa sai chuyên truyền giáo đó thuộc phái Nestorianô. Trong số các linh mục và giám mục ghi tên trong đó có Hanan-Yeshu, giám mục thượng phụ giáo phái Nestorianô ở Babylone thời đó. Có lẽ lúc đầu do thừa sai công giáo, sau vào quãng từ 745 do các thừa sai thuộc giáo phái Nestorianô, họ không thờ các ảnh tượng.

(2) R. Grousset — L'empire des steppes, Paris, Payot 1941-L'empire mongol, t. VII, trong Histoire du Monde của E. Cavaignac đứng đầu, Paris, Boccard, 1941.

cha dòng thánh Phanxicô và Đa Minh. Một cuộc hành trình đầy vất vả và gian lao qua các nước Âu châu, sang Ba tư, Tiệp Khắc, vùng Chaldêô, Ấn Độ, Trung Hoa, mới đến Mông Cổ. Một nửa các sứ giả kiêm thừa sai đã chết nửa đường.

Lúc đó A loa đài Nguyên Thái Tông đã mất. Con là Quí-do (Gouyouk) tức Nguyên Định Tông lên thay. Đứng đầu phái đoàn là Jean de Plan Carpin, trong buổi yết kiến ngày 12 tháng 7 năm 1246, đã trách Qui Do những cuộc xâm chiếm phá phách, giết hại của quân Mông Cổ. Qui Do sai sứ đề nghị đem quân giúp vua Louis trong cuộc nghĩa binh chiếm lại đất thánh.

Ba năm sau (1249) vua Louis sai cha dòng thánh Đa Minh André de Longjumeau dẫn đầu sứ đoàn sang thương ước đồng minh với Nguyên Định Tông, đem theo nhiều lễ vật qui giá. Nhưng không may, Qui Do làm vua được ba năm thì chết, ngôi vua Mông Cổ về chi họ khác. Người em con chú (Bakhou) là Mông Kha (Mangouk hay Ergaltaï) lên làm vua, tức là Nguyên Hiến Tông. Công cuộc chinh phục vẫn tiếp tục. Ngừng ở phía tây, quân Mông-cổ dưới quyền chỉ huy của Hốt-tất-Liệt (Koubilaï) đi chinh phục tất cả vùng Trung-Quốc của nhà Tống, đe dọa lãnh thổ Việt-Nam (1). Năm 1251, đáp lại thư của Mông-Kha sẵn sàng bắt tay với nhà vua để đánh quân Sarasinô, vua Louis sai hai Cha Dòng Thánh Phanxicô, Guillaume de Ruysbrœck (2) và Barthélémy de Cremone.

Tất cả các Cha Dòng Thánh Phanxicô và Đa - Minh đi sứ giả cùng đều mang sứ mệnh truyền giáo. Tìm cách để lôi cuốn vua Mông-Cổ và triều thần nhà vua trở lại đạo, các Ngài đã gặp những vướng trở gây ra do các giáo dân thuộc giáo phái Nestorianô bị bắt làm tù binh đưa về kinh đô nhà Nguyên. Không những đời sống không xứng danh người có đạo của họ làm cho người Mông-Cổ khinh chê đạo, họ còn dùng mọi mánh lới vu cáo để cản trở công cuộc truyền giáo của Giáo-Hội Công-

(1) Trần trọng Kim, Việt Nam sử lược, trang 126-157.

(2) Bản tường thuật cuộc hành trình của Cha Guillaume de Ruysbrœck gửi về cho vua Louis năm 1255, hiện còn giữ ở British Museum.

giáo. Cũng như sau này chúng ta sẽ thấy những người theo thệ phản giáo đã gây ra biết bao vướng trở và bách hại ở Nhật, Trung - Quốc và nhiều nơi khác. Các Ngài đành phải trở về, sau những cuộc hành trình đầy gian lao nguy hiểm. Tuy không đạt được đích truyền giáo, nhưng ít nhất cũng ngăn lại làn sóng xâm lăng của nhà Nguyên trên những nước Âu-Châu.

Năm 1261, hai thương gia thành Venêtia, Nicolas và Matteo Polo tới Trung-Quốc được vua nhà Nguyên tiếp đãi tử tế. Lúc đó Mông-Kha đã mất, Hốt-tất-Liệt lên thay, hiệu là Nguyên thế Tổ (Che-tsou). Muốn kết tình bang giao với Cha chung của Thế giới Công-giáo, Thế tổ sai một sứ giả theo hai thương gia họ Polo sang Roma yêu cầu phái các thừa sai sang truyền giáo. Giữa đường sứ giả mất. Để đáp lại thịnh tình, Đức Thánh Cha sai hai Cha Dòng Thánh Đa-Minh sang. Nhưng giữa đường cả hai lâm bệnh phải trở về, chỉ có hai thương gia họ Polo là tới nơi, lần này thêm cả Marco Polo, con của Nicolas (1).

Không ngã lòng, năm 1288, Đức Thánh Cha Nicolas IV sai Cha Jean de Montcorvin, dòng thánh Phanxicô với chức Khâm sai đại diện tại triều Thế tổ, mang theo cả ủy nhiệm thư gửi vua Ấn Độ, vua Ba Tư và cả cho thượng chủ giáo phái Nestorianô. Người cộng tác của cha là cha Nicolas de Pistoia. Qua Ấn Độ 13 tháng trời, rửa tội được gần 100 người, cha Nicolas ngã bệnh qua đời, chỉ có một mình cha Jean de Montcorvin là tới nơi (2). Kinh đô nhà Nguyên lúc đó ở Cambalik (Bắc Kinh). Cha được Nguyên Thế Tổ tiếp đãi long trọng. Nhưng trong 5 năm đầu, cha bị những người thuộc giáo phái Nestorianô dùng mánh lới vu cáo làm cản trở. Nhưng chân lý đã thắng, chiến thuật vu cáo bị phơi ra ánh sáng, một số bị kết án phát lưu. Công cuộc truyền giáo từ đó kết quả mau chóng : Cha xây cất hai thánh đường, mở một trường cho trẻ em hơn 150 học sinh công giáo. Số giáo dân lên tới sáu ngàn và nếu có nhân viên cộng tác có thể tới 3 vạn, trong đó có hoàng thân Georges, vua Karakorum, kinh

(1) Marco Polo để lại một cuốn tường thuật bằng tiếng Ý. Xem Le Livre de Marco Polo, éd, Panthier 1865 ; The Book of Sir Marco Polo, ed. Yule Cordier 1903-1920.

(2) Joly (Léon), Christianisme et Extrême-Orient, trang 14-21.

đô của nhà Nguyên. Cha viết thư về Roma yêu cầu phái thêm nhân viên cộng tác.

Được thư cha ngày 8-1-1305, Đức Thánh Cha Clementê V đáp lại một cách rộng rãi. Năm 1307, Ngài lập địa phận tổng hạt ở Cambalik và đặt cha Jean de Montcorvin làm tổng Giám Mục đứng đầu các khu truyền giáo ở Đông-Á. Bảy Cha dòng thánh Phanxicô được sắc phong Giám Mục, để qua Trung Quốc cộng tác với Đức Cha Jean de Montcorvin và sắc phong Giám Mục cho Ngài. Nhưng 3 vị bị chết dọc đường, một vị phải trở lại Ý, chỉ có Đức Cha Gerardo, Pérégrino và Andrea di Perusia là tới nơi (1308). Năm 1312, Đức Thánh Cha lại sai thêm 3 Đức Cha Tomasô, Hierônimô và Pietro di Firenza sang thay thế những vị đã chết dọc đường.

Công cuộc truyền giáo mỗi ngày thêm kết quả, nhiều nhà thờ các họ được cất lên. Theo cha Odorico de Perdenone, sống 3 năm bên Đức Cha Jean de Montcorvin và đã rửa tội được gần hai vạn người, thì nhiều tu viện thánh Phanxicô được xây cất trong khắp Trung Quốc. Tính đến năm 1333, lúc Đức Cha Jean de Montcorvin qua đời, số giáo dân lên tới 10 vạn, nguyên mình ngài đã rửa tội được 3 vạn (1).

Đồng thời hoạt động truyền giáo của các Cha dòng thánh Đa Minh ở Ba tư, Tiệp khắc và Ấn-độ cũng được nhiều kết quả.

Nhưng từ năm 1368 khi nhà Nguyên bị đổ, nhà Minh lên cầm quyền. Nhà vua ra lệnh triệt hạ các nhà thờ, cấm đạo. Công cuộc truyền giáo đang lên bị xụp đổ tai hại (2). Các thừa sai dòng thánh Phanxicô cố đương đầu được ít lâu. Nhưng năm 1410, việc trông coi địa phận tổng hạt Cambalik giao lại cho tổng giám mục Sultanyck của các cha dòng thánh Đa-Minh. Cuộc chinh phục của Tamerlan trong các vùng Caspienne và Ấn độ, đưa Islam lên đài chiến thắng

(1) Mgr. Favie, Pékin.

(2) Joly (Léon), Christianisme et Extrême-Orient, trg. 107-112,

thì tòa tổng giám mục đó từ sau giữa thế kỷ XV cũng bị tan vỡ (1).

Phải chờ sang đầu thế kỷ thứ XVI, với những cuộc khám phá và chinh phục «thế giới mới» của hai nước Bồ và Tây Ban Nha, sự xuất hiện Dòng Tên trên trường hoạt động truyền giáo với thánh Phanxicô Xavie, công cuộc truyền giáo vùng Đông Á mới được tiếp tục.

2.— Giáo-Hội Việt-Nam trước thế kỷ XVI.

Nói đến công cuộc truyền giáo của các thừa sai ngoại quốc ở Việt Nam trong thời kỳ đầu, lịch sử Việt Nam chỉ để lại một tài liệu trong cuốn Khâm Định Việt Sử (2): «Năm Nguyên Hòa nguyên niên đời vua Lê Trang Tôn nhà Lê (1532-1533) có một người Tây phương (dương nhân) tên là I-nê-khu, đi đường bể lén vào giảng đạo Gia Tô ở làng Ninh Cường, Quần Anh thuộc huyện Nam Chân (tức Nam Trực) và ở làng Trà Lũ, thuộc huyện Giao Thủy (về miền Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình ngày nay)».

Sự thiếu sót trong tài liệu Việt sử không làm chúng ta bỡ ngỡ, vì các nhà làm sử của nước ta phần nhiều là ở Quốc sử quán của nhà vua, trong việc ghi chép chỉ chú trọng những công việc của triều đại, còn những vấn đề khác, nhất là những việc vua quan không tán thành thì rất ít ghi lại.

Nhưng đứng về phương diện khác thì nó lại là một tài liệu cổ kính hơn cả về giai đoạn truyền giáo đầu thế kỷ XVI. Chúng ta biết rằng từ đầu thế kỷ XVI, tầu buôn người Bồ đã bắt đầu đi lại buôn bán với người Việt và cũng đã có thừa sai Tây phương theo tầu buôn của họ vào truyền

---

(1) Goyau (G), Missions et Missionnaires trg. 39.

(2) Khâm Định Việt-Sử thông giám cương mục XXXIII, 6 B. — Xem Trần-trọng-Kim Việt-Nam sử lược.

Lê-thành-Khôi. Le Việt-Nam, Histoire et Civilisation, I Le Milieu et l'Histoire. Les éditions de Minuit trg 288. Năm Nguyên-Hòa chính là năm Lê-trang-Tôn được Nguyễn-Kim tôn lên làm vua ở Ai-Lao và Mạc-đăng-Doanh, con Mạc-đăng-Dung đang cầm quyền ở xứ Bắc.

giáo cho dân chúng Việt-Nam. Nhưng hầu hết tài liệu các Ngài để lại đều thuộc về nửa sau thế kỷ XVI, lúc mà tầu buôn người Bồ đã đi lại buôn bán đều đều và nhiều tổ chức truyền giáo đã được thành lập trong vùng Đông-Á.

Sang đầu thế kỷ XVII, với các thừa sai Dòng Tên, từ năm 1615, công cuộc truyền giáo được tổ chức đầy đủ và liên tục, các bản tường trình về khu truyền giáo được ghi ký rõ ràng, và gửi về trung tâm tỉnh dòng ở Áo Môn đều đều. Nhờ đó, chúng ta có được những tài liệu chắc chắn và đầy đủ hơn.

Nhưng trước thế kỷ thứ XVI?

Chúng ta có thể lùi lại về những thế kỷ xa xăm trước để tìm nguồn gốc đạo công giáo ở Việt-Nam không, hay nói cách khác, tin lành đạo công giáo được truyền sang Việt-Nam vào từ thế kỷ nào ?

Một vài tác giả cho rằng ngay từ thời kỳ đầu của Giáo Hội Kytô giáo đã có một số môn đệ của Thánh Tôma Tông đồ xứ Ấn, theo tầu buôn của các nước lân cận đến truyền giáo cho người Việt. (1)

Nước Việt-Nam lúc đó đang trong thời kỳ nội thuộc nước Tàu, chia làm 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Theo Đại Việt sử ký thì một trong những vị quan thái thú ở đó, tên là Sĩ Nhiếp hay Sĩ Vương là người thờ Chúa trời đất, có xây một đền thờ trong dinh của ông ở tỉnh Thanh Hóa (quận Cửu chân), trong đền thờ đó có hình Gia tô thập

(1) Pedro Ordonez de Cevallos trong cuốn : Tratado de las relaciones verdaderas de los Reynos de la China, Cochinchina, y Champa, y otras cosas notables y varios successos sacadas de sus originales (chúng tôi viết tắt : bản tường trình đích thực) laen 1628, và trong cuốn : Historia y Vinge del Mundo (chúng tôi viết tắt : Hành trình truyện ký quanh thế giới) xuất bản lần I tại Madrid, năm 1614 (có thể đọc ở Bibliothèque Mazarine, Paris) và tái bản lần II, Madrid, 1691 (có thể đọc được ở Bibliothèques des Cartes et Plans de la Marine).

Cùng chủ trương đó, sau này có Cha Romanet du Caillaud, trong cuốn Essai sur les origines du Christianisme au Tonkin et dans les autres pays annamites. Paris 1915. (Thử tìm nguồn gốc Kytô giáo ở xứ Đông Kinh và những xứ nước Annam) — Và cha Marcos Gispert trong cuốn : Historia de las Missiones Dominicanas en el Tung-kin (Lịch sử truyền giáo các Cha Dòng Đa Minh ở xứ Đông Kinh) Avila 192 .

tự. Ông chết năm 226, thọ 90 tuổi. 160 năm sau, khi người Lâm Ấp (Chiêm Thành) lên xâm chiếm đất Việt, mở mộ thấy xác vẫn còn nguyên như khi vừa mới chết (1). Con cháu của ông vẫn còn tiếp tục giữ đạo cho đến người cháu năm đời mới thôi.

Chủ trương trên đây dầu sao cũng chỉ trong vòng ức thuyết vì chưa có những bằng chứng sử liệu chắc chắn, đầy đủ và xác thực (2). Người ta biết rằng liên lạc buôn bán giữa Ấn Độ và Trung Hoa, qua đường Giao Chỉ, đã bắt đầu từ thế kỷ I sau Thiên Chúa giáng sinh (3). Rất có thể những môn đồ của thánh Tôma theo những tàu buôn đó vào vùng Giao Chỉ và truyền đạo ở đó. Theo sử Trung Quốc thì năm 166 có một sứ giả nói là do «An Toun» (Marco Aurelio Antonino) sai đến cũng có qua xứ Giao Chỉ, và năm 226, cũng có một lái buôn tên là Ts'in Louen cũng theo đường Giao Chỉ lên Nam Kinh (4). Vào cuối thế kỷ X, quãng năm 980, có một số giáo sĩ người Chaldéo, thuộc giáo phái Nestoriano qua xứ Bắc lên Trung Hoa để thăm các giáo dân cùng giáo phái ở đó, nhưng không còn ai. Xứ Bắc theo tiếng gọi của họ là xứ Loukin, khi qua đó thì vừa lúc nhà vua mới chinh phục xong xứ Seuf (5). Loukin có lẽ là Lư-Kinh, tức Hoa-Lư (Ninh-Bình, Yên-Khánh hay Gia-Viễn ngày nay) kinh đô của vua Lê-đại-Hành (980-1005) và Seuf là đất Chiêm-thành. Sau khi phá được quân nhà Tống, Lê-đại-Hành đem binh đánh lấy được kinh đô và bắt triều cống. Các giáo sĩ không nói đến

(1) Trương vĩnh Ký— Cours d'histoire d'Annam, t I, Saigon 1875, trang 27— Le Grand de la Liraye, Notes historiques sur la nation historique. Saigon, không đề năm xuất bản, có lẽ vào quãng 1869, trang 42, 43, 45. Theo truyện hoang đường thì sau khi chết được ba ngày có thần Đồng Phụng đến mở miệng cho một viên thuốc tiên vào, ông sống lại và còn sống thêm được 4 ngày nữa. Nhờ viên thuốc tiên đó mà xác ông không bị thối.

(2) Bonifacy (Lieutenant-Colonel), Les débuts du christianisme en Annam. Des origines au commencement du 18è siècle. Hanoi 1930 trg, 1.

(3) P. Pelliot, Deux itinéraires de Chine en Inde à la fin du VIIIè siècle. BEFEO, IV và TP XIII, 1912, 457-461 — K.H. Nilakanta Sastri, The Beginnings of intercourse between India and China, Indian Hist. Quart., XIV, 1938, 380-387. — Lê-thành-Khôi, Le Việt-Nam, t I, trg 108

(4) Sử Hậu Hán, chương 88. F.Hirth, China and the Roman Orient, Leipzig-Munich 1885. 173 và 306.—Chavannes, Les pays d'Occident d'après le Heou Han Chou T.P 1907, 185.

(5) Géographie d'Earisi, bản dịch tiếng Pháp trang 84.

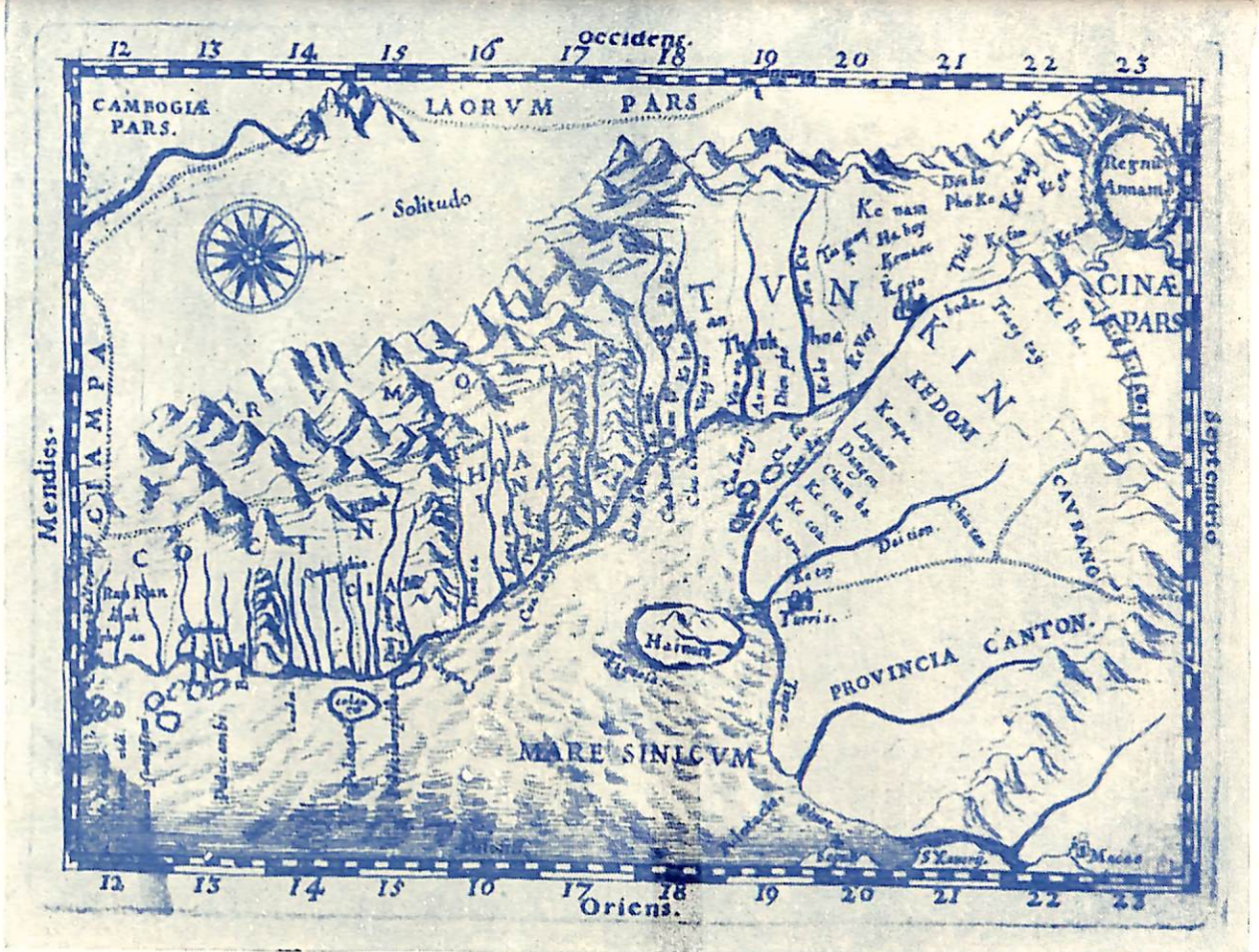

Bản đồ nước Việt, do Cha Đắc-Lộ vẽ
(trang đầu cuốn « Lịch-Sử Truyền Giáo Xứ Đông-Kinh », 1650)

giáo dân ở xứ Bắc và nếu có trong đời Sĩ Nhiếp thì sau vì thiếu người truyền giáo tiếp tục nên dần tiêu diệt đi (1).

Những nhà chủ trương thuyết trên đây còn đem ra sử liệu minh chứng sau đây : đời vua Lê-anh-Tông (1557-1573) trong khi sửa một vài đền đài cổ, người ta gặp thấy trong bức tường một hình thập giá rất cổ. Đem trình nhà vua và biết rằng đó là hình ảnh của người có đạo Gia-Tô thờ, nhà vua truyền phải trọng đãi các dương nhân thuộc giáo phái đó muốn vào nước ta truyền đạo. (2)

Theo nhiều nhà chép sử truyền giáo miền Đông - Á thì vào thế kỷ XIV, cha Odorico de Perdenone trong cuộc vượt biển từ Âu-châu sang Á-châu có đỗ lại ở tỉnh Bình-Định lúc đó còn là đất của người Chiêm-thành, đời vua Chế-A-Nan (1318-1343) (3). Trước Cha, vào thế kỷ XIII, Marco Polo trên con đường từ Vân-Nam xuống Chiêm-Thành cũng qua đất Việt.

II. CÔNG CUỘC TRUYỀN-GIÁO KHU VỰC NHÀ HẬU-LÊ, NAM-TRIỀU.

1.— Những cuộc gặp gỡ với Tây-Phương đầu thế kỷ XVI.

Những cuộc gặp gỡ giữa người Việt và Tây-phương đã có ngay từ thời kỳ đầu kỷ nguyên Thiên Chúa giáng sinh. Miền Bắc Việt được coi là một trong những chặng liên lạc thương mại giữa đế quốc Roma, cũng như của Ấn Độ và những đế quốc vùng Trung Đông với Trung Quốc.

---

(1) Aboul Faradjé, theo Reynaud trong « Lettre sur les Antiquités chrétiennes de la Chine » (Correspondant 10-9-1846) và trong Introduction à la géographie des Orientaux.

(2) Pedro Ordonez de Cevallos, Bản tường trình đích thực trang 16 cột A, B.

(3) Les voyages en Asie au XIVè siècle du Bienheureux Frère Odorico de Perdenone, do Henri Cordier xuất bản, Paris 1891, trang 187.

Nhưng thực ra từ thế kỷ XVI, cuộc gặp gỡ đó mới thực hiện được một cách đều đều và liên tục. Chuyến mạo hiểm theo đường thủy qua vùng Đông-Á của Vasco de Gama vòng qua Hảo vọng giác tới Ấn Độ năm 1498 mở đầu cho cuộc chinh phục đất đai, đặt trụ sở thương mại của người Bồ, người Tây ban Nha và người Hòa Lan sau này trong cả vùng Đông-Á. Để chiếm đoạt nguồn lợi hương liệu từ trước vẫn phải mua qua tay những lái buôn Á Rập, quân đội Bồ dưới quyền chỉ huy của Alphonse Albuquerque đã chiếm Goa (17-2-1510) và Malacca (25-7-1511) đặt những trụ sở thương mại đầu tiên ở Ấn Độ và vùng Đông-Ấn. (1) Ba năm sau, một đoàn tầu của người Bồ đã tới đất Trung Hoa, năm 1521, đến Phi Luật Tân (2).

Năm 1524, Duarte Cœlho được sai làm sứ giả để điều đình một cuộc liên lạc thương mại giữa người Việt và người Bồ (3). Nguyên tháng 9 năm 1516 một đoàn tầu do Fernão Perez d'Andrade chỉ huy, tiến lên vùng Quảng Đông, giữa đường gặp bão giạt vào vùng biển đất Chiêm Thành rồi phải trở về trú ở đảo Poulo Condore. Tầu của Duarte Cœlho cũng đi chuyến đó, gặp bão bị tách khỏi đoàn, giạt vào bờ biển nước Xiêm, đến năm sau 1517, Duarte Cœlho mới gặp đoàn tàu ở Quảng Đông (4). Đã quen biết lãnh thổ Xiêm, hai năm sau, 1519, ông được sai làm sứ giả qua Xiêm để điều đình một cuộc liên lạc thương mại. Để ghi nhớ mối bang giao giữa hai nước, ông đã dựng ở kinh đô Xiêm một cây thánh giá lớn có ghi biểu hiệu nước Bồ (5).

Năm năm sau, 1523, ông được sai làm sứ giả vào nước Việt. Lúc đó vào thời kỳ nhà Lê suy đồi, giặc giã nổi lên khắp nơi trong nước. Nguyên năm 1418, Lê Lợi mở cờ khởi nghĩa ở núi Lam Sơn, sau 10 năm quét sạch giặc Minh, đem lại

(1) H. Chappoulie, Aux origines d'une église. Rome et les Missions d'Indochine au XVIIè siècle, t I, trang 55.—Lê thành Khôi, Le Việt Nam, t I, trang 284.

(2) H. Cordier, L'arrivée des Portugais en Chine, TP, 1911, trang 483.

(3) P. Huard, Les Portugais et l'Indochine, BHEH, 1910, III, 1.

(4) Joao de Baros, Asia, Decada III, phần I, cuốn II, Lisbonna 1787, trang 178-185.

(5) Joao de Baros, id, trang 148-150.

độc lập cho nước nhà, năm 1428 xưng vương, tức vua Lê Thái Tổ, mở đầu cho triều đại nhà Lê. Qua những ông vua thông minh nhân chính như vua Lê-thánh-Tông (1460-1497), vua Lê-hiến-Tôn (1497-1504), từ vua Lê-uy-Mục (1505-1509) trở đi, cơ nghiệp nhà Lê mỗi ngày một suy dần, nhà vua thì say đắm tửu sắc, các quan hà hiếp dân sự, giặc giã trộm cướp nổi lên khắp nơi. Dưới triều Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng (1516 - 1527)bên ngoài giặc Trần Cao, bên trong các quan triều làm loạn, Mạc Đăng Dung nhân cơ hội thu tất cả quyền bính trong tay rồi chiếm ngôi vua, lập ra nhà Mạc.

Năm 1523 khi Duarte Cœlho đến thì vào lúc Mạc Đăng Dung đem quân đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hóa, sau khi vua Chiêu Tông cùng một số nội thần trốn ra ngoài Kinh lên vùng Sơn Tây để lo chuyện đánh nhà Mạc, vì câu chuyện bất bình bị Trịnh Tuy bắt đưa về Thanh Hóa. Trịnh Tuy thua trận chết, vua Chiêu Tông bị bắt và bị giết (1). Gặp lúc trong nước rối loạn, không hi vọng có thể gặp nhà vua để điều đình, Duarte Cœlho đành rút lui và có ghi lại ở vùng biển một hình thánh giá lớn để làm kỷ niệm.

33 năm sau, vào tháng 6 năm 1556, Fernão Mendez Pinto, thầy dòng Tên qua bờ biển nước Việt đã gặp thấy hình thánh giá đó ở cù lao Cham, lúc đó người Mã Lai gọi là Poulo Campeilo (2). Hình thánh giá đó được khắc trên một tảng đá lớn, ngoài bốn chữ INRI (3) còn ghi năm và tên của ông (4).

12 năm trước, tức năm 1544, Fernão Mendez Pinto cũng đã qua xứ Bắc, sau khi trốn thoát khỏi tay quân nhà Minh. Lúc đó, Mạc Đăng Dung sau khi chiếm ngôi vua Lê làm vua

---

(1) Trần trọng Kim, Việt Nam sử lược trang 257.

(2) Peregrinacão de Fernão Mendez Pinto nova edicão conforme a primaria de 1614. Lisbonne 1829, t III, trang 310. — Bartoli, Dell' Istoria della Compagnia di Gesu, l'Asia. phần I, cuốn VIII, Plaisance 1821 trang 40-41.

(3) INRI, chúng ta thường thấy trên các Thánh Giá là 4 chữ đầu câu Jesu Nazareth Rex Iudeorum.

(4) Fernão Mendez Pinto đọc nhầm là 1518 thay vì 1528. Nếu viết bằng chữ số Ả rập, thì có lẽ vì số 2 viết nguệch ngoạc đọc nhầm ra số 1, và số 3 vì thời gian nhoà đi hay vì viết quá khít lại nên đọc nhầm ra số 8. Nếu viết bằng số Roma thì có lẽ vì số X thứ 2 trong số XXIII nhòa mất nửa dưới, đọc ra XVIII,

được 3 năm (1527-1530) truyền ngôi lại cho con là Mạc Đăng Doanh (1530-1540). Mạc Đăng Doanh chết, truyền ngôi lại cho con là Mạc Phúc Hải (1541-1546). Nhà Lê tuy mất ngôi nhưng lòng người vẫn tưởng nhớ công đức vua Lê thái Tổ và Thánh Tông, triều thần nhiều người trốn tránh không chịu ra cộng tác với nhà Mạc. Lúc đó, Nguyễn-hoàng-Kim, con Nguyễn-hoàng-Dụ trốn sang Ai-Lao, trú ở xứ Sầm châu (thuộc Trấn nam phủ, Thanh Hóa) năm 1532 tôn Duy-Ninh, con rốt vua Lê Chiêu Tông lên làm vua, tức vua Lê Trang Tôn. Được nhiều người cộng tác, trong đó có Trịnh Kiểm là một dũng tướng có tài cầm quân, năm 1540, ông cất quân đánh vùng Thanh Hóa Nghệ An. Ba năm sau thì chiếm được cả vùng. Năm 1545, Nguyễn Kim đem quân tiến đánh Sơn Nam, bị bỏ thuốc độc chết, binh quyền giao lại cho con rể là Trịnh Kiểm. Trịnh Kiểm rút quân về Thanh Hóa, lập hành điện cho nhà vua ở đồn Vạn Lại. Từ đó Việt-Nam chia làm hai : từ Thanh Hóa trở vào là Nam triều thuộc nhà Lê, còn từ Sơn Nam trở ra là Bắc Triều thuộc nhà Mạc.

Sau Duarte Cœlho, năm 1535, Antonio de Faria cũng đã vào cửa Hàn, và đã để ý đến cửa Hội An. Từ năm 1540 người Bồ đã bắt đầu đến buôn bán với vùng nam nước Việt. Năm 1546, trong cuốn Lusiades, thi sĩ Camoens đã ca tụng cảnh đẹp thiên nhiên của Mékong xứ Cao Miên, vùng biển xứ Chiêm thành và xứ Cauchichina (1). Nhưng nhất là từ sau năm 1555, người Bồ lập trụ sở thương mại ở Áo môn, liên lạc buôn bán lại càng tiến triển. Ở cửa Hàn và cửa Hội An, Nguyễn Hoàng, từ khi được vào trấn thủ đất Thuận Hóa, (1558) và sau kiêm cả trấn Quảng Nam (1566), muốn thế lực mạnh để đương đầu với họ Trịnh sau này, đã tìm hết cách lôi cuốn người Bồ đem đạn dược khí giới vào bán cho mình. Vua Lê trước thế lực của họ Trịnh mỗi ngày thêm mạnh cũng tìm cách liên lạc với người Bồ và người Tây ban Nha để nhờ thế lực của họ mong trừ được họ Trịnh. Nhà Mạc cũng không chịu thua kém, nhiều

(1) Lusiades X, 127-129

lần cũng cho sứ giả sang Áo môn để yêu cầu người Bồ đến buôn bán ở Đông Kinh.

2.— Công cuộc truyền giáo dưới triều Lê Anh Tông (1556-1573).

Ngoài tài liệu Sử Việt về cha thừa sai I-nê-khu lén lút truyền giáo ở vùng Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình dưới triều Lê Trang Tông (1533 - 1548) trên đây, nhiều tác giả (1) cho rằng thánh Phanxicô Xavie trong cuộc vượt biển qua Thái bình Dương lên đất Nhật đã ghé qua cửa Bạng vùng biển Thanh Hóa để tránh bão (2), nơi mà sau này cha Đắc Lộ sẽ bước chân đến để vào xứ Bắc.

Ngày nay ở vùng Cửa Bạng có một thứ cua trên mu có hình chữ thập trắng. Theo truyện truyền khẩu dân chúng vùng đó thì thánh Phanxicô khi qua đó đánh rơi cỗ tràng hạt vẫn quen dùng. Đang khi Ngài nhớ tiếc cỗ tràng hạt kỷ niệm, nhìn bên mạn thuyền chỗ vừa đánh rơi thì thấy một con cua lớn đội lên trả lại cho Ngài. Để cám ơn, Ngài làm phép lành cho con cua đó và dấu Thánh Giá đã ghi lại trên mu. Dân chúng vùng duyên hải Cửa Bạng, Thanh Hóa vẫn gọi thứ cua đó là cua thánh Phanxicô.

Dưới triều vua Lê Anh Tông (1556-1573), từ khi lập trụ sở thương mại ở Áo môn, liên lạc buôn bán người Bồ với Việt Nam mỗi ngày một tiến triển. Một năm, có tầu buôn người Bồ ở Áo môn gặp bão giạt vào vùng biển Thanh Hóa. Bị quan sở tại dẫn giải về Kinh, họ có dâng lên nhà vua một bức thư của một cha dòng thánh Phanxicô, viết bằng chữ Hán, xin phép đến giảng đạo trong vùng, kèm theo bức họa cuộc phán xét chung để làm quà tặng.

---

(1) Marcos Gispert trong cuốn Historias de las missiones Dominicas en Tunkin.

(2) Trong Monumenta Kaveriana (t. I trang 89 và 573) có kể một lần gặp bão đang khi qua bờ biển « xứ Cochinchina » và một lần khác « cách Malacca độ 100 dặm, chúng tôi lên đất thuộc một hòn đảo để kiếm củi ». Theo Lettere di San Francesco Saverio Ascoli, 1828, t II, P. Bonhours trang 6, 10, thì trận bão chuyển qua bờ biển xứ Bắc xảy ra vào ngày 22-7 1549. Lúc đó là dưới triều Lê Trung Tôn (1548-1556).

Cha dòng thánh Phanxicô đó là ai ? Dưới thời Lê Anh Tông, các cha dòng thánh Phanxicô chưa lập tu viện ở Áo môn, cũng chưa có trụ sở ở Phi Luật Tân. Nhưng theo lịch sử của dòng thì lúc đó các ngài đã có một cư sở truyền giáo ở quần đảo La Sonde (1). Cha dòng thánh Phanxicô gửi thư cho vua Lê-Anh-Tông chắc phải là một trong những thừa sai đó.

Mấy năm trước, trong khi sửa lại mấy ngôi đền cổ, gặp một hình thánh giá cũ từ lâu đời, người ta đã đem trình nhà vua và nhà vua truyền trọng đãi các dương nhân muốn vào nước truyền đạo (2). Được thư của Cha dòng thánh Phanxicô, nhà vua mừng lắm, liền viết thư yêu cầu đến truyền đạo.

Vì thiếu thừa sai, Cha dòng phải viết thư xin lỗi và khất ít năm sau. Nhà vua liền viết thư yêu cầu Đức Cha Caneiro ở Áo môn (3) sai thừa sai khác đến thay. Không có sẵn thừa sai, Đức Cha Caneiro đành bỏ lỡ dịp thuận tiện đó.

Trong thư, nhà vua có kể một câu chuyện thập giá mới xảy ra ở kinh đô để chứng tỏ dân chúng sẵn sàng theo đạo. Dạo đó ở kinh đô có một quan có đạo, được rửa tội trong khi đi sứ đến một khu buôn bán của người Bồ. Trở về ông thờ một cây thập giá cắm ở trước cửa nhà. Mỗi lần đi qua, ông đứng lại vái ba vái. Nhiều người thấy thế chế diễu. Một vài người bị nhà sư xui giục còn cả gan chặt đổ cây giá đó và định đem đốt đi. Nhưng họ bị phạt chết. Câu chuyện được truyền đi khắp nơi, dân chúng đua nhau dựng thập giá ở trước nhà và lòng sùng kính lên rất cao. Nhà vua cũng truyền đem thánh giá bị chặt đó để

(1) Historia Serafica cronologica da Orden de S. Francisco na provincia de Portugal Tomo III. Composta por Fr. Fernando da Soledade... Lisbonna 1705 trang 592 – và cuốn Vergel de plantas e flores da Provincia da Madre de Deos dos Capuchos Reformados, composto pelo P. M, F. Iacinto de Deos, Lisbonna 1690, trang 119-121

(2) Xem trên,

(3) Hai Đức Cha Andrès Oviedo và Melchior Caneiro được chỉ định sang sứ Abyssinia làm Giám mục phó ĐứcTổng giám mục João Nunez. Nhưng vì lý do chính trị giáo đoàn bị tàn phá, hai Đức Cha được lệnh sang Áo môn. Đức Cha Andrès Oviedo qua đời ở Biển Đỏ, chỉ có một mình Đức Cha Melchior Caneiro, thụ phong ở Goa với tước hiệu thành Nicea, là tới Áo môn.

gần thánh giá mới khám phá trong ngôi đền cổ (1).

Câu chuyện trên đây tưởng không phải không có liên lạc với người công giáo họ Đỗ, một trong những giáo dân Việt-Nam tiên khởi (2). Trong cuốn gia phả họ Đỗ, làng Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, thì con thứ cụ Đỗ Trung Kỉnh (3) tên là Đỗ Hưng Viễn, em cụ Đỗ Viên Đức và là anh cụ Đỗ Công Biểu, là người theo đạo Hoa Lang (4).

Bản gia phả chép: Ngành thứ hai, đời thứ bảy, ông tổ là Đỗ Công Biểu, đậu cống sinh khoa thi hương, Kỷ dậu, năm Chính Tự thứ 7. Đến năm Chính Tự thứ 15 được đặc tấn Kim tử Vinh Lộc đại phu, chức Lại bộ Thuyên khảo Thanh lai ti viên ngoại lang. Cụ tên thụy là Mỹ trinh Hiền, hiệu là Túc lâm tiên sinh. Cụ là người con thứ ba. Thân mẫu họ Dương hiệu Từ Ái, sinh hạ được 3 con. Mộ chôn tại xứ Cồn Cổ Ngựa, kỵ ngày mồng 7 tháng 10. Người thiếp, mộ chôn tại xứ Cồn Xương, kỵ ngày 16 tháng 4. Con giai cả là Viên Đức, con giai thứ là Hưng Viễn, theo đạo Hoa Lang (5).

Cụ Đỗ Hưng Viễn đã được theo đạo và rửa tội trong trường hợp nào? Chắc không phải do thừa sai đến truyền giáo trong vùng Thanh Hóa Nghệ An của nhà Lê. Theo sử liệu hiện có, dưới đời vua Lê Anh Tông (1556-1573), tuy nhiều lần

---

(1) Ordonez Cevallos. op. cit. trang 22—B.

(2) Xem C. Poncet. Un des premiers annamites sinon le premier converti au catholicisme B.A.V.H. tháng 1-3-1941.—Trong cuốn Lịch sử Thiên Chúa Giáo ở Việt-Nam, Hồng Lam, trg 105-110 và chú thích A của Cha L. Cadière trang 125-138.

(3) Thes Cha L. Cadière

(4) Hoa Lang là tên gọi những lái buôn Bồ, Tây ban Nha đến buôn bán ở xứ ta. Nhiều người cho nguồn gốc tên đó do một thứ vải có hình hoa khoai lang, lái buôn Bồ đem vào bán ở xứ ta. Hiểu nhầm đạo công giáo là đạo của người Bồ, Tây ban Nha, dân chúng gọi là đạo người Hoa Lang hay Hoa Lang đạo.

(5) Bản gia phả nguyên văn bằng chữ Hán : « Thứ chi hựu thất đại tổ. Chính tự thất niên, Kỷ dậu, khoa Hương thi cống sinh. Chính tự thập ngũ niên khâm sắc thụ Kiệt Tiết tuyên lực công thần, đặc tấn Kim tử Vinh lộc đại phu, lại bộ thuyên khảo thanh lại ti viên ngoại lang. Lương-Khê Nam Đỗ-tướng-công ao. Thụy Mỹ trinh Hiền. Hiệu Trúc lâm tiên sinh. Đức đệ tam tử. Tỷ Dương thị hiệu Từ Ái sinh đắc tam tử. Mộ tại Cồn Cổ Ngựa xứ. Thập nguyệt thất nhật kỵ, Thiếp mộ tại Cồn xương xứ. Tứ nguyệt nhị thập lục nhật kỵ. Nhất nam Viên Đức. Nhị nam Hưng Viễn tùng Hoa Lang đạo. » Cụ Đỗ công Biểu cống sinh năm Chính tự thứ 7, tức năm 1564 đời vua Lê Anh Tông và được phong tước năm Chính Tự thứ 15, tức năm 1571-1572.

nhà vua cho sứ giả lên Áo môn yêu cầu thừa sai, nhưng đều không kết quả. Chắc cụ đã trở lại trong một chuyến đi sứ đến vùng buôn bán của người Bồ. Bản gia phả chỉ nói cụ là người theo đạo công giáo, không nói đến gia đình, con cháu. Có lẽ vì cụ trở lại trong trường hợp đặc biệt đó, tuy biết đạo và có truyền đạo cho vợ con, nhưng không biết rửa tội cho họ. Cụ là một trong những người công giáo tiên khởi ở Việt Nam.

Về cuối đời vua Lê Anh Tông, năm 1570, Trịnh Kiểm chết giao quyền cho con là Trịnh Cối, nhưng bị Trịnh Tùng là em cướp mất quyền. Trịnh Tùng từ khi nắm quyền trong tay, mỗi ngày một hống hách, vua Lê Anh Tông muốn trừ đi. Bên trong nhà vua mưu toan với một số cận thần, bên ngoài bắt liên lạc với người Bồ để mua súng đạn. Không may công việc bị vỡ lở. Lo sợ, vua Lê Anh Tông cùng với 4 hoàng tử chạy trốn vào Nghệ An. Trịnh Tùng biết tin, liền lập hoàng tử thứ 5 tức Duy Đàm mới có 7 tuổi (1) lên làm vua tức vua Lê thế Tông, và cho người đuổi theo giết vua Lê Anh Tông và các hoàng tử.

3.— Ordonez de Cevallos và công chúa Mai Hoa.

Vua Lê thế Tông (1573-1599) lúc lên ngôi vì còn ít tuổi, nên người chị tục gọi là bà chúa Chèm thay em nhiếp chính (2).

---

(1) Theo Ordonez de Cevallos, thì mới có 4 tuổi, op. cit. trg 23-A.

(2) Theo Ordonez de Cevallos trong cuốn Tratado de las relaciones trang 20-B và trong cuốn Historia y Viage del Mundo trang 143-156, thì Hoàng thái Hậu mẹ vua Lê thế Tông, gốc người Chiêm thành, vua Lê thánh Tông đã chia đất họ làm ba quận, cho dân di cư xuống trú ngụ làm ăn. Năm 1499 để bảo vệ cho nòi giống được tinh tuyền, vua Lê hiến Tông cấm không cho người Việt Nam được kết hôn với người Chiêm thành. Nhưng sau không ai chịu giữ. Theo de Cevallos thì chính vua Lê Anh Tông đã cưới một Công Chúa người Chiêm-Thành. Để có thể rảnh tay chống với nhà Mạc ở phía Bắc, vua Lê cần phải bắt tay hòa hảo với người Chiêm thành mạn Nam. Bà sinh Công Chúa Chèm vào lúc người anh, vua nước Chiêm chết không có con nối nghiệp, nên Công Chúa được hưởng tước đó, vì thế người ta vẫn gọi bà là bà chúa Chèm. Người ta cũng gọi là bà chúa Chè để ghi nhớ công ơn bà đã khai thác và mở mang việc trồng chè ở vùng Thanh hóa. Còn tên Mai Hoa thì Hoa có lẽ là tên của bà, còn Mai là lối phiên âm tên thánh Maria của bà cho đẹp với với chữ Hoa. Ordonez de Cevallos gọi bà là Flora.

Trong thời kỳ bà cầm quyền, bà chăm lo đến công việc từ thiện và tôn giáo : lập nhà tế bần, sửa sang luật lệ các nhà sư cho nghiêm ngặt hơn. Bà rất có cảm tình với đạo công giáo và cũng như vua Lê Anh Tông bà muốn bắt liên lạc với người Bồ nhờ họ tiếp viện giúp đỡ để trừ họ Trịnh. Thấy việc yêu cầu thừa sai ở Áo môn không được, bà sai sứ sang tận Goa, nhưng Đức Giám Mục ở đó lại gửi về Áo môn vì nước Việt thuộc khu vực truyền giáo của Giám Mục Áo môn. Chuyến thứ nhất bà sai sang Áo môn bị người Trung Hoa bắt giữ. Chuyến thứ hai (1579-1580) sứ giả là một người trong hoàng tộc. Sứ giả gặp Đức Cha Carneiro, và người ủy thác công việc đó cho các cha dòng thánh Phanxicô mới lập tu viện ở đó. Nhưng vì thiếu thừa sai, vấn đề lại phải gác lại. Sau này (1583) trung tâm tu viện ở Phi luật Tân có nhiều nhân viên, đã sai một đoàn thừa sai do cha Diego Oropesa dẫn đầu. Nhưng đoàn truyền giáo này đã đến hoạt động ở khu vực nhà Mạc, Bắc Triều, thay vì đến khu vực của nhà Lê, Nam triều.

Sau khi thành lập tu viện thánh Phanxicô ở Manila, Phi luật tân, 1578, cha Pedro de Alfaro qua Trung quốc để truyền giáo, nhưng bị bắt giữ lại ở Quảng Đông, cha phải qua Áo môn (15-11-1579) và lập một tu viện ở đó. Sau ít tháng thì sứ giả Việt Nam đến yêu cầu Đức Cha Carneiro cho thừa sai đến truyền giáo. Đức Cha Carneiro muốn giao khu vực nước Việt cho các cha dòng thánh Phanxicô. Nhưng lúc đó ở tu viện mới chỉ có 3 cha và 2 thầy. Cha Pedro de Alfaro viết thư về tu viện Manille để yêu cầu : « Đó là kho tàng châu báu mà chúng ta đã tìm kiếm từ lâu. Một khu đất mà Chúa đã chọn sẵn một mùa gặt phong phú. Dân chúng ở đó dễ đưa trở lại hơn người Trung Hoa vì ma quỉ không gây nhiều cản trở như ở đó ». Và theo cha, hơn nữa « xứ đó gần Trung Quốc, rất có thể tránh được nhiều khó khăn cho các thừa sai muốn vào truyền giáo cho vùng nội địa ».

Nhưng nếu cha Pedro de Alfaro không đạt được mong muốn đó thì Chúa cũng đã cho cha được hận hạnh để lại nắm tro tàn trên đất Chiêm Thành, đất ngày mai của nước Việt. Dạo đó người Bồ và người Tây ban Nha có nhiều chuyện đố kỵ nhau làm lây hại đến cả công cuộc truyền giáo. Tháng 6 năm

1580 cha Pedro de Alfaro, người Tây ban Nha, bị người Bồ ở Áo môn trục xuất. Cha xuống tàu qua Goa để khiếu nại, giữa đường gặp bão, đắm tàu chết, xác giạt vào bờ biển Chiêm Thành. Dân chúng an táng cha một cách trọng thể theo nghi thức hỏa táng (1).

Cha Giovanni Battista da Pesaro thay cha Pedro de Alfaro chỉ huy tu viện mới. Cha lập một trường các thầy giảng. Thiếu thừa sai, cha tìm huấn luyện cho những người dân xứ để họ trở về làm chiến sĩ tiên phong trong khu vực của họ trong khi chờ đợi các thừa sai đến. Trong số các chiến sĩ đó cũng có một vài người Việt (2).

Trong suốt những năm 1580-1583, đang khi khu vực nhà Mạc được các cha dòng thánh Phanxicô đến truyền giáo thì ở khu vực nhà Lê vẫn chưa có thừa sai mong đợi, nhưng công cuộc truyền giáo đã được bắt đầu do mấy thầy giảng đã được huấn luyện ở Áo môn. Theo Gonzalez de Mendoza, Ordonez de Cevallos và chính cha Giovanni Battista da Pesaro, thì Chúa đã ban nhiều ơn lạ qua tay các thầy (3).

Một thầy sau khi được học đạo ở Áo môn trở về (4) đã đến thăm một hoàng thân bị bất toại. Thầy kể tích Chúa chữa người bất toại trong Phúc âm thư và giơ mẫu ảnh Chúa lên trời thầy đeo trước ngực cho hoàng thân chiêm ngưỡng. Đầy lòng tin tưởng, hoàng thân đã kêu tên Chúa Giêsu xin Người chữa khỏi bệnh và hứa sẽ chịu phép rửa. Trong chốc lát, hoàng thân được lành mạnh. Một thầy khác, với mẫu ảnh Đức Mẹ thầy được cha Giovanni Battista de Pesaro ban cho ngày

---

(1) Fr. Augustin de Tordesillas. Relacion del Viage que hicimos en China nuestro hermano Fr. Pedro de Alfaro con otros, trong tờ La Palestina, Roma, Tháng 1-8/1890 trang 497.

(2) Gonzalez de Mendoza, Histoire du grand et renommé royaume de la Chine (nguyên văn bằng tiếng Tây ban Nha), Genève 1606, cuốn VI, chương 20, trang 362.

Ordonez de Cevallos. Tratado de las relaciones trang 31—B và 32A

(3) Id. op. cit. và Cha Giovanni Battista da Pesaro trong thủ bản Viaggio dell'Indie Fo 247, giữ tại thư viện hoàng cung Ajuda ở Lisbonna

(4) Theo Ordonez de Cevallos thì thầy được học đạo ở Phi Luật Tân, op. cit. trg 31—B.

chịu phép rửa, cũng đã xin được ơn khỏi bệnh cho nhiều người (1).

Vào đầu năm 1583, bà chúa Chèm lại sai sứ giả sang Áo môn. Đức Cha Carneiro không có thừa sai, chỉ biếu một số ảnh và thánh giá. Sứ giả trở về đã làm nhiều thánh giá tương tự để cho dân chúng.

Cha Martin Ignaciô de Loyola (2) lúc đó cũng có mặt ở Áo môn. Ít tháng sau được gọi về làm tu viện trưởng dòng thánh Phanxicô ở Malacca. Trong chuyến vượt biển, cha có ghé qua khu vực của vua Lê. « Đó là những người dân rất nhã nhặn tốt lành, đã được dọn sẵn để lĩnh nhận Tin lành Phúc âm và họ khao khát, yêu cầu được chịu phép rửa ».

Cuối năm 1583 sau khi tổ chức tu viện ở Malacca, cha lên đường về Tây phương để yêu cầu Đức Thánh Cha Grêgoriô XIII và vua Philippô II phái thừa sai sang truyền giáo cho nước Việt. Năm 1586 cha trở lại Áo môn, đem theo một số thừa sai, hy vọng trong một thời gian vắn, tin lành sẽ được truyền bá trong khắp nước Việt và sẽ là cửa để các thừa sai vào nội địa Trung Hoa. Nhưng đến Áo môn thì theo lệnh của Philippô II, tu viện thánh Phanxicô người Tây ban Nha ở Áo môn phải trao lại cho các cha dòng thánh Phanxicô người Bồ để chấm dứt những đố kỵ gây ra do những lái buôn Bồ ở đó, đồng thời ở nước Việt Nam cũng như cả vùng bán đảo Ấn Độ China, thừa sai Tây ban Nha phải rút lui nhường hoạt động cho các thừa sai người Bồ. Cha Martin Ignaciô đành bỏ dở công việc qua Mễ tây cơ rồi trở về Tây ban Nha, 15 năm sau được gọi làm Giám Mục ở Paraguay và chết năm 1612.

Năm 1588-1589, bà chúa Chèm lại sai sứ giả sang Áo môn yêu cầu thừa sai. Lúc đó, Đức Cha Carneiro đang sẵn có hai

(1) Theo Cha Giovanni Battista da Pesaro, thì thầy, tên là Antoniô, thày dòng thánh Phanxicô thứ nhất ở Việt-Nàm, và cũng là thừa sai thứ nhất của dòng ở nước Việt-

(2) Theo thủ bản Viaggio dell'Indie trang 257—A thì cha là cháu thánh Ignacio de Loyola, ông tổ dòng tên. Trong thời kỳ ở Tây ban Nha, được Cha Giovanni Battista de Pesaro dẫn dụ vào dòng thánh Phanxicô và sau được sai sang truyền giáo vùng Đông Á.

Linh Mục triều tuy đã già cả nhưng rất sẵn sàng hy sinh truyền giáo: Cha Alfonsô da Costa đã 50 tuổi và João Gonsalvez de Sã đã 60. Hai cha theo sứ giả vào đất Thanh Hóa, được bà chúa Chèm tiếp đãi rất trọng thể.

Hoạt động truyền giáo của các cha lúc đầu đã có nhiều hy vọng. Trong một cuộc tiến quân đánh nhà Mạc, các cha khuyên mang thánh giá ra trận và vẽ hình thập giá trên cờ. Thắng trận, theo ý các cha, bà cho tổ chức một cuộc rước kiệu trọng thể để kính thánh giá Chúa (1). Nhưng từ cuối năm 1589, từ khi vua Lê thế Tông đã trưởng thành, lên cầm quyền, bị ảnh hưởng của Trịnh Tùng, các cha không còn được trọng đãi như trước.

Vào cuối năm 1590 thì chuyến tầu của cha Pedro Ordonez de Cevallos (2) gặp bão, giạt vào bờ biển xứ Bắc. Cha và các bạn được đưa về kinh đô vua Lê ở An trường. Câu chuyện cha Pedro Ordonez de Cevallos và công chúa Mai Hoa được bắt đầu (3).

Sinh tại Jaen, Andalousie, Tây ban Nha, từ bé Pedro Ordonez đã ưa mạo hiểm. Lớn lên, cha qua nhiều nước Tây phương rồi sang đất thánh và những vùng Phi châu, như

---

(1) Ordonez de Cevallos, Tratado de las relaciones trang 38 B.

(2) Tên Ordonez de Cevallos, có chỗ cũng viết là Hordunez de Zevallos hay Zaballos.

(3) Theo cuốn Historia y viage del mundo của Ordonez de Cevallos xuất bản tại Madrid năm 1615.

Theo nhiều tác giả như Christophe Borri trong cuốn Relation de la nouvelle mission, và Bonifacy trong cuốn Les débuts du christianisme en Annam, thì cuốn sách của Ordonez de Cevallos chỉ là một thiên tiểu thuyết toàn chuyện bịa đặt dựa trên một ít tài liệu của những thừa sai ở Vùng Đông Á. Nhưng nếu đặt trong hoàn cảnh đầu thế kỷ XVII, khi cuốn sách được xuất bản, tài liệu của các thừa sai về xã hội Việt Nam có thể coi là chưa có gì, mô tả được rõ ràng với những chi tiết đầy đủ về khu vực, phong tục, những sự kiện xảy ra về chính trị với năm tháng được ghi ký đúng với sử sách Việt Nam, chúng ta phải công nhận là tác giả ít nhất cũng đã phải qua đất Việt Nam, dưới triều Hậu Lê.

Xem Romanet du Caillaud, Essai sur les origines du christianisme au Tonkin Paris 1915 — Poncet, La Princesse Marie d'Ordonez de Cevallos, trong B.A.V.H, (1941) trang 351-358. — Hồng Lam, Lịch sử đạo Thiên Chúa, trang 111-116, và chú thích B của Cha Cadière 139-152.

Guinea,Congo vòng sang Tân thế giới. Nhập ngũ,cha được thăng tới chức trung úy. Trong chuyến đưa xác Đức Giám Mục thành Chili về Tây ban Nha,qua Cuba,tầu bị đắm. Thoát nạn, cha qua Mễ tây cơ để lấy tầu trở lại Nouvelle Grenade, giữa đường gặp bão giạt sang tận khu Oceania; sau nhiều gian chuân, cha qua thăm Trung Hoa, Áo môn (1-5-1590) rồi Nhật Bản. Lúc bỏ Nhật để trở về Quảng Đông, giữa đường gặp bão, thuyền trôi xuống vùng bờ biển xứ Bắc. Có lẽ là vùng Cửa Bạng ngày nay.

Bị bắt giải đến quan sở tại, Pedro Ordonez không chịu lạy 3 lạy, như các bạn đồng hành, mà chỉ mở mũ chào. Dẫn lên quan trên, Pedro Ordonez nhất định giữ thái độ hiên ngang đó, ông này thấy thế cho là một vị hoàng tử nên truyền dẫn về Kinh. Kinh đô vua Lê lúc đó ở An trường, chiếm một khu đất gồm những làng An trường, Lam Sơn, Quảng trị, Văn lai và Phúc lập, bên tả ngạn sông Chu, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày vọng lễ Sinh Nhật, 24-12-1590, cha được vua Lê thế Tông cho vào yết kiến. Gặp vua, cha chỉ bái gối trái để chào. Nhà vua thấy thế, không giận, lại niềm nở tiếp đón, ân cần hỏi han .Theo cha, nhà vua còn trẻ, không có râu, mảnh khảnh, nước da hơi sạm, khôi ngô duyên dáng, cười má lõm đồng tiền, ngài mặc áo không có cổ, tay áo rộng và cộc, cuốn khăn vành đỏ có hai tua rủ xuống.

Hôm sau, lễ Sinh Nhật, nhà vua sai dọn tiệc, ban quà cho cha và các bạn đồng hành. Nhân dịp cha nói về Chúa Giêsu, Đấng Cứu Thế và Đức Bà Maria, Mẹ của Người. Nhà vua giới thiệu cho cha gặp bà chúa Chèm, vì bà thích được nghe vấn đề tôn giáo.

Ngay từ lúc đầu, với cách xử sự lịch thiệp, hiên ngang, cha Ordonez de Cevallos đã được bà cảm mến. Nhân câu chuyện hỏi thăm về quê quán gia thế của cha, bà hỏi cha đã kết bạn chưa. Cha trả nhời, vì là linh mục, nên theo luật không hề kết bạn. Bà buồn rầu nói :« Thật là một luật ác nghiệt ». Chiều chiều cha tiếp tục đến thuyết giáo về đạo cho bà nghe. Ít lâu sau bà tỏ ý muốn kết duyên với Cha và nhà vua cũng đề nghị

với Cha vấn đề đó. Nhưng lần nào cũng như lần nào, cha đều tìm cách từ chối (1).

Được gặp hai Cha Alfonso da Costa và João Gonsalves de Sã, cha Ordonez đem câu chuyện ra bàn hỏi. Với mong muốn có ảnh hưởng lớn trong công cuộc truyền giáo, cha João Gonsalves đã khuyên cha nên xin miễn chuẩn của Tòa thánh, còn các bạn đồng hành thì khuyên cha nên chiều ý bà để bảo vệ tính mệnh của Cha cũng như của họ, vì theo luật nước, những người cả dám từ chối ân huệ nhà vua rất có thể bị kết án đi đầy.

Trịnh Tùng (2) thấy Cha được nhà vua trọng đãi và hình như cũng đoán ra thâm ý của vua Lê thế Tông, nên tìm cách trừ đi. Từ sau năm 1583, tuy Trịnh Tùng trong việc chống nhau với nhà Mạc, đã đổi được thế thủ ra thế công, nhưng chưa lần nào cử đại binh ra đánh Thăng Long. Đầu năm Tân Mão (1591) sau khi cho quân trấn thủ các cửa biển và các nơi hiểm yếu, liền cho lệnh tiến quân. Để dễ thu phục lòng người với danh nghĩa phù Lê, diệt Mạc, Trịnh Tùng cũng đưa nhà vua theo. Hai cha Alfonso da Costa, João Gonsalves de Sã và các bạn đồng hành của cha Ordonez cũng phải đi theo quân đội. Chỉ có mình cha Ordonez ở lại kinh đô.

Bà chúa Chèm từ khi được biết theo luật Giáo Hội công giáo, cha Pedro Ordonez một khi đã hiến dâng, không còn được phép kết bạn, bà đã bảo cha : « Ta đã chẳng cấm các thầy sư không được kết bạn đó sao và nếu Chúa bên đạo cũng bắt như thế sao lại bắt người ta lỗi phạm ». Cảm mến đạo, bà yêu cầu cha tiếp tục thuyết giáo cho bà và các cung nữ nghe. Nghe tin Trịnh Tùng ra lệnh trục xuất cha và các bạn, bà buồn lắm và yêu cầu được chịu phép rửa ngay. Ngày 22 tháng 5, 1591 bà được chịu phép rửa với tên thánh là Maria. Theo gương bà nhiều nàng hầu và cung nữ đã được học đạo cũng xin chịu phép rửa. Tất cả 72 người.

---

(1) Nhiều người cho việc công chúa tỏ ý muốn kết duyên với Cha là một chuyện hoàn toàn bịa đặt. Nhưng không phải một chuyện không có thể xảy ra. Trước hết vì bà chưa biết sự đòi hỏi không kết bạn của luật bên đạo đối với các linh mục. Đằng khác, cha là người có tài năng, kiêm võ nghệ rất có thể là một bàn tay đắc lực trong việc diệt trừ họ Trịnh và chống lại với nhà Mạc, không nói đến việc trung gian liên lạc buôn bán khi giới với người Bồ và Tây ban Nha.

(2) Trong cuốn Historia y Viage del Mundo, cha gọi là đại tướng của nhà vua.

Ngày 12 tháng 7 thì vua Lê thế Tông trở về, đang khi Trịnh Tùng cho quân tiếp tục tiến ra Bắc. Nhà vua và hoàng thái hậu nghe tin bà chúa Chèm đã theo đạo, tỏ ý không bằng lòng. Để làm dịu bất mãn của nhà vua, bà xin nhường chức tước đó cho ngài, chỉ xin một khu đất để lập một tu viện và suốt đời được tu trì ở đó.

Đền của bà được sửa sang thành tu viện và khu chính cung được sửa làm nhà nguyện. Ngày 26 tháng 6 năm 1591, cha Ordonez đã dâng lễ đầu tiên ở đó và cũng là lễ khấn tạm của 51 nữ tu đầu tiên của dòng. Tên dòng là dòng Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội.

Số người được rửa tội mỗi ngày một đông, nhà vua lại ban cho bà một giải đất bên kia sông suốt cho đến suối « Bạch », để họp dân giáo lại thành một làng Gia tô (1).

Sau lễ Đức Mẹ lên trời 15-8, thì cha và các bạn bị trục xuất. Làng Gia Tô mỗi ngày thêm đông, lên tới 400 nhân danh. Cuối năm 1591, bà Hoàng thái hậu trước khi chết cũng được chịu phép rửa với tên thánh là Maria (2).

III — CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO KHU VỰC NHÀ MẠC, BẮC TRIỀU.

1 — Đoàn truyền giáo của cha Diego Oropesa

Ở miền Bắc, Mạc Đăng Dung sau khi chiếm ngôi, làm vua được 3 năm (1527-1530) thì truyền ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh (1530-1540). Qua Mạc Phúc Hải (1541-1546) đến Mạc

(1) Theo học hỏi của Cha Poncet, thì ngày nay về phía Tây Bắc cách An Trường độ 2 cây số, còn một khu đất suốt giọc sông độ 3 cây số, dân chúng vùng đó vẫn gọi là làng « Gia Tô ». Khúc sông ngày nay đã khô cạn, phía Tây có rộc Bạch Mã và một rộc khác tên là rộc Bạch (Cha Ordonez viết là « arroyo blanco »). Ở khu đó cũng có một chỗ gọi là «nền thờ». Dân chúng trong vùng chỉ biết tên gọi nhưng không biết nguồn gốc ở đâu. Có lẽ là chỗ nhà nguyện của tu viện Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội. Một điều đáng chú ý là trong các miếu thờ bà, dân bên ngoại vùng đó chỉ cúng hoa quả, chứ không cúng xôi thịt.

(2) Thiếu linh mục, thừa sai đến tiếp tục, sự đạo dần cũng bị tàn đi. Trong các cuốn sách của cha Đắc Lộ và các thừa sai Dòng Tên sau này vào truyền giáo ở Bắc Việt không thấy nhắc đến.

Phúc Nguyên (1546-1561) vẫn chưa có thừa sai đến truyền giáo. Mãi năm 1581 dưới đời Mạc mậu Hợp (1562-1592) nhà vua mới nhận được thư của cha bề trên tu viện thánh Phanxicô ở Áo môn yêu cầu cho vào truyền giáo. Thư viết bằng chữ Hán.

Cha bề trên tu viện thánh Phanxicô ở Áo môn lúc đó là cha Giovanni Battista da Pesaro. Tháng 6 năm 1580 cha Pedro de Alfaro vị sáng lập tu viện, bị người Bồ trục xuất (1), cha lên thay nhưng sau ít tháng cũng bị trục xuất theo. Xuống Malacca cha lập tu viện Madre de Deos de la Bocca - China (2). Nghe tin nước Bồ bị đặt dưới quyền vua Tây ban Nha Philippô II, năm 1581 cha lại trở lên Áo môn. Nhờ một chuyến tàu buôn, cha đã gửi thư cho vua nhà Mạc kèm theo một mẫu ảnh cuộc phán xét chung.

Cho rằng sự có mặt của các tây giang đạo trưởng ở nước mình bảo đảm liên lạc buôn bán của người Bồ và Tây ban Nha, Mạc Mậu Hợp liền viết thư yêu cầu đến giảng đạo và sẽ cho xây dựng nhà thờ. Chờ đợi các thừa sai ở Tây phương sang, cha Giovanni Battista không thể sai ngay được. Năm 1583, cha bỏ Áo môn qua Malacca đi trở về Tây ban Nha. Sau về Ý, cha lập nhiều tu viện mới và chết ở tu viện Santa Lucia, Napoli.

Chờ đợi sốt ruột, vua Mạc liền viết thư yêu cầu Đức Cha Carneiro, giám mục ở Áo môn. Biết tu viện ở Phi-luật-Tân (3)

---

(1) Xem trên.

(2) Tu viện « Đức Mẹ Chúa Trời, ở cửa họng Trung Quốc ».

(3) Tu viện thánh Gregorio ở Manila. Tài liệu về công cuộc truyền giáo các cha dòng thánh Phanxicô trên đây trong khu vực nhà Mạc, Bắc Triều, có thể tìm thấy trong những cuốn sau đây:

I— La Chronica de la Provincia de San Joseph de los Descalzos de la Orden de los Memores de nuestro Seraphico Padre S. Francisco, tác giả P. Juan de Santa Maria. Madird 1615. Phần I, cuốn II, chương XXXIV. Chương này cha Juan viết theo tường thuật của cha Francisco de Montilla, nhân viên trong đoàn truyền giáo, trở về tu viện thánh Giuse ở Tây-ban-Nha (trang 626, cột I).

II— L'historia de las Islas del Archipielago y reynos de la Gran China, Tartaria, Cuchinchina, Malacca, Siam, Camboya, y Japon y de lo succedido en ellas a los religiosos descalzos de la Orden de San Francisco, tác giả cha Marcello de Ribadeneyra, Barcelon, 1601, chương XVI (viết theo tường thuật của cha Bartolomé Ruiz mà cha gặp ở Nhật sau này).

III— Las Chronicas de la Apostolica Provincia de S. Gregorio de Religiosos Descalzos de Nuestro Padre S. Francisco en las Islas Philippinas, China, Japon, etc... tác giả P. Juan Francisco de S.Antonio, Sampaloc 1738. Phần I, cuốn III, chương 18 và 19.

có sẵn nhiều thừa sai, Đức Cha chuyển lời yêu cầu của vua nhà Mạc cho cha bề trên ở đó, cha Pablo de Jesu.

Mới có một số thừa sai ở Tây ban Nha gửi sang, lại được ông Manuel de Santiago, một thương gia giàu có, mới xin nhập dòng và nguyện dâng một phần cơ nghiệp để tổ chức công cuộc truyền giáo cho nước Việt-Nam, cha Pablo de Jesu quyết định phái một đoàn truyền giáo do cha Diego de Oropesa dẫn đầu, trong đó có cha Bartolomé Ruiz, Pedro Ortiz và Francisco de Montilla và 4 thầy : thầy Cristobal Gomez, một thủy thủ có tài, thầy Diego Jimenez, Francisco Villorimo và thầy Manuel Santiago, tuy còn thời kỳ nhà tập, nhưng cũng được hân hạnh dự vào chuyến đi đó.

Ngày 1 tháng 5 năm 1583 thì con thuyền ra khơi lên xứ Bắc. Thuận buồm suôi gió, không bao lâu đã tới bờ biển Việt-Nam, thuyền ghé vào một cửa biển có lẽ một cửa ở Quảng Yên gần Cửa Cấm, Hải Phòng ngày nay.

Vì ở vùng đó, gặp lúc trong nước không yên, hay có giặc cướp vùng bể đến quấy nhiễu, thấy thuyền lạ, dân chúng liền khua trống mõ, đem giáo mác ra đánh. Nhưng khi tới nơi, thấy các cha các thầy là những người hiền lành, họ liền xử đãi tử tế. Tuy vậy các cha cũng bị bó buộc bỏ thuyền lên ở một túp lều gianh trên bãi dưới sự canh gác của tuần đinh. Khám thuyền thấy không có gì, một vài tuần đinh tỏ vẻ bạc đãi.

Không biết tiếng nói, không có thông ngôn, các cha làm hiệu tỏ ý muốn gặp nhà vua. Hiểu nhầm, tưởng các Cha muốn tế thần, họ dẫn các Cha đến một ngôi đền cách xa đấy độ nửa dặm. Họ cúi đầu lễ, bảo các cha theo. Nhưng các Cha không nghe lại còn tỏ ý phản đối.

Quan sở tại được tin báo cũng đến xem sự thể. Phải vất vả lắm hai bên mới hiểu nhau. Biết là các tây giang đạo trưởng, quan sở tại bằng lòng cho các Cha ở lại và phi báo lên Kinh.

Đang khi chờ đợi, ông yêu cầu các Cha cho dân chúng được xem nghi lễ tế trời của các tây giang. Các cha rất sẵn

lòng chỉ yêu cầu dân chúng giữ yên lặng và kính cẩn đang khi hành lễ. Ông liền sai trang hoàng một gian nhà rộng rãi. Hôm sau, dân chúng quần áo chỉnh tề đến dự lễ rất đông. Cha Diego Oropesa chủ lễ. Trong suốt giờ lễ, « quan sở tại và tất cả dân chúng dự lễ một cách nghiêm trang kính cẩn, yên lặng, không ai bảo họ là người chưa có đạo, mà đúng hơn là người có đạo đã lâu năm ». Ông còn sai tổ chức nhiều trò chơi nhảy múa để các cha giải trí, nhưng các cha từ chối.

Hơn một tuần sau thì lệnh trên Kinh đưa xuống, quan mời các cha các thày đến dinh, mặc áo thụng, làm nhiều nghi lễ rồi mới mở thư. Đại để nói : « những tây giang đạo trưởng mà khanh đã tâu trình và khen lao đời sống đạo hạnh, trẫm thầm nghĩ sự hiện diện của họ là một mối lợi lớn cho quốc gia, khanh có thể cho phép ở lại nếu họ muốn, nhưng đừng bắt buộc họ. Dầu thế nào, trẫm muốn họ được đến trước nhan trẫm để hưởng thấy lòng bao dung nhân từ của trẫm ».

Các cha vội vã lên đường vào Kinh để yết kiến vua Mạc. Chẳng may, lúc ra khơi để vào cửa sông, gặp bão lớn, thuyền các Cha bị đánh giạt vào một hòn đảo ở Hải Nam. Cho là thuyền tây giang đến do thám, các cha các thầy bị tống giam. Bị dẫn từ tù này qua tù khác, lên đến tỉnh lỵ may nhờ một lái buôn trước đã qua buôn bán ở Manilla và Áo môn nhận ra là các tây giang đạo trưởng. Ông ta liền nói với quan trấn : « các vị là đạo trưởng của vua nhà Castilana, ở Manilla, và Áo môn, ai cũng kính trọng, nếu họ biết tin các vị bị bạc đãi ở đất Trung Hoa, thì họ sẽ thù hằn bạc đãi lại những người Trung Hoa đến buôn bán ở đó.»

Các cha các thầy được tha và thuê một chiếc thuyền buôn về Áo môn. Ghé lại Quảng Đông 3 ngày, các cha các thầy được tiếp đãi tử tế (1).

---

(1) Theo Cha Trigault dòng Tên thì các Cha các thầy bị giải từ Hải Nam về Quảng Đông, ở đó được Cha Matteo Ricci xin cho mới được trở về Áo môn. Nhưng các Cha dòng Thánh Phanxicô không công nhận sự kiện đó.

2.— Cha Bartolomé Ruiz

Trú ngụ tại tu viện của dòng ở Áo môn, không hề nản chí, các Cha các thầy lại nghĩ ngay đến việc trở lại xứ Bắc.

Lúc đó, hai cha Agostinô de Tordesillas và Juan Pobre vì lý do sức khỏe phải bỏ Xiêm về Áo môn nghỉ. Trình bày những hy vọng phấn khởi, tinh cách xử đối rộng rãi, tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhà vua, hai cha yêu cầu đoàn truyền giáo bỏ ý định trở lại xứ Bắc, qua Xiêm để tiếp tục hoạt động của hai cha. Nhưng cha Diego Oropesa chủ trương trở lại xứ Bắc mà hi vọng kết quả cũng không kém, đằng khác sợ rằng không trở lại, nhà vua nước Việt sẽ bất mãn và khó khăn cho công cuộc truyền giáo sau này. Cuối cùng để đáp lại đòi hỏi cả hai khu vực, đoàn truyền giáo chia làm hai toán : một toán 3 người : Cha Francisco de Montilla và thầy Diego Jimenez trong đoàn truyền giáo xứ Bắc với Cha Jeronimo de Aguilar, bề trên tu viện Áo môn dẫn đầu sẽ qua Xiêm. Cha này nhường chức lại cho cha Agostino de Tordesillas ở Xiêm mới về. Còn một toán hai Cha và ba thầy còn lại dưới quyền Cha Diego Oropesa sẽ trở lại xứ Bắc.

Gặp chuyến tàu qua Xiêm, toán truyền giáo 3 vị lên đường ngay. Còn lại toán 6 vị qua xứ Bắc, đang khi chờ đợi chuyến tàu thì được lệnh bề trên tỉnh dòng gọi về Manila. Cha bề trên lúc đó là Juan de Placencia thay Cha Pablo de Jesu. Vâng lời, các cha lấy tàu xuôi Phi luật Tân.

May mắn cuối năm đó, tu viện lại có thêm một số thừa sai ở Tây ban Nha đến. Thấy thế Cha Bartolomé Ruiz liền xin bề trên cho trở lại xứ Bắc để tiếp tục công cuộc đã bắt đầu. Đầu năm 1584, cha và một cha mới ở Tây ban Nha sang, theo tàu buôn của người Bồ lên xứ Bắc.

Để tránh những phiền phức gặp phải trong chuyến trước vì thiếu thông ngôn, lần này hai cha đem theo một bà người Việt, có lẽ đã qua Áo môn và được rửa tội ở đó. Các Cha được Mạc Mậu Hợp tiếp đãi niềm nở, cho đất để làm nhà thờ.

Đi truyền giáo với hai bàn tay trắng theo tinh thần khó

khăn nghiêm ngặt của dòng, các cha hoàn toàn trông cậy ở Chúa quan phòng. Thấy các cha là những nhà tu hành, đi chân không, mặc áo thô, khác hẳn với những lái buôn Bồ, ăn mặc đồ lụa lĩnh gấm vóc thêu thùa, dân chúng rất kính nể và đem cơm dưa canh xuống nuôi các cha, như các nhà sư ở đó.

Khi tàu buôn người Bồ nhổ neo thì cha kia cũng rút lui theo để lại cha Bartolomé Ruiz một mình (1).Phải là con người có ý chí hy sinh lắm để có thể sống một mình giữa những người hoàn toàn xa lạ từ tiếng nói, phong tục cho cả đến những tín ngưỡng tôn giáo, một mình để bắt đầu một công cuộc lớn lao đòi hỏi những cố gắng ghê sợ.

Công việc đầu tiên là học tiếng nói. Đang khi chờ đợi, cha giảng bằng đời sống tu trì và đạo đức của mình. Không thể phát biểu hết bằng lời nói, cha giảng bằng cử chỉ và hình ảnh. Trong buồng cha treo sẵn rất nhiều hình ảnh về Chúa Giêsu, Đức Mẹ và những mầu nhiệm trong đạo.

Với đời sống đạo hạnh tu trì, lại được Chúa giúp cho nhiều ơn lạ, cha được dân chúng rất kính nể.

Họ đem người ốm đến để chật nhà cha để xin cha cầu kinh chữa cho.

Nhưng một đe dọa xảy đến cũng như nó sẽ xảy đến cho nhiều vị truyền giáo sau này. Với những phương tiện dẫn thủy nhập điền còn thiếu sót, mỗi khi trời kém mưa, đại hạn, là mùa màng bị đe dọa. Cầu đảo không được là họ cho rằng thần thánh phạt vì tây giang đạo trưởng đến khuyên dụ người ta bỏ thần phật chỉ thờ một Chúa trời đất. Họ cầm gậy guộc đến nhà cha đe dọa nếu không xin trời mưa xuống, sẽ đánh chết. Chúa đã cứu cha, sau đó trời mưa xuống như trút liên tiếp tuần này.

---

(1) Theo cuốn Historia serafica cronologica da Ordem de S. Francisco na Provincia d Portugal, tomo III, por F. Fernando da Soledade. Lisbonna 1705 trang 581, thì Ch thứ hai này được sai về báo cho tu viện Manila biết mối thịnh tình của nhà vu Nhưng theo nhiều cuốn khác thì Cha này rút lui vì nản chí trước những khó khăn, và những thử thách hi sinh đòi hỏi. Cái đó dễ hiểu vì Cha mới Tây phương sang, chưa quen ngay được với đời sống thấp kém ở Đông phương

sang tuần khác. Sợ lụt, họ lại đe dọa cha. Nhưng ít hôm sau trời tạnh ráo, mùa màng năm đó được nhiều hơn mọi năm.

Từ đó số người đến nghe giảng mỗi ngày một nhiều, tuy không thiếu những khó khăn gây ra do một số người cố chấp và cố tình phá đạo, nhưng cha đã vượt thắng cả. Cảm phục cha họ đến nghe giảng, nhưng vẫn chưa có ai xin chịu phép rửa, họ đợi gương nhà vua (1).

Nhưng đang khi hi vọng gặt được một mùa màng phong phú thì một bàn tay đến phá cuộc. Họ là những người một quốc gia vẫn tự xưng là công giáo. Năm 1578, Sebastianô vua Bồ tử trận, không người nối nghiệp,quyền trị nước thuộc chi tộc Castillana, tức vua Philippô II, Tây ban Nha. Lòng đố kỵ giữa hai quốc gia đã sẵn có càng lên mạnh. Đang khi chờ đợi thời cơ để thu phục lại chính quyền trong nước, họ tìm cách bảo vệ những khu vực buôn bán ở vùng Đông Ấn. Mối hiềm khích liên lụy cả đến công cuộc truyền giáo. Họ không muốn các thừa sai Tây ban Nha có mặt trong khu vực thương mại của họ. Họ đã trục xuất cha Pedro de Alfarô năm 1580. Năm 1585 (11/8) họ trục xuất tất cả các cha dòng người Tây ban Nha ở đó và tịch thu tu viện của các ngài. Đồng thời trong chuyến tầu người Bồ vào buôn bán với vua Mạc năm 1586, họ cũng ra lệnh cho thuyền trưởng bắt giải cha Bartolomé Ruiz về Áo môn (2).

Sau khi trở lại Phi Luật Tân, cha được sai vào truyền giáo ở Nhật và trong thời kỳ bắch hại, cha đã được chứng kiến cái chết anh hùng của cha Pedro Bautista. Bị trục xuất, cha lại về Phi Luật Tân, trung tâm của dòng và qua đời ở đó, thọ 80 tuổi.

***

(1) Theo nhiều người thì trong thời kỳ ở xứ Bắc, cha rửa tội được có một em nhỏ gần chết.

(2) Có hai Cha dòng thánh Phanxicô người Bồ ở tu viện Malacca đến thay ; cha Andres de los Angeles và Jaine de la Concepcion. Lúc đó theo lệnh của Philippô II để chấm dứt những xích mích trên, bề trên tu viện tỉnh dòng ở Manila đã trao tu viện ở Malacca cho tỉnh dòng các cha người Bồ ở Ấn Độ, tu viện thánh Toma. Ít lâu sau Malacca bị rơi vào tay Hòa-Lan.

IV.— CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO Ở MIỀN NAM NƯỚC VIỆT.

1.— Các Cha dòng Thánh Đa - Minh người Bồ.

Đang khi các cha dòng Thánh Phanxicô người Tây Ban Nha mở đầu công cuộc truyền giáo ở miền Bắc thì ở miền Nam nước Việt các cha dòng Thánh Đa-Minh cũng cố gắng đem tin lành cho dân chúng ở vùng đó. Công cuộc truyền giáo ở đây được bắt đầu sớm hơn, ngay từ năm 1550 với cha Gaspar de Santa Cruz.

Hoạt động truyền giáo của các cha một phần lớn ở trong khu vực người Chân-lạp (Cao Miên) và Chiêm-thành, vùng đất đai ngày mai của nước Việt ngày nay. Trước vua Lê thánh Tông, nước Việt bắt đầu từ ải Nam-Quan đứng lại ở đất Hóa-châu (Thuận Hóa). Năm 1470, vì vua Chiêm-thành sinh sự với nước ta, nhà vua mới cho quân xuống chiếm, rồi giữ lấy đất Đồ bàn, Đại chiêm, Cổ lũy, lập ra đất Quảng Nam. Trong suốt cuối thế kỷ XV sang thế kỷ XVI, biên giới miền Nam nước Việt vẫn đứng lại ở đó. Cuối thời Tiền Lê, các vua nhu nhược, trong nước giặc giã, đến khi Hậu Lê trung hưng lên, còn phải đương đầu với nhà Mạc, không thể nghĩ đến việc mở mang bờ cõi. Sau này, khi Nguyễn Hoàng được Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa, và sau kiêm cả trấn Quảng Nam, năm 1611 mới đem quân xuống đánh Chiêm thành đưa biên giới nước Việt xuống tận đất Ran-Ran (Phú Yên) (1).

Alphonse Albuquerque sau khi chiếm Malacca (1511) đã tổ chức thành một trung tâm thương mại cho vùng Đông Ấn. Là bạn thân của Albuquerque, cha Gaspar de Santa Cruz cũng là một trong những vị tiên phong truyền giáo, đồng thời với thánh Phanxicô Xavie. Cha đã có công rất nhiều trong công cuộc truyền giáo ở Malacca và tổ chức tu viện thánh Đa-Minh

(1) Trần trọng Kim, Việt Nam sử lược trang 248 và 327

ở đó (1). Cha cũng là người đầu tiên truyền giáo cho miền Nam đất Việt và cũng là người đầu tiên đến truyền giáo cho Trung Quốc (1555), trong giai đoạn thứ hai, sau công cuộc truyền giáo của các Cha dòng Thánh Phanxicô dưới quyền Đức cha Jean de Montcorvin ở Bắc Kinh thế kỷ XIII-XIV.

Năm 1550, cha Gaspar de Santa Cruz theo tàu buôn người Bồ vào cảng Cần Cáo (Hà Tiên bây giờ). Công cuộc truyền giáo lúc đầu này không được kết quả mấy. Năm 1555 cha qua Trung Quốc, ở vùng Quảng Đông, cha thu lượm được nhiều kết quả hơn. Bị bắt giam rồi bị trục xuất cha trở về Malacca. Vì tuổi già, yếu sức, cha phải trở về Bồ đào Nha nghỉ và chết ở đấy.

Tiếp tục công cuộc của cha Gaspar de Santa Cruz, năm 1558, tu viện Malacca lại sai hai cha Lopez và Azevedo sang Cao Miên. Sau 10 năm hoạt động, các cha đã thu lượm được nhiều kết quả khả quan làm cho các nhà sư lo ngại, yêu cầu trục xuất hai cha.

Một thời gian khá lâu sau, năm 1580-1586 mới lại có hai cha Georges de la Motte, người Pháp, và Luis de Fonseca, người Bồ, đến tiếp tục. Hình như hai cha cũng có qua truyền giáo ở vùng Quảng Nam lúc đó thuộc quyền Nguyễn Hoàng.

Dạo đó Xiêm và Cao Miên luôn có sự xích mích. Trong một chiến cuộc cả hai cha bị rơi vào tay quân đội Xiêm. Bị giải về kinh đô Xiêm, Yuthia, với nhiều giáo dân khác, hai cha tiếp tục công cuộc truyền giáo cho các tù nhân ở đó. Bị vua Xiêm nghi ngờ, Cha Luis de Fonseca bị lính thị vệ đâm chết đang khi hành lễ trong một căn nhà lá dùng làm nhà thờ. Còn cha Georges de la Motte tuy bị nhiều vết thương nhưng cũng trốn ra tới vùng biển. Gặp một chiếc tàu buôn Tây ban Nha, cha được chở về Malacca, nhưng giữa đường thì qua đời. Lúc đó là năm 1599. (2)

---

(1) Theo bản ký sự của dòng thì năm 1549 các cha dòng thánh Đa-Minh đã có 18 cư sở ở Malacca và các khu lân cận. Tu viện ở Malacca lấy tên là tu viện Santa Cruz, trung tâm đặt ở Goa.

(2) Xem Marcos Gispert. Historia de las Missiones Dominicanas en Tung Kin. — Avila Louvet (Louis Eugène), La Cochinchine religieuse, t I, Paris 1885. Cultru, Histoire de la Cochinchine des origines à 1883 - Paris

2.— Các Cha dòng thánh Đa-Minh, Tây ban Nha.

Tổ chức truyền giáo của các cha Đa-Minh người Bồ ở Malacca bị người Hòa Lan làm cản trở và phá hoại, thì các cha dòng Thánh Đa-Minh Tây ban Nha ở Manila, Phi Luật Tân, đến tiếp tục.

Năm 1588, hai cha Juan Maldonat và Pedro de la Bastida cũng qua cửa Cần Cáo, Hà Tiên,vào truyền giáo cho người Cao Miên. Nhưng bị các nhà sư làm khó dễ nên hai cha lại phải rút lui. Khi ra gần cửa Cần Cáo thì Cha Pedro de la Bastida bị đâm chết, còn cha Juan Maldonat bị nhiều vết thương nhưng trốn được qua đất Xiêm và chết trong tay cha Georges de la Motte, lúc đó đã bị bắt đưa về Xiêm và hoạt động truyền giáo bên các người Cao Miên cũng bị bắt đưa về Juthia.

20 năm sau vào khoảng 1608, nhiều cha dòng Thánh Đa-Minh tiếp tục đến truyền giáo ở đó. Sử sách còn ghi lại tên các cha Alfonso de Santa Cruz, Ignaciõ de Santa Maria và Jeronimo de Bethléem.

Hoạt động của các cha không được nhiều kết quả, cũng như sau này các cha dòng Thánh Phanxicô và Dòng Tên đã đưa ra nhiều cố gắng mà vẫn không tổ chức được Giáo Hội người Miên khả quan hơn, là vì các cha đã vấp phải một chướng ngại lớn : đạo Phật. Phật giáo là một tôn giáo có địa vị và ảnh hưởng lớn ở Cao Miên cũng như ở Xiêm và Diến Điện. Số nhà sư và tu viện rất nhiều. Họ được tôn trọng trong giới quần chúng và có ảnh hưởng lớn trong triều chính. Từ vua quan đến thứ dân đều qua một thời gian học hỏi tu luyện ở các chùa chiền. Di tích Angkor và các chùa chiền gặp thấy trên mỗi bước đi chứng tỏ Phật giáo đã từ lâu thâm nhập vào vùng đó và ăn sâu vào các tổ chức xã hội của người Cao Miên. Vì thế ngay từ lúc đầu và cho đến ngày nay tình trạng công giáo ở mấy nước đó rất ít tiến triển.

Ở vùng Quảng Nam, Thuận Hóa của Nguyễn Hoàng, từ sau khi người Bồ lập trụ sở thương mại ở Áo môn, liên lạc thương mại giữa Áo môn và cửa Hàn, cửa Hội An tiến triển đều đều. Thường thường các tàu buôn người Bồ đến buôn bán ở đó đều có mang theo một vài thừa sai. Trong thời kỳ người Bồ ở lại buôn bán, các cha cũng tìm dịp truyền giáo cho người Việt ở khu cảng. Nhưng vì thiếu tổ chức bền bỉ nên không đi đến kết quả khả quan. Hầu hết là các thừa sai dòng Thánh Phanxicô và Thánh Agostinô người Bồ có tu viện ở Áo môn.

Năm 1595 khi hai cha Diego Aduarte và Alonzo Jimenez dòng Thánh Đa-Minh qua cửa Hàn, cũng gặp hai cha Dòng thánh Agostinô. Hai cha đến ở đấy không phải để truyền giáo nhưng để coi sóc các lái buôn người Bồ đến buôn bán trú ngụ ở đó.

Dạo đó vua Cao miên là Chan Pouha Tan, yêu cầu viện trợ của người Tây ban Nha ở Phi-luật-Tân để chống lại với Prah Rama. Một số quân đội người Phi và Tây ban Nha chừng độ 150 người được phái lên tiếp viện. Hai cha dòng thánh Đa-Minh cùng đi theo làm tuyên úy.

Không thu lượm được kết quả, chiến thuyền của Tây ban Nha tạt lên Cửa Hàn để tiếp lương. Cha Diego Aduarte lên thăm quan trấn, ông này yêu cầu cha ở lại, hứa sẽ xây nhà thờ, và cho tự do truyền đạo. Cha xin khất trả lời sau khi hỏi ý kiến cha Alonzo Jimenez và đồng thời muốn trở về Cửa Hàn mừng lễ thánh Agostinô với hai cha dòng ở đó.

Không may, đang khi đó một câu chuyện khác xảy ra. Nhân câu chuyện thân phụ của ông làm trấn thủ ở Phi Luật Tân bị một toán cướp giết và cướp trốn vào vùng biển Quảng Nam, vị chỉ huy chiến thuyền Tây-ban-Nha, Juan Suarez Gallinato sai một nhân viên tùy tùng, Gregoriô de Vasgas, đến yêu cầu quan trấn trả lại. Tức giận, ông này cho quân ra đánh phá tàu thuyền của người Tây ban Nha.

Cha Diego Aduarte thoát theo tàu ra khơi, còn cha Alonzo Jimenez bị bắt lại. Sau một thời gian ở lại với hai cha dòng thánh Agostinô, cha theo tàu buôn người Bồ về Phi Luật Tân. Trong thời gian ở lại, cha đã rửa tội được hai tù nhân bị kết án trảm quyết.

CHƯƠNG II

CHA BUZOMI, TÔNG ĐỒ XỨ NAM.

I.— **Bách hại tôn giáo ở Nhật với công cuộc truyền giáo ở Việt-Nam.**

1.— Bách hại tôn giáo ở Nhật 1614.

2.— Áo môn, trung tâm thương mại và truyền giáo.

3.— Hy vọng truyền giáo ở xứ Nam.

II.— **Nước Việt Nam vào đầu thế kỷ XVII.**

1.— Chúa Nguyễn trong Nam.

2.— Tình trạng tôn giáo.

3.— Người dân Việt và xã hội Việt.

III.— **Cha Buzomi với những thử thách đầu tiên.**

1.— Những bông lúa đầu mùa (1615-1618).

2.— Những thử thách đầu tiên.

3.— Quan phủ Qui-Nhơn.

IV.— **Xứ đạo Quảng Nam và Nước Mặn (1618-1624).**

1.— Công cuộc truyền giáo ở Quảng-Nam và Nước Mặn.

2.— Những khó khăn gặp phải.

3.— Cha Pina với giới trí thức Quảng-Nam.

CHA BUZOMI TÔNG ĐỒ XỨ NAM

Qua những nhà truyền giáo tiên khởi trên đây, các ngài đi qua gieo vãi một chút hạt giống tin lành, nhưng thiếu một chương trình, một tổ chức bền bỉ, thiếu nhân viên cộng lực để tiếp tục, vì thế không mang lại được kết quả lâu bền, đáng kể. (1). Phải chờ các thừa sai dòng Tên, các ngài thực là những người được hân hạnh đặt nền móng vững chắc, sâu rộng cho tòa nhà Giáo-Hội Việt-Nam chúng ta ngày nay.

Một cơ hội của Thiên Chúa quan phòng đã đưa các ngài đến với dân tộc Việt-Nam : Cuộc bách hại tôn giáo ở Nhật.

I.— BÁCH HẠI TÔN GIÁO Ở NHẬT VỚI CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO Ở VIỆT-NAM.

1.— Bách hại tôn giáo ở Nhật năm 1614.

Năm 1614, Daifusama, hoàng đế Nhật ra chỉ trục xuất tất cả các thừa sai ngoại quốc. Nơi đây, thánh Phanxicô Xavie tông đồ của nước Nhật cũng như của Ấn-Độ và của cả vùng Đông-Á, đã đặt chân tới ngày lễ Đức Mẹ Lên Trời 15 tháng tám 1549. Sau

(1) H. Bernard. Pourquoi l'expansion chrétienne a-t-elle échoué en Indochine au XVIè siècle, Revue d'Histoire des Missions, t XII – 1935 trang 384

đó 65 năm, các thừa sai dòng Tên, dòng Thánh Phanxicô, nối chí lớn của người anh cả, đã tổ chức giáo hội Nhật thành một giáo hội cường thịnh với con số hơn 123 thừa sai và 700 ngàn giáo dân (1).Nhưng mỗi lịch sử Giáo hội đều ghi đầu bằng một dấu thập giá.

Để tranh thương với người Bồ và đồng thời làm cản trở hoạt động truyền giáo của Giáo hội Công giáo, những lái buôn Hòa-lan, theo Thệ-phản giáo, đã tìm cách ảnh hưởng hoàng đế Nhật, gây nghi ngờ hoang mang để rồi xui giục cấm đạo. Họ làm cho hoàng đế Nhật tin rằng các cố đạo là tay sai của đế quốc Bồ. Nấp dưới danh nghĩa truyền giáo, các cố đạo do thám và tổ chức nội công cho việc thôn tính nước Nhật của hoàng đế Bồ nay mai. (2)

Tin nghe, hoàng đế Nhật liền ra lệnh trục xuất tất cả các thừa sai ngoại quốc, mở đầu một cuộc bách hại đẫm máu kéo dài gần một nửa thế kỷ.Thiếu linh mục bản quốc,thiếu người chèo chống chỉ huy, con thuyền Giáo hội Nhật bị tan vỡ trước những làn sóng dữ tợn của kẻ thù. Ngày nay sau bao năm cố gắng để chỉnh đốn lại con số giáo dân chỉ mới lên tới hơn 200 ngàn. (3)

Lúc đó là năm 1614, hy vọng có thể cứu vãn tình trạng và bảo vệ tính mệnh của giáo dân Nhật bằng cách tuân phục sắc chỉ đó, các thừa sai công khai xuống tàu trở về Áo-môn. Một số gần ba chục còn trốn tránh ở lại để nâng đỡ giáo dân trong những thử thách đang chờ đợi.

Ra đi, nhưng sau đó, các thừa sai lại tìm cách bí mật trở lại để thay thế cho những người đã ngã. Mỗi chiếc đầu rơi lại có những chiếc đầu khác đến thay thế, để đang khi chờ đợi tia sáng

---

(1) Henrion, Histoire générale des missions catholiques depuis le XIIIè siècle jusqu'à nos jours. Paris 1846, 1847. Vol II. Cuộc bách hại bắt đầu từ 1596. Năm 1597, 27 giáo dân bị tử hình thập giá, trong đó có 3 em nhỏ dưới 13 tuổi. Số giáo dân lùi nhiều do cuộc bách hại. Năm 1614 lệnh trục xuất, triệt hạ các nhà thờ. Năm 1622, 30 vị bị thiêu sống, trong đó có 9 cha dòng Tên, 10 Đa-Minh, 3 Phanxicô.

(2) Đắc Lộ. Những cuộc hành trình và truyền giáo.

(3) Annuario Pontificio 1958

hy vọng của mùa phục sinh, con thuyền trong cơn bão vẫn luôn luôn có người chỉ huy chèo chống. Nhưng cảnh núi sọ kéo dài, giáo hội Nhật bước dần vào cơn hấp hối.

Tỉnh dòng Nhật, một tỉnh dòng đầy hứa hẹn, trước đây đã có sáu học viện, hai đệ tử viện, hai chủng viện với ba cơ sở lớn và 64 cơ sở nhỏ, (1) lúc đó chỉ còn lại một học viện ở Áo-môn. (2)

Là cư sở duy nhất còn lại của tỉnh dòng Nhật, học viện Áo-môn dần dần trở thành một trung tâm truyền giáo quan trọng của các thừa sai dòng Tên vùng Đông-Á.

« Phải chính nơi đó, cha Đắc-lộ sau này viết, đã huấn luyện những người thợ anh hùng của nước Chúa, những người đã truyền bá khắp vùng Đông-Á ánh sáng Phúc âm thư. Chính nơi đó đã sản xuất biết bao anh hùng tử đạo, triều thiên của tỉnh dòng chúng ta. Thật là một nơi đã được chúc phúc vì đã được hân hạnh có trong nguyên nước Nhật 87 anh hùng tử đạo. Các ngài là những người đã xưng danh Chúa Giêsu Kytô và đã chứng minh bằng máu, lòng trung thành mà các ngài đã khấn hứa với Thầy yêu qui của mình.» (3)

2.— Áo - môn, trung tâm thương mại và truyền giáo.

Áo-môn là một trung tâm truyền giáo của các thừa sai Dòng Tên, nhưng trước hết Áo-môn là một khu cảng, trung tâm thương mại của người Bồ. Hàng hóa từ Bồ được chở sang Goa, Ấn-độ, rồi chuyền qua Áo - môn, để rồi phân phát đi Nhật, Việt-Nam, Cao-miên, Phi-luật-Tân và nội địa Trung-Hoa.

Lúc đầu vào quãng năm 1555, Áo-môn chỉ là một làng nhỏ

---

(1) U. Cerri, Etat Présent de l'Eglise de Chine, trg 2

(2) Học viện Thánh Giuse. Rodriguez A Companhia de Jesus em Portugal e nas missoes, tái bản Porto 1935

(3) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 59

bé với mấy chiếc nhà gianh của lái buôn Bồ cất tạm để giao dịch chuyền hàng cho người Tàu vùng Quảng-Đông. Chung quanh là khu sào huyệt của bọn lưu manh, sinh nhai bằng nghề trộm cướp trên đất hay trên mặt biển. Với sự yêu cầu của quan trấn Quảng-Đông, người Bồ đã tiêu diệt được bọn cướp và được nhượng làm khu buôn bán.

Nhận thấy là một nơi thuận tiện cho tàu bè đi lại và trú gió, trong ít năm họ đã tổ chức thành một khu thương mại sầm uất. Sau 10 năm dân số đã lên tới chục ngàn. Phần đông là người Tàu đến buôn bán cất hàng hoặc làm công cho các hãng buôn ngoại kiều, hầu hết là người Bồ, lúc đó ước chừng độ ngàn người. Một cơ quan hành chính được tổ chức để xét xử và chỉ huy buôn bán. (1)

Năm 1562, nhờ những liên lạc tầu buôn giữa Goa và Áo-môn, một số thừa sai dòng Tên đã qua đó. Năm 1565, cha Phanxicô Pérez, đang khi chờ đợi phép vào truyền giáo cho vùng Quảng-đông, đã lập ở đó một cư sở để các thừa sai vào đất Tàu hay qua nước Nhật có chỗ trú chân, đang khi tàu buôn đợi gió mùa ra khơi (2) Năm 1568, đức Cha Melchior Carneiro được sai đến, và năm 1576, Đức Thánh Cha Gregorio XIII ra sắc lập tòa giám mục Trung-Hoa ở đó. (3)

Khu nhà nhỏ bé của cha Pérez và 7 đồng chí dần dần trở thành học viện thánh Phaolô, có đủ các khoa học đạo đời và có quyền cấp bằng tiến sĩ, đồng thời cũng là nơi để các thừa sai của dòng trú lại học tiếng nói, phong tục, giao tiếp với các lái buôn hay sinh viên Tàu Nhật đến trú ngụ ở đó, sửa soạn vào các khu truyền giáo vùng Đông-Á. Năm 1602, một nhà rộng lớn nguy nga kính dâng Đức Mẹ được xây cất trong học viện và có thể kể là « một trong những nhà thờ đồ sộ huy hoàng hơn cả mà tôi

(1) Resumo de Historia de Macau, trong Boletim Ecclesiastico da Diocese de Macau số 430

(2) H. Bernard Aux portes de la Chine, les missionnaires du 16è siècle 1514-1588. Tientsin 1933 trg 76.

(3) Sắc Super Specula ngày 23-1-1576, Bull. Patr. 1 trg 243-245.

RELAZIONE

De' felici ſucceſſi della Santa Fede

PREDICATA DA' PADRI DELLA Compagnia di GIESV.

NEL REGNO

DI TVNCHINO,

ALLA SANTITA' DI N. S. PP.

INNOCENZIO DECIMO.

DI ALESSANDRO

DE RHODES AVIGNONESE

Della medeſima Compagnia, e Miſſionário Apoſtolico della Sacra Congregatione de Propaganda Fide.



In ROMA, Per Giuſeppe Luna. L'anno del Giubileo 1650.

Con licenza de' Superiori.

Della Libreria dell'Eremo di Frascati.

Đầu đề cuốn « Lịch-Sử Xứ Đông-Kinh » của Cha Đắc-Lộ, bằng tiếng Ý, in năm 1650.

Il Rè del Tunchino ci fabbrica vna Chiesa nella Città Reale con vna casa, nella quale riesce maggiore il concorso, e molti si conuertono.

CAPO XVII.

DOuendo partire la naue Portogheſe, è noi rimanere nel Regno del Tunchino ad iſtanza del Rè, S. Maeſtà ci moſtraua tanto affetto, che volle ancora ſcriuere vna lettera al P. Andrea Palmerio Viſitatore, ringratiandolo, che ci haueſſe mandato ne' ſuoi paeſi, e per dimoſtratione maggiore della ſua beneuolenza per iſcriuere non ſi ſeruì di carta, la quale pure è belliſſima, e tutta di varie pitture ornata, mà fece fare vna lamina ſottile d'argento, & in eſſa intagliouui le parole, e rinuoltolata gliene mandò, mà nel ritorno à Macao, ſi ruppe la naue nell'Iſola Arnam, e rimaſe quella lettera in mano di quell'Iſolani, preda & auanzo del naufragio: lo riſeppe il P. Viſitatore, e mandata la ricompera li fù mandata al Macao.

Già era troppo anguſto l'hoſpitio doue ſtauamo per li noui Chriſtiani, che battezzati veniuano da noi. Andammo per tanto dal Rè, e lo ſupplicammo che voleſſe concederci yn'altra habitatione più al pro-

Trang 170 trong cuốn « Lịch-Sử Truyền Giáo Xứ Đông-Kinh » của Cha Đắc-Lộ, bằng tiếng Ý, in năm 1650.

đã thấy, ngay trong cả nước Ý, trừ đền thánh Phêrô ở Roma » như cha Đắc-lộ đã viết sau này (1).

3.— Hy vọng truyền giáo ở xứ Nam.

Ở Áo-môn, các cha bề trên tỉnh dòng theo rõi tình hình cuộc bách hại ở Nhật, cơn mây bao phủ núi sọ của giáo hội Nhật mỗi ngày một đen tối, không một tia hy vọng báo hiệu mùa phục sinh. Một số giáo dân Nhật, để có thể bảo toàn đức tin, vịn cớ buôn bán để xin xuất ngoại. Họ tản mác đến các khu cảng vùng Đông-Á, họp thành những họ đạo nhỏ. Không thể truyền giáo cho người Nhật ở trong nước, một số thừa sai ở Nhật bị trục xuất trước đây, cũng theo họ đến ở những nơi đó. Tại cửa Hội - an cũng có một số giáo dân Nhật đến trú ngụ buôn bán. Họ trông đợi một thừa sai đến sống với họ.

Cũng như cuộc bách hại Kytô mới chớm nở ở Giêrusalem là một dịp để phân tán các giáo dân Do - thái đi các trung tâm thương mại của đế quốc Roma, và thúc đẩy các thánh Tông đồ đem tin lành Cứu thế cho những người dân ngoại, thì trong Thiên Chúa quan phòng cuộc bách hại tôn giáo ở Nhật cũng là một dịp thúc đẩy các thừa sai đến với những dân vùng Đông-Á còn đang trong bóng tối.

Các thừa sai bên Tây phương vẫn tiếp tục kéo đến. Chính sách bế quan tỏa cảng của hoàng đế Nhật mỗi ngày một chặt chẽ. Không hy vọng có thể lẻn lút vào đất Nhật dễ dàng, một chương trình truyền giáo vùng Macassar, Hải-nam, Xiêm - la, Việt-nam, Cao-miên được nêu ra.

Giữa lúc đó thì ông Ferdinand Costa, thuyền trưởng có tên tuổi vùng Đông Ấn đến gặp các cha. Ông vừa ở cảng chúa Nguyễn về, trình bày những hy vọng đầy phấn khởi của một cuộc truyền giáo rất có thể ở xứ đó. (2) Ông cũng không quên nhấn mạnh

(1) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trg 59.

(2) Đắc Lộ, id, trang 68.

về tính tình dễ dãi của người dân xứ Nam: « họ xử đãi tử tế nhã nhặn với tất cả các ngoại kiều đến buôn bán ở đó, để cho ai nấy được tự do theo lối sống riêng của nước mình». Chính vua xứ đó cũng ủy nhiệm cho ông khi trở về Áo-môn, tìm cách dẫn dụ các thừa sai đến ở xứ Nam và ông yêu cầu các cha « đừng từ chối lời yêu cầu chính đáng đó và lợi dụng thời cơ thuận tiện làm ích cho Giáo Hội ».

Cuộc liên lạc thương mại giữa người Bồ và người Việt bắt đầu từ giữa thế kỷ XVI, nghĩa là vào quãng 1540. Nhưng ngay từ sau khi đến Quảng-đông, năm 1516, Ferdinand Pérez và năm 1523 Duarte Cœlho đã để ý thăm dò vùng bờ biển nước Việt,(1) năm 1535 Antonio de Faria đã cho tàu cập bến cửa Hàn. Liên lạc thương mại được tiếp tục và càng ngày càng thắt chặt. Dạo đó, cửa Hàn và nhất là cửa Hội-an,buôn bán giữa người Việt và người Trung-hoa, Nhật-bản đã rất sầm uất. Người Trung-hoa và Nhật-bản sống làm hai khu riêng biệt :« Mỗi khu có quan khu trưởng riêng và sống theo lối sống riêng của mình.Người Trung-hoa, thì theo luật lệ,thói tục Trung-hoa, người Nhật cũng vậy,»

Nhận thấy có nhiều hy vọng trong cuộc buôn bán với người Việt.Đàng khác, chúa Nguyễn tỏra biệt đãi người Bồ, mong muốn cho họ tiếp tục cho tàu buôn hàng năm cập bến của chúa. Để có thể chống lại với chúa Trịnh Đàng Ngoài, chúa cần súng ống đạn dược của Tây phương, mà trước đây vẫn phải mua qua tay người Tàu hay người Nhật. Năm 1557, người Bồ được chúa Nguyễn cho phép lập cửa hàng ở cửa Hội-an. Từ đó thường thường mỗi năm, một hoặc hai chuyến tàu rời Áo mộn vào quãng cuối chạp sang giêng đem hàng hóa : súng ống, đạn dược, sinh diêm, đồ kim khí, tơ lụa, vải vóc, giấy nho... đến bán ở cửa Hội-an hay cửa Hàn. Sau khi bán hàng hoặc giao hàng cho người Tàu hay Nhật đứng làm trung gian hay thông ngôn, vào quãng tháng tư tháng năm hay tháng 8 tháng 9, theo gió mùa họ lại trở về Áo-môn.(2)

Nghe biết câu chuyện cha Buzomi, người thành Napoli,

(1) Xem trên Chương I.

(2) Maybon, Histoire moderne du pays d'Annam trang 52.

nước Ý, liền tình nguyện đến mở đầu cộng cuộc truyền giáo ở xứ Nam. Đầu năm 1516, cha cùng với cha Diego Carvalho, và thầy Antonio Diaz, người Bồ, với thầy Giuse và Paulô, người Nhật, xuống tàu bỏ Áo môn. Ngày 18 tháng giêng, lễ thánh Phêrô lập Tòa ở thành Roma, thì đoàn truyền giáo tới cửa Hội-an.

II. — NƯỚC VIỆT - NAM VÀO ĐẦU THẾ KỶ XVII.

Muốn truyền giáo cho một dân tộc, trước hết các cha cần phải nhận định tình tình phong tục, tình trạng chính trị, xã hội, tôn giáo của dân đó ; đồng thời lo học tiếng nói để có thể truyền giáo cho họ. Cha Buzomi, trong các tờ tường trình về bề trên, cũng như các cha Christoforo Borri, Đắc-lộ, Marini, Tissanier sau này trong những cuốn sách xuất bản (1), đã có những nhận xét rất xác đáng, tinh tường về nước Việt - nam chúng ta vào đầu thế kỷ XVII.

Ngày nay nhắc nhở lại công cuộc của các ngài, chúng ta cũng cần nhận định và xếp đặt nó trong khung cảnh và tình trạng của thời đó.

1.— Chúa Nguyễn trong Nam.

Về tình hình chính trị Việt-nam lúc đó, cha Buzomi cũng như cha Đắc-lộ sau này, không khỏi bỡ ngỡ nhận ra tình trạng chia đôi và phân tranh của một dân tộc « cùng một quốc gia, cùng một phong tục và cùng một tiếng nói ».

« Cách đây độ năm chục năm, cha Đắc-lộ viết trong cuốn « Những cuộc hành trình và truyền giáo», xuất bản ở Paris 1653,

(1) Cha Christoforo Borri trong cuốn « Tường trình khu truyền giáo mới của các cha Dòng Tên ở xứ Nam » Lille 1631. Cha Đắc-Lộ trong 2 cuốn : « Lịch sử xứ Đông-Kinh » Lyon 1651 và « Những cuộc hành trình và truyền giáo » Paris 1653. Cha Marini trong cuốn « Những khu truyền giáo » Roma 1663 ; hay trong cuốn «Lịch sử tân kỳ xứ Đông-kinh và Lào » Paris 1666. Cha Tissanier trong cuốn « Cuộc hành trình đến xứ Đông-kinh » Paris 1663.

nước Cochinchina mới tách biệt khỏi xứ Tunquin (1). Trước đây, trong suốt 700 năm, cả hai là một lãnh thổ. Người mở đầu cuộc cách mạng đưa đến đấu tranh chia rẽ chính là ông tổ của nhà vua đang giữ chính quyền bây giờ. Ông được vua nước Tunquin, anh rể của ông sai vào trấn đất này. Sau đó, ông cho danh hiệu nhà vua đẹp hơn danh hiệu quan trấn và chức vị nhà vua cũng giá trị hơn chức vị của kẻ bầy tôi. Ông đã khởi loạn chống lại nhà vua của ông và tự xưng làm chúa nước này. Từ đó, ông dùng binh lực để bảo vệ ngôi báu, và truyền ngôi lại cho con cháu. Người xứ Tunquin đã nhiều lần đem quân vào đánh, nhưng đều không thu được thắng lợi nào cả...» (2).

Giở lại những trang sử cũ, chúng ta thấy : (3)

Nguyễn Kim khi chết để lại hai người con : Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng, cả hai đều là tướng giỏi, đã lập được nhiều công trạng. Trịnh Kiểm sợ họ Nguyễn tranh mất quyền, bèn kiếm chuyện giết Nguyễn Uông. Nguyễn Hoàng thấy thế lo sợ, năm 1558 nhờ chị xin cho vào trấn đất Thuận-hóa, tìm chỗ trú thân.

Là người khôn ngoan, có tài, có đức, biết dùng người và biết thương dân nên ai cũng mến phục, không bao lâu ông đã có một số binh lực trong tay.

---

(1) Tunquin là lối phiên âm chữ Đông-Kinh, theo lối nói của người Trung-hoa. Năm 1428, Lê-Lợi sau khi dành lại được chủ quyền độc lập, xưng vương, danh hiệu Lê-thái-Tổ và đổi Đông đô thành Đông-kinh. Vào buôn bán với nước ta, người Bồ chỉ biết có tên khu cảng, và ảnh hưởng của người Tàu, coi nước ta như một tỉnh lệ thuộc nước Tàu, cũng như Quảng-đông, Bắc-kinh, tên tỉnh thường dùng để gọi cả vùng, Đông-kinh được dùng để chỉ thay tên cả nước, người ta đã gọi nước Việt-Nam là xứ Đông-kinh. Đông-kinh là tên gọi văn chương. Theo lối nói nôm na của dân xứ, người ta cũng gọi là Kẻ chợ. Theo Cha Đắc Lộ, tiếng Kẻ Chợ (Checc) bị người Nhật đọc trại là Coci. Để phân biệt Coci, Kẻ Chợ, kinh đô nước Việt với xứ Cocin ở Ấn-độ, người Bồ đã thêm chữ Cina, tức là Cocincina, xứ Coci ở gần Trung-hoa. Trong các sách và các thủ bản thế kỷ XVI, danh từ Cocincina được dùng để chỉ chung cả nước Việt. Sau khi Trịnh Nguyễn phân tranh, dần dần danh từ Tunquin được dùng để chỉ xứ Bắc Đàng Ngoài và Cocincina, xứ Nam Đàng Trong. Nhiều tác giả khác cho rằng chữ Canchi, hay Coci, là do chữ Kiao-tche (Giao chỉ), người Mã-lai đọc trại là Kutchi, và người Bồ phiên âm là Cauchi hay Coci, thêm sau chữ Cina để phân biệt với Cochin của Ấn-độ.

(2) Đắc-Lộ. Những cuộc hành trình và truyền giáo, trg. 62.

(3) Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược trg 204-294 ; và Lê-thành-Khôi, Le Việt-Nam t, 3 trg 210-251

Năm 1570, Trịnh Kiểm chết trao quyền cho con trưởng là Trịnh Cối, Trịnh Cối say mê tửu sắc, tướng sĩ không mấy người phục. Em là Trịnh Tùng cướp mất ngôi.

Thừa lúc hai anh em họ Trịnh đánh nhau, nhà Mạc đem quân vào đánh Thanh-hóa, và năm 1572 sai tướng vào đánh cả đất Thuận hóa của Nguyễn Hoàng. Nhờ mưu giỏi, tướng tài giúp rập, Nguyễn Hoàng đánh tan được quân Mạc, thế lực mỗi ngày một chắc.

Nắm được binh quyền của anh, năm 1591, Trịnh Tùng thấy thế quân đã mạnh, bèn cử đại binh ra đánh Thăng-long. Năm 1593, bắt được Mạc-mậu-Hợp, lấy lại được kinh thành.

Sau cuộc chiến thắng, Trịnh Tùng mỗi ngày một kiêu hãnh, ra mặt hiếp quyền vua Lê, tự xưng Bình an Vương. Thấy thế nhiều người không phục khởi binh chống lại họ Trịnh.

Nguyễn Hoàng đem quân theo giúp, thấy Trịnh Tùng tỏ ý ghen ghét. Để đề phòng một ám hại sau này, liền nhân cơ hội, đem bản bộ tướng sĩ giả cách nói là đi đánh giặc,rồi theo đường bể trở về Thuận-hóa.

Lúc đầu còn yếu thế, Nguyễn Hoàng, bên ngoài vẫn chưa ra mặt chống họ Trịnh, nhưng bên trong tìm cách củng cố chính quyền, binh lực, luyện tập quân sĩ, phòng bị lương thảo, khí giới để có thể chống nhau với họ Trịnh sau này. Năm 1613 Nguyễn Hoàng chết, trao quyền cho con thứ sáu là Nguyễn phước Nguyên tức chúa Sãi. Được nhiều tướng giỏi giúp việc, công cuộc binh đao, xây đồn đắp lũy phòng thủ được tiến mau lẹ. Chúa cũng tìm cách giao thương với người Bồ để mua súng ống đạn dược, Jao da Cruz, người Bồ cũng giúp chúa lập nhà đúc súng ở gần Huế, tục gọi là Phường Đúc (1).

Giữa lúc đó thì cha Buzomi đến truyền giáo cho xứ Nam (1614). Mải lo củng cố binh lực để chống nhau với họ Trịnh, chúa Nguyễn không để ý đến vấn đề tôn giáo, các cha được tự do truyền đạo, lại còn được kính nể là khác. Muốn giữ liên lạc

(1) Cadière, Jean de la Croix et les premiers jésuites. B.A.V.H. năm 1924 số 4, trg 307.

thương mại với người Bồ để có súng ống đạn dược, kim khí, mà các cha là những người ở các tàu buôn đó vào nước Việt. Sự có mặt của các cha ở trong xứ là bảo đảm sự trở lại của tàu buôn người Bồ và nếu khi cần thiết, nhà chúa rất có thể dùng tác cha làm trung gian điều đình.

Nhưng dựa vào một thế lực phần đời, tôn giáo cũng sẽ bị liên lụy một phần nào vào thế lực đó. Sau này, chúng ta sẽ thấy nhiều cuộc bách hại cấm cách thời kỳ đầu này, đều lên xuống một phần lớn theo nhịp giao thương giữa chúa Nguyễn và người Bồ hay những cuộc thắng bại của chiến cuộc. Tình trạng chia đôi còn gây nhiều khó dễ cho các thừa sai, nhất là trong việc liên lạc hoặc thuyên chuyển các nhân viên ở vùng này vùng khác.

2.— Tình trạng tôn giáo.

Nhưng nếu tình trạng chính trị có ảnh hưởng, gây khó khăn cản trở hoặc trái lại giúp cho công cuộc truyền giáo được dễ dàng hơn, nó vẫn không phải vấn đề chính làm bận tâm các thừa sai.

Muốn đem tin lành cứu chuộc, đạo thực của Con Thiên Chúa cho dân chúng Việt-nam, các ngài phải lo đương đầu và phá đổ trước hết những vướng trở của các tôn giáo đầy mê tín dị đoan của người dân Việt. Bị đầu độc và sống trong bầu khí đó từng bao thế hệ, họ khó lòng nhận ra được chính đạo. Nhiều khi còn vì mê tín dị đoan hay vì quá tự tôn với tôn giáo sai lầm thiếu sót của mình, họ đã vu cáo làm hại các thừa sai của đạo mới. Họ thúc đẩy chính quyền cấm đạo, triệt hạ các nhà thờ, xâm phạm đến tính mệnh của các ngài và của giáo dân. Đó là không nói đến các thầy sư thầy sãi, thầy cúng sống nhờ vào mê tín của dân chúng, thấy mối lợi bị phá đổ, tìm cách làm hại các ngài.

Cũng như ở Trung-hoa, ba giáo phái chính ở Việt-nam lúc đó là Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo :« Cả ba đều hoàn toàn trái ngược với luật Phúc âm thư » (1)

(1) Tissanier, Cuộc hành trình đến xứ Đông-kinh trg 135.

Trước hết, Nho giáo « tôn giáo, của giới thượng lưu trí thức ở Đông - kinh, của nhà vua, nhà chúa» (1). Theo cha Đắc - lộ, đứng về phương diện luân lý xã hội, gia đình, Khổng tử đã «đem lại và làm sáng tỏ nhiều phương châm về chính trị và luật tự nhiên, không có chi là trái với nguyên tắc của đạo Công-giáo, người công giáo không bỏ rơi cũng không phán quyết nó ». Nhưng đứng về phương diện thần học, gác ra ngoài vấn đề Đấng Tạo-Hóa và với việc phủ nhận con người có hồn thiêng bất tử, học thuyết của ông đã « đi đến chỗ vô thần, mở rộng cửa cho tất cả những thói xấu, chỉ còn để lại một hình ảnh lu mờ, một bóng dáng bên ngoài của nhân đức ». (2)

Nhưng, cản trở của công cuộc truyền giáo không phải chính Khổng - giáo. Các tôn giáo, dầu sao, tuy thiếu sót và nhiều sai nhầm, nhưng đã giúp một phần lớn trong việc bảo tồn con người trong tình trạng tôn giáo, trong khi chờ đợi tin lành đích thực đến với họ. Nhờ Khổng giáo, xã hội và gia đình Việt-nam đã có một tổ chức rất cao, người dân Việt có những đức tính, phong tục rất đáng khâm phục, nó đã giúp rất nhiều vào công cuộc truyền giáo.

Cản trở, thực ra, chính là môn đồ của phái Nho giáo với óc hẹp hòi và câu nệ của họ.

Với óc hẹp hòi, cho rằng trong vũ trụ chỉ có Trung-hoa là nước văn minh nhất nên cái gì cũng chỉ bắt chước người Tàu. Tất cả những người nước khác và nền văn minh của họ đều cho là kém. Ngoài Khổng giáo, Phật giáo, các tôn giáo khác đều cho là tả đạo.

Vì quá câu nệ, quá trọng lễ nghi bên ngoài, những cái cổ truyền cổ hủ, việc cúng ông bà ông vải với những tệ tục về

(1) Tissanier, (id) trag. 140. Trong cuốn Văn học sử yếu, tr. 83, ông Dương-quảng Hàm cũng viết : « Xã hội ta xưa tổ chức theo khuôn phép Nho giáo, nên người cầm quyền trong nước giúp vua trị dân phải là người trong phái nhà nho tức là người đã am hiểu đạo lý của Nho giáo. Bởi thế quan trường ở nước ta ngày xưa là do nho phái xuất thân».

(2) Đắc-Lộ, Lịch sử xứ Đông-kinh trg. 61.

ma chay tống táng, thấy ai dạy điều gì khác với « lời sách của thánh hiền » hay thói tục của cha ông, vội cho là tà thuyết làm mê hoặc lòng người và hủy hoại lễ giáo phong tục ngàn năm.

Với óc hẹp hòi câu nệ, lại thêm óc tự tôn và chuyên chế, giới nhà nho và giới cầm quyền bao lần đã làm cản trở công cuộc truyền giáo gây ra những cuộc cấm cách, bách hại, giam cầm các thừa sai và giáo dân.

Bên cạnh Nho giáo là Phật giáo và Lão giáo.

Phật giáo từ sau thế kỷ XV bước vào thời kỳ suy đồi, trở thành tôn giáo của thường dân. «Các tăng ni thường là những người bày ra các mối dị đoan, các lễ nghi phiền phức để cho bọn hạ lưu (nhất là đàn bà) đua theo, còn các giáo lý cao thâm của đạo Phật ít người hiểu nữa ». (1)

Tuy không được vua chúa để ý đến như đời nhà Lý, nhưng những dấu vết thời phồn thịnh vẫn còn. Làng nào, các cha cũng thấy nhan nhản những chùa chiền thờ thần phật và các sư vãi sống trên mê tín của nhân dân không hơn gì những thầy pháp, thầy cúng, thầy bói của giáo phái thứ ba : Lão giáo.

Lão giáo, theo cha Đắc-lộ là « một tôn giáo tai hại hơn cả, vì liên kết chặt chẽ vào công việc của quỉ thần » (2). Với óc mê tín dị đoan vào thần thánh, phù thủy, ảo thuật, bùa bèn, ấn quyết...mỗi khi đau ốm hay gặp tai nạn gì là nghĩ ngay đến thánh vật, ma làm, tìm ngay thầy cúng thầy bùa để bắt quyết, trừ tà hoặc các ông đồng bà cốt để cúng vài các cô các cậu.

Các cha không khỏi đau lòng, khi thấy trên mỗi bước đi, nhan nhản những am cùng miếu, những cảnh đúng lạy gốc đa hay những cảnh cúng cháo bên đường, cho đến tệ tục băm vằm em nhỏ để hồn khỏi trở về đầu thai giết hại (3). Rồi trong việc

(1) Dương Quảng Hàm, Văn học sử yếu, trg 63, 64.

(2) Đắc-lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, trg 72.

(3) Đắc-Lộ, Lịch sử xứ Đông kinh.

ma chay tống táng hay những nghi lễ kính nhớ hương hồn người quá cố mà cha Tissanier cho đó là «bằng chứng lòng tin tưởng ở linh hồn bất diệt của người dân» (1) cũng pha trộn biết bao mê tín và gây ra những đồi phong bại tục, những cuộc hội họp ăn uống tốn tiền.

Cũng vì mê tín dị đoan ở thần đánh thánh vật mỗi khi gặp tai nạn như lụt lội, hạn hán, mất mùa dịch tễ là họ đổ ngay cho người công giáo vì bỏ việc cúng tế quỉ thần nên giận phạt. Nhiều lần đã đi đến những cuộc bách hại cấm cách.

Những việc cúng tế, đóng góp trong làng trong họ cũng đã gây biết bao phiền phức cho người theo đạo. Họ bảo theo đạo là bỏ ông bà cha mẹ là bất hiếu. Trong công cuộc truyền giáo, các cha cũng phải mất nhiều công để gột rửa óc mê tín dị đoan lâu đời truyền kiếp còn vương vấn trong đầu óc người tân tòng.

3.— Người dân Việt-Nam và xã - hội Việt - Nam.

Nếu những tôn giáo đầy mê tín dị đoan trên đây là những cản trở lớn cho công cuộc truyền giáo, các cha không khỏi mừng thầm khi nhận thấy tính tình «thuần hậu, tốt lành» của người dân Việt-Nam. (2) Cha Buzomi cho rằng, người Việt có những đức tính dung hòa giữa người Tàu và người Nhật. « Họ không quá nghiêng về văn chương, tính tình cũng không thâm hiểm như người Tàu. Họ không quá nghiêng về quân bị, tính tình cũng không độc ác như người Nhật. Cả về tầm thước, họ không cao lớn như người Tàu, cũng không quá thấp như người Nhật» (3). Tuy dễ nghe dễ tin và nhiều mê tín, nhưng người dân Việt dễ nhận ra lẽ phải :« Họ không kiêu căng hay tự tôn như người Tàu» vì thế trong khi trình bày đạo lý, các cha có thể đưa về với lẽ phải, với chính đạo. Với lòng sùng đạo sẵn có, một khi trở lại, những

(1) Tissanier. Cuộc hành trình đến xứ Đông-kinh trg. 161.

(2) Tissanier, Cuộc hành trình đến xứ Đông-kinh trg 106.

(3) Bartoli, Istoria della compagnia di Gesu, cuốn III phần I, tập IV trg 171.

người công giáo Việt-Nam lại là những người nhiệt thành đạo đức hơn ai hết.

Đối với các ngoại kiều, và riêng với các cha, cha Christophe Borri cho rằng người dân Việt rất nhã nhặn lịch sự :« Dân chúng ở nhiều nước vùng Đông-Á thường coi những người Tây phương là tục tằn, tìm cách tránh mặt khinh bỉ thì ở xứ Nam, trái lại dân chúng kéo đến gặp chúng tôi, hỏi han chuyện vãn, mời chúng tôi dùng bữa với họ. Nói chung, họ cư xử với chúng tôi một cách lịch sự, thân mật của một dân tộc có một văn hóa cao»(1) Không có óc bài ngoại đó, nên các cha được giáodân tôn trọng coi như những người cha trong nhà trong họ, được qui mến, vâng theo. Với tình nghĩa thầy trò, các cha có thể tìm dễ dàng những người cộng tác trung thành và quyến luyến trong hoạt động tông đồ giáo dân, mà tổ chức thầy giảng của Giáo Hội Việt-Nam là một tổ chức luôn được đề cao trong lịch sử truyền giáo.

Các cha cho rằng những đức tính tốt đó một phần lớn nhờ ảnh hưởng luân lý và tổ chức xã hội gia đình của người dân Việt-Nam. Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài, dân Việt-Nam là một dân tộc văn minh : « Có một nền văn hóa rất cao. Họ có những vần thơ, những vở tuồng, những câu hát, những cuộc giải trí, và những ca vũ riêng của họ »,

Các cha khen ngợi tổ chức hành chính và pháp luật của dân Việt-Nam và theo cha Đắc-Lộ « còn hơn cả các nước tây phương, vì không có những nghi thức rườm rà, những giấy tờ lôi thôi, làm tổn phí thời giờ tiền bạc của đôi bên » (2). Nhưng các cha không khỏi than phiền về lối cai trị hà khắc, độc đoán của triều vua phủ chúa và của một số quan lại. Trong đời truyền giáo biết bao lần các cha gặp những nố các quan địa phương vịn vào những lệnh chỉ cấm cách để gây phiền nhiễu làm tiền giáo dân.

Tổ chức làng mạc cũng được các cha để ý đến. Chúng ta

(1) Christophe Borri, tường trình khu truyền giáo của các cha Dòng Tên ở xứ Nam.

(2) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo trg 89.

sẽ thấy các cha thích ứng vào trong tổ chức xứ đạo. Tổ chức mà ngày nay người ngoại quốc mỗi khi học hỏi đến đều khâm phục. Tổ chức gia đình cũng giúp nhiều vào đời sống đạo đức của người dân Việt. Nhưng tục đa thê đã là một vướng trở rất lớn cho bao người không trở lại đạo. Các vương phi, cung nữ, hoạn quan trong triều, vì sợ mất địa vị, đã nhiều lần xúi giục gây ra những cấm cách bách hại. (1)

Nhưng ngoài lối cai trị phong kiến độc đoán nhiều khi đến hà khắc, tệ tục đa thê và một vài tệ tục khác, còn nói chung, các cha rất có cảm tình với người dân Việt-nam và với xã hội Việt-nam.

Các cha đã đề chân vào nước Việt, trong một tình trạng chính trị, tôn giáo, xã hội, gia đình và với con người Việt-nam đó. Các cha đem đến cho chúng ta tin lành Phúc âm mà Chúa Cứu Thế đã đem đến cho nhân loại đã từ 16 thế kỷ nay, sau bao ngàn năm trông đợi.

Giở lại những trang sử của thời kỳ đầu Giáo hội Việt - nam chúng ta lần theo những công lao vất vả của các thừa sai dòng Tên trong công cuộc xây dựng nền móng cho Giáo Hội chúng ta nay.

III.— CHA BUZOMI VỚI NHỮNG THỬ THÁCH ĐẦU TIÊN (1615-1618).

1.— Những bông lúa đầu mùa.

Tuy cùng đi với cha Diego Carvalho, nhưng cha này, thực ra, được bề trên tỉnh dòng sai đến chỉ là để hoạt động truyền giáo tạm thời trong khu trú cư của giáo dân Nhật tại cửa Hội-an : yên ủi giúp đỡ và bảo vệ đức tin của họ trong khi vì đức tin phải rời bỏ quê hương đến sống ở đất khách quê người. Là vị truyền giáo của người Nhật, cha Carvalho thông thạo tiếng nói

(1) Xem chương IV

và phong tục của người Nhật. Tuy bị trục xuất, nhưng cha vẫn mong muốn được trở lại. Mong muốn đó cha đã đạt được : sau hơn một năm sống bên giáo dân Nhật ở cửa Hội-an, bề trên đã gọi cha về Áo-môn để tìm đường lẻn lút vào đất Nhật. Ngày 24 tháng 2 năm 1624 cha đã được phúc triều thiên tử đạo sau 12 giờ chịu các cực hình ghê sợ.

Sự có mặt của cha Carvalho và các thầy người Nhật tuy vậy rất có lợi cho cha Buzomi, trong những giao tiếp ban đầu một khi chưa biết tiếng nói và phong tục của người xứ mình đến. Trong số những giáo dân Nhật đến buôn bán, thế nào chẳng có nhiều người biết nói tiếng Việt, cha rất có thể nhờ họ làm thông ngôn và đồng thời giúp các cha học tiếng, tìm hiểu phong tục và tính tình người Việt.

Sau khi tới cửa Hội-an (18-1-1615) công việc đầu tiên của cha Buzomi là cất tạm một nhà nguyện cho giáo dân Nhật ở đó và cho người Bồ trong thời gian đến buôn bán, đồng thời cũng là trụ sở đầu tiên làm căn cứ truyền giáo cho vùng chung quanh. Lễ Phục-Sinh năm đó, cha được sung sướng dâng lễ đầu tiên ở quê hương thứ hai của cha trong nhà nguyện mới và đón nhận 10 người tân tòng, những bông lúa đầu mùa của cha.

Và ngay từ lúc đầu, cha Buzomi đã tìm được người cộng tác : « Cậu Agostinô trong số những người tân tòng đó, sau khi chịu phép rửa đã ở lại giúp việc các cha. Cậu là người đầu tiên trong tổ chức các thầy giảng ở xứ Nam và sau này ở xứ Bắc, một tổ chức đã đào luyện được rất nhiều người nhân đức sán lạn. Họ đã vượt thắng những thử thách trong các thời kỳ bách hại : từ đày, tra khảo, cho cả đến cái chết cũng coi thường. Nhờ đó danh Chúa được cả sáng và Giáo Hội Việt-nam được tiếng thơm khắp nơi ». (1)

Đã có trụ sở, nơi trú ngụ, lại thêm người cộng tác với một số giáo dân đầu mùa, cha Buzomi nghĩ đến công cuộc truyền giáo cho các vùng chung quanh, nhất là ở trấn Quảng Nam.

---

(1) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu, vol IV, trang 182.

Nhưng trong một đế quốc chuyên chính, tất cả quyền hành trong tay nhọ chúa, được lòng ông ta, công cuộc truyền giáo sẽ được dễ dàng, bảo đảm hơn. Vì thế ngay lúc đầu, cha đã cùng lái buôn Bồ lên kinh dâng lễ vật, cho chúa Nguyễn. Dạo đó theo lệ, mỗi tàu buôn cập bến, phải có một lễ vật gì qui giá ở Tây phương đem sang để vào ra mắt nhà chúa. Kinh đô lúc đó còn ở làng Trà Bát tức Cát Dinh.

Cha được chúa Sãi vương, con chúa Tiên, Nguyễn Hoàng, tiếp đãi niềm nở. Năm trước, chính nhà chúa đã ủy nhiệm cho quan thuyền trưởng Ferdinand de Costa về Áo môn dẫn dụ Gia tô đạo trưởng đến trú ngụ ở xứ Nam để nối chặt và bảo đảm liên lạc thương mại cần thiết cho những chiến cuộc dự định chống chúa Trịnh ngoài Bắc nay mai. Chúa Sãi đã ban cho cha một tờ chiếu đóng dấu đỏ của triều đình cho phép cha được tự do truyền giáo trong khắp các vùng xứ Nam, lại còn nhượng đất đai cho cha làm nhà thờ và nơi cư trú.

Trở lại cửa Hội-an, cha tiếp tục công cuộc truyền giáo ở đó và nhất là tìm học hỏi phong tục tiếng nói của dân xứ, trước khi muốn đem tin lành đến cho họ. Cha có những nhận xét rất đúng về nền văn hóa Việt-Nam. Theo cha, Việt-nam là một nước văn minh, có một trình độ văn hóa cao, trọng cổ truyền, trọng « chữ viết và sách chữ ». Về văn tự thì phân ra « một đàng là lối nói bình dân, một đàng là lối nói của văn gia như la ngữ của chúng ta... « Họ viết bằng bút lông và chữ viết đó trong những giấy tờ thường dịch, còn muốn hiểu và đọc được sách chữ, thì phải học một số rất nhiều thứ chữ mà ở đây chúng tôi gọi là chữ Hán, chữ dân chúng thường dùng thì cũng giống thể chữ Hán, nhưng lối đọc lại khác. Còn tiếng nói thì « cung giọng êm dịu và giầu hơn tiếng nói của người Trung hoa, nghe như người ta bình một bản thơ phổ nhạc ». (1)

Trong thời kỳ ở Hội-an, nhờ một dịp bất ngờ, cha đã khám phá ra quan niệm sai nhầm của người Việt-nam về

(1) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu, vol IV, trang 172.

việc nhập đạo. Như trên đây, chúng ta thấy, trước khi các thừa sai dòng Tên đến truyền giáo cho xứ Nam, hằng năm có các giáo sĩ tuyên úy cùng đi với các tàu buôn người Bồ vào cửa biển nước Việt (1). Trong thời gian vắn vỏi tàu buôn đỗ lại đó, các cha tìm cách truyền giáo cho người Việt đến cất hàng ở đó. Không biết tiếng nói, các cha phải giảng đạo bằng thông ngôn. Thông ngôn người Việt, Tàu hay Nhật là những người trung gian thương mại, họ chỉ cần biết đủ một số tiếng Bồ về thương mại, có thể hiểu sao được các danh từ tôn giáo mà các cha muốn đem trình bày. Vì thế sẩy ra nhiều ngộ nhận về tôn giáo do những sai nhầm của người thông ngôn.

Một hôm đi dạo trên bãi biển, thấy một bọn hát tuồng rong đang làm trò cho dân chúng xem, đứng lại, cha đã được chứng kiến hài kịch sau đây : (2)

Một con hát bước ra sân khấu với cái bụng độn rất to, theo sau là một con hát giắt một em nhỏ. Con hát bụng độn hỏi em nhỏ :« Con gnoc muon bau tlom laom Hoa laom chiam» (con nhỏ có muốn vào trong lòng Hòa Lang chăng). Em nhỏ thưa có. Tức thì con hát đứng bên tìm cách nhét em nhỏ vào trong chiếc bụng độn giữa tiếng cười thỏa chí của khán giả. Hài kịch được diễn lại mấy lần mà người đứng xem vẫn không chán.

Nhờ câu chuyện đó mà cha Buzomi hiểu ra là người thông ngôn đã dịch sai câu mời gọi người tân tòng muốn lĩnh nhận phép rửa. Dân chúng hiểu nhầm đem ra chế diễu cho người theo đạo là bỏ quốc gia dân tộc, trở thành người Hòa Lang. Từ đó câu đó được đổi : « Con gnoc muon bau mau Christiam chiam » (con nhỏ muốn vào đạo Christiang chăng). Hiểu nhầm nhờ đó dần dần được tẩy xóa đi.

Vào quãng tháng bảy cha vào trấn Quảng-nam,mở đầu công

(1) Xem trên Chương I.

(1) Christophe Borri, tường trình trang 107-109

cuộc truyền giáo ở đó. Cha được quan trấn tiếp đãi tử tế, lo liệu cho có chỗ ăn chỗ ngủ hẳn hòi. « Ông là anh bà lớn Phanxica, mà theo thói tục gọi tên của xứ đó thì gọi là bà Gioanna, tên thánh của con gái bà. Một cha dòng thánh Phanxicô đã rửa tội cho bà cụ cách đây chừng 30 năm, còn cô gái của bà do một cha Dòng Thánh Agostinô rửa tội ». (1)

Hằng ngày cha ra chỗ công chúng, giảng tin lành cho dân chúng. Công cuộc truyền giáo của cha rất kết quả. Năm đó số người trở lại được tới 300.Một cư sở truyền giáo thứ hai được thiết lập ở trấn Quảng-nam và cha phải chia ra mỗi nơi ở một ít tuần.

Đầu năm 1616, bề trên tỉnh dòng ở Áo-môn sai cha Andrea Fernandez, người Bồ sang thay thế cho cha Diego Carvalho được gọi về để tìm đường sang Nhật. Được biết công cuộc truyền giáo xứ Nam được nhiều kết quả và hứa hẹn, năm 1617, Áo-môn lại sai thêm cha Phanxicô de Pina, người Ý và cha Phanxicô Barretô, người Bồ sang giúp việc cha Buzomi.

Cha Đắc-lộ đã nói về 2 cha :« Cả hai đều là những vị thừa sai anh hùng can đảm, hoạt động hy sinh không biết nhọc.Trong một thời gian vắn,2 cha đã thu lượm được những kết quả to tát» (2). Vượt hơn các cha khác, cha Phanxicô de Pina còn có tài học tiếng,cha là người duy nhất trước cha Đắc-lộ, giảng cho dân chúng mà không cần đến thông ngôn. Cha là thầy dạy tiếng của cha Đắc-lộ sau này.

2.— Những thử thách đầu tiên (3).

Nhưng công cuộc truyền giáo mang ơn cứu chuộc bao giờ cũng tiến theo con đường thập giá. «Lòng nhiệt thành của các cha đã đem lại nhiều kết quả làm cho ma quỉ, kẻ thù chính của các cha phải lo ngại » (4).

---

(1) Barloli, Istoria della Compagnia di Gesu, vol IV, trang 181.

(2) Đắc-lộ. Những cuộc hành trình và truyền giáo trg 68.

(3) Christophe Borri. Tường trình, chương II, trg 112-127.

(4) Đắc-lộ, (id).

Thường thường mỗi năm, vào cuối hè sang thu, có mưa nguồn, nước ở trên các vùng núi Mọi đổ xuống làm ngập đồng quê, đem hoa lợi mầu mỡ đến cho nhà nông có nước làm mùa. Nhưng mùa thu năm đó (1617) trời hạn hán, không có nước gieo mạ làm mùa, nạn đói đe dọa. Các «onsai» tức thầy sãi tổ chức hết cuộc cầu đảo này đến cầu đảo nọ mà trời vẫn không mưa. Sẵn ghét các cha, họ liền cho phao đồn : trời hạn hán là vì «các thần nổi giận thấy chúng bỏ theo đạo mới để chùa chiền miếu mạo hoang vu, muốn cho các thần nguôi đi chỉ có cách là đuổi các đạo sư tây giang ra khỏi nước». (1)

Tin nghe một cách mù quáng, dân chúng yêu cầu chúa Nguyễn ra lệnh trục xuất các cha. Một đàng muốn giữ các cha lại để bảo đảm liên lạc thương mại với người Bồ, một đàng cần lấy lòng dân chúng để bảo vệ ngôi chúa vừa mới xây dựng lên, đang khi chúa Trịnh ngoài Bắc chỉ tìm cơ hội, một cuộc bất bình bên trong để nhúng tay vào, Sãi Vương cho vời các cha đến. Nhà chúa nói cho các cha hay, mình vẫn một lòng qui mến các cha và mong muốn các cha ở lại xứ Nam, nhưng để làm dịu quần chúng đang bị các thầy sãi xúi giục, nhà chúa yêu cầu các cha tự ý rời xứ Nam một thời gian, sau đó lại trở lại.

Theo ý Sãi Vương, các cha gạt nước mắt ra đi, để lại một giáo đoàn mới chớm nở. Thuê được một chiếc thuyền để ra khơi về Áo-môn, nhưng trái gió đành phải trở lại sống lẩn lút ở một khu rừng hoang bên bãi biển. Không chịu được cảnh bùn lầy nước đọng, cha Buzomi ngã bệnh, màng phổi bị sưng. Giáo dân muốn đưa cha về làng mạc, chỗ khí lành để chữa chạy, nhưng người ngoại đe giết.

3 — Quan phủ Qui-nhơn

Trong khu rừng hoang nước độc, bệnh tình cha Buzomi mỗi ngày một nặng, cha chỉ còn biết trông cậy ơn Chúa giúp, Chúa đã dùng quan tri phủ Qui-nhơn để cứu các cha.

---

(1) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu vol V, trg. 89.



Chân dung Cha A-lịch-sơn Đắc-Lộ.

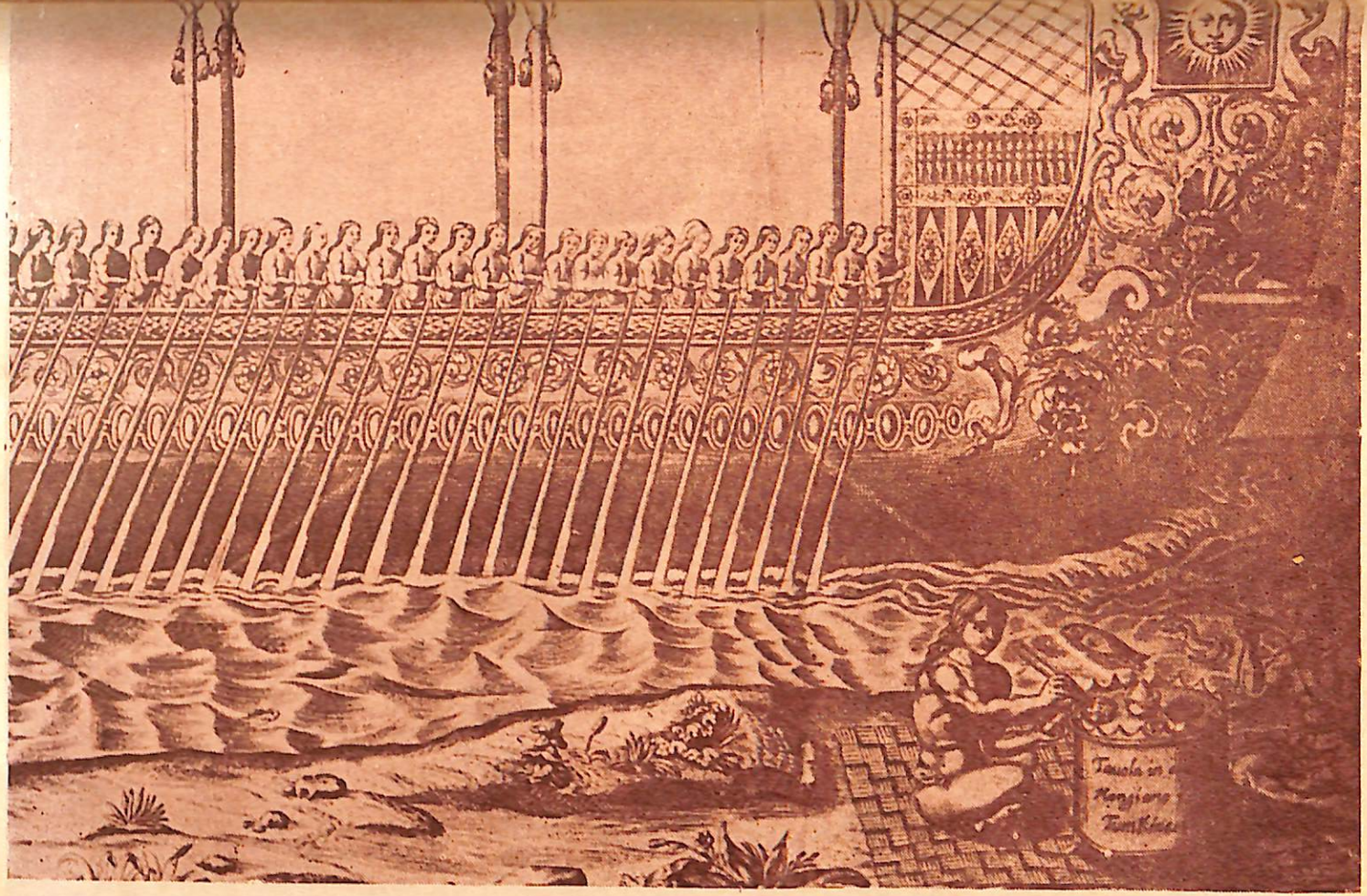

Chiến thuyền Xứ Bắc, phía cuối bên phải có hình bữa ăn của đôi vợ chồng người Xứ Bắc.

Hình trong cuốn « Những Khu Truyền Giáo » của Cha Marini.

Có việc lên phủ chúa, nghe tin các cha phải sống trốn tránh khổ sở, ông liền sai gia nhân đem 10 nén bạc giúp các cha và hứa khi ở phủ chúa trở về sẽ ghé thuyền đón cha Buzomi về Qui - nhơn. Trước đây ông đã quen biết cha và rất cảm mến cha. Cha đem theo thầy Diaz, người Bồ và thầy Agostinô người Việt mà cha đã rửa tội khi mới tới cửa Hội-an Phục sinh 1614. Còn cha Pina và hai thầy Giuse, Paulô, người Nhật được giáo dân Nhật ban đêm đón về Hội-an trong khu cư trú của họ. (1)

Biết tin các thừa sai xứ Nam bị trục xuất, cha Buzomi bị ngã bệnh trong cảnh trốn tránh, chuyến tàu buôn đầu năm 1618, bề trên tỉnh dòng ở Áo-môn sai hai thừa sai khác đến thay thế và gọi cha Buzomi về Áo-môn chữa bệnh.

Vì sợ với tính cách thừa sai đến truyền giáo, khi vào xứ Nam sẽ gặp khó dễ, đang lúc mà người ngoại còn đang thù ghét người có đạo, nên chỉ có một mình cha Pedre Marquez, người Nhật, sẽ đến truyền giáo trong khu cư trú của người Nhật là mặc áo thừa sai, còn cha Christophe Borri, người Ý, được sai đến bí mật truyền giáo cho dân chúng Việt-nam thì mặc giả là đầy tớ trên tàu.

Khi tàu cập bến, một câu chuyện vô tình đã làm cha Borri bị lộ chân tướng. Hai thủy thủ có chuyện xích mích đánh nhau, một anh bị thương. Thấy thế anh kia nhảy xuống bơi vào bờ trốn. Bị đuối sức, được cha Borri cứu đưa về tàu. Quên mình đang đóng vai tên đầy tớ, cha quở trách các thủy thủ. Họ cúi đầu nghe không dám cãi lại.

Những người có mặt bỡ ngỡ. Theo kinh nghiệm, những thủy thủ người Bồ có chuyện xích mích, ngoài đạo trưởng ra không ai can ngăn nổi. Họ nghi ngờ bàn tán, quyết cha là một đạo trưởng.

Biết mình lộ chân tướng, cha mặc áo giáo sĩ, lên đất dọn bàn thờ dâng lễ. Lễ xong thì trời đổ mưa như trút. Tất cả những lời

(1) Hai cha Fernandez và Barreto đã qua Cao-miên để mở đầu công cuộc truyền giáo ở đó, nhưng vì gặp nhiều khó dễ do người Hòa-lan, hai cha lại phải trở về Áo-môn. Trong cuốn Tường trình của cha Christophe Borri, nói khi đến thì gặp cha Buzomi và Pina.

dị nghị vu cáo từ trước đều tiêu tan, vì như thế chứng tỏ đại hạn không phải vì thần phật giận phạt các người có đạo, bỏ chùa chiền theo tây giang đạo trưởng, mà trái lại hai cha mới đến, còn đem lại trận mưa trút nước đã từ bao tháng trông đợi. (1)

Được nước, ai nấy chăm chỉ làm ăn, vỡ ruộng cầy bừa, không còn nghĩ đến chuyện cũ. Chúa Sãi thấy thế cũng mừng lắm. Từ khi trục xuất các cha, nhà chúa vẫn lo tàu buôn Áo-môn sẽ giận không trở lại. Trời mưa, mùa lúa hứa hẹn, không còn sợ mất lòng dân, chúa Sãi tìm hết cách để chuộc lại lỗi xưa. Các cha không những được tự do truyền giáo như trước, lại còn được chiều đãi hơn.

Theo lệnh bề trên tỉnh dòng, cha Buzomi lên cửa Hội-an lấy tàu về chữa bệnh ở Áo-môn, nhưng Chúa còn muốn cha ở lại tiếp tục truyền giáo cho dân Việt-nam, trước khi tàu nhổ neo thì cha được bình phục. Cha trở lại Qui-nhơn, đem theo hai cha De Pina và Borri, còn cha Pedre Maquez ở lại Hội-an trong khu trú cư của người Nhật.

Vào tháng bảy năm 1618 quan phủ Qui-nhơn làm cho các cha một ngôi nhà gỗ rộng rãi ở Nước mặn.(2). Ông dùng voi đưa các cha từ phủ xuống khu nhà mới. Các cha được yên ổn tự do hoạt động truyền giáo. Thỉnh thoảng ông lại sai gia nhân đầy tớ đem lúa gạo, thức ăn xuống cho các cha, không để các cha phải thiếu một thức gì. Đôi khi ông còn đích thân đến thăm bàn chuyện tôn giáo với cha. Một hôm ông còn sai hơn một ngàn tráng đinh khiêng cột kèo đã làm sẵn, đến dựng cho các cha một ngôi nhà thờ, và chỉ trong một ngày là nhà thờ đã cất xong, với sự bỡ ngỡ thán phục của các cha.

Chẳng may sau hơn một năm, quan phủ bị cảm thử chết bất ngờ. Trước khi chết ông đã được các cha rửa tội cho. Các cha rất lo ngại các thầy sãi nhân dịp đó lại phao đồn tin quan

(1) Christophe Borri, Tường trình, và Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu vol, V, trang 97-101.

(2) Các cha vẫn gọi là Pulocambi, tên gốc Mũi lai và Chàm.

phủ vì trọng đãi các tây giang đạo trưởng nên bị thần phật làm chết như những lối vu cáo dịp hạn hán trên đây.

Nhưng thái độ của «ông đề» (1), người con cả của quan phủ đã làm các cha khỏi lo ngại. Ông xử đãi với các cha rất tử tế, khi các cha đến chia buồn và phúng viếng tang gia, lúc trở về ông còn cho voi đưa các cha đến tận nhà. Các thầy sãi thấy thế không dám hở răng. Thái độ của quan đề, các cha đã giải thích cho chúng ta : « Theo một tin tưởng của những người ngoại giáo thì linh hồn người chết tuy bị chôn vùi dưới đất nhưng cũng biết hết công việc con cháu ở trên đất. Nếu con cháu sao nhãng việc ma chay cúng bái hay bỏ giở công việc của cha ông mình đang theo đuổi lúc sinh thời, thì hồn người chết sẽ về nhà báo oán vợ con, đem bệnh tật, nghèo khổ, tai nạn và có khi còn làm chết. Ông đề, người con cả của quan phủ, vì muốn cho linh hồn cụ thân sinh phù hộ cho gia đình mình, nên tiếp tục xử đãi tử tế với các cha. Các em và họ hàng bà con cũng bắt chước theo» (2).

IV. CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO Ở QUI-NHƠN VÀ QUẢNG-NAM (1618-1622).

Từ năm 1618 đến năm 1620, số thừa sai hoạt động truyền giáo ở xứ Nam là 4 vị : ba cha Buzomi, De Pina và Borri ở Nước-mặn với hai thầy Diaz và Agostinô, còn cha Pedre Maquez và hai thầy người Nhật ở cửa Hội-an. Cha De Pina, sau khi đã thông thạo tiếng nói và phong tục dân xứ, được phái đến hoạt động truyền giáo ở Quảng-nam, còn cha Borri, năm 1621, vì một lý do bị gọi về Áo-môn và sau bị trục khỏi hội dòng. (3)

Ở cửa Hội-an, số người Nhật đến buôn bán mỗi ngày một đông, nhiều khi tới hơn ngàn. Cha Pedre Maquez không khỏi buồn rầu, nhìn thấy những chiên cũ từ xa đến mang theo những vết thương tinh thần của cuộc phong ba bách hại : nhiều người

(1) Trong những Bản tường trình của các cha viết là «Ondalim»,

(2) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu, vol V, trg 182.

(3) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu, vol V. trg 193-194.

đã hèn yếu chối đạo, một số đã rơi vào tình trạng bạc nhược tinh thần. Bao nhiêu tệ lạm trong khu buôn bán cần phải chữa lại. Năm 1619, cha rửa tội thêm được 40 người và dựng một nhà nguyện riêng cho họ. (1)

Năm 1619, Áo-môn cũng sai một phái đoàn sứ giả sang xứ Nam để thắt chặt thêm tình liên lạc, yêu cầu chúa Nguyễn bảo vệ tự do truyền giáo của các thừa sai. Sứ giả được chúa Nguyễn tiếp đãi niềm nở, ban cho các cha một tờ chiếu đóng dấu son đỏ, do chính tay chúa phê, để các cha được tự do đi lại truyền giáo trong khắp xứ Nam, ai làm cản trở sẽ bị nghiêm phạt. Nhờ đó mà trong năm sáu năm tiếp theo, các cha được rảnh tay truyền giáo không bị ai phiền nhiễu cản trở.

1.— Công cuộc truyền giáo ở Qui-Nhơn.

Ngay từ lúc đầu khi mới đến Qui-nhơn, trong công cuộc truyền giáo, cha Buzomi đã chú trọng đến giới nho gia trí thức và giới cầm quyền. Ở Việt-Nam cũng như Trung-Hoa giới trí thức và đồng thời cũng là giới cầm quyền có ảnh hưởng rất lớn trong dân chúng. Lôi cuốn được giới này thì quần chúng cũng không khó lắm.

Đã thông thạo tiếng nói, phong tục, lại thêm một số người có chữ nghĩa cộng tác vào, các cha nghĩ đến việc phát hành một cuốn bổn bằng chữ nôm « gồm tất cả các mầu nhiệm và các giới răn của đạo Công giáo ». Nhiều cuộc tranh luận, giảng thuyết về tôn giáo với giới quan lại, nho gia và thầy sư, thầy sãi được tổ chức ở tư-gia hay chốn đình trung.

Đồng thời, các cha cũng không bỏ rơi quần chúng. Nếu với nho giới những cố gắng lúc đầu không được kết quả, vì tính cách cố chấp bảo thủ, rụt rè của họ, thì với quần chúng vùng quê, đời sống thanh sạch đơn giản, những tâm hồn đã được dọn sẵn

(1) Bartoli, id, Vol V, trg 101.

để nhận tin lành Phúc-âm, các cha đã thu lượm được nhiều kết quả mỹ mãn ngay từ lúc đầu. Nhiều họ đạo được thiết lập, lúc đầu với con số năm sáu gia đình, vài ba chục nhân danh rồi dần dần thêm lên (1)

Nhưng rồi đã đến lúc hoạt động truyền giáo của các cha bên giới trí thức đi đến kết quả. Mở đầu cho lớp trí thức công giáo ở Qui-nhơn là một vị đại thần, sứ giả triều Nguyễn sang Cao Miên (2). Phu nhân của ông là con gái quan phủ Qui-nhơn mới qua đời. Nhiều lần bà đã có dịp nghe cha Buzomi trình bày đạo mới và đã có ý muốn theo. Lợi dụng thời kỳ ông lên phủ Chúa để lĩnh ý và lễ vật của chúa Nguyễn trước khi lên đường đi sứ, bà và một số gia nhân đến xin học đạo với cha Buzomi. Được cha rửa tội với tên thánh là Ursula, bà còn lôi cuốn được cả chồng trở lại. Tuy bận bịu sửa soạn lên đường đi sứ, trong 20 đêm liền, ông tiếp tục đến học đạo với các cha. Ông đã trở lại với tên thánh là I-nha-xu, cùng với rất nhiều gia nhân và nhân viên tùy tòng.

Với đức tin vững mạnh mới được lĩnh nhận, trong một khu vực mà đạo giáo còn bị phản đối nghi kỵ, ông đã không ngại chứng tỏ ra bên ngoài danh hiệu người công giáo của ông. Chiếc thuyền sứ giả lên đường, ở đầu mũi ông cho đặt một mẫu ảnh Chúa Cứu Thế, và ở trên đầu cột buồm, ảnh thánh giá, ở lưng chừng là hình tên cực trọng Chúa Giêsu. Để phá đổ những mê tín dị đoan về ngày tốt xấu, ông đã khởi hành trong một ngày theo niên lịch, dân chúng cho là ngày kỵ. Ông đã tới Cao Miên bằng yên vô sự.

Ở Cao Miên, công cuộc truyền giáo được bắt đầu trước nước ta, do những thừa sai dòng thánh Phanxicô và Đaminh ở tỉnh dòng Malacca qua cảng Cần Cáo (Hà Tiên) vào. Nhưng tất cả các cố gắng đều không kết quả.

Cùng theo chính trị của chúa Nguyễn, vua Cao-Miên trước đây đã viết thư yêu cầu bể trên tỉnh dòng các thừa sai dòng Tên,

(1) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu, vol V trg 182-185
(2) Bartoli, id. trg 185-189

ở Áo Môn, sai một hai vị đến truyền giáo ở xứ mình, thâm ý là để bảo đảm sự đi lại buôn bán của người Bồ. Tháng 4 năm 1618, hai thừa sai dòng Tên được phái đến. Gặp những khó dễ do người Hòa-Lan thệ phản có ý ghét đạo và tranh thương với người Bồ, hai cha lại phải trở về.

Sứ giả vào triều vua Cao - Miên, đeo thánh giá lớn trước ngực. Lần này không phải lần đầu tiên ông đi sứ qua Cao-Miên, vì thế nhà vua và triều thần đều bỡ ngỡ. Bị người Hòa-Lan tuyên truyền, họ khuyên ông nên bỏ đạo. Ông đã can đảm xưng đức tin.

Công việc xong xuôi trở về, ông được vua Cao-Miên tiễn ra tận ngoài khơi. Chẳng may, gặp bão lớn, thuyền nhà vua bị đắm chết. Đang khi đó, đặt tất cả tin tưởng vào sự bảo hộ của Chúa quan phòng, ông I-nha-xu điềm tĩnh ngồi trong khoang lần hạt. Thuyền ông trở về tới Quảng-Nam bằng yên vô sự.

Hoạt động của cha Buzomi trong giới thầy sư thầy sãi cũng thu lượm được nhiều kết quả. Trong số những người trở lại, đáng kể hơn hết là một cụ « Sai-hien ». Đứng đầu các nhà sư vùng đó, từ bé cụ đã sống một đời tu hành chay lạt khổ hạnh, dân chúng coi cụ là một vị thánh sống. « Nhưng thực ra cụ thờ bụt thần chỉ vì cụ không được biết Chúa thật trời đất ». Không xét kể những lời dèm pha phản đối, cụ đã xin trở lại (1).

2.— Những khó khăn gặp phải.

Nhưng bên những kết quả trên đây, những khó khăn không phải không có. Những vướng trở cho hoạt động truyền giáo trong thời kỳ này hầu hết là do các giáo phái gây nên, nhưng đáng lo ngại hơn cả là hoạt động phá hoại của người Hòa-Lan thệ phản. Chính họ là chủ động gây ra cuộc bách hại đẫm máu ở Nhật hiện còn đang kéo dài. Sự có mặt của họ ở cửa biển chúa Nguyễn là một mối đe dọa.

(1) Bartoli. id, trang 194-196.

Về phía các giáo phái, lúc đó ở Nước Mặn, có một đạo sư rất thời danh, môn đệ có tới 200. Thấy ảnh hưởng của mình bị mất dần, trước thế giá mỗi ngày càng lên của mấy tây giang đạo trưởng, thầy tư Bình gửi thư yêu cầu cha Buzomi một cuộc tranh luận tôn giáo trước mặt công chúng.

Ngày giờ và nơi gặp mặt đã được ấn định, Thầy đem theo 200 đệ tử, kèn trống đón rước linh đình, còn cha Buzomi đơn sơ trong bộ áo tu hành nghèo nàn, không người đưa đón. Số người dự thính rất đông, các quan chức, kỳ hào, thầy sư, thầy sãi đủ cả, đặc biệt hơn cả là sự hiện diện của bà chị quan phủ cũ đã qua đời, bà cũng là một trong những môn đồ của Thầy.

Thầy tư Bình có ngờ đâu mình đang đứng trước, không phải một thầy sư bên đạo tầm thường trong bộ áo nhà tu soàng sĩnh, nhưng là một giáo sư đại học đã từng bao năm kinh nghiệm trên ghế giảng đường Áo-môn, mà cha Pina cũng là một trong số môn-đệ. Với tất cả sự tin tưởng ở sự giúp đỡ của Thánh Linh và ở chân lý bao giờ cũng thắng, cha Buzomi đã đánh đổ tất cả những lý luận của thày tư Bình. Thầy đã lúng túng, và rút lui nhục nhã. Ra đi kèn trống, kẻ đưa người đón, lúc về lủi thủi một mình, trái lại cha Buzomi ra đi yên lặng một mình, lúc về được dân chúng hoan hô tiễn về tận nhà. Số người trở lại mỗi ngày thêm đông, năm 1621, cha rửa tội được 172 người (1).

Ở Quảng-Nam, cha Pina, sau khi đã thông thạo tiếng nói và thu lượm được nhiều kinh nghiệm truyền giáo bên cha Buzomi, được sai lên hoạt động ở đó. Cũng như ở Nước Mặn, giáo phái của Thầy tư Bình được đồ đệ tuyên truyền ráo riết. Nhưng lần này không phải họ đến yêu cầu cha Pina mở cuộc tranh luận, mà là chính cha đến gặp họ. Cha muốn chặn đứng ngay từ đầu mầm lạc thuyết mới đang muốn đặt chân ở khu truyền giáo của cha.

Một hôm, không hẹn trước, cũng không báo trước cha đến dự cuộc thuyết pháp của đạo sư đồ đệ thầy tư Bình. Với tính cách thính giả, cha đem ra những vấn nạn yêu cầu giải thích.

(1) Bartoli, id, trang 196-199.

Cuộc tranh luận đi lần đến chỗ gay go, không muốn bị rơi vào thế yếu để cuối cùng bị thua nhục nhã như thầy mình ở Nước Mặn, đạo sư đã thách thức với cha một phép lạ. Lẽ dĩ nhiên, cha Pina không thể nhận yêu cầu đó vì « những điều vượt quá sự có thể của nhiên tính, chỉ có mình Chúa trời đất, người muốn ban quyền cho ai thì người đó được ». Đạo sư trả lời : « nghĩa là đạo trưởng chịu thua ». Nói rồi, bỏ đi ngay. (1).

Chẳng may, nhân câu truyện, dân chúng phao đồn đạo sư có phép tiên, có thể làm được những điều kỳ lạ. Một quan trong tỉnh đang lâm bệnh, đạo sư được ông cố bà cố mời đến chữa bệnh. Đằng đẵng một tháng giời, mỗi ngày đạo sư cùng 18 đồ đệ đến làm đủ các phù phép để bắt quyết trừ tà, đều vô hiệu. Mất tín nhiệm, đạo sư còn bị trục xuất khỏi Quảng-Nam. Cha Pina từ đó được yên trí hoạt động truyền giáo.

Hết đương đầu với giáo phái thầy tư Bình, các cha lại gặp đe dọa phá hoại của người Hòa Lan.

Sau cuộc thương thuyết nhiều hứa hẹn, các lái buôn Hòa Lan được chúa Sãi cho phép mở cửa hàng ở cửa Hội An, vừa làm chỗ buôn bán tranh thương với người Bồ, vừa làm chỗ tàu buôn ghé lại trên đường lên Nhật.

Biết tin, năm 1622, Áo môn liền phái sứ giả đem nhiều lễ vật và nhiều tàu buôn đem hàng hóa đến đương đầu với người Hòa Lan. Người Bồ đã thành công, chúa Sãi ra lệnh cho các trấn từ nay không được nhận tàu buôn của người Hòa Lan vào buôn bán.

Không còn lo ngại vì sự có mặt của người Hòa Lan thệ phản, các cha được rảnh tay hoạt động truyền giáo với sự bảo đảm che chở của chúa Sãi.

Năm đó cha bề trên tỉnh dòng ở Áo môn cũng sai thêm 3 cha, cha Emmanuel Fernandez và Emmanuel Borgès, người Bồ, cha Gioan de Leira, người Ý, cùng với thầy Romano Niti, người

(1) Bartoli, id, trang 199-201.

Nhật. Cha Emmanuel Fernandez đến thay thế cho cha Pedro Marquez ở khu buôn bán của người Nhật cửa Hội An. Đã thông thạo tiếng nói và phong tục, cha Marquez đến cộng tác với cha de Pina ở Quảng Nam. Còn 2 cha Borgès và Leira còn phải qua một thời kỳ học tiếng và tập sự bên cha Buzomi ở Nước Mặn.

3.— Công cuộc truyền giáo ở Quảng-Nam (1).

Cũng như cha Buzomi ở Qui Nhơn, trong hoạt động truyền giáo cha Pina chú trọng đến giới nho gia trí thức và giới cầm quyền, đồng thời cũng không bỏ rơi quần chúng.

Với quần chúng, ở Quảng Nam cũng như ở Qui Nhơn, ngay từ lúc đầu cha đã thu lượm được những kết quả khả quan. Năm đầu tiên cha đã rửa tội được 275 người. Cha đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc đả phá những mê tín : việc cúng cơm rượu thức ăn cho người chết, việc đốt vàng mã, hình nhân cho người dưới âm phủ dùng. Sống trong một xã hội, mà nhiều tập tục trào lộn trong tôn giáo đã trở thành những nghi lễ bó buộc, chỉ cho họ những chỗ sai lầm, và giúp họ bỏ đi, không phải chuyện dễ và phản ứng xã hội cũng không thể coi khinh.

Muốn đả phá một tệ tục, không gì hơn là tìm thay thế bằng một tập tục tốt hơn. Thay vì đơm cúng cho hồn người chết không còn thể ăn uống được nữa, cha bảo giáo dân đem tiền của tiêu phí đó giúp cho người nghèo và những công việc từ thiện.

Cử chỉ làm phúc này đã được những người tân tòng của cha Pina đem thi hành và là một bài giảng rất hiệu quả cho đạo mới. Ở một làng ngoại ô trấn Quảng Nam, bà chị một gia đình công giáo qua đời. Người em thay vì tốn tiền đốt vàng mã, lập đàn cúng, đã gọi người nghèo đến giúp đỡ tiền nong, phân phát đồ dùng áo mặc. Dân chúng trong vùng lấy thế làm phải, muốn tìm hiểu đạo mới. Với lối lý luận đơn sơ chất phác họ bàn tán :

(1) Bartoli, id, vol V trang 207-222.

« Chắc phải là đạo hay đạo thực, các đạo trưởng bên ấy không hề nghĩ việc trục lợi. Các ngài không vì lợi mà bịa đặt ra điều này điều khác, như các thầy cúng bày ra tục chạy đàn, đơm cúng để kiếm lợi cho mình. »

Một cha ở Quảng Nam được mời đến để giảng thuyết cho họ. Nhận ra chân lý, 23 người trong số đến dự thính đã xin học đạo và theo đạo.

Với nho gia trí thức quan lại, mở đầu kết quả hoạt động truyền giáo của cha Pina là cụ nghè Giuse.

Cụ là người được kính nể trong trấn Quảng Nam, môn sinh rất nhiều. Đã hơn một năm trời từ ngày đến Quảng Nam, cha Pina tìm cách đi lại, trao đổi câu chuyện về tôn giáo, mong đưa cụ trở lại đạo thật. Nhiều khi cha đã ngã lòng vì tính cách bảo thủ rụt rè của cụ cũng như tất cả những nho gia khác. Nhưng cha vẫn cố nuôi hi vọng, vì trong câu chuyện, cụ tỏ ra có tinh thần phục lý, muốn tìm hiểu đạo hơn là ghét đạo. Công cuộc chinh phục thật vất vả.

Cuối cùng cha đã thành công. Trước khi bước cái bước quyết định, cụ còn bí mật xuống Nước Mặn gặp cha Buzomi, để đối chiếu giáo thuyết của hai cha, xem có thật đạo của các cha là đạo công giáo, đạo của mọi người, của mọi thời đại, cùng một tin tưởng duy nhất. Trở về Quảng Nam, cụ đã xin lĩnh nhận phép rửa tội với tên thánh là Giuse.

Cụ Giuse trở lại đã lôi cuốn được nhiều người trong nho giới theo. Đáng kể hơn hết là cụ Phêrô, cụ Manuêlê và nhất là cụ Paolô, cố vấn hình luật của quan trấn Quảng Nam.

Cụ Phêrô, từ khi cáo lão về hưu, đã sống cảnh tu trì luyện đạo rất nghiêm ngặt. Muốn cho tinh thần sảng khoái để dễ bề chiêm ngắm đạo lý và lễ trời, cụ chay lạt không hề ăn thịt cá, mỗi ngày chỉ một ít cháo loãng, có khi 2, 3 ngày mới dùng bữa một lần. Người ta bảo cụ đã thành tiên, tranh nhau đến xin bùa hộ mệnh, lá số và thuốc tiên.

Sức con người có hạn, không thể chịu đựng được những chay

lạt quá đáng, cụ ngã bệnh nặng, một sống hai chết. Nghe biết cụ Giuse trở lại, cụ không khỏi bỡ ngỡ. Muốn tìm hiểu đạo mới, cụ mời cụ Giuse đến nhà. Sau mấy buổi gặp gỡ, cụ đã được ơn Chúa cho nhận thấy đạo thật, xin trở lại đạo để được chết với tính cách người công giáo. Nhưng Chúa đã muốn cụ sống để đưa nhiều người khác trở lại. Cụ đã bình phục và được cha Pina rửa tội với tên thánh là Phêrô.

Theo sau 2 cụ là cụ Manuêlê, một sư cụ danh tiếng trong vùng Quảng-Nam. Trước khi trở lại, cụ Giuse là người rất sùng bụt, xây dựng nhiều chùa chiền và cúng tiền ở khắp các đền. Năm ngoái cụ đã đứng đầu xây cất một ngôi chùa lớn, cụ trở lại, không người tiếp tục, đành phải bỏ dở. Sư cụ buồn lắm, chỉ còn biết trông cậy vào cụ Phêrô. Đến nhà, nghe tin cụ Phêrô ngã bệnh và cũng có ý muốn trở lại như cụ Giuse, sư cụ càng buồn. Suốt một đêm ngày không ăn không ngủ, cụ nhất định đến ngăn cụ Phêrô. Được cụ Phêrô dẫn giải cho về đạo mới, sư cụ xin trở lại và được cha Pina rửa tội, đặt tên thánh là Manuêlê.

Từ đó, cụ Manuêlê trở nên một tông đồ giáo dân rất nhiệt thành. Cụ làm tờ tuyên ngôn cho dân chúng biết vì sao cụ trở lại, cụ kêu gọi những người trước đây đã nghe theo cụ, tin tưởng những điều không đúng thực thì nay cùng sẽ theo cụ bước vào chính đạo. Chưa đủ, cụ đi các gia đình quan liêu và thứ dân, rao giảng tin lành Phúc âm cho mọi người. Với những lý lẽ đơn sơ, chân thành, cụ đã lôi cuốn được nhiều người trở lại.

Nhưng cuộc trở lại đáng kể và nhiều hiệu quả hơn cả là cuộc trở lại của quan Paolô, vào cuối năm 1622

Cố vấn của hoàng tử trấn thủ Quảng-Nam, cụ là người thông thái, đã đọc tất cả các sách bàn về đạo lý kim cổ, nhưng chưa sách nào làm cụ hài lòng. Cuối cùng được đọc cuốn sách bổn của cha Matteo Ricci, cụ mới chắc tìm thấy đạo thật. Bước vào đạo công giáo với tên thánh Paolô, cụ vẫn tiếp tục tìm học hỏi sâu xa về đạo. Trong những ngày đầu năm, đồng thời cũng là những ngày đầu đời sống công giáo của cụ, cụ đã sống trong chay lạt và cầu nguyện. Tránh những cuộc thù tiếp ăn uống đầu

xuân, cụ tìm nơi thanh vắng để nguyện ngắm về những mầu nhiệm trong đạo. Sau rằm tháng giêng, cụ mới làm tiệc mời các quan chức quen thuộc đến, trình bày lý do cuộc trở lại của cụ và mời mọi người đến dự cuộc thuyết giáo của cha Pina do cụ tổ chức.

Buổi thuyết giáo hôm đó có tới 3 ngàn người đến dự. Cha Pina hi vọng sẽ cất được một mẻ chài đầy cá. Nhưng kẻ thù của đạo đã tìm cách phá hoại gây nghi ngờ hoang mang. Đang giữa buổi một người đứng lên nói lớn: xin chư vị coi chừng vì tây giang đạo trưởng là một phù thủy có tài, có thể mê hoặc người nghe làm cho tin tất cả những lời mình nói là có thật. Nói rồi bưng miệng rút lui, và một số cũng ra theo. Dầu vậy, sau buổi thuyết giáo cũng được hơn 3 chục người đến xin học đạo.

Ở Nước Mặn, cha Buzomi cũng tiếp tục thu lượm được nhiều kết quả trong quần chúng, và trong giới tăng già, quan lại trí thức. Đáng kể hơn cả là cuộc trở lại của sư cụ Đamianô (1).

Ở xa tỉnh Qui Nhơn, cụ rất bất mãn khi nghe biết các đạo sư danh tiếng, cho cả đến thầy tư Bình, cũng phải đầu hàng trong những cuộc tranh luận tôn giáo với tây giang đạo trưởng. Cụ nhất định lên Nước Mặn để gặp gỡ tranh luận với cha Buzomi. Cụ bị thua. Nhưng không như những đạo sư trước, trở về nhà, cụ kiểm điểm lại tất cả những tin tưởng của cụ trước đây. Nhận ra chân lý của Tin lành Phúc âm và những mê tín dị đoan tôn giáo của cụ, cụ xin chịu phép rửa, tên thánh là Đamianô.

Từ đó, cụ nhiệt thành truyền giáo cho người trong vùng. Cụ xây cất một nhà nguyện mới. Tin lành lần lần lan truyền đi khắp các tỉnh lớn và trong nhiều thôn xóm xứ Nam. Số giáo dân mỗi ngày thêm nhiều.

---

(1) Bartoli. id, trang 226-230.

V — NHỮNG THỬ THÁCH TIẾP TỤC CỦA GIÁO ĐOÀN XỨ NAM (1623-1626).

1. — Những vu cáo phá hoại (1).

Không thể chặn đứng kết quả công cuộc truyền giáo đang lên bằng đường lối chính đáng, những cuộc tranh luận tôn giáo trước mặt công chúng, thầy cúng, thầy sãi đã dùng đến phương pháp vu cáo phá hoại

Một thầy cúng ở Nước Mặn cho phao đồn rằng : trong cuộc gọi hồn, thầy đã thấy trong bóng gương, tình trạng khổ cực của một bà lão bị các tây giang đạo trưởng lừa dối, trước khi chết đã để cho họ đổ lên đầu thứ nước tác hại. Đầu tóc rũ rợi, đôi mắt sâu hoắm, bà than khóc vì đã trót nghe các tây giang đạo trưởng lừa dối, nên bị các thần xứ Nam oán phạt giam cầm ở đáy địa ngục trong một vạc dầu sôi lớn. Bà xin với thầy vì tình nghĩa đồng bào, bảo cho những người còn sống đừng nghe các đạo trưởng đó nữa kẻo lại khổ sở như bà.

Đồng thời, không biết từ đâu một câu chuyện vu cáo bịa đặt khác được tung ra. Đạo đó, các cha thường tặng các tân tòng một cỗ tràng hạt và họ thường đeo ở cổ, lúc ở nhà cũng như lúc đi đường. Những kẻ thù của đạo liền phao đồn ra rằng: tràng hạt là một thứ giây bùa, các cha dùng để trói buộc hồn các người theo đạo. Chết rồi, hồn họ sẽ hết kiếp này sang kiếp khác phải đầu thai làm tôi đòi, súc vật cho vua nước Bồ. Các cha chính là các thầy pháp vua Bồ sai đến để bắt hồn người dân Việt về cho mình. Lý do là các cha được vua Bồ giúp đỡ và dầu vất vả khó nhọc dạy đạo, các cha không hề lấy của ai một đồng tiền, dù người ta tự ý dâng cúng cũng từ chối.

Những câu chuyện vu cáo bịa đặt đồn thổi đó, gây rất nhiều tai hại cho đạo. Dân chúng Việt Nam rất dễ tin nghe những câu chuyện đồn thổi, rồi qua miệng người này sang người khác

(1) Bartoli. id, trang 224-226 và 230-239.

được thêu dệt thêm ra. Những người chưa biết đạo thành ra có thiên kiến với đạo. Những người muốn trở lại, hoang mang lo ngại. Những người đã theo đạo mà chưa vững đức tin, sinh chán nản. Các cha phải tìm hết cách để cải chính những phao đồn giảo quyệt đó.

Lợi dụng phong trào ghét đạo đang lên, các thày sãi lại bầy ra một chuyện khác để xúi giục dân chúng đứng lên bách hại đạo.

Ở gần nhà các cha, có một đền thiêng lắm. Dân chúng đến cúng bái rất nhiều.Nhưng từ khi các cha đến truyền đạo,số người lui tới mỗi ngày một thưa. Các thầy sãi đã tìm kế hại các cha.

Họ bẻ cổ, chặt tay các tượng bụt, lật đổ và vứt ngổn ngang trong đền, rồi vu cáo các cha và giáo dân đã phạm đến các bụt thần của nhà nước. Để gây phẫn uất trong dân chúng,nhân ngày trăng mới, các quan chức hội nhau tế đức Khổng, họ liền cho võng các tượng bị nhục mạ đó đến trước mặt các quan,vừa đi vừa la lối ồn ào,

Quan phủ là người khôn ngoan, cho điều tra tường tận công việc và trình lên quan trấn Quảng-Nam. Cha Buzomi cũng lên trấn yêu cầu phái một quan chức về điều tra tại chỗ. Câu chuyện bị vỡ lở, từ đó dân chúng mới hết tin nghe những lời phao đồn vu cáo và ghê tởm hành động phạm thánh của họ.

Để đền bù những bách hại quan trấn ban cho cha Buzomi một bản sắc, cho phép tự do truyền giáo và xây cất nơi thờ tự trong vùng, cấm không ai được cản trở làm khó dễ,nếu không tuân sẽ bị nghiêm phạt.

Công cuộc truyền giáo được qua một thời gian tự do dễ dàng để rồi lại đi vào một thử thách mới.

2.— Những thừa sai mới (1624).

Số giáo dân mỗi ngày một thêm đông. Số các thừa sai không đủ để đáp lại những nhu cầu truyền giáo đang lên. Hết thư này đến thư khác, cha Buzomi yêu cầu bề trên tỉnh dòng ở Áo môn sai thêm thừa sai đến cộng tác.

Bách hại tôn giáo ở Nhật vẫn kéo dài. Không thể sai vào đất Nhật, ngày 7 tháng 12 năm 1624, bề trên tỉnh dòng sai cha Gabriel de Mattos đến kinh lý giáo đoàn xứ Nam, đem theo bốn cha : Antôniô de Fontis và Gaspar Luis, người Bồ, cha Đắc-lộ người Pháp và Hiêronimô Majorica, người Ý, là 2 vị tông đồ của xứ Bắc sau này, với thầy Melchior Ribero, người Bồ, để giúp việc các cha.

Số các thừa sai dòng Tên lúc đó ở xứ Nam lên tới 15: 11 linh mục và 4 thầy giúp việc. Ngoài ra còn có nhiều thầy giảng Việt Nam cộng tác, trong đó có quan nghè Phêrô, chuyên việc dạy tiếng cho các cha mới đến và sư cụ Manuêlê, rất nhiệt thành truyền giáo.

Cha Mathias Machide người Nhật cũng đến xứ Nam chuyến đó để rồi sang Cao miên tổ chức họ đạo người Nhật ở Chiriboco, kinh đô mới của nhà vua Cao miên. Sau 8 tháng, cha trở lại xứ Nam, và năm 1628, lấy tàu lên Áo môn tìm đường vào đất Nhật. Cùng đi với cha Baldinotti, thừa sai tiên khởi của dòng Tên ở xứ Bắc, giữa đường gặp bão, phải trở lại Áo môn. Cũng như cha Baldinotti, cha qua đời ở Áo môn năm 1628.

Dưới quyền chủ tọa của cha de Mattos, các thừa sai xứ Nam được nhóm họp để định đoạt thái độ về vấn đề thầy giảng, vấn đề nghi lễ và danh từ tôn giáo (1). Theo ý bề trên tỉnh dòng thì các cha không nên dùng các tân tòng người bản xứ cộng tác vào công việc truyền giáo, dạy bổn cho những người tân tòng khác. Nhiều chỉ thị nghiêm ngặt về vấn đề nghi lễ và danh từ tôn giáo cũng được đem ra bàn cãi.

Theo ý cha Buzomi, các thầy giảng là những người cộng tác rất đắc lực và cần thiết. Một khi đã được huấn luyện đầy đủ, kinh nghiệm minh chứng, các thầy đã đem lại cho nước Chúa nhiều kết quả lớn lao, và địa vị của các thầy trong công cuộc truyền giáo nhiều khi không thể thay thế được. Có thể ví các thầy như tay chân của các thừa sai, đi đến những vùng quê xa

(1) Bartoli. id, trang 92-94,

xôi mà các ngài không thể đến được. Các thầy là tai mắt của các thừa sai, chỉ cho các ngài biết những dò lưới của những người ghét đạo, và giúp các ngài trong việc tìm hiểu phong tục, tiếng nói của người dân. Hơn ai hết, các thầy hiểu tâm tình của người dân, những mê tín dị đoan, và những quan niệm sống của họ. Các thầy có thể trình bầy đạo giáo hợp với trình độ của họ một cách dễ dàng, với những hình ảnh và lý luận thực tế hơn rút ngay trong đời sống thường ngày.

Cũng theo ý cha Buzomi, về vấn đề nghi lễ, nhất là về vấn đề ma chay tống táng, trong đó có pha trộn nhiều dị đoan mê tín, cần phải tẩy trừ, nhưng cũng có nhiều lễ nghi chỉ có tính cách xã-hội để tỏ lòng tôn kính người quá cố, không có chi là trái với phép đạo, cần phải bảo vệ, và khuyên giáo dân nên dùng để đánh đổ những dị nghị phẩm bình người ngoại đã đặt thành ca vè để chế riễu người đi đạo là bất hiếu.

Còn về danh từ tôn giáo, không nên dùng danh từ Deus thay cho danh từ Thiên Chúa. Danh từ Chúa Dêu sẽ có một ảnh hưởng không hay với dân chúng xứ Nam, trước hết vì là một danh từ xa lạ, kỳ quặc đối với họ, đồng thời sẽ cho họ một quan niệm sai nhầm tai hại hơn về Thiên Chúa, họ sẽ coi Người như một vua chúa phần đời, như chúa Nguyễn, chúa Trịnh hay một thần tượng nào đó. Còn danh từ Thiên Chúa, một khi đã giải thích và đả phá quan niệm vật chất về ông trời của dân chúng, thì cũng không có chi đáng lo ngại.

Vấn đề thày giảng, nghi lễ và danh từ tôn giáo đã được bàn giải đồng thời một chương trình hoạt động truyền giáo và phân chia công tác cũng được ấn định. Các cha hăng hái tiếp tục công việc với những bàn tay cộng tác mới.

3.— Bà vương phi Minh Đức trở lại.

Lúc đó là năm 1625, « đạo Công giáo đã được rao giảng trong khắp các tỉnh lớn ở xứ Nam. Chúng tôi tất cả là 10 cha dòng. Công việc thật vất vả, nhưng chúng tôi không lấy gì làm nặng nhọc, khổ sở, vì vị Thầy mà chúng tôi phụng sự, đã giúp

đỡ hoạt động chúng tôi một cách hiền nhiên trước mắt, giúp chúng tôi thu lượm được những kết quả vượt quá tài năng và mong muốn của chúng tôi.» (1)

Các cha chia nhau mỗi người hoạt động một khu vực. Cha Đắc-Lộ cộng tác với cha De Pina ở vùng Quảng-Nam. Sau một thời gian ở đó và đã rửa tội thêm được nhiều người, 2 cha ngược lên vùng Kẻ-Hóa, tức là Thuận-Hóa, chỗ dinh phủ chúa (2), hi vọng sẽ đưa được một số nhân viên hoàng gia, vương phi hoặc quan chức ở phủ chúa trở lại.

Kết quả :« Ở đó một trong những vương phi có địa vị, bà con họ gần với nhà chúa đương thời là người rất sùng phật. Nghe cha Pina giảng tin lành và được ơn Thánh Linh soi sáng,bà liền từ bỏ những mê tín dị đoan, xin chịu phép rửa, tên thánh Maria Mađalêna. (3)

Vị vương phi đó chính là bà Maria Minh Đức vương thái phi,đời chúa Tiên, Nguyễn-Hoàng.Bà là dì của chúa Sãi vương và là thân mẫu của Nguyễn-phúc-Khê, Nghĩa hưng quận công,con thứ 6 của chúa Tiên. Dưới đời chúa Thượng, Nguyễn-phúc-Lan, làm tướng cầm quân, có công dẹp loạn Nguyễn-phúc-Anh, em chúa Thượng, muốn nổi lên tranh quyền anh (4). Việc trở lại của bà Maria đánh dấu một bước tiến trong lịch trình tiến triển hoạt động truyền giáo ở xứ Nam trong giới trí thức và quan lại thời đó. Sự có mặt của bà trong giáo đoàn xứ Nam mới chớm nở không những là bảo đảm cho công cuộc truyền giáo được dễ dàng, hơn nữa với lòng nhiệt thành hoạt động tông đồ giáo

(1) Đắc-Lộ.— Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 74.

(2) Cha Leira trở về Áo-môn năm đó. Phủ chúa lúc đó còn ở dinh Cát, thuộc châu Thuận-Hóa, tức làng Trà-Bát, huyện Đông-Xương ngày nay, cách Quảng-Trị độ 10 cây số về phía Bắc.

Năm sau 1626, chúa Sãi, sắp sửa chống nhau với họ Trịnh mới rời dinh vào làng Phước-Yên, cũng châu Thuận-Hóa, thuộc huyện Quảng-Điền, tỉnh Thừa-Thiên bây giờ, cách thành Huế 10 cây số về phía Bắc.

(3) Đắc-Lộ, id. và Bartoli trang 103.

(4) Xem cuốn Minh-Đức vương thái phi của Phạm-đình-Khiêm. Tinh Việt — Sài-gòn 1957. — Việt-Nam Sử-Lược Trần-trọng-Kim.

dân của bà, bà đã lôi cuốn được nhiều người trong phủ chúa trở lại. Cha Đắc-Lộ đã nói về bà : « Bà là chỗ nương tựa của giáo hội mới chớm nở. Gương mẫu và thế lực của bà đã trợ giúp rất nhiều vào công cuộc truyền giáo cho người ngoại và làm cho những người đã chịu phép rửa thêm vững đức tin ». Bà là người đạo đức, chăm lo việc tu nhân tích đức. « Bà đã cất một ngôi nhà nguyện rất đẹp trong dinh của bà, và bà đã bảo vệ ngôi nhà nguyện đó qua cả những thời kỳ cấm cách gắt gao. Hằng ngày tối sớm bà đến đọc kinh cầu nguyện. Giáo dân trong vùng được tự do ra vào, không một ai dám ngăn cấm. Với những lời quở trách, khuyên bảo, khôn khéo, bà đã đưa được nhiều người có địa vị, có thế giá trong phủ chúa trở lại, trong số đó cũng có nhiều người thuộc hoàng gia. (1)

4 — Cha De Pina qua đời và lệnh tập trung các thừa sai về cửa Hội An (12-1625).

Nhưng đang khi công cuộc truyền giáo đem lại những kết quả tốt đẹp, thì các cha gặp phải 2 thử thách lớn. Giáo hội vẫn lớn lên trong đau khổ, con đường đưa đến vinh quang Phục sinh là con đường thập giá.

Thử thách thứ nhất đó là cái chết của cha Phanxicô De Pina. Năm đó, có lẽ vì những khó khăn nào đó, tàu buôn Áo - môn không vào buôn bán ở cửa biển chúa Nguyễn như mọi năm. Chỉ có một tàu buôn ở Cao-miên trở về, bỏ neo ngoài khơi, báo tin cho các cha biết để ra nhận đồ tiếp tế : rượu lễ, bánh lễ, ảnh đạo...Cha De Pina được cử ra nhận đồ tiếp tế,lúc trở về thuyền gặp bão đắm chết. Một tang đau đớn cho các cha và giáo đoàn xứ Nam. Mất cha De Pina, các cha đã mất một trong những thừa sai nhiệt thành, tài giỏi. Tất cả giáo dân đều mến tiếc cha và cha Đắc Lộ mất một người bạn (2).

---

(1) Đắc-Lộ. id, trang 75.

(2) Bartoli. id, trang 97-98.

Thử thách thứ hai là sắc chỉ của chúa Sãi ra lệnh cho các cha phải tập trung về Hội An. Chuyến thử thách đầu tiên, dịp đại hạn mấy năm trước đây, là do các thầy sãi ghét đạo vu cáo gây ra. Còn lần này lại do giới quan lại. Họ là những người rất trọng cổ truyền và nghi lễ, nhất là đối với việc cúng bái ông bà cha mẹ. Thấy người có đạo bỏ những việc đó, họ liền tố cáo các cha đã đem lại cho dân chúng : « một thứ đạo ngoại lai man rợ, xóa nhòa trong tâm can của dân chúng lòng hiếu nghĩa biết ơn đối với ông bà cha mẹ, điều mà thiên nhiên đã in sâu vào tâm can mọi người ».

Theo cha Đắc Lộ, hiểu nhầm và vu cáo của họ một phần cũng tại một vài thừa sai, theo lệnh nghiêm ngặt của cha bề trên tỉnh dòng trước đây, vì muốn trừ bỏ tất cả những dị đoan mê tín trong việc ma chay tống táng, đã cấm đoán tất cả. Hành động của mấy cha thật hơi quá đáng, vì thực ra « có một ít nghi lễ, người công giáo rất có thể giữ lại », mà không lo làm tổn hại đến sự thánh thiện, Đức tin tinh tuyền của đạo Chúa (1). Nhờ kinh nghiệm thử thách này mà các cha đã cho phép giáo dân được giữ lại nhiều nghi lễ ma chay cổ truyền, có tính cách xã hội, chỉ loại trừ những gì dị đoan mê tín trái với tín ngưỡng công giáo.

Những vu cáo hiểu nhầm đó đến tai chúa Sãi. Còn đang lo việc binh đao để sắp sửa chống nhau với họ Trịnh ngoài Bắc, chúa Sãi không để ý đến vấn đề tôn giáo. Hơn nữa, vì cần được người Bồ tiếp tế súng ống, đạn dược,đòi hỏi chúa phải kính nể các cha, nên những lời đó, chúa vẫn để ngoài tai. Nhưng nếu một khi sự buôn bán bị ngưng trệ, và khi cần phải củng cố chính quyền, làm vừa lòng một số quan lại có uy thế, chúa Sãi sẽ không ngần ngại làm khó dễ các cha và quyền tự do tín ngưỡng của giáo dân.

Năm 1625 đó, các cha được kinh nghiệm đường lối chính trị của nhà chúa,chỉ vì năm đó «nhà chúa không thấy tàu buôn người Bồ cập bến mang hàng hóa vào cho chúa như mọi năm

(1) Đắc-Lộ — Những cuộc hành trình và truyền giáo.

chúa liền nghiêng về phía thù địch công giáo, họ luôn tìm dịp để vu cáo bôi nhọ và làm mất tín nhiệm nơi chúa ». (1)

Tháng 12-1625, chúa Sãi ra lệnh tập trung các cha về cửa Hội-an, lấy lẽ ở đó, « đời sống các cha được bảo đảm hơn và được tự do truyền đạo hơn ».

Cái chết của cha De Pina, tuy là một tang đau đớn, nhưng cũng là dịp để các cha phá đổ thành kiến sai nhầm và những vu cáo phá hoại của giới quan lại trên đây, đồng thời kéo dài thời gian để tìm cách đổi lòng chúa Sãi. Nhờ hoàng tử đầu lòng của chúa (2), các cha xin phép ở trấn Quảng-Nam 100 ngày để giữ tang cha De Pina. Tôn trọng nghi lễ cổ truyền và pháp luật cũng hết sức nương nhẹ đối với nhà hiếu, chúa Sãi cho phép các cha được ở lại. Năm 1625, tàu buôn Áo môn lại cập bến và các cha lại được tự do truyền giáo như trước.

Còn sắc chỉ bắt người công giáo phải bỏ ảnh tượng tràng hạt, không được đeo trước ngực, các cha cũng may mắn ngăn lại được. Những người công giáo thời kỳ đầu là những người rất sùng đạo và hiên ngang với đạo của mình. Với lòng mến ảnh tượng, giáo dân thường đeo ảnh tượng tràng hạt ra ngoài, trước ngực. Một số quan lại ghét đạo đã yêu cầu chúa Sãi ra sắc chỉ cấm. Nhờ quan trấn cho biết trước và trì hoãn ngày công bố, các cha đã có đủ thì giờ loan báo cho giáo dân, bảo họ đeo tượng ảnh tượng tràng hạt vào bên trong.

« Họ lấy làm hổ thẹn, vì phải bỏ lỡ dịp may mắn để chứng minh đức tin, lòng trung thành của họ. Họ cho là một cử chỉ hèn nhát không xứng danh người công giáo, đem cất dấu những huy hiệu biểu dương lòng sùng kính của mình và làm rạng danh Chúa Giêsu Ky-tô.» Nhưng khi chúng tôi cắt nghĩa cho họ hiểu rằng, đạo công giáo không cấm chúng ta là những anh hùng can đảm xưng đạo, nhưng chỉ cấm chúng ta không được liều lĩnh, họ liền nghe chúng tôi.» Nhờ đó, sắc chỉ tuy được công bố, nhưng

(1) Đắc-Lộ. id, trang 76.

(2) Nguyễn phúc Kỳ, xem Tôn thất Han, Généalogie des Nguyễn avant Gia-Long, Bulletin des Amis du Vieux Huê - 1920.

không được thi hành và « những người bên ngoại không còn dịp để phạm đến lòng đạo đức của giáo dân ». (1)

Tháng 7 năm 1626, cha Đắc Lộ và cha Pedro Marquez được lệnh ra Bắc. Chúng ta cùng với cha Đắc Lộ, tông đồ xứ Bắc, giở lại những trang sử đầu tiên của giáo đoàn Đàng Ngoài, chúng ta sẽ trở lại với giáo đoàn xứ Nam cùng với cha Đắc Lộ khi ngài trở lại đó năm 1640.

(1) Đắc Lộ — Những cuộc hành trình và truyền giáo — trang 78.

CHƯƠNG III

CHA ĐẮC LỘ, TÔNG ĐỒ XỨ BẮC

I. — Cha Đắc Lộ.

1.— Ơn gọi đi truyền giáo.

2.— Trên đường vào khu truyền giáo.

3.— Thừa sai xứ Nam.

II.— Tông Đồ xứ Bắc.

1.— Xứ Bắc, vua Lê chúa Trịnh.

2.— Cha Baldinotti, Kẻ Chợ 1626.

3.— Cha Đắc Lộ và Pedro Marquez trên đường ra Bắc.

III.— Cửa Bạng, những bông lúa đầu mùa.

1.— Hòn ngọc nước Chúa.

2.— Họ Cửa Bạng.

3.— Cờ chiến thắng trên núi Cửa Bạng.

IV.— An Vực, đang khi chờ đợi chúa Trịnh trở về.

1.— Trịnh Tráng đem quân vào Đánh xứ Nam.

2.— Sư cụ Gioan-kim và nhà thờ An vực.

3.— Những giáo dân đầu tiên trong hoàng gia.

4.— Một cuộc tranh luận với các thầy sãi.

V.— Trên đường lên Kẻ Chợ.

1.— Trịnh Tráng rút quân.

2.— Được phép ở lại truyền giáo.

3.— Trên đường lên Kẻ Chợ.

I.— CHA ĐẮC - LỘ.

1.— Ơn gọi đi truyền giáo. (1)

Sinh tại Avignon ngày 15 tháng 3 năm 1591, cha Alexandre de Rhodes (2) thuộc dòng dõi giai cấp trung lưu ở Catalynd, tỉnh Aragon, Tây-ban-nha, di cư sang Avignon từ đầu thế kỷ XV, làm nghề buôn lụa. Tuy Avignon là đất đai của Tòa thánh, nhưng dân cư ở đó vẫn được coi là thuộc dân Pháp. (3)

18 tuổi, nghe tiếng gọi đi truyền giáo, cha xin vào dòng Tên. Lúc đó cũng như ngày nay, dòng Tên là một dòng truyền giáo thời danh. Thánh Inhaxu de Loyola, người sáng lập và vị cộng tác của ngài là thánh Phanxicô Xavie, tông đồ miền Đông-Á và là người thầy của các thừa sai.

Ở vùng Đông Á, trong số các thừa sai tiếp tục chí lớn của đại thánh với những phương pháp thích ứng truyền giáo có thể nói là táo bạo trong thời kỳ đó, phải kể đến cha Nobili ở Ấn-độ và hai cha Ruggieri, Ricci ở Trung quốc.

Người chủ xướng và nâng đỡ phong trào thích ứng truyền giáo, trong phương pháp trình bầy đạo giáo cũng như trong lối sống của các thừa sai đó chính là cha Alessancro Valignano (1539-1606). Trong cuộc kinh lý các cư sở truyền giáo của hội dòng trong vùng Trung Đông và Viễn-Đông, với óc quan sát và tìm hiểu người dân cũng như nền văn minh cổ truyền của họ, cha nhận thấy công cuộc truyền giáo ở những khu vực đó đòi hỏi các thừa sai những thích ứng khó khăn và nặng nề, nhưng cũng rất nhiều hứa hẹn tốt đẹp. Trở về Áo-môn, cha hết sức ủng hộ, chỉ huy và hướng dẫn phong trào thích ứng của các cha Nobili, Ruggieri và Ricci.

---

(1) Theo cuốn Những cuộc hành trình và Truyền giáo của cha Đắc Lộ.

(2) Theo lối quen gọi, trong những trang sau, cũng như chương trên chúng tôi viết là cha Đắc Lộ

(3) L. Gaide, Quelques renseignements sur la famille du P, Alexandre de Rhodes, trong Bulletin des Amis du Vieux Huế (viết tắt B.A.V.H.) tháng 7-12-1927 trang 225-228.

Các ngài đã đưa đến cho dân chúng khu vực truyền giáo của các ngài không những chân lý Chúa Kitô mà cả những gì là thuần túy nền văn minh Tây phương mà đạo Công giáo đã tạo nên với những khám phá khoa học và cho cả những dụng cụ kỹ nghệ cấp tiến. Là những người tiên phong trong phong trào thích ứng của giai đoạn mới, các ngài cũng là những người tiên phong trong công cuộc liên lạc văn hóa Âu-Á.

Hoạt động của các anh trưởng không phải không có ảnh hưởng lớn trong việc huấn luyện truyền giáo của cha Đắc-lộ tại trung tâm tu luyện của dòng ở Roma. Với mong muốn được đi truyền giáo trong vùng Đông Á, Phục sinh năm 1618, sau khi thụ phong linh mục cha được bề trên sai sang Nhật, lúc đó đang trong tình trạng bách hại đẫm máu. Trong sáu tháng chờ đợi dọn dẹp lên đường vào quãng đầu tháng mười, cha học thêm về địa lý và toán học.

Hành động của cha chứng tỏ ngay từ lúc đầu cha đã muốn theo tinh thần thích ứng của các anh trưởng trên đây. Cũng như hai cha Riggieri và Ricci, cha cũng đã tự hoạch định cho mình một chương trình hoạt động truyền giáo sau này. Không phải chỉ thu hẹp trong khu vực giáo thuyết, cha còn muốn đem bồi đắp cho nền văn minh Đông Á những khoa học cấp tiến của Tây phương. Đồng thời nó cũng còn là phương tiện để tới gần và thu phục giai cấp trí thức, để rồi đưa dẫn họ về với Thiên Chúa, nguồn của mọi chân lý.

2.— Trên đường vào khu truyền giáo.

Bỏ Roma vào đầu tháng mười 1618, trước khi ra đi cha được sung sướng vào chầu Đức Thánh Cha, lúc đó là Đức giáo hoàng Paolô V. Sự triu mến với những lời cầu chúc khuyên bảo của vị cha chung sẽ khôug bao giờ phai mờ trong tâm trí cha và theo cha « tất cả những kết quả Chúa ban cho cha trong hoạt động truyền giáo sau này là nhờ lời cầu chúc của Người. »

Qua Avignon từ giã gia đình, bà con, cha tới Lisbonna vào

tháng giêng năm 1619. Dạo đó theo quyền bảo trợ của vua Bồ, tất cả các thừa sai sang vùng Đông Ấn,đều phải qua Lisbonna và chịu quyền kiểm soát bảo trợ của triều đình Bồ. Cuộc hành trình đường bể lúc đó rất gian nguy, vất vả và lâu dài, có khi phải một hai năm mới tới nơi.

Ngày 4 tháng 4 năm 1619, đoàn tàu của cha ra khơi. Trong số những thừa sai cùng đi chuyến đó có cha Hiêrônimô Majorica người thành Napoli, đất Ý, một thừa sai có tên tuổi trong Giáo hội Việt-nam mà chúng ta sẽ nghe nói đến sau này nhiều lần. (1)

Ngày mồng 9 tháng mười 1619 cha tới Goa, trung tâm truyền giáo quan trọng vùng Đông Ấn thời đó. Lần đầu tiên được tiếp xúc với các thừa sai ở đó, cha rất khâm phục lòng nhiệt thành hy sinh của các ngài,nhưng một chú thích của cha trong phương pháp hoạt động của các ngài cho chúng ta biết rõ thêm đường lối hoạt động mai ngày của cha : « Điều mà tôi không hài lòng hơn cả... đó là việc sau khi người ngoại trở lại, người ta bắt họ bỏ y phục nước họ... ít ra người ta phải hiểu rằng cái đó làm họ cực lòng lắm. Tôi không hiểu vì sao người ta lại đòi hỏi bắt buộc một điều mà Chúa không bao giờ đòi hỏi, một điều trái lại làm cản trở họ không muốn chịu phép rửa và do đó làm họ xa nước Thiên đàng. Riêng tôi ở vùng Trung - quốc, tôi đã hết sức phản đối những ai muốn bắt người có đạo phải cắt tóc vấn. Ở đây đàn ông cũng như đàn bà đều để tóc dài... Tôi đã nói với những người ấy rằng : tin lành Phúc âm chỉ bắt buộc những người theo đạo tẩy trừ khỏi tâm trí họ những mê tín dị đoan, đâu có cắt bỏ bộ tóc dài của họ.» (2)

Lâm bệnh nặng, cha phải đi nghỉ một ít tháng ở một đảo gần Goa tên là Salfète. Ở đây cũng như ở Goa, tinh thần truyền giáo thúc đẩy cha cộng tác với các thừa sai trong vùng. Công việc đầu tiên là cha tìm học tiếng của dân bản xứ, vì cha không muốn chỉ thông cảm với họ bằng con tim mà phát biểu bằng cả lời nói, một phương tiện cần thiết để truyền giáo đắc

(1) Xem chương V và chương VII.

(2) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 21.

lực. Cha có biệt tài học tiếng, trong ít lâu cha đã có thể giải tội và giảng cho họ.

Trở về Goa, chờ đợi tàu qua Áo môn, cha hoạt động bên các tù nhân và nô lệ của người Bồ. Ngày 12 tháng tư 1622 cha lên đường, nhưng vì trái gió cha lại phải trú lại ở vùng đảo Moluques chín tháng, mãi đến 29 tháng năm 1623 cha mới tới Áo-môn, nghĩa là sau bốn năm rưỡi từ khi bỏ Âu châu. Ở Áo môn, cha cố gắng tìm hiểu và thông cảm với nền văn minh Trung quốc, trung tâm và cốt trụ của hầu hết các nước Đông Á. Nó giúp rất nhiều vào công cuộc truyền giáo của cha sau này ở Việt Nam vì văn hóa Việt Nam cũng như Nhật Bản, Triều tiên cũng không khác xa lắm văn hóa Trung-quốc.

Cha học tiếng Nhật hi vọng sau đó có thể lẻn lút vào đất Nhật. Cuộc bách hại ở Nhật vẫn kéo dài. Số thừa sai bí mật ở lại sau sắc lệnh trục xuất 1614 đã bị bắt và bị xử nhiều. Những vị lẻn lút trốn và sau cũng nhiều vị đã phải chung số phận. Dù biết rằng vào đất Nhật lúc đó là tự mua lấy cái chết không trước thì sau, nhưng tiếng gọi của giáo dân sống trong bách hại cần sự giúp đỡ, đòi hỏi sự có mặt của các ngài. Các ngài đã không từ chối tiếng gọi đó. Chúa chiên hi sinh mạng sống mình cho đoàn chiên. Các thừa sai đã từ bỏ quê hương đến những vùng xa xôi để truyền giáo là những người đã tự hiến, những người không sợ chết. Cha Đắc lộ cũng vào số những người anh hùng đó.

Nhưng Chúa đã muốn cho cha trở thành tông đồ của nước Việt, trong « 2 xứ gần Trung quốc » nơi mà sau này nhờ bàn tay tác tạo, lòng nhiệt thành truyền giáo của cha «đã thành lập 2 giáo đoàn thịnh vượng hơn cả của các cha dòng Tên».

3.— Thừa sai xứ Nam

Dưới sự hướng dẫn của cha Gabriel de Mattos ngày 27 tháng 12 năm 1624, Cha Đắc lộ cùng các bạn thừa sai xuống tầu vào xứ Nam (1).

---

(1) Xem trên, chương II

Ngay từ lúc đầu cha đã vượt hơn các bạn về tài học tiếng. Lẽ dĩ nhiên, học một sinh ngữ Á-Đông, đối với người tây phương không phải một chuyện dễ. Và đây là cảm tưởng đầu tiên của cha khi nghe nói tiếng Việt ; « Tôi thú thực khi vừa mới đến xứ Nam, nghe dân bản xứ nói chuyện, nhất là phụ nữ tôi có cảm tưởng nghe tiếng chim hót. Lúc đầu tôi ngã lòng tưởng không thể nào học được tiếng nói của họ.» Dầu vậy cha cố gắng học vì theo quan niệm và đường lối truyền giáo thích ứng và nhập thể của cha, mà cha Ruggieri và Ricci là những người mở đường thì học hỏi tiếng nói là một điều kiện tối cần để truyền giáo có kết quả và giúp hiểu sâu xa phong tục văn hóa của người dân, mong sau này có thể «rửa tội» cho nó dùng làm bánh xe truyền giáo. Sự thực trước mắt đã chứng minh điều đó. Các thừa sai đến trước hầu hết chưa nói thạo tiếng Việt phải giảng bằng thông ngôn, chỉ có mình cha De Pina là thạo tiếng nói, vì thế bài giảng của cha có hiệu quả hơn những cha khác.

Với sự giúp đỡ của cha De Pina, cha đã « chăm chỉ học không kém gì những năm học thần học ở Roma». Học bài nào cha đem thực hành ngay với các em nhỏ. Trong số đó có « một em đã giúp cha rất nhiều, trong ba tuần cậu đã dạy cha tất cả các giọng nói và cách đọc các vần » (1). Với cố gắng học hỏi và với thiên tài Chúa ban, sau 4 tháng cha đã có thể giải tội và sau 6 tháng cha đã có thể giảng bằng tiếng Việt.

Đi đôi với thiên tài học tiếng, cha còn có óc quan sát rất tinh vi, mong muốn học hỏi và tìm hiểu tinh tình phong tục của người dân, khu vực xã hội của họ. Trong những cuốn sách của cha; cha đã để lại cho chúng ta biết bao tài liệu quí hóa về tình trạng chính trị, xã hội, văn hóa Việt Nam thời đó.

Theo tinh thần thích ứng và nhập thể, cha biết đem những học hỏi nhận xét đó áp dụng vào hoạt động truyền giáo mà

(1) Đắc lộ. Những cuộc hành trình và truyền giáo trg 73. Em nhỏ mà cha nói đây chính là ông Raphael Rhodes. Vì mến cha, ông đã nhận tên cha. Làm thầy giảng ông đã cộng tác rất nhiều vào công cuộc truyền giáo của các cha Dòng Tên ở trong Nam và sau này ở ngoài Bắc với 2 cha Deydier và Bourges, thừa sai Pháp.

chúng ta sẽ thấy sau này trong cách giảng thuyết, cách tổ chức họ đạo, thầy giảng và Nhà Đức Chúa Trời.

Không như một vài người tây phương, cha rất tôn trọng văn hóa của Việt Nam, trọng người và cũng biết dùng người để cộng tác với cha. Hoạt động truyền giáo của cha là hoạt động có chương trình, có tổ chức, theo những nguyên tắc thuần túy cao cả của Chúa Kytô và của Giáo hội, Cha chủ trương một tinh thần truyền giáo vô vị lợi, không làm việc cho quốc gia mình, trái lại hy sinh tất cả cho dân xứ, nơi mình đến.

Rất hy sinh nhiệt thành, không sợ chết không ngại khó nhọc, cha Đắc lộ còn có những đức tính rất thích hợp với tinh tình người Việt. Cha thuần hậu đơn sơ nhã nhặn, lúc nào cũng vui tươi, dễ dãi, tử tế, lịch thiệp với mọi người (1).

Với những đức tính và những tài năng đó, với lòng hy sinh nhiệt thành kèm theo lòng tin tưởng vững mạnh ở ơn Chúa giúp, hoạt động truyền giáo của cha Đắc lộ đã đem lại cho Giáo hội Việt Nam những trang sáng lạn, những kết quả to tát. Cha thật xứng đáng là người thợ cả, vị thừa sai đàn anh trong thời kỳ đầu của Giáo hội Việt Nam.

Thời kỳ gần hai năm ở xứ Nam (từ tháng 12-1624 đến tháng 7-1626) trong Thiên Chúa quan phòng là thời kỳ cha dọn dẹp để lĩnh nhận sứ mệnh tông đồ xứ Bắc mà Chúa sẽ trao cho. Học hỏi tiếng nói, phong tục người dân với những kinh nghiệm truyền giáo, cha đã được may mắn gặp cha De Pina, vị thừa sai đáng ghi tên tuổi sau cha Buzomi ở xứ Nam. Cuộc hội nghị các thừa sai xứ Nam dưới quyền cha Gabriel de Mattos về vấn đề thầy giảng, nghi lễ và danh từ tôn giáo cũng cho cha Đắc lộ rất nhiều kinh nghiệm truyền giáo.

Công việc sửa soạn đã tạm đủ. Tháng 7-1626 cha được bề trên ủy nhiệm cho sứ mệnh mở đầu công cuộc truyền giáo ở xứ Bắc cùng với cha Pedro Marquez.

---

(1) L. Cadière. Les Européens qui ont vu le vieux Huê, le Père de Rhodes, trong BAVH 7-9-1915, trong 231... và C. Maybon, Les Européens en Cochinchine et au Tonkin, trong Revue Indochine, 7-1913 trang 53...

II — TÔNG ĐỒ XỨ BẮC (1)

1. — Xứ Bắc, vua Lê chúa Trịnh

Ở xứ Bắc, từ khi thắng được nhà Mạc, thu phục lại giang sơn cho nhà Lê, Trịnh Tùng tự tay chiếm hết quyền chính, đặt quan, thu thuế, bắt linh trị dân, vua Lê chỉ còn lại hư vị. Cha Đắc Lộ không khỏi ngạc nhiên trước cảnh một nước có vua lại có chúa : « Ở xứ Đông Kinh lúc đó có 2 người cầm quyền, một người gọi là « bua », thực ra có vị mà không có quyền, còn một người gọi là chúa lại nắm hết quyền định đoạt cả nước trong tay, trừ ra việc cấp bằng chức theo kỳ hạn đã định, nhà «bua» ban cho các ông nghè và hằng năm trong dịp nguyên đán, các quan đến làm lễ thiết triều tỏ lòng thần phục. Còn ngoài ra nhà «bua» không mấy khi ra ngoài, sống một đời nhàn rỗi trong khu cung điện cổ, đang khi đó thì nhà chúa trông coi định đoạt tất cả mọi công việc, binh bị cũng như hành chính.» (2)

Năm 1599, đời vua Lê-thần-Tôn, Trịnh-Tùng xưng Bình-an-vương. Uy quyền hống hách, các quan liêu đều qui phục, nhưng Trịnh-Tùng vẫn không dám giứt nhà Lê đi, là vì lòng người vẫn còn quyến luyến, hơn nữa phía Bắc còn có nhà Mạc giữ đất Cao Bằng, thế lực vẫn còn mạnh, có thể nhân cơ hội tràn xuống, đồng thời nhà Minh cũng có thể viện cớ để giây mình vào, nhưng nhất là vì phía Nam, họ Nguyễn thế lực cũng chẳng kém lại đang mưu tính độc lập tranh quyền với họ Trịnh. Chi bằng không làm vua cũng như làm vua, mỗi khi có đánh dẹp nơi nào, vẫn có thể lấy lệnh thiên tử sai khiến.

Năm 1623, Trịnh-Tùng trước khi chết giao quyền lại cho con trưởng là Trịnh-Tráng và cho Trịnh-Xuân là em làm phó. Trịnh Xuân không bằng lòng nổi loạn, bị Trịnh-Tùng sai giết đi. Dư đảng của Trịnh-Xuân còn mạnh, Trịnh-Tráng lên nối nghiệp phải đem vua Thần-Tông về Thanh Hóa để lo bề dẹp yên.

---

(1) Theo cuốn Lịch-sử xứ Đông-kinh của Cha Đắc Lộ.

(2) Đắc Lộ, những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 83.

Lợi dụng lúc người họ Trịnh làm loạn, Mạc-kính-Khoan từ trước vẫn ẩn nấp ở Cao Bằng liền đem quân về đánh phá vùng Gia Lâm. Trịnh-Tráng đánh dẹp xong đất Kinh Thành, xưng là Thanh đô vương. Năm 1625 sai con là Trịnh Kiều đuổi đánh nhà Mạc lên tận Cao Bằng, bắt được Mạc kính Cung, còn Mạc kính Khoan là cháu chạy trốn sang Tầu, cho người về dâng biểu hàng và được về giữ đất Cao Bằng.

Năm 1627 nhân khi nhà Minh bên Tầu còn đang chống nhau với nhà Thanh, họ Mạc ở Cao Bằng đã về hàng, Trịnh Tùng bắt đầu nghĩ đến việc đương đầu với họ Nguyễn ở miền Nam, sai sứ vào Thuận Hóa giả tiếng vua Lê cho vào đòi thuế từ ba năm trước, nhưng thực ra chỉ cốt tìm cớ để có thể gây chuyện với nhà Nguyễn.

Nhà Nguyễn lúc đó thế lực cũng đã mạnh. Chúa Sãi từ khi lên nối nghiệp chúa Tiên, Nguyễn Hoàng, được nhiều người có tài giúp việc, xây tường đắp lũy kiên cố, luyện tập quân sĩ, tích trữ binh lương, mua bán đạn dược khí giới của người Bồ, binh lực không kém gì nhà Trịnh. Chúa Sãi vì thế ra mặt chống cự, tiếp sứ mà không chịu nộp thuế. Trịnh Tráng quyết đem quân vào đánh nhà Nguyễn. (1)

Chính lúc đó thì hai cha Pedro Marquez và Đắc Lộ, thừa sai dòng Tên ở miền Nam được lệnh trở về Áo môn để theo tầu buôn người Bồ vào truyền giáo cho xứ Bắc. Hai cha đến Cửa Bạng ngày lễ thánh Giuse 19-3-1627 và ít ngày sau được gặp Trịnh Tráng đang lúc đem quân xuống đánh xứ Nam.

Hai cha không phải là thừa sai tiên khởi của dòng sai đến. Năm trước đã có cha Giuliano Baldinotti cũng theo tầu buôn của người Bồ ở Áo môn đến, nhưng vì không biết tiếng Việt Nam đành phải rút lui về.

---

(1) Xem Trần-trọng-Kim, Việt-Nam sử lược, in lần thứ 5, Tân Việt trang 261-296 và Lê thành Khôi, Le Việt Nam t. 1, trang 243-251.

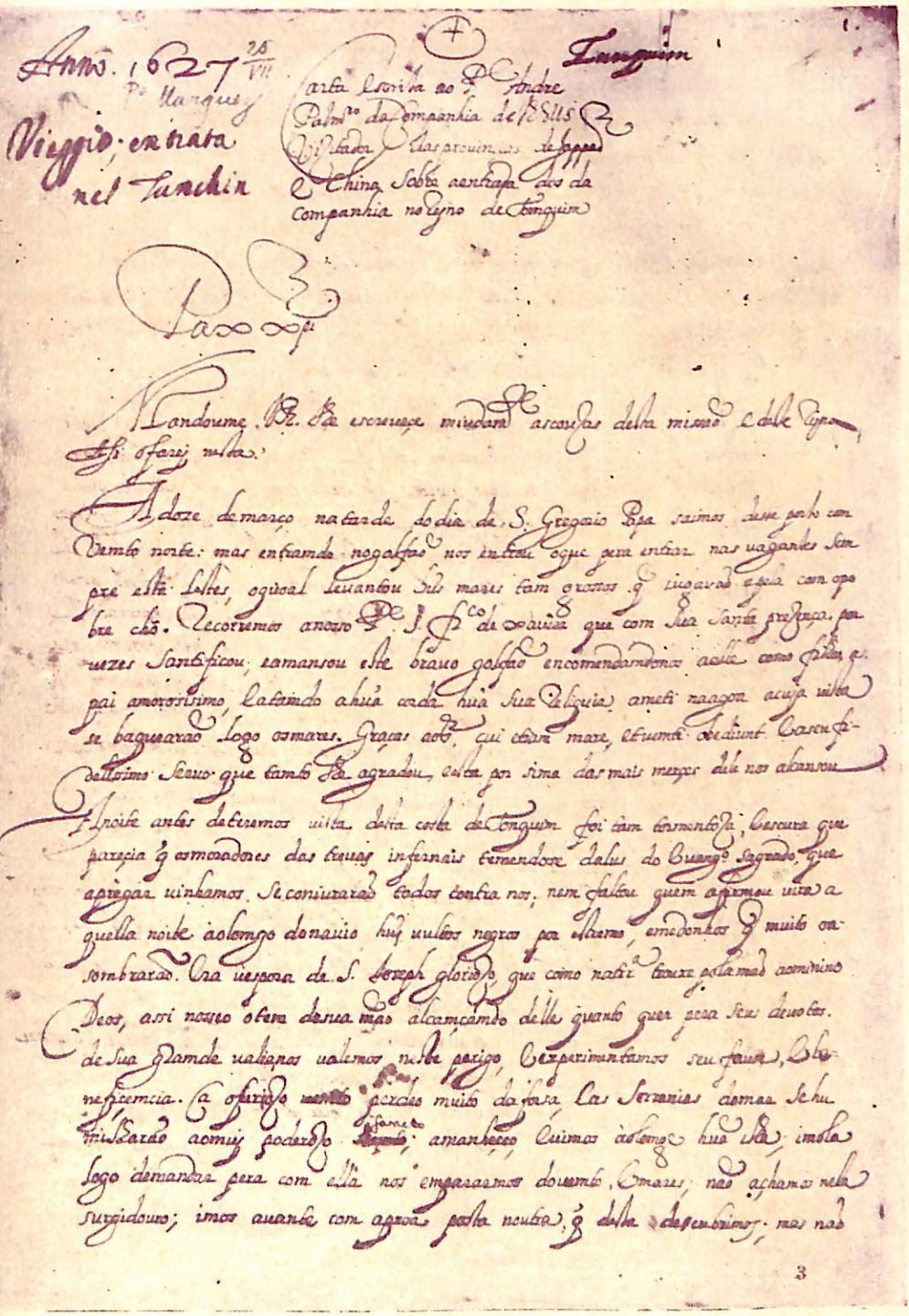

Bút tự Cha Pierre Marquez, gửi về Cha Bề-Trên giám-sát tỉnh dòng Nhật-Bản, khi mới đến xứ Bắc. Thư viết bằng tiếng Bồ, tại xứ Bắc ngày 25-7-1627. (Japsin 80 fol. 3 r)

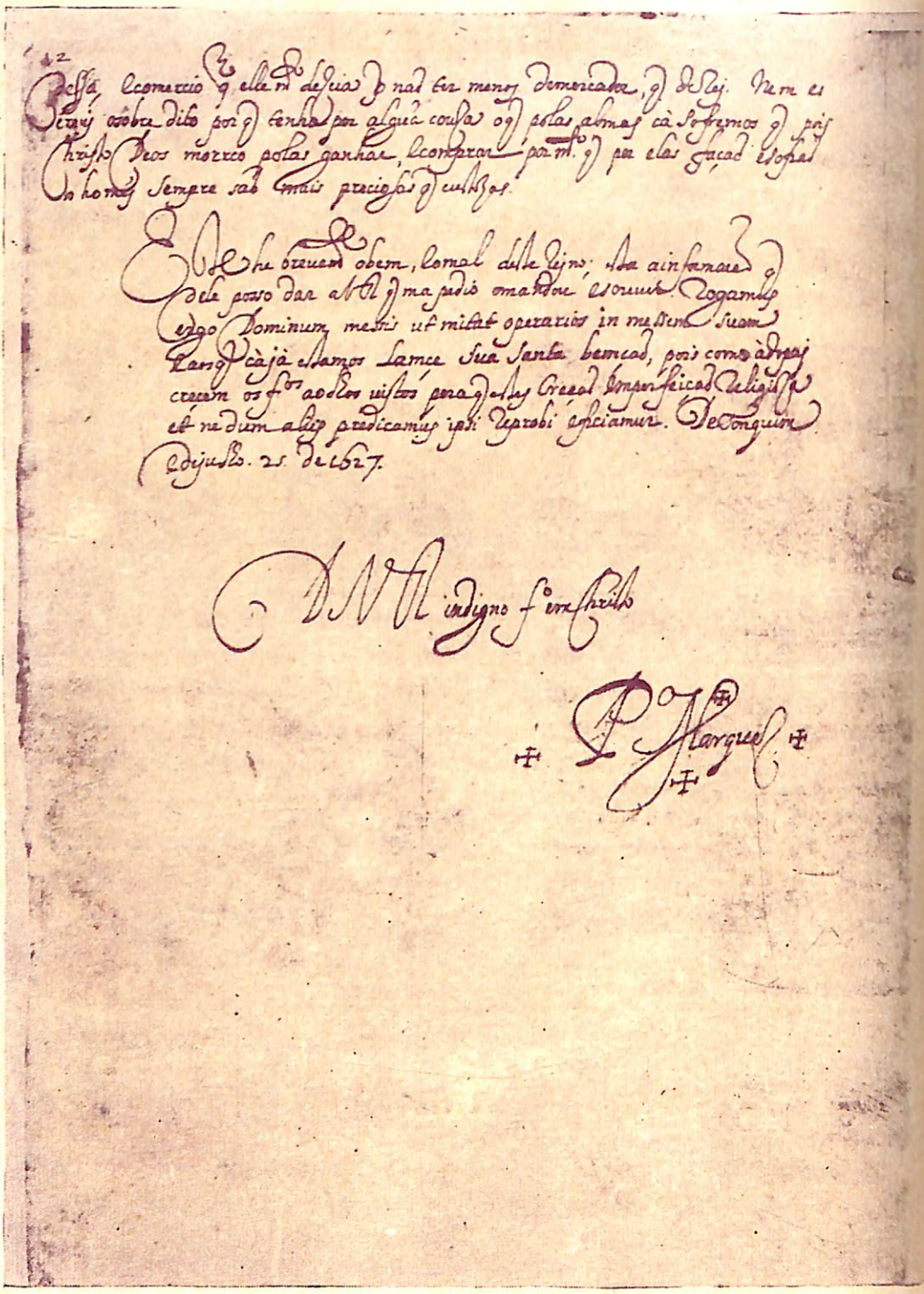

Bút tự của Cha Pierre Marquez, gửi về Cha Bề-Trên giám-sát tỉnh dòng Nhật-Bản, khi mới đến xứ Bắc. Thư viết ngày 25-7-1627.
(Japsin 80 fol. 8 v)

2.— Cha Baldinotti.

Kẻ Chợ 1626. (1)

Công cuộc truyền giáo xứ Nam đem lại nhiều kết quả và hứa hẹn, Bề trên tỉnh dòng ở Áo môn lúc đó là cha Rôđêricô Hiêrônimô bèn nghĩ đến công cuộc truyền giáo cho xứ Bắc, mà theo như các cha thừa sai miền Nam cho biết thì « trước đây cả hai xứ Đông Kinh và Cô-xanh-xin cùng là một nước, cùng là một dân tộc, cùng tiếng nói và phong tục».

Năm 1626, nghĩa là 11 năm sau khi cha Buzomi vừa truyền giáo cho miền Nam, cha Rôđêricô mới sai cha Baldinotti, người thành Pistoria nước Ý, cùng với một thầy trợ tá người Nhật Giuliano Piani theo tầu buôn người Bồ vào xứ Bắc.

Ngày lễ Nến, Đức Mẹ dâng Chúa Giêsu trong Đền thánh, tầu bỏ Áo môn, sau ít ngày thuận buồm suôi gió, tới cửa Sông Cái. Dạo đó, liên lạc thương mại của người Bồ với chúa Trịnh Đàng Ngoài không được đều đều như với chúa Nguyễn Đàng Trong, dầu vậy tầu buôn người Bồ vẫn được trọng đãi và đón tiếp niềm nở, không phải chỉ vì chúa Trịnh hi vọng trong cuộc buôn bán trực tiếp với họ có lợi hơn là qua tay những người Tầu, Nhật Bản hay Xiêm đứng làm trung gian, mà nhất là hi vọng ở họ một viện trợ khí giới để có thể chống lại với chúa Nguyễn. Nhưng cũng vì sự có mặt và liên lạc thân mật của họ với chúa Nguyễn, kẻ thù của chúa Trịnh, đang lúc mà hai bên đang sửa soạn mở đầu một cuộc phân tranh đẫm máu, không khỏi gây ra những mối hiềm kỵ giữ gìn.

Theo kinh nghiệm và thói quen các thừa sai trong Nam, cha Baldinotti, khi theo quan thuyền trưởng đến yết kiến chúa Trịnh cũng không quên đem theo một vài lễ vật để dâng lên cho chúa. Qua bộ áo tu hành đơn sơ nghèo nàn bên vị thuyền trưởng

(1) Baldinotti (Julien), Histoire de ce qui s'est passé ès royaumes d'Ethiopie en l'année 1626 jusqu'au mois de mars 1627 et de la Chine en l'année 1625 jusqu'en février 1626 avec une brève narration du voyage qui s'est fait au royaume de Tunquin nouvellement découvert, Paris 1629.

mặc đồ nhung lụa với những đường kim tuyến sặc sỡ và qua những cử chỉ của ông đối với cha, lúc nào cũng nhường bước cho cha đi trước, cha lại càng được chúa và các quan trong triều phủ trọng kính hơn. Trịnh Tráng đã cử một vị sư danh tiếng để tiếp cha trong những ngày ở kinh đô. Nhưng vì không biết tiếng nói và cũng không thể tìm được thông ngôn có khả năng, cha đành phải bỏ lỡ dịp thuận tiện đó. Dầu vậy trước khi lên đường, chúa cũng đã cho cha có dịp rửa tội được 4 em nhỏ trước khi chết. Đó là 4 bông hoa đầu mùa của các cha dòng Tên ngoài Bắc. Bốn vị thánh trẻ đó sẽ là những vị bầu cử ơn Chúa cho những buổi đầu của 2 cha Pedro Marquez và Đắc-lộ sau này(1)

3,— Cha Đắc - Lộ và Pedro Marquez trên đường ra Bắc.

Nhận thấy người xứ Bắc:«tính tình tốt lành, có nhiều thuần phong mỹ tục rất hợp với tinh thần đạo công giáo, nếu có những vị thừa sai thông thạo tiếng nói của dân xứ, rất hi vọng thu lượm được một gặt hái phong phú».(2)Cha nhất định tìm cách liên lạc ngay với cha Gabriel de Mattos, lúc đó đang làm bề trên kinh lược ở xứ Nam, yêu cầu gửi ngay một hoặc hai thừa sai đang hoạt động ở đó, đã thông thạo tính tình dân tộc và nhất là thông thạo tiếng nói.

Lúc đó vấn đề liên lạc thư từ giữa hai miền không phải chuyện dễ và nếu bị tiết lộ rất có thể gây nhiều nghi kỵ tai hại cho đạo giáo. Tuy vậy công việc không thể trì hoãn được, vì nếu để chờ đến khi về Áo môn mới tìm bắt liên lạc qua những tầu buôn xuống xứ Nam sự chậm trễ ít nhất là hai năm và có thể là lâu hơn.

May mắn, thư gửi tới tay cha De Mattos. Nhưng hình như

(1) Cha Baldinotti trở về Áo môn, tìm đường vào đất Nhật lúc đó đang trong thời kỳ bách hại dữ dội, với hi vọng được lĩnh triều thiên tử đạo. Tầu gặp bão bị thiệt hại nặng, các thừa sai chuyến đó cũng có 5 vị đã ở Nam, đều phải trở lại Áo môn. Sau mấy tháng cha lâm bệnh và qua đời.

(2) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông kinh.

câu chuyện bị tiết lộ phần nào, đã tới tai Trịnh Tráng.Nghi ngờ người Bồ từ trước vẫn có thịnh tình và liên lạc buôn bán với chúa Nguyễn, có thể nhờ dịp buôn bán do thám tình hình rồi báo tin cho chúa Nguyễn, Trịnh tráng bắt họ thề minh chứng không hề có ẩn ý như thế, lúc đó mới yên lòng. Để tránh những khó dễ cho công cuộc truyền giáo sau này, cha Baldinotti không quên chú thích cho cha De Mattos đừng sai các cha thẳng từ Nam ra Bắc, nhưng trở về Áo môn rồi năm sau lại theo tầu buôn ra xứ Bắc.

Nhận thấy cha Đắc Lộ,tuy mới đến xứ Nam nhưng đã thông thạo tiếng nói và thích ứng với phong tục tính tình dân tộc mau chóng, cha De Mattos liền được chọn để sai ra xứ Bắc cùng với cha Pedro Marquez.Vào quãng tháng bảy 2 cha xuống tầu về Áo môn. Năm sau, lễ thánh Ghêgôriô Cả, 12-3-1627 hai cha xuống tầu về Áo-môn, sau 6 ngày thuận buồm suôi gió, thoát khu đảo Hải Nam vùng biển nguy hiểm hơn cả thì gặp bão.Suốt một đêm đương đầu với sóng gió, sáng ngày 19-3, chính ngày lễ thánh Giuse, tầu dạt vào cửa Bạng.

Để ghi nhớ ơn phù hộ của Thánh cả và để hiến dâng công cuộc truyền giáo của hai cha được bắt đầu trong chính ngày lễ của Người, Cha Đắc lộ gọi cửa biển đó là cửa thánh Giuse và đặt Người làm quan thầy của xứ Bắc.

II.— CỬA BẠNG : NHỮNG BÔNG LÚA ĐẦU MÙA. (1)

1.— Hòn ngọc nước Chúa.

Tầu cập bến, dân chúng tò mò đến xem. Ít khi họ gặp tầu buôn đến vùng họ. Cửa Bạng lúc đó cũng như ngày nay, chỉ là một vùng đánh cá của dân chài, một bến buôn cất những hàng trong nước. Nghe nói là tầu buôn của người Bồ đem hàng vào kinh bán, họ mong muốn được mắt thấy những tấm nhung lụa

(1) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông kinh.

đắt tiền, những viên ngọc quí từ bên Ấn - Độ đưa sang, mà đời họ chỉ được nghe nói nhưng chưa hề được thấy.

Trước những con người tò mò đó, với mong muốn truyền giáo và đưa tin lành, 2 cha không muốn để lỡ dịp, đem họ từ những mong muốn trần tục lên với đấng Tối Cao, nguồn hạnh phúc mọi người phải trông đợi.

Trong đoàn truyền giáo hai cha, chỉ có mình cha Đắc Lộ là thông thạo tiếng nói, còn cha Pedro Marquez, «người già cả, nhiều kinh nghiệm quen biết các khu truyền giáo ở Đông Á, nhưng tiếng nói không thạo lắm» vì thế tuy bề dưới, nhưng mọi công việc đều ở tay cha Đắc Lộ.

Cũng như xưa, Chúa Giêsu dùng dụ ngôn hòn ngọc quí để giảng nước trời cho những người dân quê Palêtina, cha Đắc-Lộ cũng từ câu chuyện viên ngọc Ấn-Độ đưa những người dân chài đó đến với đạo tin lành của Chúa trời đất. Nghe nói là cha đem đến cho họ những viên ngọc quí, mà những người có nó sẽ được hạnh phúc không những đời nay mà cả đời sau, họ hiểu ngay là những viên ngọc vật chất, và mừng rỡ trông đợi. Cha phải vội cải chính ngay, giúp cho hiểu, viên ngọc quí của châu báu đích thực đó chính là đạo thánh Đức Chúa Trời. Người chính là Đấng dựng nên trời đất muôn vật mà chúng ta tất cả có bổn phận phải thờ phượng. Rồi từ giải nghĩa chữ «đạo» theo hán tự, có nghĩa là «đường» theo lối nói nôm na của người dân, cha trình bày tin lành mới, đạo Chúa Trời, con đường đích thực đưa con người đi về với Thiên Chúa, nguồn hạnh phúc bất diệt.

Tin lành đầu tiên đó đã được đáp lại. Kết quả là hai người đàn anh trong nhóm dân chài Cửa Bạng đến xin học đạo và chịu phép rửa cùng với cả gia đình. Một người, cha đặt tên thánh là Giuse để ghi ơn thánh quan thầy của Giáo hội miền Bắc, còn một người cha đặt tên thánh là Inhaxu, vị thánh lập dòng của Cha.

2.— Họ Cửa Bạng.

Tin thuyền buôn người Bồ dạt vào Cửa Bạng được quan sở tại cấp báo ngay lên kinh. Với những phương tiện liên lạc của

thời xưa, nhanh lắm cũng gần hai tuần lễ mới nhận được lệnh ở trên kinh xuống. Trong khi chờ đợi, cha Đắc lộ tiếp tục công cuộc truyền giáo đã bắt đầu. Trong có ít ngày cha đã rửa tội được 32 người, trong số đó đủ mọi tầng lớp dân chúng không phải chỉ nguyên khu làng ở Cửa Bạng, nơi tầu đậu, mà cả những làng lân cận, dân chúng vì tò mò đến xem đã được cha truyền giáo cho. (1)

Ba người được cha nhắc đến trong số những giáo dân đầu tiên đó là một thầy đồ, một thầy cúng và một phú gia.

Thầy đồ là một người có tiếng hay chữ trong vùng. Nhận biết đạo thật « thầy đã trở nên môn đồ và thầy dậy những chân lý đạo mới cho các người chung quanh».Cha Đắc lộ đã trao cho cho thầy một bản kinh hằng ngày để thầy học và dậy cho người khác.

Ở bên kia sông có một thầy cúng đã lâu ngày bị các ma ôn ám ảnh, thầy đã phải lập trong nhà thầy hai mươi nhăm bàn thờ để cúng vái chúng, mà chúng vẫn không để cho yên. Nghe dân chúng bàn tán có một tây giang đạo trưởng mới đến Cửa Bạng, có lẽ cho là một thầy cúng cao tay hơn, thầy liền đến gặp cha, xin cha giúp thầy trừ những ma ôn đó, nếu được như ý nguyện, thầy sẽ xin suốt đời làm môn đồ của cha. Nhân dịp cha liền giảng cho thầy biết đạo thật, làm dấu thánh giá trên trán xua đuổi tà thần và cho thầy ít nước thánh về rẩy trong nhà. Từ đó thầy không còn bị chúng ám ảnh nữa. Tin ở đạo thật, thầy liền từ bỏ những mê tín cũ và xin học đạo và chịu phép rửa.

Cùng một làng với thầy cúng, có một phú gia, có quyền thế trong làng và rất sùng bụt thần, cúng vái hết nơi này nơi nọ để xin ơn mà không được. Nghe giảng đạo thật và được ơn trên soi sáng nhận ra những điều lầm lạc mê tín cũ, ông liền xin trở lại. Nhà ông từ đó trở nên trung tâm hội họp của họ đạo. Những ngày chủ nhật dân chúng có đạo đến đọc kinh và những người không có đạo đến nghe giảng tin lành mới.

---

(1) Ngày nay ở Cửa Bạng người ta còn giữ một bia đá đánh dấu nơi Cha Đắc Lộ tới và họ đạo đầu tiên ở Cửa Bạng có lẽ là Du Độ (Do xuyên).

3.—Cờ chiến thắng trên núi Cửa Bạng.

Thời gian 2 cha chờ đợi ở Cửa Bạng cũng là vào lúc tuần thánh, cha Pedro Marquez liền đề nghị tổ chức lễ dựng thánh giá để đánh dấu cho cuộc truyền giáo được bắt đầu, vì thánh giá chính là hình ảnh ơn cứu chuộc đem đến cho nhân loại, mở đầu cho một thế hệ tin lành mới, mà các cha là những người đem đến cho dân chúng miền Bắc.

Ở vùng Nghệ An, dưới Cửa Bạng có một cửa gọi là cửa Chúa. Sự tích tên cửa đó theo như dân chúng trong vùng, thì ngày xưa có một công chúa bên Tầu, vì lỗi trinh tiết bị vua cha kết án bỏ xuống biển. Xác chết lâu ngày giạt vào bờ biển vùng đó, dân chúng sợ hãi, làm đền thờ, đặt tên cửa đó là Cửa Chúa. Thuyền bè đi lại, theo mê tín của họ, đều phải có lễ vật cúng vái mới mong khỏi tai nạn sóng gió.

Ở Cửa Bạng, trên khu núi trông ra biển, dân chúng cũng làm một đền thờ Bà Chúa ở lưng chừng. Cũng như những chiến sĩ đánh đuổi quân thù, mỗi khi chiếm được đồn của địch, họ sung sướng cắm lên chính chỗ đó lá cờ ghi dấu chiến thắng của họ. Các cha cũng muốn chọn đỉnh khu núi đó làm chỗ dựng thánh giá Chúa : «Dựng thánh giá trên nơi cao nhìn xuống khu đền là hình ảnh mở đầu cuộc chiến thắng với ma quỉ, nhìn thánh giá Chúa chúng sẽ khiếp sợ mà trốn xa đi và bảo cho chúng biết từ nay chúng không còn quyền hành chi nữa trên khu đất này, nơi mà uy quyền Chúa Ki-tô chiến thắng sẽ đuổi xa chúng. » (1)

Ngày thứ sáu tuần thánh được chọn làm ngày dựng thánh giá. Hôm đó cũng như trên đường lên núi sọ, hai cha vác thánh giá lên núi, theo sau là mấy giáo dân Bồ và các người tân tòng ở Cửa Bạng. Cờ chiến thắng đã dựng lên, thời giờ tin lành ơn cứu chuộc đã điểm và trang đầu tiên của lịch sử Giáo hội miền Bắc được mở đầu bằng hình ảnh thập giá. Một công cuộc truyền giáo mang nặng những kết quả huy hoàng. Nhưng lịch sử giáo

(1) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông kinh.

hội là một lịch sử chiến thắng bằng thập giá và trong thập giá, giáo hội miền Bắc cũng như giáo hội miền Nam hay bất cứ một giáo hội nào cũng sẽ lớn lên trong con đường thập giá với những bách hại không thể tránh được trong cuộc đương đầu với bóng tối của tà thần.

Ít lâu sau, Trịnh Tráng trên đường kéo quân xuống Nam qua đấy, thấy hình ảnh chữ thập lớn trên núi, liền hỏi những người đi theo. Một quan cận thần có cảm tình với đạo đã cho nhà chúa biết đấy là một hình ảnh mà người Bồ tôn kính lắm, ở đâu lái buôn Bồ đi qua mà gặp thấy, là thế nào họ cũng tạt qua để bán hàng. Nghe nói thế, nhà vua bằng lòng lắm vì nhà vua rất mong muốn cho tầu buôn người Bồ vào buôn bán ở nước Đông kinh (1).

IV.— AN VỰC, ĐANG KHI CHỜ ĐỢI CHÚA TRỊNH TRỞ VỀ.

1.— Trịnh Tráng đem quân vào đánh xứ Nam

Đang lúc đem quân theo đường Sông Cái ra biển để xuống Nam đánh chúa Nguyễn thì Trịnh Tráng được tin báo tầu buôn người Bồ đến, gặp bão dạt vào Cửa Bạng. Biết là người Bồ đem đạn dược súng ống đến, Trịnh Tráng mừng lắm, liền cho quan đến lấy ngay và tuy vội vã cũng vời họ đến cho gặp.

Hai cha cũng theo các lái buôn Bồ xuống thuyền của chúa sai đến đón. Hôm sau thì đến một cửa sông rất lớn (2) rộng đến sáu hải lý Ý đại lợi và chúng tôi được gặp nhà vua với tất cả binh thuyền đang kéo xuống xứ Nam. Binh thuyền của nhà vua nhiều vô kể và tiến rất có trật tự.

Trình bầy lực lượng chúa Trịnh kéo xuống Nam, cha Đắc-Lộ

(1) Trong các sách của cha Đắc Lộ và thừa sai thời đó thường dùng chữ « bua » để chỉ chung cho cả vua Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn.

(2) Cửa sông lớn mà cha Đắc lộ kể đây, chắc là một trong ba cửa Lạch Đáy, cửa Lộc hoặc cửa Ba lạt, tức 3 cửa Sông Cái thông ra biển.

kể:«Đầu tiên chúng tôi thấy một đoàn đến hai trăm chiến thuyền chạm trổ tô son thiếp vàng rực rỡ, trên thuyền quân đội súng ống đầy đủ. Đoàn thuyền tiến lên rất đều trông oai nghi khiếp sợ, đồng thời cũng rất ngoạn mục... Rồi đến 80 thuyền lớn chở vệ binh chạm trổ và tô điểm nhiều hơn, buồm cũng làm bằng vải thanh hơn, còn giây chão thì cuốn bằng giây tơ mầu son đỏ. Đi giữa là thuyền rồng to lớn, sơn son thiếp vàng đẹp đẽ. Nhà vua đón tiếp chúng tôi lịch sự không ngờ. Những người lái buôn Bồ dâng cho nhà vua những lễ vật thích hợp với hoàn cảnh lúc đó tức là một số đạn dược súng ống và nhà vua cho dùng ngay vào công việc binh đao sắp sảy ra. Còn chúng tôi dâng cho nhà vua một vài lễ vật có tính cách tôn giáo. Nhà vua nhận lễ vật tỏ vẻ rất hài lòng và ban quà lại cho chúng tôi. Vì bận công việc binh bị, không tiếp lâu được nên ngài bảo chúng tôi trở lại lấy thuyền buôn của chúng tôi rồi đi theo binh thuyền của nhà vua đến một cửa biển nào đó, nhà vua sẽ cho lệnh đỗ lại để đợi xuống đánh xứ Nam trở về. Lúc theo sau quân đội của nhà vua, chúng tôi lại có dịp để nhận định thêm binh lực của ngài. Số binh thuyền theo sau đoàn thuyền hộ tống còn đông hơn cả đoàn thuyền đi tiên phong, đấy là không kể những thuyền nhỏ đủ cỡ hạng, nhiều vô kể, dùng vào việc chở binh lương và cả các cung nữ nữa. Một số lớn những thuyền này được để lại ở một cửa biển gần Thanh hóa để dễ bề lẩn tránh rút lui khi địch đuổi theo. Ngoài ra còn 50 thuyền lớn chở lương thực đủ cho bộ binh và thủy binh. Số quân đội cả thủy lẫn bộ có đến gần mười hai vạn, thêm ba trăm thớt voi dùng để tải khí giới và mang súng đại bác.

Trong tám ngày theo quân đội của nhà vua, lúc trên thuyền hay lúc dừng lại cho quân lên bộ nghỉ, chúng tôi luôn tìm dịp để truyền giáo cho họ hoặc giúp đỡ người này người khác. Họ kéo đến nghe chúng tôi giảng đông đúc và chăm chú lắm, nhưng vì đang bận tâm đánh giặc, không ai để ý đến việc xin lĩnh nhận phép rửa để nhập đạo. (1)

Đến làng An vực, vua Lê chúa Trịnh lên làm lễ tế thần ở

(1) Đắc lộ, Lịch sử xứ Đông kinh.

trên núi gần đấy, để lại một số thuyền chở binh lương, các cung nữ và một số quân canh phòng tiếp viện, rồi lên đường vào đánh chúa Nguyễn xứ Nam. Trịnh Tráng cũng không quên cắt một quan để tiếp đãi người Bồ và các cha đang khi chờ đợi chúa trở về. Viên quan đó liền cho dựng tạm một ngôi nhà gỗ để họ và hai cha lên trú tạm trên đất. Một gian được dành ra làm nhà nguyện và là nơi giảng đạo cho dân chúng trong vùng, các lính tráng và các cung nữ.

2.—Sư cụ Gioankim và nhà thờ An vực.

Qua những người dân trong vùng đến làm phu, dựng nhà cho lính tráng và các cung nữ, tiếng đồn có tây giang đạo trưởng đến thuyết pháp được lan truyền ra. Dân chúng đến nghe giảng mỗi ngày một đông và số người trở lại mỗi ngày một nhiều Trong hai tháng giời chờ đợi ở An vực, hai cha đã rửa tội được hơn hai trăm người.

Người thứ nhất được ơn trở lại là một sư cụ danh tiếng trong vùng. Cụ rất chăm học đạo hằng ngày luôn ở bên các cha để nghe giảng giải các mầu nhiệm trong đạo. Không dám phiền cụ, cha Đắc Lộ nhờ một thanh niên biết chữ chép ra chữ nôm, những kinh cha đọc cho để những người tân tòng theo đó mà học. Thấy thế cụ liền xin cho cụ được hân hạnh làm công việc đó «vì trước kia đã làm thầy dạy người ta những sự lầm lạc, thì lúc này cũng xin nhận việc đó để dậy lại người ta những điều chân thật». Chưa đủ, nhận thấy gian nhà của hai cha ở chật chội, dân chúng đến nghe giảng phải chen chúc nhau, cụ liền dâng cho hai cha một khu đất bên cạnh để hai cha làm một nhà thờ rộng rãi và xứng đáng hơn. «Lập tức với sự giúp đỡ của người dân trong vùng, một nhà thờ bằng gỗ theo kiểu của người dân xứ được dựng lên và ngày mồng ba tháng năm, lễ tìm thấy thánh giá Chúa Giêsu, nhà thờ thứ nhất của các cha dòng Tên ở xứ Bắc được làm phép trọng thể. »

Theo gương sư cụ Gioankim, chính cụ sãi đứng đầu coi khu đền thờ thần ở núi An vực cũng trở lại. Trịnh Tráng trước khi giao chiến đã đến tế thần ở đền đó và dân chúng cho rằng thần ở đó thiêng lắm. Nhưng nhận thấy lầm lạc mê tín cũ, cụ sãi từ bỏ tất cả những lợi lộc để theo tin lành mới. Cụ Gioan, tên thánh của cụ sãi khi trở lại và bà Anna, vợ của cụ, cả hai ông bà sau khi trở lại, rất nhiệt thành truyền đạo cho bà con và dân làng An vực. Nhà ông bà trở thành nhà nguyện cho dân chúng đến hội nhau cầu nguyện và nghe cụ giảng.

Với tinh thần Tông đồ giáo dân của những tân tòng đầu tiên đó, đạo giáo từ làng An vực được truyền qua các làng chung quanh một cách mau chóng. Mỗi giáo dân sau khi trở lại, lại trở nên một chiến sĩ của đạo mới cho những người chung quanh và tinh thần bác ái cũng được thực hành đi đôi với lời nói.

Ở làng Văn no bên kia sông có một bà cụ tên thánh là Lina trước kia rất sùng bụt thần, sau khi trở lại bà cụ rất hăng hái hoạt động bác ái và khuyên người ta trở lại. Nhưng bà cụ vẫn buồn khóc vì chưa làm được cho người chồng của bà trở lại. Ông cụ là người chơi bời phóng túng. Cuối cùng nước mắt của bà cụ đã thắng, cụ Giuse trở lại, sống đời đạo đức tử tế và còn cho cả các con trở lại nữa. Cả hai ông bà từ đó chỉ chăm lo truyền đạo và làm phúc bố thí, làm một nhà tế bần để cưu mang những người già cả ốm đau trong vùng đó.

Và hơn ai hết, những người nghèo khổ đau đớn vì bệnh tật là những người dễ đón nhận tin lành Đấng Cứu thế hơn. Ở gần làng Văn No có một làng hủi. Được nghe biết tin lành Con Thiên Chúa đem đến cho nhân loại hạnh phúc bất diệt đời sau chấm rứt những đau khổ cay đắng ở đời này, nhiều người đã đáp lại tin lành và xin chịu phép rửa. Trong số đó có ông Simon, một người có chữ nghĩa. Được cha Đắc Lộ gửi đến cho một bản kinh có cả kinh mười giới răn của Chúa, ông liền đem dậy cho các người hủi trong làng và ngày chủ nhật vì không thể đến nhà thờ được, những người làng hủi họp nhau lại trước ảnh Chúa và đọc các kinh đó với nhau.

3.— Những giáo dân đầu tiên trong hoàng gia.

Trong một xã hội mà nho giới cầm đầu,chính quyền ở trong tay một người, một họ, nếu lôi cuốn được một số nho sĩ, quan lại hay người của chi họ đó tin theo đạo, thì công cuộc truyền giáo sẽ có nhiều hi vọng được bảo đảm, được dễ dàng và tiến triển mau chóng.

Một câu chuyện không ngờ đã cho cha Đắc Lộ có dịp truyền giáo cho các cung nữ và các bà chúa trong triều vua phủ chúa, theo vua Lê chúa Trịnh xuống đánh xứ Nam và trú lại ở An vực.

Nghe tin một vệ binh ốm nặng, cha Đắc Lộ liền đến thăm khuyên trở lại đạo Chúa trời đất để được hưởng hạnh phúc đời sau. Được ơn Chúa, ông đã trở lại và sau đó mấy hôm thì qua đời. Các cha liền tổ chức cất xác theo nghi lễ công giáo một cách trọng thể. Tất cả người Bồ và những người mới theo đạo đều đi đưa xác. Đối với người Việt Nam, được công chúng đưa xác như thế là một hân hạnh lớn lao lắm và cũng là lần đầu tiên họ được dự những nghi lễ đưa xác trọng thể của người công giáo. Ai cũng cảm động và bỡ ngỡ bàn tán. Sự có mặt của các cha và những lái buôn Bồ và được coi là giới quan trên, được vua chúa trọng đãi mà lại đến dự lễ an táng của một người lính thường, người dân thời đó khó hiểu lắm. Nhưng một khi được các cha giải thích cho lý lẽ và ý nghĩa của tính cách cộng đồng với tình yêu bao trùm của đạo, nhiều người cảm phục và xin theo đạo.

Câu chuyện đến tai « bà chị của nhà vua » cha Đắc Lộ kể : «Nghe nói đến tình bác ái của người công giáo đối với một người lính thường như thế, bà liền cho gọi chúng tôi đến và hỏi han chúng tôi về những điều trong đạo trước mặt cả 200 vệ binh đứng vây chung quanh.Trước đây ít lâu, người chồng quá cố của bà, là một vị quan lớn trong triều và cũng là người yêu quí nhất của đời bà, bà rất mong muốn có thể giúp đáp được chút gì cho ông ở đời sống bên kia. Trước hết bà hỏi chúng tôi, người lính

đó đã có công trạng gì lớn lao mà được chúng tôi thân hành đến thăm viếng khi gần chết mà sau khi chết rồi, lại được chúng tôi lo liệu đưa xác trọng thể như thế. Tôi thưa là người lính đó chẳng có công trạng gì cả, mọi sự là nhờ lòng thương của Chúa nhân lành, Chúa đã đoái thương ban cho người lính đó được ơn đức tin trước khi chết. Người lính đó hiện đang được hưởng hạnh phúc đời đời ở bên kia.

Nghe nói thế, bà bỡ ngỡ, và cũng như từ trước đến giờ bà đã không lo lắng đến bà, mà chỉ lo lắng cho người chồng đã quá cố, bà cảm động chảy nước mắt hỏi tôi có cách nào giúp cho chồng bà được siêu thoát không. Chúng tôi lấy lời đấng tiên tri mà thưa lại rằng : cây đã đổ bên nào thì nằm bên ấy, đổ hướng nam thì nằm hướng nam, đổ hướng bắc thì nằm hướng bắc. (1) Còn chúng tôi được Chúa trời đất sai đến để giảng tin lành chỉ cho người còn sống biết đường chính thực đưa đến sự sống đời đời, chúng tôi dù muốn cũng không thể cứu ai khỏi sự chết đời đời. Một khi đã chết trong tình trạng ngoài đạo thật thì không còn hi vọng có thể cứu giúp để lại được sự sống đời đời.» (2)

Hoạt động truyền giáo đầu tiên trong triều phủ lần đó đã không thất bại. Tuy bà chúa, chị nhà vua không trở lại, nhưng bà đã mời hai cha đến thăm và đưa tin lành cho bà cụ thân sinh của chồng bà, đã già cả ốm yếu. Nghe tin lành bà cụ đã xin theo đạo và được các cha rửa tội đặt tên thánh là Anna.

Một bà quan lớn khác thấy thái độ của các cha trước lời yêu cầu của bà chúa đã tự nghĩ : nếu các cha muốn làm vừa lòng bà chúa đang lúc buồn sầu để được bà che chở giúp đỡ cho sau này, rất có thể cứ nói rằng mình có cách giúp siêu thoát cho chồng của bà, rồi thì muốn gì mà chẳng được và ai là người dám mở miệng nói trái lại. Nhưng các cha là người thật thà đã không muốn lợi dụng dịp đó để làm giàu và hưởng bổng lộc vua chúa. Như thế đạo lý của các cha dậy hẳn là những điều chân thật, muốn được hưởng hạnh phúc đời đời, cần phải theo đạo đó. Bà đã đến kể cho các cha ý nghĩ đó đồng thời bà cũng lôi

(1) Eccl. XI, 3.

(2) Đắc lộ, Relazione trg 144. Historiæ Tunquinensis trg 120-121.

cuốn được nhiều bà quan lớn khác theo bà học đạo. Các cha đã rửa tội cho bà, đặt tên thánh là Mônica.

V.— TRÊN ĐƯỜNG LÊN KẺ CHỢ

1.— Trịnh Tráng rút quân.

Sau khi bỏ lại An vực một số thuyền chở binh lương, các cung nữ và một số quân canh phòng tiếp viện, Trịnh Tráng kéo đại binh theo đường thủy xuống đánh mặt nam, còn Nguyễn Khải và Nguyễn danh Thế trước đây đã được lệnh đem quân tiên phong vào đóng ở xã Hà-trung tục gọi là Cầu-doanh, theo đường bộ cùng tiến xuống.

Với chiến thuật dụng mưu, các tướng bên Nguyễn không cần đến súng ống gươm giáo mà cũng giết được nhiều quân địch. (1)

Ở cửa Nhật lệ, chỗ quân Trịnh tiến quân vào, bên Nguyễn cho chăng ngầm qua sông rất nhiều dây chão kiên cố và suốt dọc đường dây buộc nhiều móc sắt nhọn. Muốn tiến quân vào, thường phải chờ lúc thủy triều bắt đầu lên, gió thổi mạnh. Buồm căng thẳng, quân lính mải miết chèo, bất thình lình vướng phải dây chão chăng ngầm, hoặc đắm vỡ, hoặc bị thuyền đi sau không hãm kịp xô lên. Một số quân lính vấp phải dây chão văng mạnh xuống sông hoặc đắm thuyền nhảy xuống để thoát chết, không ngờ lại vướng phải các lưỡi móc và búi sắt chăng ngầm. Chuyến đó quân Trịnh chết hơn ba ngàn còn bên Nguyễn không chết đến một người.

Vừa mới ra quân đã bị thiệt hại đau đớn, quân khí bị nhụt mất nửa, đến lúc tiến vào nội bộ quân Trịnh lại rơi vào chiến thuật chiến tranh tâm lý của bên Nguyễn.

Dạo đó, quân đội Bồ với khí giới súng đạn tối tân thời đó,

(1) Đắc Lộ, Historiæ Tunquinensis trang 126-127. Relazione trang 152-153. Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược trang 296,— Lê thành Khôi, Le Việt Nam t. I, trang 247,

được coi là một quân đội hùng mạnh và đáng ghê sợ nhất. Quân Trịnh cũng biết là người Bồ vẫn đi lại buôn bán với bên Nguyễn, giúp đỡ khí giới rất nhiều và còn e ngại cả một trợ lực về quân binh. Để làm nhụt tinh thần chiến đấu của quân Trịnh, bên Nguyễn làm nhiều hình nộm mặc quần áo người Bồ, cầm súng giả. Quân Trịnh ở xa tưởng thật không dám tiến.

Bên Nguyễn lại còn phao tin ngoài Bắc, Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp khởi loạn. Trịnh Tráng trước đây đã phải đương đầu với Trịnh Xuân mới tranh được ngôi chúa, nghe tin trong bụng cũng sinh nghi, không biết thực hư thế nào, bèn cho lệnh rút quân về.

2.— Được phép ở lại Truyền Giáo.

Sau 2 tháng ở An - Vực, nghe tin Trịnh Tráng rút quân hai cha và người Bồ cùng theo các quan xuống đón.

Các cha dâng cho chúa một « cuốn chữ Hán vẽ hình trái đất tròn của Euclide, do các cha dòng Tên soạn, có vẽ nhiều hình địa lý và chú thích bằng chữ Hán ». (1)

Lễ vật được Trịnh Tráng ưa thích, liền bảo các cha giải thích cho chúa và triều thần nghe. Vì là trên đường về, các cha được phép kéo dài câu truyện. Từ những vấn đề địa lý, khoa học trần tục, các cha đưa câu truyện sang vấn đề tôn giáo, đấng dựng nên trời đất muôn vật « Vua cả vũ trụ, Người sẽ thưởng công cho các bày tôi trung thành của Người, hạnh phúc bất diệt trên thiên quốc ». Trong suốt hai tiếng đồng hồ, Trịnh Tráng và triều thần chăm chú nghe.

Tin Lành thứ nhất ở phủ chúa hôm đó không phải là không có kết quả, vì « tuy nhà vua chưa đáp lại tiếng gọi của Chúa Trời đất, nhưng vị quan chỉ huy vệ binh của nhà vua sau ít lâu

(1) Cuốn chữ Hán mà cha Đắc-Lộ nói đây chính là bản đồ thế giới do cha Ricci vẽ và chú thích bằng chữ Hán theo những tài liệu đã khám phá được trước thế kỷ XVII. Xem chương II bài của cha H. Bernard-Maitre trong Histoire Universelle des Missions Catholiques t.II.

đã đến gặp chúng tôi để xin học đạo và chịu phép Rửa, ông nói rất cảm phục lý lẽ của chúng tôi và từ hôm đó quyết tin theo đạo công giáo. Ông đã trở lại với tất cả nhân viên tùy tùng của ông ».

Từ đó hai cha thường được mời lên hầu chuyện, nhưng điều mà hai cha mong muốn hơn hết là làm thế nào xin được phép chúa Trịnh cho lên Kinh và ở lại đó giảng đạo. Mục đích các cha vào xứ Bắc là chỉ có thế. Các cha giao phó tất cả ý nguyện đó trong tay Chúa quan phòng và Người đã lo liệu cho các cha.

Tới An-vực, Trịnh Tráng cho quân nghỉ ít ngày. Hôm đó là ngày lễ thánh Gioan Tẩy rửa, Trịnh Tráng cho gọi các cha đến và truyền đem chiếc đồng hồ cát các cha biếu trước đây để cho chạy thử, vì « nhà vua chưa thấy của đó bao giờ ». Không tin cứ đến giờ là đồng hồ tự động đánh, Trịnh Tráng muốn xem thực hư thế nào. Đang khi chờ đợi, sai đem cuốn bản đồ chữ Hán ra để các cha tiếp tục giải thích cho nghe. Lúc cát chảy hết thì đồng hồ tự động đánh giờ thực, Trịnh Tráng lấy làm bỡ ngỡ. Một quan lớn trong triều, được Trịnh Tráng kính nể lắm, đến xem chiếc đồng hồ cũng tấm tắc khen là « một vật kỳ lạ, một lễ vật xứng đáng với ngôi báu ». Nhưng đối với bản đồ chữ Hán thì ông cho rằng dân ta đã có sách của Đức Khổng, Thánh hiền của Trung Quốc, dạy đủ mọi điều rồi.

Nhưng Trịnh Tráng không đồng ý với cụ. Muốn các cha ở lại lâu dài để tiếp tục trình bày những khoa học của Tây phương và nhất là để có người trông coi chiếc đồng hồ cát, lễ vật được nhà chúa đặc biệt ưa thích, Trịnh Tráng quay lại bảo hai cha: « Khi thuyền các người nhổ neo, ta muốn các người ở lại với ta một hai năm, được như thế thì các người làm ta hài lòng lắm, vì ta muốn bàn hỏi các người nhiều điều. Nghe thấy nói thế, chúng tôi cúi đầu thưa với nhà vua rằng số phận của chúng tôi ở trong tay đức vua và chúng tôi rất sẵn lòng... chẳng những một hai năm mà lại suốt đời. Vì chỉ có mình tôi biết tiếng nói, nên nhà vua quay lại phía tôi hỏi một mình tôi muốn ở lại hay cả hai, tôi thưa lại rằng ở lại một mình có lẽ buồn lẻ loi và nhất là vì còn trẻ nên bề trên đã cho một bạn già ở bên như

người cha, vì thế cả hai xin sẵn lòng ở lại giúp nhà vua. Nhà vua bằng lòng lắm, nhất là khi thấy cả hai chúng tôi đều xin ở lại. »

Các cha không hết lời tạ ơn Thiên Chúa đã giúp các cha và sửa soạn theo chúa Trịnh lên Kẻ Chợ. Giáo dân ở An vực cũng rất hài lòng khi thấy chúa Trịnh quí mến các cha. Trước khi lên đường các cha không quên khuyên bảo họ bền vững trong đức tin vừa mới lĩnh nhận.

3.—Trên đường lên Kẻ Chợ.

Con đường lên Kinh theo sông cái chỉ độ tám chín ngày. Một hôm có tấu nhạc Chúa Trịnh liền cho thuyền đến mời các cha tới dự. Đang khi nghe nhạc, Trịnh Tráng hỏi các cha về nhạc khí Tây phương và thấy cha Đắc Lộ đeo bên mình một cỗ tràng hạt, chúa liền hỏi là vật gì. Nghe cha giải thích về tràng hạt và lòng sùng kính của người bên đạo, chúa truyền đưa cho và đeo ngay vào cổ người cháu gái mới lên ba đang ốm mệt. Với cử chỉ đó, tuy Trịnh Tráng chỉ mới tỏ ra tin tưởng ở sức phù hộ của tràng hạt, ảnh tượng bên đạo như những lá bùa chữa bệnh khác, nhưng các cha cho đó là một dấu tốt có hy vọng hay ít là có ảnh hưởng với những người chung quanh.

Giữa đường, Trịnh Tráng được tin báo «Ciua cam» (1) lợi dụng lúc vướng tay ở miền Nam, đem quân về quấy nhiễu vùng Kẻ Chợ. Chúa liền cho quân đuổi đánh.

Không ngờ Trịnh Tráng rút quân về sớm, lại nghe nói «quân sĩ có hơn bốn trăm ngàn», biết không chống nổi liền tính thế rút lui, nhưng quá chậm vì thuyền quân Trịnh đuổi gấp. Đang đêm quân Mạc phải bỏ thuyền trốn lên bộ, để rời vào tay quân Trịnh một số binh thuyền « lớn nhỏ tính ra hai trăm bảy mươi chiếc ».

Một số độ năm mươi quân Mạc chạy không kịp bị bắt. Biết tin họ bị kết án trảm quyết, cha Đắc-Lộ liền tìm gặp để hy vọng

(1) Tức Chúa Kỉnh, lúc đó là Mạc-Kỉnh-Khoan, cháu Mạc-kỉnh-Cung.

P. Avitabile

Pax Xti

As derradeiras que recebi de V.R. foraõ dos 30 de Janeiro de 627 estando ainda em Macao, mas para me embarcar o dia seguinte para Cochinchina, como de Macao tenho escrito a V.R. agradecendo-lhe muito o cuidado que tem de saber minhas novas cada anno, e eu não poderadizer de todas penaõ com muita ingratidaõ.

As desse anno taõ que tivemos viagem assas trabalhosa e perigosa para esta Cochinchina, porque hum navio que vinha em nossa companhia se perdeo na ilha de Hinaõ, mas a gente se salvou como depois soubemos, e se tornou para Macao, nos estivemos arriscados ao mesmo, ou pouco mais ou menos perigo, ied de omnibus liberavit nos Dominus. graças a tua Divina Magestade que vejo para lha fallar muitos tempos. Chegamos pois todos os nossos que eramos pois como P. Gabriel de Mattos e salvamento e com saude a esta Cochinchina com esperanças que ao menos algũas acharemos dispostas caminho para Japaõ pois de Macao essa quasi impossivel, mas aqui tambem achamos a porta totalmente fechada porque os Japoẽs Christaõs ná naõ podem navegar. Mas emfim todo Deos fez pollo melhor, naõ morreo o Jesu ẽ pollos Japoẽs. o desejo que tem esta nação de sua salvação merece que muitos obreiros se occupem em seu proveito e os que aqui estamos ainda somos poucos para os muitos que cada dia vem a ouvir e receber a Nossa Santa fé Romaõ Jesu o Sol. e podemos esperar que em breve esta Christandade possa ser completa com as mais florentes desse Oriente e este anno que tivesse ná um grande pasto espedada e sabida, a lingua do Japaõ, aplique me agora a estudar a desta terra e espero que dentro dizes annos a ei de saber sufficientemente para poder pregar a Nossa Santa fé de Jesum Crucifixum e ia me comeco entender com esta gente a qual parece que Deos tem escolhida para si pois he muy singella e sem os vicios abominaveis que infestaõ a seus vizinhos Mas de muito mais gloria de Deos e honra da Companhia será esta missaõ se se estender como facilmente pode até o grande Imperio de Tunquim o qual se teme da mesma lingua

Rhodes
Cochinchina
25

13

Bút tự Cha Đắc-Lộ gửi Cha Bề-Trên phó khu vực Bồ tại Roma.
Thư viết bằng tiếng Bồ tại xứ Nam 16-7-1625.

(Japsin 68 fol. 13 r)

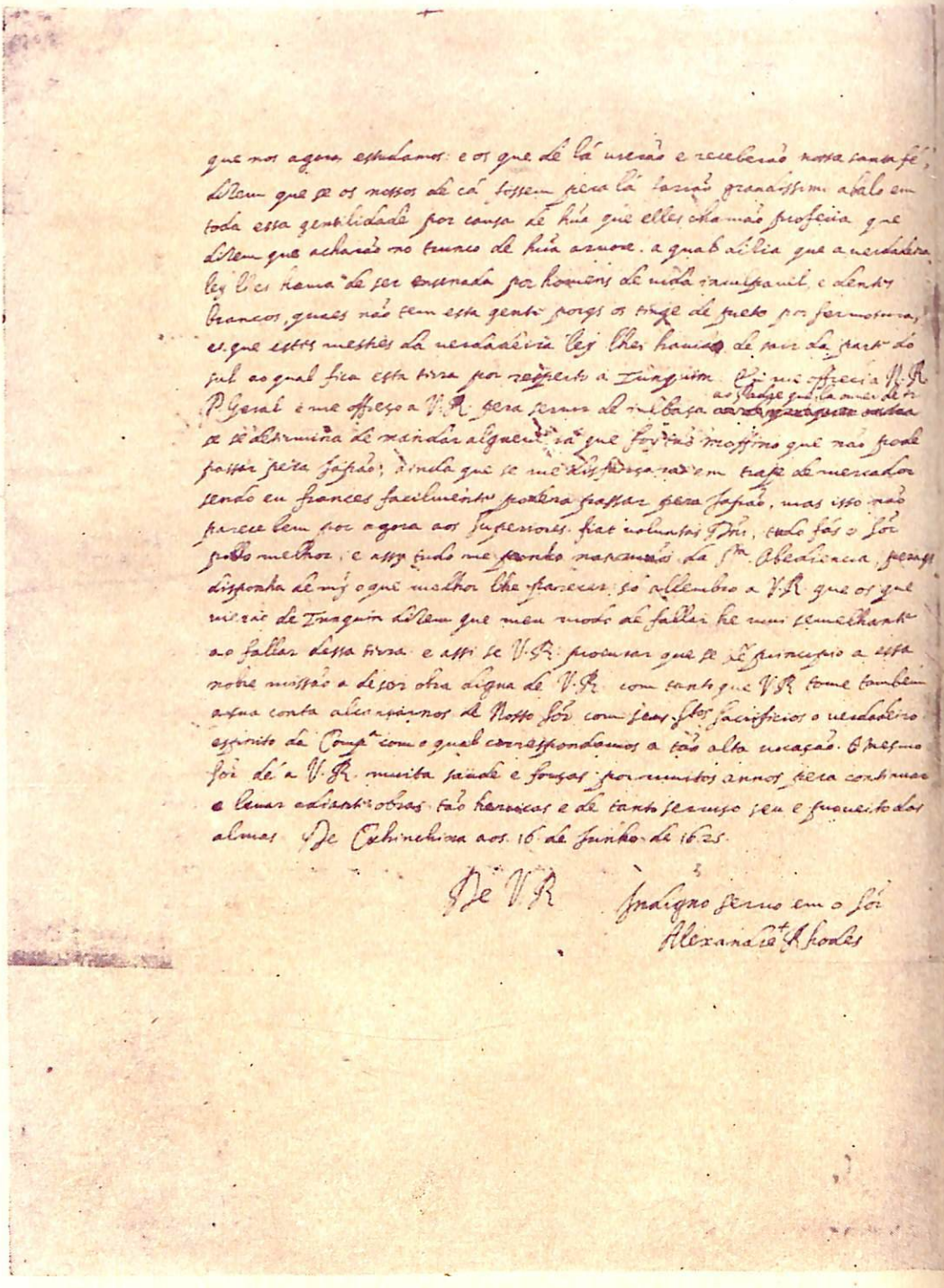

Bút tự Cha Đắc-Lộ gửi Cha Bề-Trên phó khu vực Bồ tại Roma.
Thư viết bằng tiếng Bồ tại xứ Nam 16-7-1625.
(Trang sau Japsin 68 - fol. 13 v)

khuyên được ít người trở lại trước khi chết. Thời gian không cho phép, họ đã bị dẫn ra pháp trường. Theo sau một người cha đã khuyên được trở lại. Đến lúc rửa tội thì không tìm đâu ra được nước. Một vũng nước đọng của một trận mưa đêm qua « một trận mưa không những đem lại mầu mỡ, tưới nhuần cây cỏ, mà còn làm giầu thêm một linh hồn trong nước Chúa ». Hai tay vụm lại cha vội múc lấy những hạt nước ban sự sống đời đời đó, đổ lên đầu người lính nhà Mạc, đặt tên thánh cho ông là Phêrô. Người lính đao phủ đã chờ sẵn, dòng nước vừa ngừng chảy và lời rửa tội vừa đọc xong, chiếc đoản đao hạ xuống « đó là chìa khóa mở cửa Thiên đàng cho ông Phêrô».

Tinh thần truyền giáo đã thúc đẩy cha tìm hết mọi dịp có thể để cứu các linh hồn. Người vệ binh của chúa Trịnh chết ở An-Vực và người lính Mạc trên đường lên Kẻ Chợ đây, cả hai là địch thù của nhau ở trên đất, giờ đây trên Thiên quốc họ sẽ là những người bạn, những người con Chúa trong cùng một Giáo hội, của một huyền thể Chúa Kytô mà nước phép rửa đã kết hợp họ với nhau. Trên Thiên đàng họ sẽ không quên ơn cha Đắc-Lộ và sẽ bầu cử cho hoạt động truyền giáo của cha bên những người đồng hương của họ.

Ngày mồng hai tháng bảy, 1627, hai cha tới Kẻ Chợ, kinh đô xứ Bắc. Cũng như xưa Đức Mẹ đem Chúa Giêsu, Ánh sáng của muôn dân đến cho gia đình bà thánh Isave, thì Người cũng đưa các vị thừa sai, những kẻ đem ánh sáng tin lành đến cho người dân xứ Bắc. « Như chúng tôi đã kể trên đây, cha Đắc-Lộ viết, chúng tôi đến xứ Đông kinh dưới sự che chở của thánh Giuse trong chính ngày lễ của Người, thì dưới sự phù hộ của Trinh Nữ Maria, Nữ vương vũ trụ, trong ngày lễ Người đi thăm thánh Nữ Isave, chúng tôi tới kinh đô xứ đó.»

Hai cha theo vua Lê chúa Trịnh vào kinh giữa những đón rước tưng bừng. Theo cha Đắc-Lộ, chúa Trịnh đã thắng trận « không phải vì đã đánh được quân chúa Nguyễn trong Nam, nhưng sự thực và đáng kể hơn hết là vì trong có ba ngày đã đuổi xa được quân chúa Kỉnh và nếu kéo dài cuộc chiến trong

Nam thì bốn tỉnh ngoài Bắc sẽ bị rơi vào thế nguy ». Cha Đắc-Lộ còn nhìn nhận trong cuộc đón rước ăn mừng đó, ý nghĩa cuộc đón rước tin lành của Đấng Cứu Thế đến với họ, cũng như xưa dân Do-thái rước Chúa khởi hoàn vào Giêrusalem, kinh đô của họ.

CHƯƠNG IV

GIÁO ĐOÀN KẺ CHỢ VỚI NHỮNG THỬ THÁCH ĐẦU TIÊN

I— Kẻ chợ : những giáo dân tiên khởi :

1.— Những giáo dân tiên khởi.

2.— Cuốn sách bổn chữ Hán của thầy sãi.

3.— Những ơn lạ.

4.— Lòng đạo đức của giáo dân và đời sống phụng vụ.

II.— Tinh thần tông đồ giáo dân.

1.— Thầy sãi Antôniô.

2.— Vấn đề thầy giảng.

III.— Những thử thách.

1.— Những phao đồn vu cáo.

2.— Cảnh giam cầm quản thúc.

3.— Lệnh trục xuất.

IV.— Vĩnh biệt xứ Bắc.

1.— Trên con thuyền biệt xứ.

2.— Công cuộc truyền giáo vùng Nghệ An.

3.— Trở lại Kẻ chợ và vĩnh biệt xứ Bắc.

I.— KẺ CHỢ : NHỮNG GIÁO DÂN TIÊN KHỞI.

1.— Những giáo dân tiên khởi.

Đang khi chờ đợi chúa Trịnh ban nhà cửa, chỉ định nơi ăn chỗ ngủ, hai cha và người Bồ được mời đến tạm trú ở nhà quan « Mau tai ». Có lẽ ông là nhân viên của phủ chúa, trông coi việc buôn bán trao đổi tiền nong và người ta gọi tên ông bằng chức nghiệp của ông : quan Mậu tài. Với óc kinh doanh và quảng giao, ông mời lái buôn Bồ và hai cha đến trọ nhà để gây liên lạc và lấy mối hàng. Ông xử đãi với các cha rất tử tế, chính ông giúp các cha dọn bàn thờ để dâng lễ. Các cha đã đáp lại bằng cách đem đến cho gia đình ông tin lành ơn cứu chuộc. Người vợ và con cái của ông được kể vào số những người đầu tiên lĩnh nhận ơn Phép Rửa. Còn ông vì nghề nghiệp mà ông không muốn bỏ,nên không được nhận vào giếng rửa. Nhưng vì lòng Chúa thương và lời cầu của bà Agata, vợ ông, mười năm sau, trước khi chết ông đã trở lại với tên thánh là Gioan.

Nghe tin có tây giang đạo trưởng đến truyền đạo, dân chúng tò mò đến nghe rất đông. Từ tò mò tới nghe đến chỗ khâm phục đạo lý cao siêu và đích thực của đạo, số người trở lại mỗi ngày một nhiều.

Trong số những giáo dân đầu tiên của giáo đoàn Kẻ Chợ, ngoài thường dân, còn có nhiều người thuộc hoàng gia, quan lại và đáng để ý hơn hết là rất nhiều thầy sư thầy sãi (1).

---

(1) Trong ba năm truyền giáo ở xứ Bắc, cha tính có tới hơn 200 thầy sãi trở lại.

Trong số những người hoàng gia, cha Đắc-Lộ đã ghi lại cho chúng ta tên bà công chúa Catarina, chị chúa Trịnh Tráng. Trở lại, bà còn lôi cuốn được 17 hoàng thân khác theo, trong đó có bà mẹ của bà. Bà cụ là người rất sùng bụt thần, nhất là từ sau khi « Ciua Banc » (1) băng hà. Bà cụ đã được tôn làm đầu các vãi. Nhưng trước đã sùng bụt thần bao nhiêu thì sau khi trở lại càng sùng đạo bấy nhiêu. Bà cụ khuyên được rất nhiều cung nữ trở lại và chính bà dạy đạo cho họ.

Công chúa Catarina không những nhiệt thành truyền đạo trong triều vua phủ chúa, bà còn đem tài văn chương ra để phụng sự Giáo hội : « Bà đặt thành thơ vẫn tất cả lịch sử đạo Công giáo bắt đầu từ tạo thiên lập địa đến khi Chúa xuống thế làm người, đời sống, cuộc tử nạn, phục sinh và lên trời của Đấng Cứu thế Chúa Giêsu Ky-tô Chúa chúng ta và ở cuối còn phụ thêm đoạn kể chuyện chúng tôi đến xứ Đông Kinh và công cuộc truyền giáo ở đó. Bà làm rất hay. Đến sau vẫn đó được tất cả các người có đạo truyền tụng cho nhau, họ ngâm lên lúc làm việc ở nhà, lúc làm việc ngoài đồng hay lúc đi đường. Những người biết ca nhạc còn đem họa nhạc thêm vào. Rồi chẳng những người có đạo mà cả những người không có đạo cũng thích ngâm vịnh. Nhờ những thơ vẫn đó mà nhiều người đã trở lại. » (2).

Nhưng điều làm cha bỡ ngỡ là số những thầy sãi được ơn trở lại. Cha không ngờ là họ lại biết phục thiện đến thế. Nhận thấy lẽ phải và được ơn Chúa gọi nhiều người đã đáp lại một cách rộng rãi, dầu phải hy sinh bỏ chùa chiền miếu mạo, mất nơi ăn chốn ở, mất nơi nương tựa để sinh sống. Đi xa hơn nữa, họ lại còn là những cộng tác đắc lực của cha Đắc Lộ trong công cuộc truyền giáo. Lòng nhiệt thành truyền giáo của các thầy sãi sau khi trở lại đã được cha Đắc-Lộ đề cao nhiều lần trong những cuốn sách của cha. Những thầy giảng của cha sau này một số cũng là những thầy sãi.

(1) Tức chúa Bình-An-Vương, Trịnh-Tùng (1570-1623). Có lẽ bà là một vương phi.

(2) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, trang 161.

Số người trở lại và đến nghe giảng mỗi ngày một nhiều, ngôi nhà trọ không chứa đủ, hai cha nghĩ đến việc xây cất một khu nhà rộng rãi hơn. Trịnh Tráng cũng đã dự định cất cho hai cha một khu nhà ở trong khu phủ chúa, nhưng các cha nghĩ rằng như thế không tiện cho giáo dân ra vào, tuy trong khu phủ chúa tình thế được bảo đảm hơn không lo bị cháy hay bị cướp. Chúa Trịnh bằng lòng để hai cha tùy ý chọn một khu đất ở ngoài thành phủ, miễn là không xa quá để có thể gọi đến dễ dàng. Khu đất được chọn, chúa Trịnh sai cất cho hai cha một khu nhà gỗ cao ráo đẹp đẽ theo lối của thời đó và chỉ trong có mấy tuần đã xong.

Vào cuối tháng mười, nghĩa là bốn tháng sau khi tới Kẻ Chợ, hai cha dọn sang nhà mới. Một phần lớn được dành ra để làm nhà thờ, nơi hội họp giảng thuyết. Ngôi nhà xứ và nhà thờ đầu tiên của các Thừa sai Dòng Tên ở Kẻ Chợ do chúa Trịnh Tráng sai cất.

Những người muốn học đạo, cha chia ra từng lớp độ ha chục ba chục, khi đông thì bốn năm chục. Thời gian học chia làm tám ngày, mỗi ngày một buổi, thì giờ tùy theo sự thuận tiện của mỗi người (1). Số người đến học đạo rất đông, hết lớp này đến lớp khác, thành ra mỗi ngày các cha phải giảng đến bốn năm lần, có khi đến sáu lần. Tuy vất vả khó nhọc, nhưng kết quả rất mỹ mãn. Mỗi tuần hai lần các cha làm phép Rửa cho những người đã học đạo đầy đủ, mỗi lần ít nhất là hai chục, nhiều khi đến bốn chục hay hơn. Đến cuối năm 1627, hai cha Rửa tội được 1200 người, năm 1628 hai ngàn và năm 1629 hơn ba ngàn rưỡi (2).

2.— Cuốn sách bổn chữ Hán của Thầy sãi.

Người Việt chuộng chữ Hán, sách Hán và văn minh của

(1) Đó là chương trình giáo hóa của cha Đắc-Lộ mà chúng ta sẽ gặp sau này trong cuốn Bổn Tám Ngày cha xuất bản ở Roma 1651.

(2) Đắc-lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 95.

người Tàu, hơn nữa trong một xã hội mà số người biết cầm bút rất hiếm hoi, chữ viết đã trở thành một cái gì thần thánh. Muốn lý luận và bắt người khác nghe theo, các nhà nho chỉ việc trưng ra « lời sách dạy ».

Trong số những người đến nghe giảng, có một thầy sãi đứng đầu trông coi khu đền của bà hoàng thái hậu. Thầy đã tiếp tục nghe giảng được năm hôm, và tỏ ý muốn theo đạo, nhưng bà vợ đến can ngăn, làm to tiếng, nên thầy sợ bỏ. Nhưng trong Thiên Chúa quan phòng, sự có mặt của thầy sãi một thời gian trong lớp giảng, đã đem lại lợi ích cho giáo dân. Cha Đắc-Lộ kể :«Một buổi sáng Chúa nhật, đang khi giáo dân họp nhau dự lễ,thì ông đến, đem theo một cuốn sách chữ Hán, trang bìa ngoài có hình chữ tên cực trọng Chúa Giêsu. Vừa nom thấy, tôi nhận ngay là một tác phẩm của các cha dòng chúng tôi ở Trung Quốc và tôi bỡ ngỡ hỏi sao cuốn sách đó lại rơi vào tay ông ta. Ông sãi kể :«Ông cụ thân sinh của ông được vua xứ Đông Kinh này sai sai sang cống lễ vật vẫn quen dâng cho vua Tàu ở Bắc Kinh, khi trở về đã mang theo cuốn sách đó. (1) Ông cụ quí nó lắm, khi ông gần chết, thì ông mới có mười tuổi, ông cụ lối lại bảo rằng : này con ơi, cầm lấy sách này và giữ gìn cẩn thận như một kho vàng quí báu, cuốn sách đó do một ông nghè tây phương đã tặng cha và cha đã mang từ Bắc Kinh về. Ông nghè đã cho cha cuốn sách đó quyết với cha rằng : nếu tuân giữ và tin theo những lời đã chép trong sách, thì sau đời sống trần tục này sẽ được đưa lên cõi cực lạc trên trời. Ông sãi đã gìn giữ nó hơn ba mươi năm trời nay, để trong một thúng mây nhỏ. Ông đã đọc nhiều lần mà vẫn chưa hiểu hết được lời sách, nhưng sau khi nghe chúng tôi giảng một vài lần thì đã bắt đầu hiểu ra chút ít. Tôi hỏi ông ta có hiểu mấy chữ đại tự ở trang đầu có ý nói gì ? Ông trả lời không, tôi liền đưa một cuốn sách của các cha dòng chúng tôi viết, trang đầu cũng có hình chữ tên cực

(1) Cuốn sách bổn mà ông cụ thân sinh thầy sãi mang về đây là cuốn bổn của cha Ruggieri. Cha Đắc-Lộ đến xứ Bắc 1627, câu chuyện xảy ra vào cuối năm 1627 sang đầu năm 1628. Thầy sãi đã giữ nó 30 năm tức ông cụ thân sinh đã mang về trước 1598. Chúng ta biết rằng năm 1584 cha Ruggieri đã cho ra đời cuốn Thiên Chủ Ngụ Lục Chính Lập và mãi năm 1603 cha Ricci mới cho ra đời cuốn bổn của cha để thay thế cho cuốn của cha Ruggieri.

trọng chúa Giêsu và giơ cho các người tân tòng xem. Họ thấy hai cuốn có hình chữ như nhau thì lấy làm vui mừng lắm. Đoạn tôi trao cho họ cuốn sách đó và họ đọc ra đó là một cuốn đạo lý Công giáo viết theo một thứ tự y như tôi đã theo để dạy cho họ, nhờ đó mà những người tân tòng càng thêm bền vững trong đức Tin. Còn ông sãi thì vì đố kỵ nhất định không muốn cho người Công giáo sao lại cuốn sách đó.» (1)

3.— Những ơn lạ.

Dùng những sự kiện, những hoàn cảnh bên ngoài để nâng dậy và giúp đặt nền tảng đức tin của giáo dân lúc đầu, Thiên Chúa còn ban nhiều ơn lạ để đức tin càng ngày càng ăn rễ sâu và lớn lên vững mạnh. Cha Đắc-Lộ đã ví những ơn lạ đó như những gáo nước đem nguồn sinh lực, tưới cho cây Giáo hội Việt Nam mới được vun trồng bén rễ sâu xuống đất và lớn mạnh lên để có thể đương đầu với những giông tố bách hại sắp xảy đến. Cha đã áp dụng cho Giáo hội Việt Nam lời Đức Thánh Cha Grêgôriô Cả (590-604) nói về Giáo hội thời kỳ đầu của các Thánh Tông Đồ : « Chúng ta giống cây non, bao lâu cây chưa bén rễ chắc chắn, chúng ta còn phải lo vun tưới săn sóc, thì Chúa quan phòng cũng thế, để cho Giáo hội mới chớm nở được thêm số người lành, để họ mỗi ngày bền vững trong đức tin, Người đã nuôi bằng cỏ Phép lạ và đã tưới bằng sữa ơn lạ.»

Những ơn lạ Chúa ban do lòng tin tưởng của những giáo dân tiên khởi xứ Bắc cha Đắc Lộ đã ghi lại cho chúng ta nhiều lắm, nhắc lại ở đây một trong những ơn lạ đó cũng đã đủ để nêu cao lòng tin tưởng của những tiền nhân Công giáo chúng ta.

Một hôm có một quan lớn trong triều, con rể của nhà vua, đến tìm gặp hai cha. Ông không có đạo, nhưng đã được nghe nói đến nhiều ơn lạ Chúa bên đạo « đã làm nhờ lòng tin tưởng cầu khấn của họ với nước thánh và dấu thập giá. » Một trong những xã mà nhà vua ban cho ông để thưởng công, dân xã đang bị một thứ dịch tễ, chết hại rất nhiều. Ông xin hai cha ban cho một

(1) Đắc-lộ, Lịch-sử xứ Đông-kinh trang 176–178.

ít nước thánh để đem về rẩy trong xã « trừ tà ma đến quấy hại dân chúng». Cha chọn sáu người có đạo giao cho họ nước thánh và ảnh tượng để đưa đến nơi đó. Đeo thánh giá và tràng hạt trước ngực, sáu người chiến sĩ đó ra đi, đầy lòng tin tưởng ở lòng thương của Chúa trời đất. Đến nơi họ lập một bàn thờ ở ngôi nhà bên cổng làng, đặt ảnh tượng lên trên rồi quì đọc kinh sốt sắng. Sau đó họ dựng ba thánh giá lớn ở giữa làng và ở hai cổng làng, rồi chia từng bọn hai người một đi thăm các gia đình người ốm. Số người bị mắc dịch có tới 270 người. Đem theo nước thánh để rẩy, họ khuyên các gia đình cắm hình thập giá ở trên nóc nhà. Vì lòng tin tưởng cầu khẩn của sáu người chiến sĩ đó, Chúa đã dùng những vật liệu trần tục để làm phương tiện ban ơn. Trong có tám ngày, tất cả những người mắc bệnh dịch đều khỏi cả. Dân làng trở lại rất đông. (1)

4.— Lòng đạo đức của giáo dân và đời sống phụng vụ (2).

Bên lòng tin tưởng vững mạnh trong cầu nguyện đã được Chúa ban cho nhiều ơn lạ trên đây, những giáo dân tiên khởi còn có một lòng đạo đức rất cao, siêng năng việc đọc kinh cầu nguyện tối sớm, đi lễ chịu lễ. Nhưng không phải chỉ đạo đức trong câu kinh, điều mà chúng ta có nghi ngờ là một thứ đạo đức ngoài môi miệng, nhưng là một lòng đạo đức được minh chứng bằng đời sống.

Cha Đắc-Lộ cũng công nhận rằng :« Đời sống thanh sạch vô tội và lòng đạo đức của những người tân tòng giáo đoàn xứ Bắc, là một bằng chứng hiển nhiên ơn Chúa phù hộ chúc phúc hơn cả những ơn lạ Người đã ban. Tôi có thể nói thực rằng, điều làm tôi cảm động hơn hết là thấy ở xứ đó bao nhiêu người công giáo là bấy nhiêu Thiên thần và ơn phép rửa đã ban cho họ một tinh thần mà chúng ta gặp thấy ở các Tông đồ và các thánh Tử đạo của Giáo hội tiên khởi. Họ có một đức tin sâu

(1) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, và Những cuộc hành trình và truyền giáo.

(2) Theo cuốn Lịch-sử xứ Đông-kinh, Đắc-lộ, trang 200-204.

xa vững mạnh, không gì có thể nhổ khỏi lòng họ... Lòng mến chuộng đức tin đã được lĩnh nhận cho họ một lòng kính trọng không thể tưởng được đối với tất cả những nghi lễ dù nhỏ mọn mà họ được dự. Họ coi những vị thừa sai đến giảng đạo cho họ như những thiên sứ và lấy làm hân hạnh được vâng phục các ngài trong cả những điều nhỏ mọn. Không lần nào tôi trình bày cho họ về thánh giá mà không thấy họ cảm động rơi lệ. Có những người ở xa 15 ngày đường đến để được xưng tội chịu lễ. Còn những người ở xa nhà thờ không quá năm hoặc sáu dặm đường thì không bao giờ chịu mất lễ các ngày lễ buộc. Họ đến từ chiều hôm trước và ở mãi đến hôm sau, sau khi đã dự hết các nghi lễ rồi mới trở về, nghĩa là gần lúc chiều tà. Suốt cả ngày hôm đó, họ ở nhà thờ quì gối chắp tay cầu nguyện, khiêm nhượng sốt sắng hết sức. Thấy họ như thế tôi cảm động đến rơi lệ.

« Mỗi người thường đeo hai Thánh-giá, một ở ngực và một ở cổ tay, họ bảo rằng Thánh giá ở ngực là khiên mộc bảo vệ, còn Thánh giá ở cổ tay là kiếm để đánh đuổi kẻ thù. Sáng nào cũng như sáng nào, họ nguyện kinh nửa giờ, và nhiều người còn nguyện ngắm các mầu nhiệm trong đạo, hưởng thụ những sự ngọt ngào Chúa ban cho những linh hồn thanh tịnh... Tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy họ dọn mình xưng tội và rước lễ cẩn thận sốt sắng. Họ có một lòng tôn sùng đặc biệt và rất đáng khâm phục đối với những bí tích đó. Ngày hôm trước khi chịu lễ họ ăn chay đánh tội... Khi xưng tội, nếu chẳng may vì yếu đuối sa ngã một lỗi nặng thì ăn năn khóc lóc hết lòng, nhưng có thể nói thường thường khi giải tội, nhiều khi khó tìm thấy chất liệu để làm phép giải, không phải trong nố một ít người mà có khi cả một xóm đạo.»(1)

Lòng đạo đức của giáo dân trên đây, một phần cũng nhờ công cuộc giáo mục phụng vụ của cha Đắc-Lộ. Qua năm phụng vụ cha đã đưa giáo dân sống những mầu nhiệm của Chúa. Ở đây cũng như trong công cuộc giảng thuyết và tổ chức xứ đạo, với

(1) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 102.

những kinh nghiệm đã thu lượm được trong thời kỳ ở xứ Nam, cha đã tỏ ra có một tinh thần thích ứng rất tài khéo.

Ngày lễ Sinh nhật, cha tổ chức lễ nghi rửa tội trọng thể, để làm nổi ý nghĩa cuộc sinh lại trong ngày Chúa Giáng sinh, cha cho đặt nhiều ca vãn Sinh nhật để giáo dân cùng nhau ca hát trước lễ nửa đêm. Trước Chúa Hài đồng, cha giảng về mầu nhiệm Chúa đến cứu chuộc, và sau đó mọi người quì xuống bái lạy Chúa. Nhưng dạo đó, theo nền giáo dục chặt chẽ, phụ nữ không được ra khỏi nhà ban đêm, nên lễ ban sáng thường đông hơn. Sau lễ giáo dân lần lượt lên lạy và hôn chân Chúa Hài đồng.

Ba ngày năm mới, ngay từ năm đầu tiên đến truyền giáo, cha đã để ý thánh hóa, hiến dâng ba ngày đó để tôn kính Thiên Chúa Ba Ngôi : Ngày mồng một kính Chúa Cha, đấng dựng nên và quan phòng vũ trụ ; ngày mồng hai kính Chúa Con xuống thế làm người để cứu nhân loại đã sa ngã ; ngày mồng ba kính Chúa Thánh Thần, đấng thánh hóa. Cây nêu đã được thay thế bằng cây Thánh giá, và hình cung nỏ trừ tà được thay thế bằng những hình thập giá ở trên cửa nhà.

Lễ Nến ngày Đức Mẹ dâng mình vào đền thánh, cũng như lễ Lá, ngày Chúa khởi hoàn vào thành Giêrusalem, là hai ngày giáo dân nô nức đến nhà thờ xin làm phép nến và xin lá phép đưa về nhà, để xin ơn trên che chở phù hộ cho khi gặp giông tố sấm sét,hoặc đốt nến cầu khẩn khi gặp tai nạn ốm đau bệnh tật. Tục dùng lá dừa thay ngành ô-liu được các cha dòng Tên khởi xướng ngay từ lúc đầu (1).

Luật giữ chay 40 ngày đối với giáo dân Việt Nam không có gì khó khăn,trong Tuần Thánh thay vào những giờ hát kinh, cha Đắc Lộ đã lập ra ngắm mười lăm sự thương khó Chúa Giêsu, mà giáo dân còn giữ cho đến ngày nay. « Chúng tôi chia những mầu nhiệm sự thương khó ra làm 15 ngắm, cứ sau mỗi chục hạt, người ta đọc một ngắm và tắt một trong 15 ngọn nến kèo,

(1) Đắc Lộ, Lịch-sử xứ Đông kinh, trang 203, cha viết : « Vì trong xứ Annam không có cây ô-liu, mà lại có nhiều cây dừa, nên chúng tôi dùng lá dừa trong nghi lễ đó».

mà Giáo hội Rôma vẫn quen đốt.» (1). Cũng như nghi lễ Rửa chân, mà Cha Đắc Lộ đã cố gắng đánh nổi để nêu cao ý nghĩa bác ái Công giáo trong một xã hội phong kiến giai cấp, việc ngắm 15 sự Thương khó này đã đem lại rất nhiều lợi ích cho giáo dân. Họ rất cảm động và có khi khóc lên to tiếng, cha phải bảo họ giữ gìn để tránh những « di nghị » của người bên ngoại.

II.— TINH THẦN TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN.

1.— Thầy sãi Antôniô.

Một lòng đạo đức sốt sắng đọc kinh cầu nguyện đi đôi với đời sống thanh sạch vô tội, những giáo dân tiên khởi giáo đoàn Kẻ Chợ còn có một tinh thần Tông đồ giáo dân rất cao.

Trong trăm nghìn gương sán lạn, Cha Đắc Lộ đã ghi cho chúng ta gương thầy sãi Antôniô. Cha kể: « Ở làng Vũ xá, cách Kẻ Chợ độ một hai ngày đường có một thầy sãi tên là Antôniô. Thầy được dân làng cắt trông coi ngôi đền do một bà vương phi được đặt làm Thần hoàng xã đó sau này, đã cất lên. Trong đền không có tượng bụt tượng thần chi cả, trên bàn thờ chỉ có một chiếc ngai sơn son thiếp vàng để trống. Sau khi chết, hồn bà ta sẽ về ngự ở ngai đó và dân làng sẽ phải đơm cúng bà như một vị thần. Thật là một tin tưởng nhảm nhí dại dột của một đàn bà mê muội. Nhận thấy lẽ phải của đức tin Công giáo, hai ông bà liền xin trở lại, bỏ đền về ở nhà, không xét kể chi những tai ương mà bà chúa tức giận sẽ có thể đổ trên đầu ông bà.

Câu chuyện đến tai bà chúa... Bà truyền đuổi ông bà ra khỏi làng. Phải bỏ nhà cửa ruộng vườn ra đi, cái đó không làm nao núng tâm hồn ông Antôniô. Ông chỉ buồn vì phải rời bỏ những người ông đã khuyên được trở lại đương khi đức tin họ còn chưa được vững. Hai vợ chồng khăn gói ra đi, bà Paola tỏ ra can đảm không kém gì chồng...

Việc Chúa quan phòng thu xếp. Cũng như ở Vũ Xá, quê của

(1) Đắc Lộ, id.

ông bà, với ơn Thánh Linh giúp, ông bà đã hoạt động để làm giàu cho nhà Chúa nhiều linh hồn, thì ở xã mới, nơi ông bà đến sống trú cư ăn trọ ở nhờ, ông bà đã bắt đầu ngay công cuộc truyền giáo ở đó và đã đưa được nhiều người trở lại. Mỗi lần có việc lên Kinh, không mấy khi ông lên một mình, mà ông lại có việc phải lên luôn. Thế mà mỗi lần đến gặp chúng tôi, ông cũng dẫn theo một số hai chục hay ba chục, có lần đến tám chục người xin chịu phép rửa. Trong số đó cũng có nhiều người văn hay chữ tốt hơn ông Antôniô, mà ở xứ Đông Kinh cũng như ở nước Tàu, những người có chút chữ nghĩa hơn người, là khinh miệt những người kém hơn, nhưng sức mạnh của Thánh Linh ngự trong lòng đã giúp ông Antôniô biết ăn nói, làm cho họ phải kính nể (1).

2.— Vấn đề thầy giảng.

Bên cạnh những giáo dân nhiệt thành truyền giáo trên đây, trong khu vực với sự có thể của mỗi người, cha Đắc Lộ còn muốn có một số người cộng tác mật thiết hơn với các thừa sai và nếu có thể nhiều khi thay thế các ngài trong các công tác không đòi hỏi đến chức vị linh mục. Cha muốn nghĩ đến tổ chức các thầy giảng, mà kinh nghiệm ở xứ Nam đã chứng tỏ là những cộng tác viên cần thiết, đã giúp các thừa sai thu lượm được những kết quả lớn lao, trong thời kỳ được tự do truyền giáo nhất là trong khi bị cấm cách (2).

Ở Kẻ Chợ, số người trở lại mỗi ngày một nhiều, và số người đến nghe giảng lại càng đông hơn. Cha Đắc Lộ ngày nào cũng như ngày nào phải giảng cho 5, 6 lớp người đến nghe. Thêm vào đó, trách nhiệm giáo mục đối với những người đã theo đạo, và như cha đã nói trên đây, những giáo dân tiên khởi đó rất đạo đức sốt sắng, siêng năng xưng tội chịu lễ, tối sớm đến nhà thờ đọc kinh lần hạt và học hỏi thêm về giáo lý. Một mình cha, làm thế nào mà trả nhời cho những đòi hỏi nặng nề truyền giáo và giáo mục mỗi ngày một tăng lên đó. Cha Pedro Marquez, vì

(1) Đắc-Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, trang 165-167.

(2) Xem trên, chương II.

chưa thông thạo tiếng nói, nên không thể giúp cha được hết mọi công việc. Cha cần phải có những người cộng tác tìm trong khu vực và cho khu vực.

Theo nguyên tắc hoạt động truyền giáo từ xưa tới nay, và với kinh nghiệm của hơn ngàn năm, Giáo Hội luôn mong muốn cho người dân xứ lĩnh nhận trách nhiệm truyền giáo cho chính đồng hương của mình. Được như thế, giáo đoàn mới có thể tiến triển mau chóng, đi đến tình trạng trưởng thành của người con đã biết và đã có thể sống tự lập.

Không nói đến đòi hỏi cấp bách của thiếu số thừa sai trước con số đông của những người trở lại, cũng không nói đến trường hợp bị cấm cách, các thừa sai bị trục xuất, giáo đoàn không người chỉ huy nâng đỡ bị tan vỡ như kinh nghiệm ở Nhật, hơn ai hết, người dân xứ biết rõ những phong tục, tập quán, đường lối tư tưởng, những thành kiến sai nhầm, tất cả những cái hay cái dở của khu vực để có thể thích ứng với khu vực miếng bánh Phúc âm (1).

Dưới sự hướng dẫn của Thánh Linh, các thánh tông đồ, trong thời kỳ Giáo Hội sơ khởi, đã giải quyết bằng cách đặt một hàng giáo phẩm bản xứ. Trong việc lựa chọn các ngài không gặp nhiều khó khăn, cũng không phải để ý đến nhiều điều kiện, không tốn công huấn luyện lâu năm, các ngài có thể hi vọng vào những ơn đặc biệt của Thánh Linh. Với các thừa sai thế kỷ XV, XVI, XVII, vấn đề cộng tác của người dân xứ trong hoạt động truyền giáo cũng được đặt lên và rất gay go. Nhưng các ngài không có thể và không có đủ thẩm quyền để giải quyết như các thánh tông đồ xưa. Các ngài không có quyền chức Giám mục để truyền chức, cũng không đủ phương tiện để huấn luyện nhân viên theo đòi hỏi của giáo luật, và bao khó khăn cản trở khác nữa. Cần có sự can thiệp cứng mạnh của Thánh bộ truyền giáo mà cha Đắc Lộ sau này được hân hạnh mở đường trong chuyến sang Roma yêu cầu Giám mục cho Giáo hội Việt Nam.

---

(1) Launay, Histoire des Missions Etrangères de Paris, t. I, Chương I.

Đang khi chờ đợi và sửa soạn, tổ chức thầy giảng được coi là một giải quyết trung gian và thích hợp hơn cả.

Ở xứ Nam, cha Buzomi cũng đã dùng một số giáo dân làm thầy giảng để giúp đỡ các cha trong công cuộc truyền giáo. Cha Đắc Lộ cũng theo gương đó, nhưng có công hơn, cha đã tổ chức thành một đoàn thể tương tự và có thể coi là đi tiên phong cho hội dòng triều ngày nay với 3 điều tu thệ, và hoạt động truyền giáo trong thế tục, việc huấn luyện cũng đầy đủ hơn. Đặc biệt hơn nữa, tổ chức thầy giảng còn là nguồn gốc tổ chức Nhà Đức Chúa Trời, một tổ chức đặc biệt và duy nhất của Giáo hội Việt Nam đã bao lần được Tòa thánh đề cao và khuyến khích, không nói đến địa vị của nó trong việc thành lập hàng giáo sĩ bản quốc sau này, vì tất cả các linh mục Việt Nam đầu tiên đều được chọn trong số các thầy giảng (1).

Khác với thầy giảng trong Nam dưới quyền cha Buzomi, Cha Đắc Lộ còn muốn đòi hỏi họ phải là những người không vướng trở gia đình. Nó là điều kiện cần thiết để lúc nào cũng có thể sống bên các cha và có thể hy sinh tất cả cho hoạt động truyền giáo.

Với những điều kiện đòi hỏi đó, cha cũng không phải vất vả tìm lâu. Chúa đã tìm cho cha, và thúc đẩy họ tự ý đến dâng mình để lĩnh nhận công tác cao quí đó. Đó là trường hợp của thầy Phanxicô, thầy giảng tiên khởi của Cha Đắc-Lộ.

III.— NHỮNG THỬ THÁCH

1.— Những phao đồn vu cáo.

Với sự cộng tác của các thầy giảng, hoạt động của các cha mỗi ngày thêm kết quả. Nhưng giáo hội vẫn lớn lên trong thử thách.

---

(1) Cha Nguyễn hữu Trọng đã viết một luận án về nguồn gốc hàng giáo phẩm Việt Nam tại Institut Catholique de Paris.

Sau một năm trời được bằng yên truyền giáo, các cha bắt đầu gặp phải những khó khăn, cấm cách. Nguyên nhân những khó dễ đầu tiên gây ra do một số tì thiếp của người có đạo trước khi chịu phép rửa đã từ bỏ. Luật một vợ một chồng là một luật rất nghiêm ngặt của đạo công giáo. Tiếng kêu ca của họ đã đến tai chúa Trịnh, có lẽ do một vài tì thiếp của những quan lớn trong triều phủ trở lại. Đồng thời các vương phi, cung nữ cũng không khỏi ái ngại trước ảnh hưởng của đạo mới. Sự đi lại thân mật của 2 cha với vua chúa, và những câu chuyện trao đổi về tôn giáo, rất có thể đem kết quả một ngày kia, vua Lê hay chúa Trịnh sẽ trở lại. Họ sẽ bị bỏ rơi và cùng với họ một số hoạn quan sẽ mất chỗ nương tựa.

Một hôm, một hoạn quan có lẽ do một vương phi có quyền thế sai đến dọa nạt các cha, nói là do chúa Trịnh sai đến để chuyển cho 2 cha những lời sau đây : « Hỡi các tây giang đạo trưởng, sao các ngươi lại đem đến giảng trong nước ta một đạo trái với tục đa thê trong nước ta ? Các ngươi chỉ cho phép thần dân của ta được có một vợ một chồng, khi mà ta muốn có thêm nhiều tôi trung. Từ nay ta cấm các ngươi không được truyền đạo trái đó nữa. Nếu bất tuân lệnh ta thì các ngươi phải biết rằng : mất đầu thì chân cũng không thể đứng vững, nghĩa là ta sẽ trừ nguyên nhân cái xấu ra khỏi nước ta ».(1)

Không thấy kết quả, vì các cha trung thành với giáo thuyết của đạo, dù có phải cấm cách, nguy hại đến tính mệnh, họ đã tìm ra một đường lối khác. Đối với họ, chỉ cần làm sao ngăn cách không cho các cha được năng gặp gỡ nhà chúa. Muốn thế, họ tìm cách làm cho chúa Trịnh tin rằng 2 cha là những phù thủy cao tay có thể giết người bằng cách phù hơi vào mặt. Cha Đắc Lộ kể : « Tôi rất đỗi ngạc nhiên không còn thấy nhà chúa gọi tôi đến đàm đạo hay đến dự tiệc như trước. Dạo đó, ngài thường cho ngồi gần bên và tự tay tiếp thức ăn cho tôi.» Nếu có điều gì cần bàn hỏi thì chúa Trịnh Tráng « bắt chúng tôi đứng xa xa

(1) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đàng Ngoài trang 192.– Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 103.

và vì nhà chúa hơi nghễnh ngãng, nên cần phải có một hoạn quan làm trung gian để chuyển lời lên... Tôi không hiểu vì sao lại có sự thay đổi thái độ như thế». (1)

Câu chuyện bịa đặt vu cáo đó dần dần được truyền ra và nhờ đó các cha khám phá ra chiến thuật của các vương phi và hoạn quan. Một hôm, đang lúc cha Đắc Lộ giảng trong nhà thờ, một quan chưởng cơ bước vào, đứng ở dưới cuối. Cha mời ông lên trên, chỗ dành cho những người có địa vị. Ông từ chối, rút lui. Ngạc nhiên trước thái độ đó, giảng xong cha hỏi giáo dân, cha mới biết câu chuyện. Thật là tai hại vì « với nhầm tưởng đó, ma quỉ muốn làm cho dân chúng sợ hãi không còn dám đến nghe giảng nữa.»

Lợi dụng nguyệt thực sắp xảy ra để đánh tan nghi ngờ tai hại, cha làm một tờ tường trình thời gian và sự kiện sẽ xảy ra, kèm theo hình vẽ và chú thích, nhờ một quan có đạo chuyển đến tay chúa Trịnh. Hôm đó, cha được vời đến để dẫn giải những tiến triển của nguyệt thực và nguyên nhân khoa học của nó. Tuy được hầu chuyện gần gũi, nhưng Trịnh Tráng vẫn tỏ vẻ dè giữ, và sự đi lại không còn được thân mật như trước.

Cùng một giọng với các vương phi và hoạn quan, các thầy cúng cũng cho tung ra câu chuyện vu cáo lễ nghi bên đạo là một phù phép giết người. Gặp người lớn hoặc em nhỏ sắp chết, các cha thường cố khuyên họ trở lại, hoặc xin đem về nuôi, lo chôn cất để được rửa tội trước khi chết. Vin vào sự kiện đó, họ xin nhà chúa đề phòng vì các cha là những người được sai đến dùng phép phù thủy để giết hại các nhân tài, tướng giỏi, một khi không còn ai, công việc khởi loạn sẽ dễ dàng. Những bịa đặt vu cáo trên đây, không khác chi những câu chuyện cha Buzomi đã gặp trong Nam, cho cả đến việc chặt tay, bẻ đầu tượng rồi vu cáo cho người bên đạo phạm đến thần thánh cũng được đem ra. (2) Chúa Trịnh cũng như chúa Nguyễn, một khi mục đích lợi dụng sự có mặt của các cha để bảo đảm liên lạc buôn bán không đạt

(1) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông kinh, trang 194,

(2) Xem trên, chương 11

được, là cấm cách làm khó dễ hoạt động các cha. « Năm đó, tàu buôn Áo môn không cập bến. Không cần điều tra gì nữa, chúa Trịnh liền ra sắc chỉ cấm không được theo đạo Gia tô, vì người theo đạo đã cả gan phá các tượng bụt thần » (1).

Sắc lệnh được niêm yết ngay trước cửa nhà các cha. Vào yết kiến chúa Trịnh, Cha Đắc Lộ, với tài ngoại giao và với những chứng cớ hiển nhiên, vạch rõ vu cáo của những người ghét đạo, đồng thời với sự giúp đỡ của những giáo dân có quyền thế, đã xin nhà chúa cho rút sắc lại. Nhưng chỉ là một triển hạn tạm thời. Lần sau họ sẽ không để cho cha Đắc Lộ có thể đến gặp nhà chúa để tự bào chữa và minh chứng nữa.

2.— Cảnh giam cầm quản thúc.

Nhờ hoạt động tông đồ giáo dân, các tổ công giáo được thành lập trong những vùng xa kinh đô. Nhiều người sau khi trở lại, về quê đem vợ con, họ hàng lên để học đạo.

Trước những kết quả như thế, rắn già không thể để yên liền tung ra chiến trường một tên giặc theo chúa Kỉnh.«Một tên được chúa Kỉnh sai về cướp phá vùng đồng bằng. Bị bắt và bị kết án trảm quyết. Với sự xui giục bầy mưu đặt kế của những người ghét đạo,để xin nhiều sinh, ên đó vu cáo tố giác các cha mật ước với chúa Nguyễn trong Nam và chúa Kỉnh vùng Cao Bằng để dưới Nam đánh lên, mạn ngược đánh xuống, người có đạo làm nội ứng bên trong, đốt phá kinh thành.»

« Với chiến thuật vu cáo của quỉ hỏa ngục trên đây, cha Đắc Lộ thêm, chúng đã muốn phá hại đạo công giáo ». Với sự thúc đẩy của những quan ghét đạo và các vương phi, Trịnh Tráng ra chỉ cấm đạo, đại khái : «Hoàng thượng sắc dụ cho nhân dân biết : từ trước đến nay, như trẫm biết thì các tây giang đạo trưởng ở trong triều trẫm không có dạy nhân dân những đạo lý sai nhầm hại dân hại nước. Nhưng để đề phòng những điều có thể xảy ra sau này, hoặc những âm mưu hiện đang ngấm

(1) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, trang 199

ngầm xếp đặt mà trẫm chưa điều tra ra, trẫm cấm ngặt từ đây các thần dân của trẫm không được đi lại với các đạo trưởng và tin theo đạo đó nữa. » (1)

Sắc chỉ được viết trên mảnh gỗ lớn, cắm ngay trước cửa nhà các cha. Hôm đó, ngày lễ Đức Chúa Trời ba ngôi, sau khi giải tán giáo dân để tránh những tai vạ có thể xảy đến cho họ, hai cha quì cầu nguyện trước bàn thờ, sẵn sàng chờ đợi những sự không hay xảy đến, mong muốn được đổ máu chứng minh đạo, trong ngày mà Chúa đã bảo các thừa sai :«Hãy đi giảng dậy cho muôn dân và rửa tội cho họ, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần ».

Bị giam quản thúc, các cha lợi dụng thời gian để tĩnh tâm nghỉ ngơi đôi chút sau 7 tháng giời ngày đêm làm việc liên tiếp. Thời gian kéo dài gần 4 tháng. Nhiều lần các cha yêu cầu gặp nhà chúa để minh oan đều bị cản trở.

May mắn, tổ chức thầy giảng đã được thành lập để trả nhời cho những đòi hỏi lúc đó. Tất cả trách nhiệm trông coi giáo đoàn giảng dậy tân tòng đều đặt vào tay các thầy với sự giúp đỡ của tông đồ giáo dân. Không thể họp chung ở nhà thờ, xứ đạo của kinh thành 6 phố phường, được phân làm 6 xóm đạo, ngày chủ nhật, lễ trọng, họ bí mật hội ở các tư gia để đọc kinh, nghe giảng.

Sau hai tuần lễ, sự canh gác bớt nghiêm ngặt, các chiến sĩ giáo dân đã tìm ra nhiều phương tiện và nhiều khi với sự giúp đỡ của quân nhân có đạo để liên lạc với các cha. Mỗi ngày chủ nhật và ngày lễ, cha Đắc Lộ gửi cho họ một lá thư, lấy những lời trong Phúc âm thánh lễ hôm đó, kèm theo gương các thánh thúc giục họ nhiệt thành bền vững trong đức tin và tiếp tục giáo huấn bổ túc cho họ. Đôi khi ban đêm họ giúp cha lẻn ra ngoài để làm các bí tích cho giáo dân.

Lúc đó vào quãng tháng 9, cơn cấm cách bước qua một thời kỳ tạm nới rộng để đi đến một thử thách nặng nề hơn. Nhân ngày

(1) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, trang 211.

hội, Trịnh Tráng truyền bắn súng thần công ăn mừng. Một viên đạn làm bất cẩn, bốc cháy, quân nhân coi súng bị thương nặng chết. Biết là người có đạo, và là người có nhiều công lao, Trịnh Tráng truyền cho chôn cất trọng thể theo nghi thức công giáo Cuộc đón xác, đưa xác do 2 cha đứng chủ tọa, có hơn một nghìn giáo dân đến dự.

Với thiện cảm của nhà chúa, các cha lại được tự do đi lại. Nhưng để đề phòng, hội họp giáo dân vẫn tiếp tục ở các tư gia. Trong thời kỳ cấm cách, lòng đạo của giáo dân không sút kém lại thêm vững chắc và sốt sắng hơn. Nhà thờ xứ bị đóng cửa, thì mỗi gia đình đã trở nên một nhà thờ khác, hằng ngày sớm tối cha mẹ con cái họp nhau đọc kinh, nghe sách đạo. Tiếng đồn về đạo mới, do lệnh cấm cách, lại càng được lan rộng ra những vùng xa xôi. Nhiều người ở xa cất công lên Kẻ Chợ để học đạo. Bà cụ Anna, già 84 tuổi, đã đi bộ hơn 200 dặm lên Kẻ Chợ để học đạo và chịu phép Rửa. Hoạt động tông đồ giáo dân vẫn tiếp tục với nhiều kết quả. Phu nhân quan trấn Kẻ Đông tức Hải Dương bây giờ, cũng tên thánh là Anna, đã đưa được nhiều người trong vùng trở lại, và xây cất nhiều nhà nguyện cho các họ đạo mới. Có nhiều dịp phải lên kinh thay chồng, bà thường đem theo nhiều tân tòng đến xin các cha rửa tội. Thầy giảng I-nha-xu đã giúp rất nhiều trong việc huấn luyện đó.

Cuối năm 1628 số giáo dân đã lên tới hơn 2 ngàn.

3.— Lệnh trục xuất.

Thời kỳ nới tạm không được bao lâu. Vào cuối tháng ba 1629, các cha bị trục xuất.

Cha Đắc Lộ kể: « Tuy nhà chúa đã điều tra biết những lời vu cáo trên đây là do những thù địch công giáo bày đặt, nhưng như chúng tôi đã chú thích, nhà chúa giữ chúng tôi lại chỉ cốt để bảo đảm tàu buôn người Bồ đi lại buôn bán, chiếc thuyền chở chúng tôi vào xứ Đông Kinh lúc trở về Áo môn bị đắm vỡ ở đảo Hải Nam. Người thoát nạn, nhưng mất tất cả, họ không thể về Áo môn để kịp báo cho tàu buôn khác sang thay. Mùa gió năm

1628 đã qua mà không thấy tàu buôn ở Áo môn đến, mục đích không đạt được, nhà chúa cho người đến hỏi chúng tôi có muốn theo thuyền buôn người Tàu để về Trung Quốc, chúng tôi từ chối, xin chờ tàu buôn người Bồ, « mà chúng tôi hi vọng năm sau thế nào cũng đến » (1).

Nhưng năm 1629, mùa gió đã bắt đầu mà vẫn không thấy tàu buôn ở Áo môn vào. Qua tháng hai, tháng ba, Trịnh Tráng cho người đến báo cho các cha biết nhà chúa sẽ cho thuyền chở các cha vào Nam để kịp gặp tàu buôn về Áo môn.

Giáo dân nghe tin buồn bã hết sức. Hai cha lo rửa tội cho các người tân tòng, xếp đặt công việc cho các thầy giảng và các đàn anh trong họ để họ thay thế các cha trong khi chờ đợi thừa sai khác đến thay thế.

Ngày lên đường đã đến, Trịnh Tráng sai quan đem đến cho 2 cha 20 tiền vàng và một tấm vải quí. Các cha yêu cầu cho gặp nhà chúa, viện cớ để cám ơn tất cả những ân huệ trong 2 năm qua, hi vọng có thể xin rút lại lệnh trên, nhưng các quan làm cản trở không cho, yêu cầu hai cha xuống thuyền đã đợi sẵn ở bến. Giáo dân đứng chật hai bên bờ, khóc lóc buồn bã. Cụ nghè Gioankim tuổi đã quá 70, trước là quan đại thần trong triều, cũng có mặt. Cụ mặc áo thụng xanh, tiễn các cha ra tận bến, trước khi chia tay, cụ phục lạy các cha bốn lạy, dù các cha hết sức từ chối. Mấy lời khuyên răn từ giã cuối cùng, con thuyền xa bến, giữa những tiếng khóc của giáo dân. Lúc đó là vào cuối tháng 3 năm 1629. Cùng đi với cha có thầy giảng I-nha-xu và bõ Antôniô. Cha để lại 2 thầy Phanxicô và Andrêa để trông coi giáo đoàn.

IV.— VĨNH BIỆT XỨ BẮC.

1.— Trên con thuyền biệt xứ. (2)

Con thuyền rộng rãi to lớn, do một quan võ chỉ huy với

(1) Đắc-Lộ, id.

(2) Theo cuốn Lịch sử xứ Đông Kinh của cha Đắc Lộ.

hơn 30 quân nhân làm tay chèo. Được chứng kiến lòng cảm mến của giáo dân nhất là trước thái độ của quan nghè Gioan-kim đối với các cha trước khi lên đường, ông rất trọng đãi các cha, nhường cho các cha khoang đẳng lái.

Trên thuyền hai cha tiếp tục truyền giáo. Cứ chiều tà, lúc được nghỉ tay, các quân nhân đến ngồi chung quanh các cha và thầy I-nha-xu chăm chú nghe giảng tin lành. Sẵn tài làm thơ cú, thầy I-nha-xu đặt nhiều bài thơ tôn giáo phi bác những mê tín dị đoan bên ngoại và trong đêm vắng, thầy ca lên cho họ nghe. Nhờ đó những giáo lý của đạo được thấm nhuần trong thâm tâm người nghe.

Dọc đường, biết tin 2 cha sẽ đi qua, giáo dân đứng đón bên bờ mời hai cha lên thăm họ, rửa tội cho những người tân tòng. Quan nghè Paolô, biết hai cha sẽ qua làng « Che Bo » (1) quê quán của cụ, liền về trước cho gia nhân lính tráng ra đón 2 cha ở dọc sông. Sẵn một số tân tòng đã được cụ dậy đạo cho, cụ xin 2 cha rửa tội. Ở vùng An Vực, Vân No, chỗ mà 2 năm trước đây, mới đến xứ Bắc, đang khi chờ đợi Trịnh Tráng vào đánh chúa Nguyễn trong Nam trở về, 2 cha đã dựng một nhà thờ ở đó, lần này 2 cha cũng rửa tội thêm được nhiều người. Nhà thương và nhà tế bần của bà cụ Lina cũng đã giúp được nhiều người nghèo khổ ốm đau bệnh tật (2). Tới gần cửa Chúa, 2 cha cùng quá thăm họ đạo của ông Simong và rửa tội cho nhiều bà con của ông. Cách đó một quãng xa là làng của ông Andrêa, lính túc vệ ở Kinh. Biết 2 cha sẽ qua làng ông, ông đã theo đường bộ về trước đưa bà con họ hàng đón ở bên sông để xin chịu phép rửa, nhưng không may, ban đêm thuyền đi qua, ông không nhận được. Biết tin thuyền đã đi quá, ông liền đưa bà cụ thân sinh, bà dì và người vợ, đi bộ theo đường tắt đón đường, và ông đã được toại nguyện.

Đi quá cửa Chúa, đến địa giới tỉnh Nghệ An, Bồ chính, thì đổi thuyền. Sau 15 ngày sống với các cha và đã được nghe giảng

(1) Kẻ Bò hay trại Bò, có lẽ là một họ đạo thuộc xứ Hiếu Thuận ngày nay.

(2) Xem trên, chương III.

đạo lý, trước khi từ giã về kinh, 18 quân nhân đã xin chịu đạo.

Lúc đó đã vào tuần thánh, viết thư để nhờ họ chuyển về cho giáo đoàn Kẻ chợ, cha Đắc Lộ không khỏi buồn tiếc nhớ lại tuần thánh năm trước bên những người con mới sinh lại trong giếng rửa, cảm động trước những nghi lễ mới được tham dự lần đầu, lúc này sắp sửa đến lúc vĩnh biệt sang bên kia biên giới xứ Bắc. Nhưng không, hoàn cảnh sẽ giúp cha trở lại với họ lần nữa.

Đêm lễ Phục Sinh, thuyền ra khơi. Trước khi nhổ neo, quan chỉ huy thuyền thứ hai này muốn làm lễ tế thần phù hộ cho thuyền thuận buồm xuôi gió, 2 cha và thầy I-nha-xu hết sức can ngăn. Chẳng may ra khơi gặp gió lớn, cho rằng thần giận phạt, ông đe làm tội và ném thầy I-nha-xu xuống biển. Ba cha con quì gối xuống cầu nguyện và ít lâu biển gió yên lặng. Ông và lính tráng đều bỡ ngỡ, được ơn Chúa, liền xin học đạo.

Tới Bồ chánh, 2 cha nhờ ông Agostinô, tên thánh của quan chỉ huy, sau khi chịu phép rửa, nói với quan trấn cho 2 cha được tự liệu thuyền buồm để về Áo môn. Là vị quan tuổi tác đã ngoại 80, rất nhân hậu, biết năm đó không có tàu buồm Áo môn vào buôn bán với chúa Nguyễn xứ Nam, nên cũng không bắt các cha vượt tuyến vào Nam. Để đáp lại sự tiếp đãi tử tế của ông, 2 cha khuyên ông nên nghĩ đến đời sau, cha Đắc Lộ cũng biếu ông một cuốn bổn bằng chữ nôm (1). Lời khuyên của các cha không có hiệu quả, sau đó 6 tháng ông qua đời.

Trong ít ngày ở Bồ chánh để tìm thuyền, 2 cha và thầy I-nha-xu ra đường phố hay bờ biển giảng cho dân chúng. Kết quả 25 người xin trở lại. Đó là những giáo dân đầu tiên của họ Bồ chánh, trong đó có một thầy đồ. Cha Đắc Lộ đọc các kinh cho thầy chép lại để dạy cho những người tân tòng và trước khi ra đi, cha giao họ đạo mới cho thầy đồ trông coi.

---

(1) Có lẽ cuốn bổn 8 ngày do chính cha soạn và xuất bản sau này bằng chữ quốc ngữ ở Rôma, 1651.

2.— Công cuộc truyền giáo vùng Nghệ An.

Xin phép quan trấn Bồ chánh cho tự liệu thuyền buồm để về Áo môn là 2 cha có ý kéo dài thời gian ở xứ Bắc, đợi tàu buôn người Bồ đến để trở lại kinh đô. Với chiếc thuyền 2 cha có thể trở lại thăm những họ đạo cũ ven bờ biển, và tiếp tục truyền giáo ở đó, nếu tình thế cho phép.

Trước hết, 2 cha trở lại vùng Nghệ An, thăm họ đạo ông Andrea mà chuyến suôi vừa rồi họ đã không được gặp. Trong 3 ngày, 2 cha rửa tội thêm được 112 người. Qua họ đạo ông Simong, cũng rửa tội thêm được ít người nữa. Ghé vào cửa Rùm 2 cha lên thăm quan trấn Nghệ An và được ông tiếp đãi tử tế.

Dịp nhật thực sắp xảy ra là dịp để 2 cha thu phục lòng quan trấn, hi vọng có thể ở lại truyền giáo trong vùng của ông. Trước 4 ngày, cha Đắc Lộ gửi cho quan trấn một bản báo trước ngày giờ, hình thức và thời gian nhật thực. Sự kiện xảy ra đúng như thế. Từ đó 2 cha được quan trấn tin phục, làm ngơ cho 2 cha được ở lại truyền giáo trong vùng. Mỗi khi những người không ưa đạo đến nói xấu các cha, ông thường nói : « Nếu các đạo trưởng đã tiên báo được một cách chắc chắn và đích thực những bí nhiệm của bầu trời và các vì sao, những điều mà chúng ta không hề biết và vượt tầm trí chúng ta thì cũng có thể tin rằng các đạo trưởng không nhầm khi họ giảng cho chúng ta đạo lý sâu xa của Chúa trời đất, cũng là những điều vượt trên giác quan và tầm trí của chúng ta. » (1)

Một hoàn cảnh thiên nhiên khác còn giúp các cha thu phục được lòng dân chúng. Lúc đó đang kỳ hạn hán, mùa màng bị đe dọa, may mắn, các cha vừa đến một hai ngày thì trời đổ mưa. Cho các cha là những người tu hành đắc đạo, cầu trời được mưa, họ kéo nhau đến nghe giảng. Trong gần 8 tháng ở vùng đó, 2 cha rửa tội được hơn 600 người, không kể những người được các thầy giảng và chiến sĩ giáo dân rửa tội cho.

---

(1) Đắc Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, trang 237-238.

Thầy I-nha-xu đã cộng tác và có công rất nhiều trong công cuộc truyền giáo ở vùng đó. Thầy làm nhiều thơ văn rất hay, hòa thêm cả những lối hát ngâm để trình bày đạo, đả phá những mê tín dị đoan. Truyền tụng từ người này qua người khác, số người tin đạo mỗi ngày một thêm nhiều.

Nhưng mỗi lần công cuộc truyền giáo thu lượm được nhiều kết quả là những kẻ thù tìm cách phá hại. Không dám làm khó dễ các cha vì được quan trấn tin phục che chở, họ quấy rối những người có đạo và những gia đình cho các cha trú ngụ : phá phách ném đá, đe doạ...Các cha đành phải xuống ở dưới thuyền để tránh cho họ khỏi liên lụy.

Lênh đênh trên các sông ngòi, tiếp tục hoạt động truyền giáo, các cha bắt đầu bước vào tình trạng quẫn bách. Số tiền ở Áo môn đem đi chỉ đủ sống một hai năm mà đã ba năm không được tiếp viện, dẫu cố ăn nhịn để dành, cũng đến lúc phải hết. Để nêu cao tinh cách vô vị lợi trong hoạt động truyền giáo, thời kỳ ở Kẻ chợ, nhiều người hảo tâm dâng cúng, các cha đều từ chối. Hiểu biết tình trạng, bổ Antôniô đi các họ đạo quyên tiền giúp các cha. Lúc đó lại gặp tháng mưa to gió lớn, chiếc thuyền cũ nát không chịu đựng nổi, các cha lo bị đắm. May nhờ ông Simong cho mượn một ngôi nhà con hẻo lánh ở chân núi. Giữa lúc đó thì bổ Antôniô về báo tin tàu buôn Áo môn đã cập bến

Đã 3 năm, từ ngày hai cha vào xứ Bắc, tàu buôn Áo môn mới trở lại. Biết bao vui sướng khi được gặp cha Gaspar d'Amaral, bạn dòng cùng đến chuyến đó.

3.— Trở lại Kẻ Chợ và vĩnh biệt xứ Bắc.

Sau ít ngày, tàu buôn được lệnh lên Kinh. Đã bị trục xuất quan thừa ti không muốn cho hai cha theo tàu buôn, nhưng vì người Bồ nhất quyết, đành phải nghe. Thế là sau hơn 8 tháng giời xa cách, cha con lại được đoàn tụ.

Để đề phòng, các cha đã cho thầy I-nha-xu theo đường bộ đến trước bảo giáo dân tránh những đón rước và những gặp gỡ ồn ào. Trịnh Tráng thấy hai cha trở lại, làm ngơ không nói gì, lúc đó là thời kỳ buôn bán, nhà chúa không muốn làm mất lòng người Bồ.

Tuy gặp nhiều khó dễ, các cha cố gắng lợi dụng thời gian tổ chức giáo đoàn để có thể đứng vững và đương đầu với mọi thử thách sau này. Giáo dân lũ lượt kéo đến lĩnh nhận các ơn bí tích, suốt ngày này sang ngày khác tiếp tục, nhiều khi các cha thức trắng đêm để họ không phải chờ đợi lâu. Các cha sung sướng nhận thấy trong thời kỳ vắng mặt, giáo dân vẫn trung thành giữ đạo, kinh hạt tối sớm, tôn trọng ngày lễ. Các thầy giảng đã cho in một cuốn lịch bằng chữ nôm để giáo dân biết các ngày lễ, hội nhau đọc kinh, nghe sách ở nhà thờ.

Lợi ích tổ chức thầy giảng được minh chứng hiển nhiên trong thời kỳ các cha vắng mặt. Các cha cần phải tổ chức cho hoàn hảo hơn. Trong câu chuyện, các cha nhận thấy một nguy hiểm lớn đe dọa tổ chức: là những người có chữ nghĩa thông thái, lại có nhân đức, các thày được mọi người kính trọng yêu mến, nên nhiều gia đình muốn gả con gái cho các thày để gây thanh thế cho chi họ nhà mình. Vướng trở gia đình, các thày sẽ không thể toàn hiến cho giáo đoàn mà các thầy là cột trụ. Tổ chức sẽ bị tan vỡ và đồng thời giáo đoàn bị đe dọa. Các cha đề nghị các thày sẽ khấn tạm không kết bạn cho đến khi có các thừa sai khác đến thay thế.

Ngày cuối cùng trước khi vĩnh biệt, trong thánh lễ, sau khi chịu lễ, ba thày: Phanxicô, Andrea, và I-nha-xu khấn trước mặt cả cộng đồng giáo dân ba điều khấn: 1—sẽ không kết bạn cho đến khi có thừa sai khác đến thay thế. 2 — sẽ để làm của chung tất cả những của giáo dân cúng để trợ cấp cho các thày. 3 — Sẽ vâng lời thày Bề trên do các cha đặt. Nghi lễ rất cảm động; nhiều người chảy nước mắt. Thày Phanxicô được đặt làm Bề trên các thày. Lòng tôn kính của giáo dân đối với các thày từ đó càng tăng lên.

Để trách nhiệm trông coi giáo đoàn lại cho các thày, các cha lên đường giữa những tiếng khóc thảm thiết của giáo dân. Tin tưởng ở lòng trung thành giữ đạo của giáo dân, tuy mới được ơn trở lại có ít năm mà thời gian vắng mặt 8 tháng vừa qua là một bằng chứng, các cha đem theo một lá thư của giáo đoàn gửi Cha Bề trên cả dòng Tên, nguyện kiên quyết giữ vững đức tin đã được lĩnh nhận.

Bức thư viết bằng chữ Hán chúng tôi tạm lược dịch sau đây : (1).

« Tất cả các bổn đạo nước An-nam, đều lạy tạ Chúa thật Trời Đất, cúi mình dâng thư lên Đại Sư ở Phương Tây, nước Ý Đại Lị A, xin sai thày đáng kính sang phương Đông dạy dỗ chúng sinh. Thực là hạnh phúc cho chúng tôi được các thày đến nước An-nam giảng đạo thánh Chúa Trời ! Nước chúng tôi vốn hân hoan mến đạo khôn xiết. Nghe theo đạo rất sớm kể được hơn năm ngàn người, ngoài ra còn nhiều người nữa muốn tin đạo. Dẫu Vua quan nước chúng tôi chưa hiểu biết đạo nên có nói lời phỉ báng nhưng từ đầu đến nay vẫn chưa lên án đạo. Còn bổn đạo chúng tôi không bao giờ lòng nghi ngờ hai ý, vẫn rất mực tôn kính đạo. Vì thế, chúng tôi cả dám kính đệ lá thư này lên Đại Sư, đấng rất chân tình thương xót, xin cứu nước nhỏ man rợ chúng tôi. Xin liệu cách nào sai đấng làm thầy sang nước An-nam để chúng tôi, sang hèn tất cả đều được

(1) Xin xem chính bản bằng chữ Hán ở phụ bản... (Arch. S. J. Roma, Jap-sin, N. 80 F. 12v—13r). – Đây là bản phiên âm chữ Hán : « An-nam quốc các bổn đạo thần đẳng bái tạ Thiên Địa chân Chúa, thư túc trình Đại Sư tại Tây phương, Ý-Đại-Lị-A quốc, sử tôn sư vãng Đông phương giáo hóa chúng sinh. Hạnh ngộ hữu sự đáo An-nam quốc, giảng Thiên Chúa thánh đạo. Cố bản quốc hân mộ bất thăng. Vãn đạo thậm tảo, kế đắc ngũ thiên dư nhân, kỳ dư tín đạo dũ đa. Nhiên bản quốc quân thần thượng vị thông hiểu, phỉ báng bất dĩ tắc viết sơ vị hữu kim hà xử đắc lai. Độc bản đạo tâm vô nghi nhị ý đốc kính nhạ. Vi thử cảm thư túc trình Đại sư thùy lân mẫn chi chân tình, cứu man di chi tiểu quốc. Hữu hà kế sử An-nam quốc, quý tiện cộng đắc thánh đạo, tận khí tha kỳ, dĩ thoát trầm luân thụ phúc chỉ tắc kỳ tử hữu dư hĩ.

Thần bổn đạo đẳng, kê thủ đốn thủ, túc trình tư thư.

Tự Thiên Chúa giáng sinh chi kim nhất thiên lục bách tam thập niên.

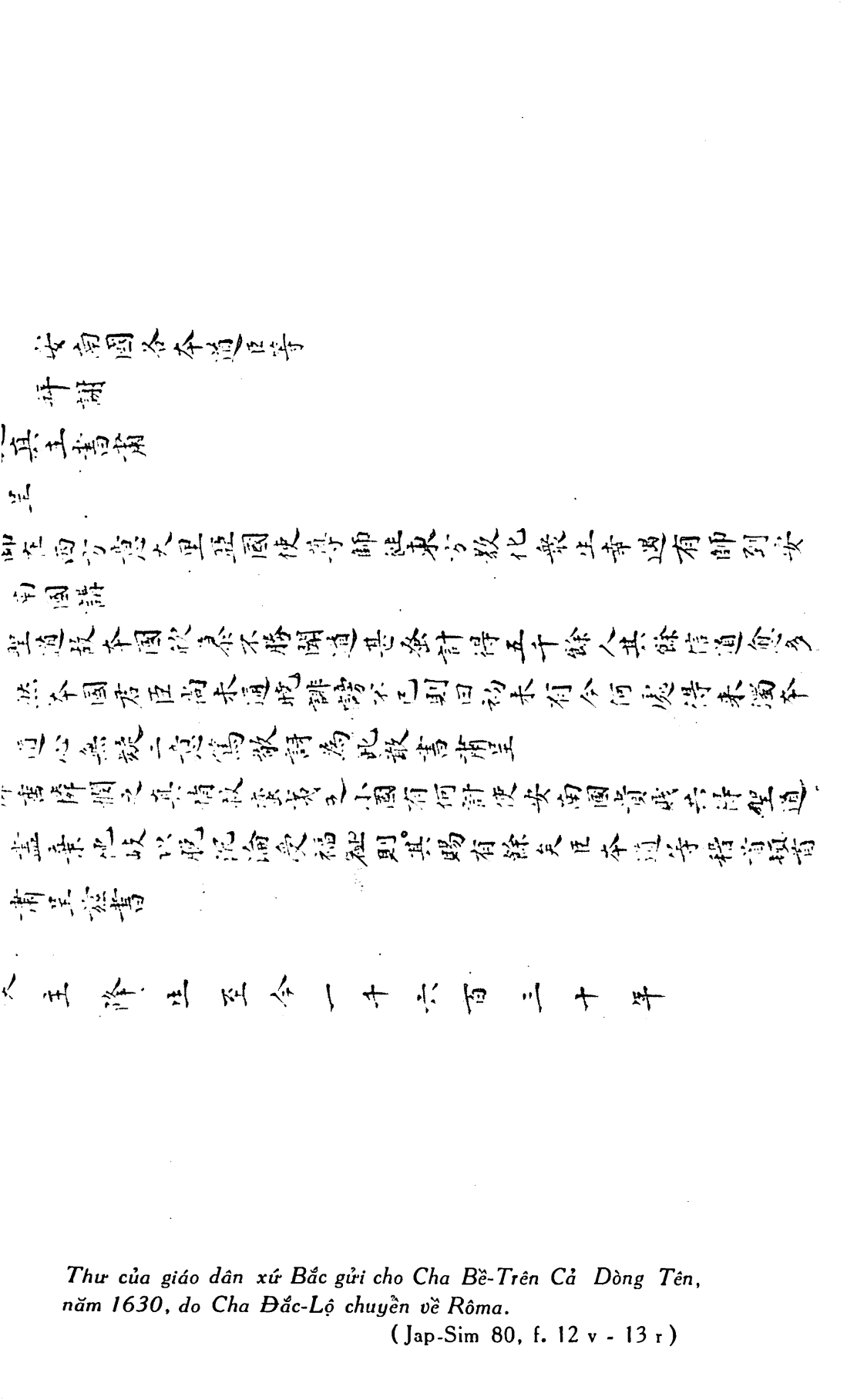

Thư của giáo dân xứ Bắc gửi cho Cha Bề-Trên Cả Dòng Tên, năm 1630, do Cha Đắc-Lộ chuyển về Rôma.

(Jap-Sim 80, f. 12 v - 13 r)

đạo thánh, bỏ hết đàng tà, để thoát khỏi chìm đắm, được phúc lành tức là được ơn thanh nhàn vậy.

Chúng tôi tất cả bổn đạo
Cùng nhau cúi đầu kính dệ lá thư mọn này.
Từ Thiên Chúa sinh xuống đến nay là một nghìn sáu trăm ba mươi năm.

Trên đường từ giã Kẻ Chợ ra khơi, 2 cha cũng tạt qua thăm các họ đạo hai bên sông. Qua họ Kẻ Bò, Kẻ Bích (Che Bich) hai cha cũng rửa tội thêm nhiều người. Ra cửa Chúa thì các cha lên tàu buôn người Bồ để về Áo Môn, vĩnh biệt xứ Bắc để rồi không bao giờ trở lại, sau hơn ba năm giời hoạt động truyền giáo, đặt nền móng đầu tiên cho ngôi nhà Giáo hội xứ Bắc với con số hơn 5 ngàn giáo dân. Cha Đắc Lộ thực đã xứng danh « Tông Đồ xứ Bắc » vậy.

CHƯƠNG V

CHA ĐẮC LỘ TRỞ LẠI XỨ NAM VÀ CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO Ở ĐÓ.

I.— Giáo đoàn xứ Nam từ khi cha Đắc lộ ra Bắc.

1.— Cha Đắc lộ trong thời kỳ ở Áo môn.
2.— Cha Buzomi với lệnh trục xuất 1629.
3.— Giáo đoàn xứ Nam từ năm 1630 đến năm 1639.
4.— Cha Đắc Lộ trở lại xứ Nam và bị trục xuất (2-1640 — 9-1640)

II.— Hai lần bị trục xuất, hai lần trở lại.

1.— Cha Đắc Lộ trở lại xứ Nam lần thứ hai và công cuộc truyền giáo ở các tỉnh vùng Nam.
2.— Lệnh trục xuất lần thứ hai (7-1641).
3.— Trở lại xứ Nam lần thứ ba và tổ chức các thầy giảng (1-1642—9-1643)

III.— Cha Đắc Lộ trở lại xứ Nam lần thứ tư.

1.— Hoạt động truyền giáo của các thầy giảng.
2.— Bà Maria Minh Đức. Tuẫn thánh ở cửa Hội An.
3.— Phái đoàn giáo dân ngoài Bắc.
4.— Công cuộc truyền giáo cho giới trí thức và quan lại.

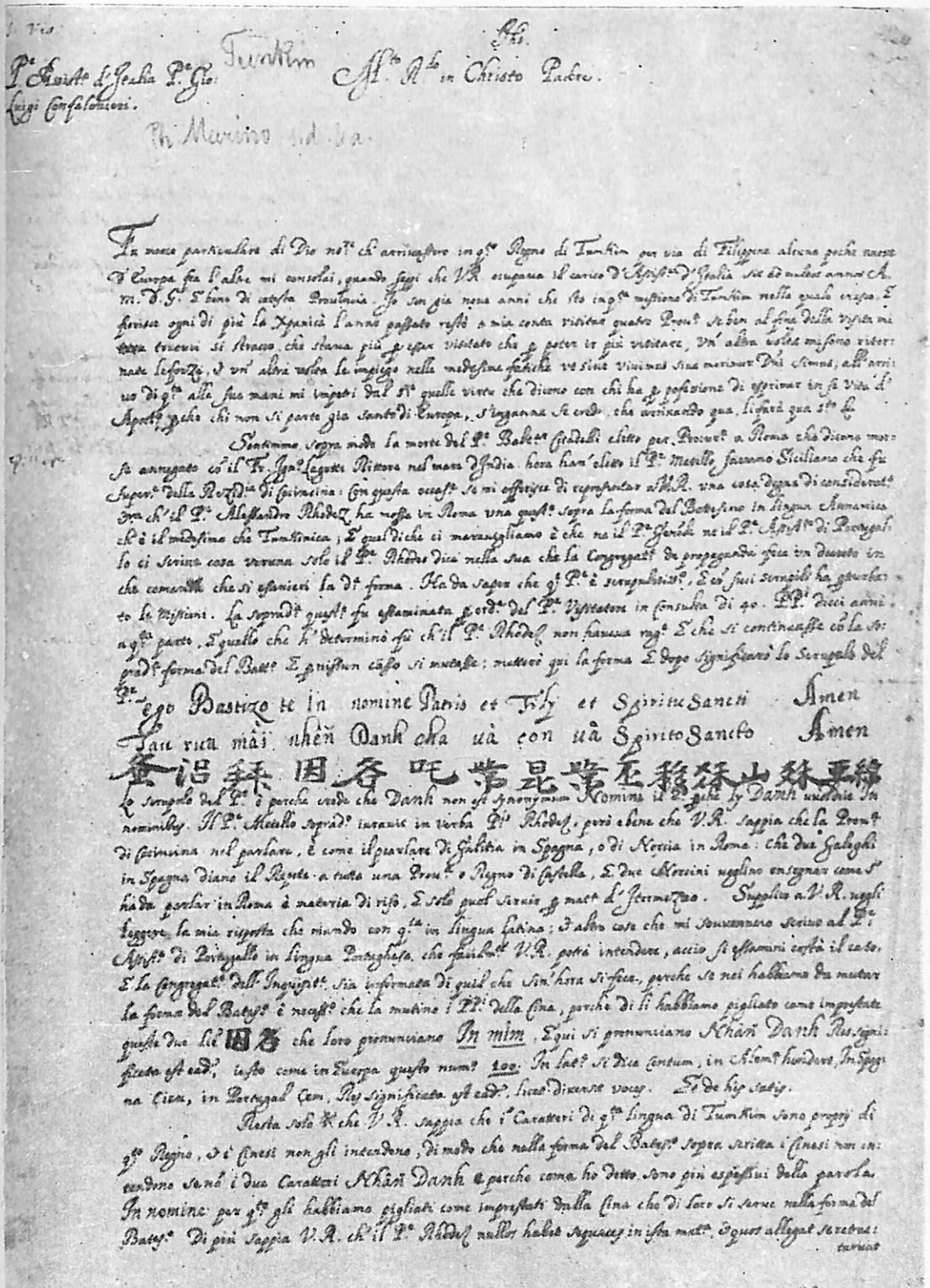

Bút tự của Cha Philippô Marius — Ý kiến về mẫu-thức Rửa-tội
(Thư viết bằng tiếng Ý)
(Jap-Sin 80 fol. 96 r)

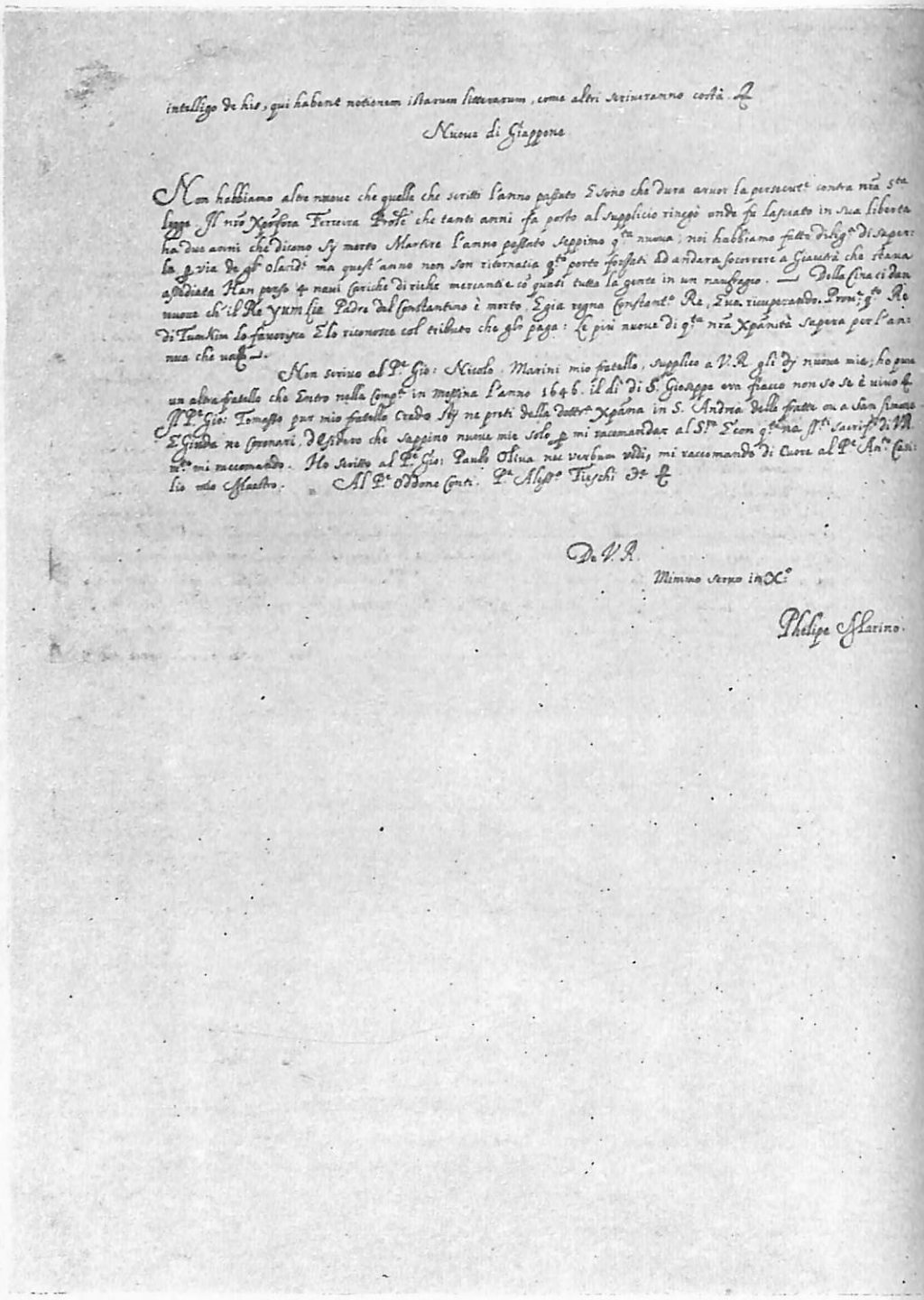

Bút tự của Cha Philippô Marini — Ý kiến về mẫu-thức Rửa-tội
(Thư viết bằng tiếng Ý)
(Jap-Sin 80 fol. 96 v)

I.— CHA ĐẮC-LỘ TRỞ LẠI ĐÀNG TRONG.

1.— Cha Đắc-Lộ trong thời kỳ ở Áo-môn.

Cha Đắc-Lộ trở về Áo-môn tháng năm 1630, đem theo tất cả quyến luyến nhớ thương của giáo đoàn xứ Bắc. Tuy cha đã để lại tổ chức thầy giảng để thay các cha trông coi, nhưng sự có mặt của Linh mục trong giáo đoàn vẫn là sự cần thiết không thể không. Việc trước hết của cha khi về Áo môn là yêu cầu bề trên tiếp tục gửi ngay các thừa sai khác đến thay thế « đừng để đoàn chiên đầy hứa hẹn đó phải sống không chúa chiên. »

Tháng hai năm sau, 1631, trước yêu cầu tha thiết của cha Đắc-Lộ, bề trên nhân dịp tàu vào Bắc, đã sai ba cha khác đến thay trong số đó có cha Gaspar Amaral, một trong hai cha năm trước (1630) đã theo tàu Bồ ở Áo-môn vào Cửa Chúa và đã được chứng kiến tình trạng đầy hứa hẹn của giáo đoàn Kẻ chợ.

Trong thời kỳ ở Áo-môn, cha Đắc-Lộ tiếp tục hoạt động truyền giáocho người Trung-hoa trong những tỉnh ở vùng Quảng-đông, nhưng cha cũng phải công nhận là « không được dễ dàng như ở xứ Bắc,nơi đầy phúc lành mà cha mới rời bỏ.Nguyên nhân trước hết có lẽ tại cha tuy hiểu được tiếng Trung-hoa, nhưng vẫn chưa biết nhiều đủ để có thể giảng liên tiếp cả một bài, cha còn phải dùng thông ngôn... Nguyên nhân thứ hai có lẽ là vì tính kiêu hãnh của người Trung-hoa, tự coi mình là những người đứng đầu trong thế giới » (1). Dầu vậy trong một thời gian cha cũng rửa tội được gần một ngàn người. Sau đó cha được bề trên giao cho ghế giáo sư Thần học ở học đường Áo-môn, đồng thời trông coi nhà xứ cho người Trung-hoa và giáo

---

Đắc-lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 114.

huấn bổ túc cho những người tân tòng trú ngụ ở đó. Công việc khá nặng nề. Ngoài giờ dạy học, suốt ngày cha không lúc nào được ngơi tay với công việc nhà xứ, ban đêm lại thức khuya để dọn bài.

Nhưng lúc nào lòng cha cũng hướng về Giáo hội Việt-nam, nơi mà cha đã hiến dâng những sinh lực đầu mùa của đời sống truyền giáo của cha, và riêng với giáo đoàn xứ Bắc, nơi mà cha đã có thể nói như Thánh Phaolô « Chính tôi đã sinh ra anh em trong Chúa Kytô ». Chắc nhiều lần cha đã đau đớn nghĩ rằng sẽ không bao giờ có thể trở lại với họ và những thầy giảng yêu qui của cha. Ở Áo-môn cha vẫn luôn theo dõi tình hình giáo đoàn của họ. Chỉ còn miền Nam là nơi hy vọng có thể đặt chân trở lại đất Việt. Cha đã hoạt động ở đó một năm rưỡi dưới quyền cha Buzomi (từ 12-1624 đến 7-1626) trước khi ra Bắc.

2.— Buzomi với lệnh trục xuất 1629 (1).

Từ sau khi cha Đắc-lộ được gọi về Áo-môn để sai vào xứ Bắc với cha Marquez, giáo đoàn xứ Nam vẫn tiến đều đều qua những thử thách dưới quyền chỉ huy của cha Buzomi. Năm 1626 số thừa sai còn lại là 8 vị. Trong số 10 cha năm 1625, thì cha De Pina đã qua đời, cha Gabriel de Mattos xong nhiệm vụ, trở về Áo-môn với 2 cha Đắc-Lộ và Marquez, nhưng lại thêm cha Michel Machi, người Nhật, mới đến năm đó và cha Mathias Machide, sau khi tổ chức họ đạo người Nhật ở Cao miên cũng trở về Nam. Năm 1628 Áo-môn lại sai thêm cha Benedetto de Mattos và thầy Antonio Torrès, cả hai người Bồ, nhưng lại yêu cầu cha Buzomi cho một số thừa sai về Ao-môn để sai vào đất Nhật. Cho rằng giáo hội Nhật đang trong bách hại cần thừa sai hơn, cha Buzomi sai hai cha người Nhật và 3 cha khác, trong đó có cha Majorica. Nhưng vì gặp bão lại giạt về Áo-môn. Cha Baldinotti thừa sai tiên khởi xứ Bắc cũng đi chuyến đó, trở về Áo-môn qua đời

(1) Theo cuốn Istoria della Compagnia di Gesu ; Bartoli và Marini. Những khu truyền giáo

ở đó cùng một năm với cha Mathias Machide (1). Không vào đất Nhật được, các cha lại dần dần trở về xứ Nam hoạt động với cha Buzomi.

Số thừa sai trong Nam tuy nhiều hơn ngoài Bắc, nhưng kết quả không được dồi dào bằng. Năm 1626, nhờ cuộc tranh luận của thầy giảng Manuêlê, ở Quảng-Nghĩa, 70 người trở lại. Ở Thuận-Hóa cha Buzomi cũng đưa được 40 người trong giới quan lại đến giếng rửa. Nhiều hơn cả là năm 1629, nhân kỳ đói kém chết nhiều, số người rửa tội ở Quảng Nam là 275, Nước Mặn 480, Phú yên 320.

Công cuộc truyền giáo, cũng như ngoài Bắc, qua hết thử thách này đến thử thách khác, nhưng có phần dễ dàng hơn đôi chút. Ba lần các cha bị trục xuất, nhưng sau một thời kỳ lẩn tránh, lại được tự do hoạt động. Nguyên nhân gây ra những khó dễ, vu cáo cấm cách vẫn là câu chuyện vì các cha mà trời phạt không mưa, hay các cha là những tay sai đi chinh phục, hoặc làm gián điệp tổ chức nội công. Nhưng cũng như trước đây, chúa Sãi trong cuộc đương đầu với họ Trịnh cần phải giữ bang giao với người Bồ để mua bán khí giới đạn dược, nên tuy về nội trị cần lấy lòng dân để bảo vệ chính quyền, ra lệnh trục xuất các cha, nhưng không dám làm mạnh tay vì còn kiêng nể người Bồ. Cuộc bách hại chỉ trong vòng khó dễ, nhưng không đến chỗ gay go đổ máu (2).

Năm 1627, cuộc Nam Bắc phân tranh bắt đầu. Chúa Trịnh đem quân vào đánh chúa Nguyễn, nhưng không kết quả, đành rút quân về (3). Sãi Vương thắng trận, nhưng năm đó gặp tang lớn : hoàng tử nối nghiệp qua đời. Làm quan trấn Quảng Nam, ông rất có thịnh tình với đạo, đã nhiều lần bênh vực các cha. Trong cuộc chiến vừa qua chống chúa Trịnh ông tỏ ra là tướng tài, lập được nhiều công trạng, được chúa Sãi yêu quí lắm, đặt làm hoàng tử nối nghiệp. Năm đó không may, người thiếp ông

(1) Xem chú thích chương III.

(2) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 177.

(3) Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược,

yêu quí hơn cả qua đời. Thương tiếc suốt ngày đêm than khóc, ông truyền làm một tượng lớn bằng người thực, đầu bằng bạc, còn thân bằng gỗ quí. Không bao lâu vì buồn phiền quá, ông ngã bệnh qua đời. Sãi vương tiếc khóc lòa cả mắt.

Quan trấn mới, hoàng tử Nguyễn phước Anh là người không ưa đạo. Năm đó nhân dịp thắng trận, sự đạo được dễ dàng hơn, giáo dân tổ chức mừng lễ Sinh Nhật rất linh đình. Ngoài lễ nửa đêm với những ca vãn thường quen hát, họ còn tổ chức lễ rước kiệu Chúa Hài đồng, có kèn trống, bát âm, đốt cây bông cây hoa và bắn súng hỏa mai. Quan địa phương dựa vào thế quan trấn cho tuần tráng đến phá cuộc, tịch thu các đồ thờ và lấy của giáo dân. Chúa Sãi theo lời thúc giục của quan trấn lại ra sắc chỉ nhắc lại lệnh cấm công khai đeo ảnh tượng và tổ chức thờ phượng đã ra năm trước. Nhưng năm sau 1628, nhờ có sứ giả và tầu buôn Áo môn đến, nên các cha lại được tự do truyền giáo.

Từ năm 1629, các cha bước vào một giai đoạn thử thách liên tiếp. Dạo đó trời đại hạn, lại thêm giặc châu chấu cắn hại mùa màng, dân tình đói khổ, người chết đầy đường phố, rồi lại tiếp theo nạn dịch, số người chết lại tai hại hơn nữa. Cũng như các lần đói kém dịch tễ khác, người ghét đạo vịn cớ vu cáo cho các cha và người công giáo gây nên, yêu cầu nhà chúa trục xuất các cha. Nhưng vì lúc đó sắp đến mùa buôn bán với người Bồ, chúa Sãi không muốn làm khó dễ các cha. Bất hạnh, năm đó có một chuyến tầu qua cửa Hội An, sắp cho cập bến, thấy gió xuôi thổi mạnh, quan thuyền trưởng lại cho lệnh căng buồm suôi xuống Phi luật tân, hi vọng kiếm được nhiều lời hơn. Sãi vương thấy thế bất mãn, ra lệnh trục xuất các cha.

Lúc đó là ngày mùng 10 tháng 8, được lệnh của phủ chúa, quan án trấn Quảng Nam liền bí mật cho người bắt 2 cha Buzomi và de Mattos cùng với 2 thầy giúp việc đang hoạt động truyền giáo ở một họ đạo ngoại ô, đồng thời cho người xuống phủ Qui Nhơn bắt 2 cha Gaspar Luigi và Antôniô de Fontès cùng với thầy Melchior Ribero giải lên cửa Hội An. Trái gió thuyền không thể

lên Áo môn, ông đành để cho các cha xuôi xuống vùng đất Chiêm thành. Còn lại mình cha Manuêlê Fernandez và một thầy người Nhật không bị bắt, ở lại trốn tránh nay họ này mai họ khác, bí mật hoạt động.

Thuyền xuôi đến vùng biên giới Chiêm thành-Việt Nam hai cha Gaspar Luigi và Antôniô de Fontès cùng với thầy Melchior Ribero và một số thầy giảng người Việt cùng theo các cha chuyến đó giả làm tay chèo trốn lên bộ, thay đổi áo quần làm lái buôn Nhật, trốn vào một khu rừng gần phủ Phú Yên. Bắt liên lạc với giáo dân,các cha,các thầy được họ tiếp tế cho ăn uống,nhưng vì là chỗ nước độc, bị sốt rét ngã nước nhiều đành phải rút ra ngoài đồng bằng. Giữa đường bị cướp : 3 thầy người Việt bị thương nặng chết, còn cha Antôniô de Fontès, thầy Ribero và 3 thầy khác tuy thoát chết nhưng cũng bị nhiều vết thương, chỉ một mình cha Gaspar Luigi là chạy thoát. Biết tin quan phủ liền cho lính đi đuổi theo bọn cướp và bắt được cả bọn, còn cha De Fontès và các thầy được giáo dân đem võng cáng đưa về phủ chữa chạy. Quan phủ là người quen biết cha Buzomi trước và có thịnh tình với đạo. Sau khi các cha các thầy đã lành mạnh và được lệnh trên phủ chúa truyền giải các cha lên trấn Quảng Nam để trục xuất theo tầu buôn người Bồ về Áo-môn, ông đã bày kế cho các cha trốn thoát để có thể tiếp tục hoạt động trong bóng tối. Các cha thuê một chiếc thuyền để ra khơi, trước mặt dân phủ, để ông có thể tâu về phủ chúa là khi được lịnh thì các cha, các thầy đã lành mạnh và đã xuống thuyền đi xa. Thực ra đi được một quãng, 2 cha và thầy Riberô lên bộ trốn vào một họ đạo để tiếp tục hoạt động.

3.— Giáo đoàn xứ Nam từ năm 1630 đến năm 1639.

Lúc đó vào tháng giêng năm 1630. Năm trước vì không có tầu buôn vào cửa chúa Nguyễn, nên các cha gặp khó dễ. Sau khi để 2 cha Gaspar Luigi, Antôniô de Fontès và thầy Melchior Riberô ở lại trốn tránh ở khu rừng gần phủ Phú yên, cha Buzomi và cha Benedetto de Mattos tìm đường và Áo môn để

yêu cầu tầu buôn và nhân thể tìm lễ vật dâng cho chúa Nguyễn. Chuyến tầu đó cùng đi với hai cha, có cả cha Majorica và cha Machida cách đây 2 năm bỏ xứ Nam để vào đất Nhật, nhưng gặp bão và nhiều khó khăn khác không thể vào được. Sứ giả được Sãi vương tiếp đãi niềm nở và hứa gọi các cha trở lại. Tin tưởng, cha Buzomi liền cho thuyền xuống Phú yên đưa các cha về cửa Hàn.

Cũng năm đó, chúa Nguyễn sai tướng đánh lấy vùng Bồ chánh mạn nam sông Linh giang và xây lũy Trường Dực và Lũy Thầy để bảo vệ (1). Không muốn làm phật lòng các quan ghét đạo và nhà sư, khi tàu buôn người Bồ nhổ neo, chúa lại ra lịnh bắt các cha phải xuống tầu về Áo-môn.

Ra khơi được một quãng, các cha xuống thuyền người Việt đã đợi sẵn để đưa vào bờ. Các cha chia nhau : cha Manuêlê Fernandez hoạt động bí mật ở vùng Quảng Nam, Quảng Nghĩa, cha Gaspar Luigi ở vùng Qui Nhơn và Phú Yên, cha Machida, người Nhật, dưới bộ áo lái buôn Nhật, hoạt động ở khu buôn bán cửa Hàn, còn các cha Buzomi, Majorica, và De Fontès cùng với 3 thầy giảng Việt Nam xuống giảng đạo cho người Chiêm Thành.

Phải lén lút hoạt động, không thể đi thăm các họ đạo dễ dàng, các cha đặt ở mỗi họ một số tông đồ giáo dân làm trùm trưởng đàn anh trong họ, trông coi thay các cha. Năm 1631 các cha rửa tội được 540 người, năm 1632 được thêm mấy trăm người nữa.

Đoàn truyền giáo xuống vùng Chiêm thành, thì giữa đường gặp tầu buôn Hòa Lan, lúc đó đang chinh chiến với người Bồ, các cha các thầy phải bỏ thuyền chạy trốn lên bộ, bị người Chiêm thành bắt giam. Được tự do, các cha qua Cao miên, hi vọng có thể truyền giáo ở đó. Nhưng không hi vọng, sau 2 năm cố gắng 4 cha dòng ở Phi luật tân thất vọng phải trở về không, chính lúc các cha cập bến. Năm sau có 4 tầu buôn người Bồ trở về Áo

(1) Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược.

môn ghé qua cửa Hàn, cha Buzomi liền theo về xứ Nam. Lúc ra khơi lại gặp thêm 3 tầu nữa ở Ấn độ lên cũng muốn vào đỗ ở cửa Hàn. Năm đó số tầu buôn người Bồ vào cảng chúa Nguyễn đông hơn cả. Cha Buzomi lo sợ, chúa Nguyễn tinh ý sẽ nhận ra tầu buôn người Bồ vào buôn bán với chúa không phải vì vấn đề tôn giáo, vì chính lúc đó, chúa đang gây nhiều khó dễ cho các cha, mà thực ra chỉ vì kiếm lợi. Nhưng may chúa Nguyễn không nhận ra điều đó. Trước khi tới nơi cha Buzomi cũng không quên cho tin trước cho hai cha Gaspar và Fernandez ra gặp tầu buôn ở cửa Hàn để mặc áo dòng theo lái buôn người Bồ lên phủ chúa như mới ở Áo môn đến.

Ba cha được tiếp đãi tử tế, Sãi vương phàn nàn vì đã trục xuất các cha, nhưng đổ lỗi cho các cha đã quá lời chỉ trích các bụt thần xứ Nam. Lợi dụng thời gian người Bồ còn ở lại buôn bán, các cha đi thăm các họ. Nhưng không may năm đó lại phải cảnh hạn hán, ở phủ chúa có cháy lớn một phần lớn các đền đài bị thiêu hủy.Bị các quan ghét đạo và nhà sư kêu ca,Sãi vương lại bắt các cha theo thuyền buôn người Bồ trở về Áo môn. Nhưng cũng như lần trước,cha Gaspar Luigi xuống thuyền vào bờ để bí mật hoạt động, cha Buzomi lại xuống truyền giáo cho xứ Cao miên, còn cha Fernandez trở về để tìm lễ vật.

Năm 1633, người con thứ ba của chúa Sãi là Nguyễn phước Ánh, tức trấn thủ Quảng Nam muốn tranh quyền với Nguyễn phước Lan, hoàng tử nối nghiệp,tư thông với chúa Trịnh để làm nội ứng. Công việc không thành, quân Trịnh kéo vào đóng ở cửa Nhật Lệ rồi lại phải rút lui. (1) Lợi dụng cơ hội, các quan ghét đạo và các thầy sư thầy sãi làm cho nhà chúa nghi ngờ người công giáo và nhất là quan Paolô, từ trước vẫn được chúa tin cẩn và ban nhiều chức tước. Họ vu cáo cho người công giáo được tổ chức làm nội công cho vua Bồ và cho cả chúa Trịnh. Quan Paolô theo đạo tức là về bè với tây giang đạo trưởng, thiếu bổn phận trung thành trong đạo vua tôi. Sẵn mối nghi ngờ do cuộc mưu phản vừa qua, Sãi vương tin nghe, bắt quan Paolô phải bỏ đạo. Nhưng ông cương quyết

(1) Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược.

trung thành dù có phải bị tước hết quyền chức và nguy hại đến tính mệnh. Ngày thứ năm Tuần thánh 1633 ông bị gọi vào phủ chúa. Với những lời khuyên dỗ, Sãi vương bảo ông bỏ đạo, nhưng vô ích. Nổi giận, Sãi vương truyền tước hết chức quyền sai cạo trọc đầu, một hình phạt nhục nhã của thời đó và còn phạt 100 trượng. Ông can đảm chịu, sau trận đòn, không đủ sức đứng dậy, lính tráng phải khiêng ông ra. Tất cả triều thần đều bỡ ngỡ trước thái độ của ông và bàn tán nhiều về đạo công giáo.

Mấy năm cuối cùng, Sãi vương đổi thái độ. Năm đó tầu buôn Áo môn cặp bến, đi theo có cha Manuel Fernandez, được tiếp đãi niềm nở, Sãi vương còn yêu cầu các cha trở lại và hứa sẽ cho tự do giảng đạo. Cha Fernandez lợi dụng lúc được dễ dàng cùng với hai cha ở lại bí mật hoạt động năm trước, đi thăm các họ đạo chỉnh đốn và nâng dậy tinh thần của giáo dân trong nhiều năm thiếu linh mục.Năm đó các cha rửa tội được 880 người. Hoạt động tông đồ giáo dân vẫn tiến triển. Trong giới quan lại và hoàng gia, đứng đầu vẫn bà Maria Minh Đức, qua mọi cấm cách nhà nguyện của bà vẫn là nơi giáo dân được tự do hội họp không một ai dám làm cản trở. Cha Fernandez năm đó rửa tội cho 3 quan có địa vị trong phủ chúa, đã được bà dậy đạo cho. Trong giới bình dân phải kể bà lái Gioanna, mỗi chuyến đi cất hàng của bà cũng là chuyến đi truyền giáo với kết quả vài ba chục người được bà đưa trở lại. Bà cũng đã đưa được một quan huyện trở lại.

Cha Manuêlê Fernandez sau khi thăm các họ đạo vùng Quảng Nam, ngược lên vùng Quảng Nghĩa. Ngã bệnh nặng, được đưa về Quảng Nam chữa, nhưng sau ít ngày cha qua đời ngày 28 tháng 8 thọ 50 tuổi, hoạt động truyền giáo vùng Nam 12 năm. Trong thời kỳ cấm cách cha tỏ ra rất can đảm hy sinh.

Hoạt động của Cha Buzomi từ khi xuống truyền giáo cho người Cao Miên không được kết quả mấy. Cao miên lúc đó đang có nội loạn, 2 chú cháu tranh quyền nhau. Trong thời kỳ ở đó cha chỉ rửa tội được có 38 người.Về Áo môn năm 1634,năm 1635 được tin Sãi vương yêu cầu cha trở lại,bề trên lại sai cha trở lại

xứ Nam để chỉnh đốn lại giáo đoàn, xây cất lại các nhà thờ đã bị phá hủy. Nhưng chuyến tầu mang các ảnh tượng và đồ thờ bị tầu Hòa lan cướp mất cả.

Năm đó, chúa Sãi Nguyễn phúc Nguyên mất, trước khi chết đặt hoàng tử Nguyễn phước Lan nối nghiệp tức chúa Thượng. Nghe tin, Nguyễn phước Ánh lúc đó đang làm trấn thủ Quảng Nam âm mưu với một số sĩ quan ở phủ chúa để mưu giết Nguyễn phước Lan cướp ngôi chúa. Biết tin, chúa Sãi cho gọi ông về phủ nhưng lấy cớ thoái thác ông không chịu về. Tháng 11-1635, Sãi vương qua đời. Biết trước, giữ gìn, nên cuộc âm mưu ám hại hoàng tử nối nghiệp không thành. Thượng vương lên nối quyền, lấy cớ về chịu tang cha để bắt Nguyễn phước Ánh về phủ. Biết hị vỡ lở, không đủ thế lực đương đầu với Thượng vương, ông đem quân về giữ thế thủ ở Cửa Hàn. Thượng vương cho quân thủy bộ tiến đến vây. Hoàng tử Nguyễn phước Khê, con bà Maria Minh Đức làm tướng chỉ huy trận đó. Bị núng thế, Nguyễn phước Ánh cùng vợ con và hai người em xuống thuyền chạy trốn, nhưng gặp nước thủy triều đang lên, không thể ra khơi, đành phải chạy trốn lên bộ. Bị bắt đưa về kinh, ông uống thuốc độc tự tử, vợ con và hai người em cũng bị chết nhục nhã. Những người theo ông tất cả gần trăm người, một số bị voi dầy, một số bị án trảm quyết. Trong đó có quan Paolô, ông bị Nguyễn phước Ánh ép phải đi xứ ra Bắc để tư thông với chúa Trịnh, tuy ông không chịu, nhưng vì sẵn nghi ngờ xưa, chúa Thượng cũng kết án ông vào tội làm phản, bị voi dầy. (1)

Đang khi hai bên đánh nhau, để tránh nghi ngờ, cha Buzomi và các cha trốn tránh lên một khu rừng hoang. Nghe tin yên hàn đã trở lại, các cha về kinh mừng Chúa Thượng.

Tính chúa Thượng cứng cỏi kiêu hãnh lại hay nghi ngờ, không mềm dẻo như chúa Sãi. Nhưng với vấn đề tôn giáo và các thừa sai, đường lối đối sử cũng tương tự như chúa Sãi. Người Bồ vẫn tiếp tục vào buôn bán ở cửa Hàn hay cửa Hội An và được chúa trọng đãi hơn. Còn người Hòa Lan vì bắt tay với

(1) Bartoli, Istoria della compagnia di Gesu.

chúa Trịnh Đàng Ngoài, năm 1638, Thượng vương ra lệnh tịch thu cơ sở của họ và bắt giam nhiều lái buôn. Trong cuộc thuỷ chiến 1642, 1643, họ đã bị thua nhục nhã. (1)

Hoàng tử trấn thủ Quảng Nam, cũng không hơn gì Nguyễn phước Ánh, là người ghét đạo có tiếng. Được chúa Thượng tin nhiệm, ông đã gây nhiều khó dễ cho các cha và đã đi đến giai đoạn đổ máu sau này, thời kỳ cha Đắc Lộ trở lại xứ Nam. Năm 1639 « ông tố các cha đã bắt dân chúng thờ một người bị đóng đanh vào thập giá. Ông đem đến cho chúa xem một cây thánh giá và dùng hết lời nhạo báng, bịa đặt trăm ngàn câu chuyện, cốt làm cho Thượng vương ghê sợ hình ảnh đó. Nghe nói, Thương vượng liền truyền đem thiêu hủy hình ảnh đó và ra lệnh cho các cha « những người đã đưa những điều bậy bạ đó vào cho dân chúng phải ra khỏi nước ngay, nếu không tuân sẽ phải án tử hình ».

Cha Phanxicô Buzomi ở Áo môn nghe tin, buồn quá, ngã bệnh qua đời. Cha đã chết trong lúc giáo đoàn bắt đầu bước vào giai đoạn thử thách gay go hơn. Nhưng Chúa đã gửi đến cho họ một tay lái can đảm và hi sinh không kém : cha Đắc Lộ, tông đồ của Đàng Ngoài.

Nói về cha Buzomi, trong suốt 24 năm giời đã hi sinh cho giáo đoàn xứ Nam, cha Đắc Lộ đã viết :« Thật là một người đạo đức thánh thiện, hy sinh trong hoạt động, can đảm trong gian lao, cương quyết trong định đoạt. Cha đã hoàn toàn hiến dâng hi sinh tất cả cho giáo đoàn xứ đó và cha đã thành công. Bước vào xứ Nam với một số vài người giáo dân, lúc về trời cha đã để lại một con số ít nhất là 12 ngàn. Bao nhiêu giáo dân là bấy nhiêu triều thiên của cha ». (2)

---

(1) Đắc Lộ. Những cuộc hành trình, trang 63 — Maybon, Histoire moderne du pays d'Annam trang 95. Buch, la Compagnie des Indes néerlandaises I trang 183 - Cha Cadière trong Le Mur de Đồng Hới trang 157, theo niên lịch V.N. cho là năm 1644.

(2) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 117. Theo cha Marini, trong cuốn Missioni, trang 360, thì số giáo dân lúc đó vào quãng 50.000.

3.— Cha Đắc-Lộ trở lại xứ Nam và bị trục xuất (2-1640—9-1640).

Đầu năm 1639, các cha thừa sai dòng Tên ở Đàng Trong bị trục xuất, nhưng năm sau 1640, Bề trên tỉnh dòng Áo-môn đã sai cha Đắc-Lộ trở lại. Vào đầu tháng hai năm đó, cha «sung sướng lên đường với hy vọng lấy lòng được chúa Nguyễn và được ở lại một thời gian để chỉnh đốn giáo đoàn xứ Nam.» Cùng cộng tác với cha có cha Phêrô An-bê-tô. Tới nơi cha không dám ra mặt ngay, lẩn tránh trong khu buôn bán của người Nhật. Sau khi đã nhận định tình hình và được ông trưởng khu ở đó giúp tìm các phương tiện, cha đem lễ vật lên Chính-dinh để vào gặp chúa Nguyễn. Được Thượng vương tiếp đãi niềm nở tử tế, cha liền lợi dụng thời gian người Bồ còn ở lại buôn bán để gặp giáo dân ở Kinh. Nhà nguyện của bà Maria Minh-Đức Vương Thái phi là nơi chắc chắn và bảo đảm, suốt ngày đêm giáo dân kéo nhau đến gặp cha ở đó để được lĩnh nhận các ơn Bí tích. Thánh lễ nào cũng đông chật những người. Ngày lễ trọng cha phải dâng nhiều lễ để mọi người được dự. Cha qua Tuần thánh năm đó với họ. Ngày Lễ Phục sinh cha rửa tội cho ba bà thuộc hoàng gia có họ gần với chúa Thượng và một thầy sãi danh tiếng. Tất cả bốn người đều do hoạt động tông đồ giáo dân của bà Maria Minh Đức. Trong thời gian 35 ngày ở đó, cha cũng rửa tội được 92 người.

Cho rằng một khi người Bồ đã nhổ neo về Áo-môn và mùa giao hàng đã qua, các tàu buôn khác cũng không còn, quan trấn sẽ không nỡ lòng nào trục xuất các cha. Sau khi thăm các họ đạo ở Chính-dinh, Thuận-hóa, cha trở về cửa Hội an lẩn tránh với cha Anbêtô, để sau các tàu buôn đã rời bến lại công khai hoạt động.

Nhưng quan trấn «thù địch có tiếng của đạo» được tin báo hai cha đã trốn ở lại liền ra lệnh cho hai cha phải ra khỏi nước ngay «bất kỳ bằng cách nào, dù có phải lội trên nước mà trở về Áo-môn cũng mặc». Hai cha đành phải tuân lệnh, mua một chiếc thuyền nhỏ, và với sự giúp đỡ chèo chống của

ba giáo dân tình nguyện người Việt, hai cha về tới Áo-môn ngày 20-9-1640. (1)

II.— HAI LẦN BỊ TRỤC XUẤT, HAI LẦN TRỞ LẠI.

1.— Cha Đắc-lộ trở lại xứ Nam lần thứ hai và công cuộc truyền giáo ở các tỉnh vùng Nam.

Tuy trở về Macao nhưng lòng cha vẫn hướng về giáo đoàn xứ Nam. Gian nan càng nhiều, hy sinh vô vị lợi của cha trong hoạt động truyền giáo càng được chứng tỏ. Không sợ nguy hiểm đến tính mệnh, cuối năm đó có chuyến tàu buôn ở Áo-môn xuống xứ Nam, cha lại đi theo họ, đem theo cha Bênêditô de Mattos, (2) người Bồ. Ra đi ngày 17 tháng 12, thuận buồm xuôi gió, ngày vọng lễ Sinh nhật 24 tháng 12, hai cha tới cửa Hàn. Nghe biết, giáo dân chung quanh lũ lượt kéo đến để mừng lễ Sinh nhật với hai cha. Sau đó lên cửa Hội-an, hai cha được gặp cha Antôniô Ruben, bề trên kinh lược tỉnh dòng xuống Phi-luật-Tân, gặp bão phải ghé qua đó. Cũng như lần trước, lợi dụng thời gian người Bồ ở lại bán hàng, vì kính nể họ, quan trấn tỉnh Chàm cũng như chúa Nguyễn để hai cha được tự do hoạt động truyền giáo, hai cha sau khi thăm các họ đạo chung quanh cửa Hội-an, liền chia nhau : cha De Mattos đi thăm các họ vùng Bắc : Thuận-hóa, Quảng-bình ; còn cha Đắc-Lộ ba tỉnh vùng Nam : Quảng-nghĩa, Qui-nhơn và Ran-ran. Trong thời gian sáu tháng, lúc đi bộ lúc đi thuyền, hai cha cố rảo thăm một lượt các họ đạo

Vất vả khổ sở vì dặm đường xa xôi, khí hậu ẩm thấp khó chịu, vì hoạt động giáo mục và truyền giáo nặng nề, nhưng hai cha rất được yên ủi, vì thấy tinh thần của giáo dân dù trong thử thách vẫn luôn bình tĩnh và sốt sắng.

Theo cha Đắc-Lộ kể, đi đến đâu giáo dân vui mừng đón

(1) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo.

(2) Cha này trước đã hoạt động truyền giáo ở xứ Nam dưới quyền cha Buzomi.

rước và từ các họ xa người ta kéo đến để gặp cha : « họ khao khát lời Chúa và các ơn Bí tích mà từ lâu không được lĩnh nhận ». Suốt ngày cha bận bịu với công việc giảng giải, làm các phép Bí tích, nhiều khi quên ăn quên ngủ. (1).

Cũng như ở ngoài Bắc, các thầy giảng là những người cộng tác đắc lực của cha. Đang khi cha giải tội thì các thầy giáo huấn cho những người tân tòng, hoặc giúp cho những người mới theo đạo làm quen với các phép Bí tích. Còn lúc cha giảng thì các thầy đi thăm viếng những người tội lỗi bỏ đạo, để đưa họ trở lại, những người yếu liệt để giúp họ dọn mình, hoặc đến trước các họ đạo để dọn đường cho cha đến thăm... nghĩa là tất cả những công việc một giáo dân có thể làm được mà không đòi hỏi chức vị Linh mục. Nhờ sự cộng tác qui hóa mà trong có sáu tháng, cha Đắc-Lộ đã rửa tội thêm được 1.305 người, đồng thời tổ chức chỉnh đốn lại tất cả các họ đạo trong ba tỉnh. (2).

Nhưng số giáo dân thêm nhiều và hầu hết các họ đạo đứng vững được trong thử thách dầu lâu ngày vắng Linh mục, một phần lớn còn là nhờ hoạt động tông đồ giáo dân của một số người nhiệt thành với công cuộc của Nước Chúa. Ở trại Mỹ (Chaimi) tỉnh Quảng-nghĩa, cha Đắc-Lộ gặp gia đình ông cụ Paolô và bà Mônica. Tuy bị lòa cả đôi mắt, nhưng ông cụ rất nhiệt thành truyền giáo : « cụ thật là linh hồn sống động của họ đó. Các ngày chủ nhật và lễ trọng, cụ hội họp giáo dân trong nhà giáo làm trong khu nhà cụ và cụ giảng dạy khuyên răn họ. Cụ còn giúp cho họ tất cả mọi phương tiện cần thiết để bảo vệ Đức Tin mà họ đã được lĩnh nhận. Lòng nhiệt thành của cụ lan rộng ra với tất cả những người ngoại đạo và giáo huấn được nhiều người sẵn sàng chịu phép rửa. Thiên Chúa lại cho cụ có quyền trên cả ma quỉ, những người bị quỉ ám vùng đó đều được cụ giải phóng cho cả ...» (3)

---

(1) Đắc-Lộ, id, trang 136.

(2) Đắc-Lộ, id, trang 134.

(3) Đắc Lộ, id, trang 134 - 135.

Nhiều người hy sinh cho việc từ thiện bác ái. Ở tỉnh Ranran, bà phu nhân quan phủ, tên là Maria Madalêna đã lập một nhà thương giúp đỡ những người bệnh nạn tật nguyền và đưa được nhiều người trở lại. Nhiều người nhận nuôi trẻ em bên lương để được rửa tội cho chúng.

Rồi những gương hy sinh vì đạo cũng không ít. Ở huyện Baobam, cha :« gặp mấy người bị tước quyền chức địa vị, chỉ vì mang tên người Công giáo, khi nghe tin họ thản nhiên vui vẻ như khi người ta được tin mừng một bổng lộc gì lớn lao ». Ở chính tỉnh Chàm, đang khi hai cha đi thăm các họ đạo ở vùng bắc và vùng nam, chỉ có một mình cha Ruben ở lại cửa Hội-an để chờ lúc gió mùa tàu kéo buồm xuôi Phi-luật-tân, một hôm quan trấn « kẻ thù nổi tiếng của đạo Kytô » cho lính đến khám các nhà đàn anh trùm trưởng trong họ và tịch thu các ảnh tượng. Ông Andrêa và hai người con nhỏ với một số đàn anh bị trói dẫn ra cửa Hội-an và bị phạt trượng ở nơi công cộng. Ông còn muốn bắt cả cha Ruben ra chứng kiến việc thiêu huỷ các ảnh tượng.

Đi đôi với lòng đạo đức sốt sắng và lòng trung thành bền vững can đảm xưng đạo, Chúa lại ban cho nhiều ơn lạ. Ở tỉnh Ran-ran nhờ nước phép rửa, hai bà bị quỉ ám được giải phóng. Cũng ở tỉnh đó, một thầy lang danh tiếng suốt đời hy sinh giúp đỡ các bệnh nhân và đồng thời cứu linh hồn họ, trong mấy tháng cuối đời ông, ông đã được Chúa ban cho ơn ngất trí, cảm trước những hương vị Thiên đàng và từ đó luôn mong muốn trở về với Chúa, ông đã được ơn chết lành, khuôn mặt hớn hở vui vẻ khác thường. Một cái chết đầy ý nghĩa công giáo.

Lòng sốt sắng bền vững xưng đạo và những ơn lạ Chúa ban đó là những nguồn yên ủi vô ngần của các cha giữa những vất vả hy sinh của cuộc thăm viếng.« Thực vậy, nguồn yên ủi mà tôi nhận được khi gặp họ và thấy họ sốt sắng như thế, nó vượt quá những điều tôi có thể nói ra. Đến lúc này ngồi ghi lại những cảm tình vui sướng và nhớ lại những êm dịu tràn đầy trái tim lúc đó, mắt tôi còn ứa lệ và tôi cho rằng trên đời những mối hoan hỷ của con người chỉ đến thế là cùng không thể có hơn được nữa.» Vì thế, cha «quên cả nhọc nhằn và có lúc không

hiểu rằng mình còn ở dưới đất hay đã đang sống trên Thiên đàng.»

2.— Lệnh trục xuất lần thứ hai (7-1641).

Thời gian người Bồ ở lại bán hàng cũng đã gần hết và các cha cũng đã rảo thăm được các họ đạo một lượt, thì được lệnh quan trấn tỉnh Chàm phải rút lui ra khỏi xứ Nam theo tầu buôn người Bồ. Nấn ná ít ngày nữa để tìm đường trốn ở lại, nhưng vì thấy nguy hại cho giáo dân và đạo giáo hơn là có lợi, cha đành phải ra đi. Lúc trở về cửa Hội-an thì tầu Bồ đã nhổ neo và cha Bênêditô de Mattos cũng đã theo tầu về. Cha phải xuống một chiếc tàu đi Phi-luật-tân « để rồi ngược lên Áo-môn, sau đó hai ba tháng lại tìm đường trở lại xứ Nam ». Hôm đó là mồng 2 tháng 7 năm 1641.

Gặp bão lớn sau nhiều gian nguy thuyền mới giạt vào được một hòn đảo vùng Phi-luật-tân ngày 28 tháng 7. Được gặp lại cha Ruben và một cha bạn thân đang dọn dẹp trở về Áo-môn để tìm đường sang Nhật, cha Đắc-Lộ cũng mong muốn cùng đi với các cha để được lĩnh nhận triều thiên tử đạo ở đó. Đang lúc tâm trí còn phân vân không biết theo bên nào bỏ bên nào : một bên là giáo đoàn xứ Nam đang đòi hỏi sự có mặt của cha, còn một bên là triều thiên tử đạo ở nước Nhật, cha cầu nguyện và trình bày mong muốn với Bề trên : « mà ý Chúa sẽ nói qua miệng các ngài »...«và các ngài cho rằng tôi phải đặt lợi ích của bao giáo dân lên trên mong muốn của tôi và nếu Chúa muốn tôi tử đạo, thì ở xứ Nam cũng như ở Nhật, Chúa sẽ tìm dịp cho tôi .» Cha cúi đầu tuân theo ý Chúa qua ý muốn của Bề trên và chỉ nghĩ đến việc tìm đường trở lại xứ Nam.

Nhưng công việc trước hết là phải trở về Áo-môn. Chuyến lần này cũng nguy hiểm không kém. Gặp bão buồm lái gẫy cả, lênh đênh giữa những đợt sóng lớn, mọi người chỉ còn đợi chết. Nhưng nhờ ơn Chúa, sau 15 ngày cha cũng về tới Áo-môn và chờ chuyến tầu trở lại xứ Nam.

3.— Trở lại xứ Nam lần thứ ba và tổ chức Thầy Giảng (1-1642—9-1643).

Cuối tháng Giêng 1642 cha xuống tầu, nhưng lần này một mình, may mắn gặp một thầy giảng ở xứ Bắc qua đấy tình nguyện giúp. (1)

Sau hai lần thí nghiệm trở lại, kèm theo hai lần bị trục xuất, công cuộc truyền giáo mỗi ngày một khó khăn, và rất có thể một ngày gần đây sẽ không còn một nhà truyền giáo nào có thể đặt chân lên đất Việt như ở Nhật-bản, giáo đoàn thiếu tổ chức, thiếu người cầm đầu sẽ bị tan rã dễ dàng trong một thời gian. Xưa kia đời các Thánh Tông đồ, hạt giống tin lành được gieo vãi ở đâu, một khi đoàn chiên đã thành lập, thì đồng thời cũng tổ chức hàng Giáo phẩm ở đó để có chúa chiên trông coi và bảo vệ đoàn chiên. Nhưng ở nước Việt-nam, sự không có mặt của giám mục để truyền chức với bao hoàn cảnh khó khăn không cho phép cha Đắc-Lộ nghĩ đến vấn đề đó. Đang khi chờ đợi đường lối duy nhất là tổ chức Thầy Giảng mà kinh nghiệm ở xứ Bắc là một thúc đẩy.

Đem theo một vài lễ vật qui giá, cha cố tìm cách lấy lòng chúa Nguyễn và quan trấn tỉnh Chàm để có thể ở lại một thời gian lâu hơn cần thiết cho việc tổ chức và huấn luyện các thầy giảng, mục tiêu chính của cha trong chuyến trở lại xứ Nam lần thứ ba này. Vì theo kinh nghiệm, dù chúa Nguyễn hay quan trấn có ghét đạo đi nữa, thì chỉ « một vài lễ vật qui giá, nhún nhường ngoại giao đôi chút là thế nào cũng xong xuôi». Với chiếc đồng hồ mặt chữ Hán, cha được Thượng vương tiếp đãi niềm nở. Tuy không được nhà chúa chính thức cho phép ở lại, nhưng lần này khi tầu buôn Áo-môn sắp ra khơi, quan trấn không ra lệnh trục xuất như hai lần trước. Cha liền ở lại và lén lút hoạt động trong các họ đạo.

Cũng như lần trước, cha cố đi thăm các họ đạo một lượt,

(1) Cha Đắc Lộ viết ; « Ở xứ này, một cha dòng Tên phải kể như cả một nhà dòng. Hành trình và truyền giáo, trang 153,

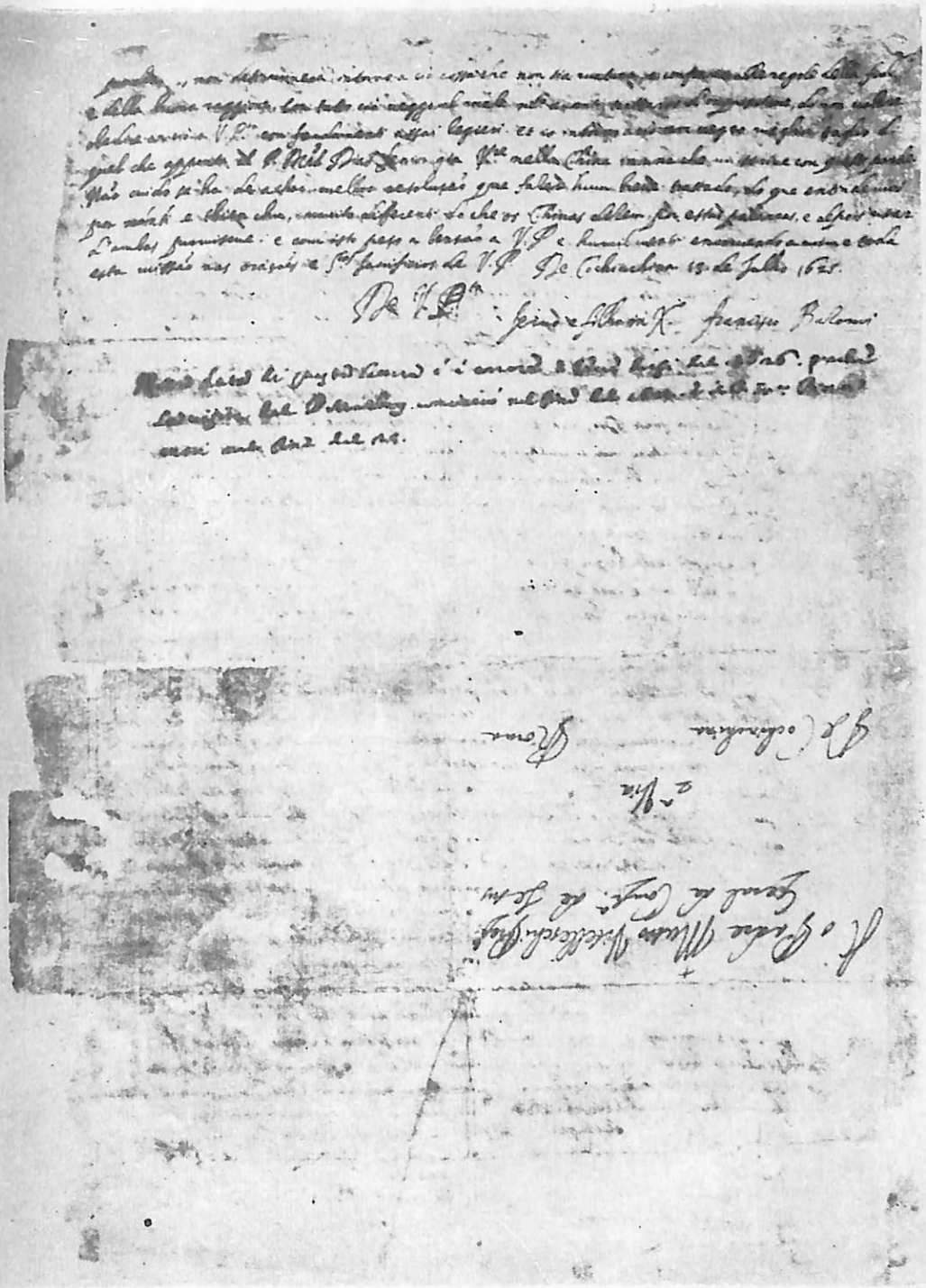

Bút tự của Cha Phanxicô Buzomi — Thư gửi về Cha Bề-Trên Cả ở Roma tường trình ý-kiến các thừa sai về vấn đề danh từ tôn-giáo trong cuộc hội họp ở xứ Nam. — Thư viết bằng tiếng Ý tại xứ Nam 13-7-1625. (Jap-Sin 68 fol. 22 v)



Ý kiến của một vài giáo-dân xứ Bắc về mẫu-thức Rửa tội, bằng tiếng Việt.

(Jap-Sin 80 fol. 78 v - 79 r)

bắt đầu từ vùng nam qua các phủ huyện đến tận biên giới xứ Chiêm Thành, rồi ngược lên vùng bắc đến tận biên giới xứ Đông Kinh và cũng như lần trước cha sung sướng nhận thấy giáo dân sốt sắng trung thành giữ đạo, Thiên Chúa vẫn tiếp tục ban nhiều ơn lạ cho họ. Đồng thời cha chọn một số các giáo dân nhiệt thành hoạt động truyền giáo, huấn luyện cho họ thành Thầy Giảng và lập thành một tổ chức có qui luật và lời hứa như ở xứ Bắc.

Cha Đắc-Lộ kể :« Đặc ân Chúa ban cho tôi trong thời kỳ này là thúc đẩy mười người trai cộng tác với tôi trong công cuộc truyền giáo cho dân xứ của họ. Họ là những người ở những miền khác nhau, nhưng cùng sống chung một lý tưởng hiến dâng tất cả cho Chúa và Giáo hội của Người. Trong số đó có ba người được Chúa dành cho danh dự tử đạo ; trước hết là thầy Andrêa, mà tôi đã gặp và quen biết ở Ran-ran, rồi đến thầy I-nha-xu, là người có địa vị có thế giá trong nước, trước đây đã có chân trong hàng quan lại, lại có học thức uyên thâm, văn hay chữ tốt và nhất là có lòng đạo đức hy sinh thánh thiện. Quê thầy ở một huyện vùng bắc xứ này, từ khi trở lại và được tôi rửa tội cho, thầy luôn sống bên tôi không muốn rời tôi lúc nào, thực ra gặp một người như thầy quả là họa hiếm. Thầy thứ ba là thầy Vinh-sơn, đã từ lâu thầy khẩn khoản yêu cầu tôi nhận thầy vào tổ chức Thầy Giảng... Thân phụ của thầy là một người đạo cũ tỉnh Quảng-nghĩa, tuy thầy là người con có nhiều hy vọng hơn cả và là chỗ nương tựa của cụ lúc tuổi già, cụ cũng bằng lòng dâng thầy vào tổ chức để giúp việc tôi. Còn ơn gọi của bảy thầy kia cũng tương tự như của ba thầy đó. Chúng tôi cùng nhau đi thăm các họ đạo các làng các huyện xứ Nam và Thiên Chúa đã chúc phúc cho hoạt động của chúng tôi được nhiều kết quả, trong một thời gian vắn, chúng tôi đã rửa tội thêm được một ngàn người»(1).

Luôn sống bên cha và được huấn luyện ngay trong trường hoạt động, các thầy đã trở nên những cộng tác viên đắc lực của cha, những chiến sĩ cốt cán hy sinh của nước Chúa. Sau

(1) Đắc Lộ, id. trg 156 157

hơn một năm hoạt động truyền giáo trong bóng tối, ban ngày lẩn tránh, ban đêm đi thăm các họ đạo, giáo huấn và làm các phép Bí tích cho họ, giảng dạy thêm cho những người tân tòng do các chiến sĩ tông đồ giáo dân giới thiệu, vào quãng tháng 7-1643, nghe tin tàu buôn người Bồ ở Áo-môn vẫn cập bến rỡ hàng như mọi năm, cha Đắc-Lộ tìm cách đến gặp họ để hỏi thăm tin tức và lấy đồ tiếp viện, nhất là bánh rượu để dâng lễ. Gặp cha, tất cả các lái buôn Bồ đều khuyên cha theo họ trở về Áo-môn, rồi năm sau trở lại đem theo lễ vật vào ra mắt chúa Nguyễn để được tự do truyền giáo, vì dầu sao công cuộc truyền giáo trong bóng tối không những vất vả, bất lợi mà lại nguy hiểm cho tính mệnh của riêng cha và có thể cho cả giáo đoàn nữa. Cha đồng ý với họ trở về Áo-môn.

Trước khi xuống tàu, với kinh nghiệm tổ chức Thầy giảng ở ngoài Bắc, cha cũng muốn ra điều khấn cho các thầy (1). Ngày 31 tháng 7 lễ Thánh Inhaxu, ông tổ Dòng Tên, được chọn làm ngày khấn của các thầy. Hôm đó giáo dân tề tựu đông chật cả nhà thờ ở cửa Hội-an. Quì trước bàn thờ Chúa, cầm nến cháy trong tay, các thầy lần lượt tiến lên hiến dâng trọn đời để phụng sự Chúa và Giáo hội, khấn hứa sẽ không kết hôn và vâng lời các thừa sai đến truyền giáo trong xứ. Lễ nghi đơn sơ và cảm động, Cha Đắc - Lộ cũng không cầm được nước mắt trước những lời khấn chân thành của các thầy.

Thầy I.nha-xu, vừa có tuổi lại có chữ nghĩa, có địa vị và nhất là có nhân đức thánh thiện, được đặt làm bề trên. Cha chia các thầy ra làm hai đội: một đội lĩnh công tác ở vùng bắc cho tới biên giới Đàng Ngoài do thầy I-nha-xu đứng đầu, còn đội thứ hai công tác ở vùng Nam cho tới biên giới Chiêm Thành. Sau khi đã phân công tác và ra chỉ thị để thi hành trong hoạt động truyền giáo thời kỳ cha sẽ vắng mặt, cha Đắc-Lộ xuống tàu về Áo-môn vào tháng 9, năm 1643.

---

(1) Xem trên, chương VI.

III.— CHA ĐẮC-LỘ TRỞ LẠI XỨ NAM LẦN THỨ TƯ.

1.— Hoạt động truyền giáo của các Thầy giảng.

Vào cuối tháng giêng 1644, cha Đắc-Lộ xuống tàu bỏ Áo-môn để trở lại xứ Nam lần thứ tư. Sau hơn ba tháng hoạt động truyền giáo, các thầy giảng đã trở về Hội-an để đợi cha. Biết bao vui sướng khi cha con lại gặp nhau.

Ít lâu sau khi cha Đắc-Lộ rời xứ Nam tháng 9 năm 1643, các thầy chia tay nhau đi mở Nước Chúa, và Chúa đã chúc lành cho hoạt động của các thầy. Đội vùng Nam trong có ba tháng đã rửa tội được 293 người và còn rất nhiều tân tòng đã được các thầy giáo huấn đầy đủ để chờ cha Đắc-Lộ trở lại. Thấy kết quả hoạt động của các thầy, các thầy sư thầy sãi rất bất mãn. Quan đô - tri huyện Phú-yên nhờ ảnh hưởng của bà Maria Madalêna, vợ ông, tuy không có đạo nhưng rất có cảm tình với đạo, đã giúp các thầy được tự do hoạt động. (1) Được thăng chức gọi về phủ chúa, quan mới đến thay thế là một người không ưa đạo, các thầy sư thầy sãi liền đến kêu ca, yêu cầu ông bắt giam các thầy, nhưng khi cho lính đi lùng bắt thì các thầy đã qua nơi khác. Nghe tin các thầy rất tiếc, vì đã mất một dịp hiếm có để minh chứng đạo.

Kết quả của đội vùng Bắc cũng không kém, trong ba tháng cũng rửa tội được 303 người. Đi đôi với công cuộc truyền giáo của các thầy, các chiến sĩ tông đồ giáo dân cũng hoạt động không kém. Ở vùng Thuận-hóa làng « Ke Dai » ông Augustinô, ông Paolô và con ông là Philippô đã lôi cuốn được 300 người trở lại, và các ông lo dạy đạo cho họ. Những người làng ông bên ngoại thấy người trong làng bỏ cúng tế ở đình chùa, tức giận lắm, tìm cách báo thù ba ông. Họ bắt ông Augustinô trói ở giữa sân đình suốt ngày dưới trời nắng gay gắt. Về sau cả ba ông phải bỏ trốn đi nơi khác. Các thầy giảng đi qua đây

(1) Trong chuyến trở lại lần này, gặp ông ở kinh đô, cha đã cố tìm cách khuyên ông trở lại, xem dưới số 4.

thấy mùa gặt đã sẵn liền bắt tay tiếp tục công việc của ba ông để chờ cha Đắc-Lộ khi trở lại sẽ rửa tội cho họ.

Ông Paolô và con ông là Philippô, là người có chữ nghĩa và có thế giá, cả hai bỏ làng lên Kinh tìm chỗ dạy học độ thân. Vừa dạy học hai ông cũng tìm cách dạy đạo. Thật là một gương hy sinh truyền giáo sán lạn : trong lúc phải bách học vì đạo, đã không ngã lòng lại càng hăng hái hoạt động cho đạo. Chúa đã trả công cho hai ông. Một hôm tình cờ chúa Thượng qua đường gặp ông, nhận ra đã quen biết trước, liền hỏi han vồn vã và nhân lúc đó đang thiếu một vị quan án, chúa Thượng liền cho ông chức đó. Ông Paolô hết sức bỡ ngỡ trước một đặc ân bất ngờ và ông nhận đó là ơn Chúa ban, vì Người, mà ông đã phải bỏ tất cả của cải cửa nhà làng mạc ra đi thì Người lại trả cho ông gấp bội những của mà ông đã mất, chức quyền phẩm đời mà ông mới được làm cho ông thêm can đảm hy sinh giúp đỡ các giáo dân phần xác cũng như phần hồn và người ta có thể nói : ông thật là một Paolô ở tỉnh đó.

Ngoài ra đội của thầy Inhaxu còn giáo huấn cho nhiều người khác sẵn sàng lĩnh nhận phép rửa khi cha Đắc-Lộ trở lại.

2.— Bà Maria Minh-Đức. Tuần Thánh ở Hội-an.

Cùng với mười thầy giảng, cha Đắc-lộ lên phủ chúa để dâng lễ vật và nhất là để thăm giáo dân ở đó, rửa tội cho những người tân tòng đã được đội thầy Inhaxu giáo huấn trong khi cha vắng mặt.

Cha được chúa Thượng tiếp đãi niềm nở, hôm sau cho xuống đáp lễ ở thuyền cha. May mắn lúc đó cha có mặt ở thuyền. Cả đêm hôm trước cha hội họp với giáo dân ở nhà một quan đội cơ. Ông và cả gia đình ông được cha rửa tội đêm đó cùng với 200 quân nhân và gia đình của họ. Đến tảng sáng cha trở về thuyền thì hôm đó chúa Thượng đến thăm.

Nghe tin cha đến Kinh, bà Maria Minh-Đức, cô của chúa

Thượng, liền cho người mời cha đến trong đền của bà, nhưng vì lúc đó người ta đang tìm cách làm cho chúa Thượng nghi ngờ cha và cấm đạo, nên « để tránh gây nghi ngờ thù oán giữa cha và chúa Thượng » trong suốt thời kỳ ở Kinh cha giữ gìn chỉ đến gặp giáo dân ở trong nhà nguyện của bà Maria Minh-Đức lúc ban đêm, còn ban ngày lại trở về thuyền. Trong chuyến trở lại xứ Nam lần thứ tư này, cha thường sống cảnh lênh đênh trên thuyền với các thày giảng, vừa dễ đi lại thăm giáo dân các họ, vừa dễ lẩn tránh khi bị theo dõi hoặc lúc bị cấm cách.

Lúc đó thấy cha Đắc-Lộ được chúa Thượng kính nể và nhất là thấy số người ở Kinh trở lại mỗi ngày một nhiều, trong đó có nhiều người có địa vị trong hành chính cũng như trong quân đội, một số các quan ở phủ chúa lo ngại tìm cách làm cho cha mất tín nhiệm ở nơi Thượng vương để rồi xui giục nhà chúa cấm đạo, lẽ dĩ nhiên quan trấn tỉnh Chàm đứng hàng đầu. Biết rằng trong chế độ quân chủ như ở Việt-Nam và nhất trong giai đoạn đặc biệt của nước Việt lúc đó, trong Nam cũng như ngoài Bắc, dưới hình thức một nước có vua mà lại có chúa, cả hai chúa Trịnh, Nguyễn đều vịn cớ phù vua Lê để tranh chấp nhau· Thượng vương cần tìm hết cách để bảo vệ quyền chính. Ngay từ lúc vừa lên thay quyền cha, chúa Sãi, ngôi chúa của Thượng vương đã chẳng bị Nguyễn phước Ánh tư thông với chúa Trịnh ngoài Bắc đe dọa là gì. May nhờ được tướng Nguyễn Phước Khê giúp trừ cho. Nhưng thấy danh tiếng Nguyễn phước Khê mỗi ngày càng lên, lại thêm trong tay có sẵn binh quyền, Thượng vương không khỏi không nghi ngại. Nguyễn Phước Khê lại là con của bà Maria Minh-Đức, theo đạo công giáo và thường các tây giang đạo trưởng đi lại thăm viếng.

Vấn đề đặt mồ mả cho ông bà cha mẹ để lấy tài lấy lộc cho con cháu sau này, là một mê tín phổ thông của dân chúng Việt-Nam và riêng các vua chúa quan lại. Cha Đắc-Lộ có những nhận xét rất xác đáng về vấn đề đó : « Họ tin rằng tất cả hạnh phúc gia đình của họ đều tùy thuộc vào khu đất mồ mả họ chọn cho ông bà cha mẹ họ và cho rằng nếu may mắn tìm được chỗ mồ mả phát tài phát lộc thì cả con cháu sẽ tiếp tục giữ địa vị của cha ông, còn chẳng may đặt mồ mả phải chỗ thất lộc, thì

con cháu sẽ phải sa đọa và mất địa vị. Tin tưởng mù quáng và dại dột như thế nên họ lo lắng tốn phí rất nhiều để tìm cho ông bà cha mẹ một chỗ mồ êm mả đẹp. Các người làm nghề tìm đất đặt mồ mả tha hồ lợi dụng làm giàu. Các quan chức người nào cũng tìm đến họ và nếu họ tìm ra hay làm ra vẻ tìm ra sẽ được hậu thưởng rất nhiều. Nhà chúa xứ Nam tin rằng chúng tôi thông thạo địa lý toán số, thế nào chả cố tìm cho bà cô của chúa tức là bà Maria một mồ mả phát xuất để ngôi báu sau này sẽ truyền sang cho con cháu nhà bà, làm hại cho dòng họ của chúa. Tin tưởng đó làm nhà chúa nghi ngờ và ghen ghét chúng tôi...» Nhưng một người Công giáo như bà Maria Minh-Đức đâu còn có những mê tín dị đoan như thế và cha Đắc-Lộ cũng không bao giờ để bà có những tin tưởng sai nhầm đó. Mỗi lần cha Đắc Lộ lên Kinh, bà liền cho đòi đến nghỉ ở đinh thự của bà để bà được nghe cha «dạy bảo cho con đường nhân đức, sống sao cho xứng đáng người Công giáo, chứ đâu là để tìm phương liệu thế cho con cháu bà sau này được làm vua làm chúa» vả cũng không phải «để tìm cho thân xác của bà chỗ mồ yên mả đẹp» nhưng là «tìm cho linh hồn bà một ngôi báu trên Thiên-quốc ».

Và cha đã nói về bà : « theo tôi thì bà là một người nhân đức siêu việt, bà đón tiếp tôi như đón tiếp vị Thiên sứ. Bà thúc giục gia nhân đầy tớ trong nhà đến lĩnh nhận các ơn Bí tích. Bà xưng tội và chịu lễ làm gương cho họ trước...» Năm đó cha cử hành Lễ Lá ở nhà bà và cha tưởng « được thấy cảnh khởi hoàn dân thành Giêrusalem mang ngành lá đón rước Chúa Kytô vào thành của họ ».

Bà yêu cầu cha ở lại cả Tuần Thánh trong dinh của bà, nhưng đòi hỏi giáo mục không cho phép, cha từ chối để xuống cửa Hội-an, nơi hội họp dễ dàng của giáo dân. Tới nơi giáo dân các vùng lân cận đã tiến đến đông đức và đang chờ đợi cha. Nhiều người từ những vùng biên giới cách xa đến tám mươi dặm đường, cũng không quản ngại xa xôi tìm đến. Trong suốt 15 ngày đêm họ đến gặp cha để nhận ơn Phép giải tội và cha đã qua Tuần Thánh năm đó với giáo dân xứ Nam, cảm động sốt sắng. Theo cha : « đã rất nhiều lần cha được dự những nghi lễ Tuần Thánh ở Tây phương, nhưng không lần nào cảm

động như những Tuần thánh với giáo dân Việt-nam ». Cảm động nhất là nghi lễ rửa chân, khi họ thấy cha quì xuống rửa chân cho những người nghèo, và trong nghi lễ mở khăn che Thánh giá, lễ hôn chân Tượng » đang khi đó họ hát những lời than thở bằng tiếng bản quốc rất thảm thiết về sự Thương khó Chúa Giêsu.»(1)

3.—Phái đoàn giáo dân ngoài Bắc. (2).

Sau Tuần Thánh ở cửa Hội-an, cũng như những chuyến trở lại trước, cha muốn đi thăm các họ đạo một lượt và lần này cha bắt đầu từ miền Bắc trở lại kinh đô chúa Nguyễn rồi ngược lên các phủ huyện vùng Thuận-hóa cho tới biên giới Đàng Ngoài.

Cha bí mật cùng với các Thầy giảng lên Kinh, trú ngụ ở trong dinh bà Maria Minh-Đức. Trong tám ngày ở đó, cha rửa tội được thêm nhiều nhân viên trong phủ chúa, ở phía bắc ngoại ô kinh đô, cha rửa tội cho 30 người đã được ông Đôminicô khuyên trở lại. Ông này ba năm trước đây đã được cha Bênêditô de Mattos rửa tội, từ đó ông rất nhiệt thành hoạt động tông dồ giáo dân, ông khuyên được nhiều người trở lại, lập thành một họ đạo và xây cất nhà nguyện cho họ.

Bỏ Kinh cha ngược lên vùng Bắc, thăm các họ đạo ở đó. Cha gặp ông đô-tri tỉnh Quảng - Bình và được tiếp đãi tử tế, trong câu chuyện ông tỏ ra rất thông thạo lẽ đạo. Ở vùng biên giới cha gặp một gia đình quân nhân rất đạo đức. Ông bà được trở lại nhờ mẫu ảnh Đức Mẹ Mân côi. Bà trước khi trở lại là một cô đồng bóng, trong nhà có nhiều miếu thờ các cô các cậu Được một người bên ngoại bán cho một mẫu ảnh Đức Mẹ Mân côi, bà đem về lập miếu thờ ở trong vườn, đêm ngày hương nến sùng kính. Đức Mẹ đưa ông bà tìm thấy đạo thật. Từ sau khi

(1) Đắc-Lộ, id, trang 173.

(2) Đắc-Lộ, id, trang 179-181.

trở lại, ông Phanxicô và bà Têrêxa, nhiệt thành hoạt động tông đồ giáo dân, đưa nhiều người trở lại và nhà ông bà trở thành nhà nguyện của họ đạo mới, chiếc miếu dâng kính Đức Mẹ được trang hoàng đẹp đẽ hơn và lòng sùng kính Đức Mẹ càng hăng nồng hơn nữa.

Nghe tin cha Đắc-Lộ đến thăm các họ vùng ranh giới, giáo dân Bổ-chính ở bên kia cửa Nhật-lệ liền viết thơ yêu cầu cha Đắc-Lộ quá chân sang thăm họ. Cha Đắc-Lộ không khỏi không cảm động trước những lời lẽ chân thành quyến luyến của những giáo dân cũ, những người con mà cha đã sinh ra trong Chúa Kytô. Họ từ lâu không được lĩnh nhận các ơn Bí tích, nguồn sống của người Công giáo. Nhưng trước tường thành cao dầy nhắc cha cảnh chia đôi đau đớn của nước Việt và cũng vô tình đã chia đôi Giáo hội Việt-Nam. Vượt ranh giới lúc đó là một việc nguy hiểm cho tính mệnh của cha và cho cả giáo đoàn, nhất là đang lúc mà ở phủ chúa Nguyễn những người không ưa đạo đang tìm cách làm cho cha bị chúa Thượng nghi ngờ và ra lệnh cấm đạo. Để yên ủi họ cha sai thầy Inhaxu, thầy giảng yêu quí nhất của cha, thay mặt sang thăm họ và khuyên bảo họ vững vàng trong đức Tin. Đáp lại họ sai một phái đoàn đại diện sang gặp cha, phái đoàn gồm mười người trùm trưởng đàn anh trong họ Bổ chính trước đây đã quen biết cha và đã hoạt động với cha. Vui sướng biết bao khi cha con lại gặp nhau cha, Đắc - Lộ viết : « Tôi thú thật khi tôi thấy họ, lòng tôi trào lên tất cả những mối tình yêu mến vui mừng và cảm động mà người mẹ có thể có khi gặp lại người con ». Dẫn đầu phái đoàn là ông Simong, người mà cha đã rửa tội cho trước đây 16 năm khi mới vào xứ Bắc. Biết bao câu chuyện hàn huyên. Làng ông Simong ở đã trở thành một làng Công giáo toàn tòng ngót một ngàn nhân danh, họ sống đạo đức thánh thiện « dầu chưa được gặp một linh mục thừa sai nào cả ». Người cộng tác với ông trong công cuộc truyền giáo cho khu vực đó là ông Phanxicô, lúc đó cũng có mặt trong phái đoàn, và Chúa cũng đã ban cho họ được nhiều ơn lạ để làm vững đức tin đã lĩnh nhận. Ở lại với cha và các thầy giảng ít ngày, sau khi được nhận các ơn Bí tích, họ trở lại bên kia ranh giới hăng hái hoạt động hơn nữa cho nước Chúa.

4 — Công cuộc truyền giáo cho giới trí thức và quan lại.

Cha trở lại kinh đô chúa Nguyễn. Sau ba lần trở lại xứ Nam thăm viếng chỉnh đốn và tổ chức các họ đạo, chuyến trước cha lại đã thành lập xong tổ chức Thầy giảng và hoạt động của các thầy ba tháng cha vắng mặt trước đây là một bảo đảm hy vọng, nhu cầu khao khát những ơn Bí tích của giáo dân và của tân tòng có thể nói là đã tạm thỏa mãn, lần này cha có thì giờ để ý đến công cuộc truyền giáo cho giới trí thức và quan lại. Một số đã được nghe biết tin lành của Chúa Kytô, nhưng vì những lý do chính trị, xã hội hay gia đình, hầu hết do tổ chức quân chủ phong kiến và những thành kiến truyền thống của xã hội quan lại nho giáo, nhất là tệ tục đa thê còn làm ngáng trở họ bước vào con đường của Phúc âm thư.

Với những người đã sống dưới chế độ Khổng giáo với bao tin tưởng truyền kiếp đó kèm theo tính cách tự tôn mặc cảm của một giới chuyên môn cầm quyền, truyền giáo cho họ, đánh đổ những thành kiến sai nhầm và giúp họ nhận thấy chân lý của đạo mới không phải dễ. Họ cũng không phải những người tin nghe một cách dễ dàng. Cha Đắc-Lộ kể cho chúng ta câu chuyện xảy ra ở tỉnh Quảng-Nam trong một buổi thuyết giáo cho người tân tòng :«Trong lần thuyết giáo hôm trước tôi trình bày cho họ về nguồn gốc linh hồn, là do chính Thiên Chúa tạo dựng, cha mẹ chúng ta không có tham dự vào đó chút nào. Hôm đó tôi tiếp tục trình bày về ông bà Nguyên tổ và tội phạm của ông bà truyền lại cho con cháu muôn đời về sau vết nhơ mình đã sa ngã. Khi tôi vừa trình bày xong thì một người tân tòng trí khôn thông minh sắc sảo, đã dự buổi thuyết giáo hôm trước đứng lên hỏi tôi : thưa đạo trưởng, làm thế nào hòa hợp điều mà đạo trưởng vừa thuyết giáo lần này với điều mà đạo trưởng đã nói lần trước ? Linh hồn chúng ta như đạo trưởng đã quyết không một nguyên nhân nào ngoài tay Chúa trời đất, còn cha mẹ chúng ta không có tham dự vào việc tạo dựng linh hồn con người cả. Vậy sao linh hồn lại có thể bị

hoen ố do tội lỗi của người mà có hay không nó không tùy thuộc ở họ. Ở dân chúng tôi, chúng tôi cũng gặp những nỗi khi cha mẹ có tội, con cái bị giáng xuống làm thường dân. Nhưng ở đây như đạo trưởng đã nói, linh hồn không có người cha nào khác ngoài Chúa trời tất, thì Adam không sinh ra linh hồn sao lại truyền tội cho linh hồn được? Tôi thật bỡ ngỡ khi nghe thấy ở miệng một người xứ Nam câu vấn nạn xưa kia đã làm cho Thánh Âu - cơ - tinh, vị Tiến sĩ cả, phải suy nghĩ. Tôi không tìm trả lời cho ông theo lối luận lý tinh vi của nhà trường, có thể làm cho ông càng rối trí hơn. Tôi đưa ra cho ông một tỷ dụ nho nhỏ và nó đã làm ông hài lòng. Tôi nói với ông thế này : chẳng hạn ông có trong tay một ngọc trai trong trắng, chẳng may viên ngọc bị rơi vào vũng bùn lầy nhơ bẩn. Viên ngọc bị nhơ bẩn không phải vì tay chúng ta đã làm nó hoen ố. Nhưng nếu bây giờ ông đem rửa nó đi nó sẽ lại trắng đẹp như trước. Linh hồn chúng ta cũng thế, trong tay Chúa trời đất, nó là một ngọc quí trong trắng, nhưng rơi vào một thân xác đã bị nhơ bẩn, linh hồn bị hoen ố vì không còn phải là một linh hồn biệt lập, nhưng là một con người có hồn có xác sinh bởi Adam. Trong nước phép rửa linh hồn được rửa sạch hết mọi vết nhơ và lại được trở nên sáng ngời như mặt trời.» (1).

Ở Kinh đô, ngoài một số những người mến phục đạo và theo đạo như bà Maria Minh-Đức, và quan Paolô Bình, cũng có nhiều người có cảm tình với đạo. Trong số đó cha để ý đến một ông nghè có quyền thế trong triều và là thầy dạy của chúa Thượng. Từ khi nghe biết đạo ông đã có thiện cảm với đạo và luôn tìm cách bênh vực trước những lời gièm pha chê bai của những quan ghét đạo. Lần này cha nhất định đến gặp ông để trình bày đạo lý và cũng không quên mang theo mấy cuốn sách viết bằng chữ Hán để biếu ông hy vọng đưa ông trở lại, để nhờ ảnh hưởng của ông trong phủ chúa, nhiều quan lớn sẽ biết đạo và biết đâu ông sẽ lôi cuốn được cả chúa Thượng mà ông là thầy dạy. Nhưng vì những dàng buộc xã hội và địa vị,

(1) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và Truyền giáo, trang 130-131.

ông vẫn chưa dám bước quyết định đó, dầu vậy, ông để cho vợ con ông được tự do theo đạo.

Qua Kinh đô lần này cha cũng không quên cụ nghè chồng của bà Maria Mađalêna, trước đây làm đô-tri phủ Phú-yên. Trong thời kỳ ở đó, ông đã nhiều lần cứu giúp cha Buzomi và các thừa sai trong những khi gặp khó khăn bách hại. Cha Đắc-Lộ tìm đến gặp cụ để đưa cụ về với Chúa trong lúc tuổi già gần đất xa trời. Cụ lúc đó đã thọ quá tám mươi tuổi, bà cụ Maria Mađalêna đã tìm hết cách khuyên ông cụ trở lại nhưng không hiệu quả. Sau cuộc nói chuyện, ông nghè cảm phục lẽ đạo và xin chịu phép rửa. Nghi lễ rửa tội sắp được thi hành, trước khi đổ nước cha nói đến bổn phận của người Công giáo và luật cấm thờ lạy các bụt thần. Cụ nói cụ thực không tin gì những bụt thần đó, nhưng là tướng cầm quân, mỗi khi xuất trận theo quốc lễ phải làm lễ thần nhà nước, nếu từ chối cụ sẽ có thể bị tước quyền và nguy hại đến tính mệnh nữa. Vì lý do đó cụ lại xin cha hoãn lại, dù bà cụ Maria Mađalêna van nài tha thiết khuyên cụ can đảm vượt qua cản trở cuối cùng đó. Đang khi chờ đợi, cụ xin cha viết cho cụ trên bảng giấy hai tên cực trọng Giêsu Maria để cụ đeo luôn trên mình.

Sự ngại ngùng cho cụ nghè thực ra đã xảy đến cho một vị chưởng cơ của chúa Thượng. Được ông Gioan, quan thừa lại của hoàng thân Nguyễn phúc Khê, trình bày cho biết đạo lý của Chúa trời đất, ông rất cảm phục đạo và tuy chưa chịu phép rửa tội, ông đã rất ham mê đọc sách đạo và tôn kính ảnh tượng bên đạo. Khi được lệnh ra quân, ông nhất định không chịu tế thần. Câu chuyện đến tai chúa Thượng. Cho rằng cử chỉ bất kính của quan đó có thể làm thần linh tức giận làm thất bại công cuộc binh đao của nhà chúa, liền truyền cho quan đó phải tế thần và bỏ ngay những «mê tín» của người công giáo

Vì sự bị tước quyền chức và nguy đến tính mệnh, quan chưởng cơ đành phải tuân theo. Những ràng buộc xã hội đã là những cản trở lớn hoạt động truyền giáo của cha trong giới trí thức và quan lại. Tuy không thành công, nhưng những hoạt động của cha không phải không có kết quả. Có cảm tình với

đạo, họ sẽ là những người bênh vực cho đạo khi phải ấm cách bách hại, hoặc trước những lời vu cáo chê bai,của những người ghét đạo. Nay mai khi cuộc bách hại đổ máu xảy đến,chúng ta sẽ thấy ông nghè thầy dạy của chúa Thượng trên đây, sẽ đứng ra bênh đạo và cứu sống cho cha Đắc-Lộ.

Người được hân hạnh mở đầu cho trang sử máu của Giáo-đoàn xứ Nam là thầy Andrêa. Chúng ta cùng nhau kính cẩn lật lại những trang sử oanh liệt đó.

CHƯƠNG VI

CHA ĐẮC LỘ
VỚI NHỮNG TRANG SỬ MÁU ĐẦU TIÊN CỦA GIÁO ĐOÀN XỨ NAM

I.— Những anh hùng xưng đạo.

1.— Thầy giảng Andrêa, anh hùng tử đạo tiên khởi của giáo đoàn xứ Nam.

2.— Cụ già Andrêa.— Lệnh trục xuất Cha Đắc-Lộ.

3.— 35 anh hùng xưng đạo phủ Qui nhơn.

II.— Những thử thách của cha Đắc-Lộ và các thầy giảng.

1.— Thăm viếng giáo dân miền hạ.

2.— Mùa Sinh-Nhật 1644 với cảnh giam cầm quản thúc.

3.— Mùa Chay 1645.— Nghĩa cử của 9 giáo dân Quảng Bình, Quảng Trị.

4.— Mùa Phục Sinh 1645 ở Kẻ Hội An. Những nữ tu đầu tiên đến nước Việt.

III.— Vĩnh biệt xứ Nam

1.— Cha Đắc-Lộ bị bắt giam.

2.— Vĩnh biệt xứ Nam.

3.— Thầy Inhaxu và Vinh sơn tử đạo.

I.— NHỮNG ANH HÙNG XƯNG ĐẠO.

1— Thầy giảng Andrêa, anh hùng tử đạo tiên khởi của giáo đoàn xứ Nam (1).

Với một giọng bình thản của người đã quen với sóng gió biển khơi,Cha Đắc-Lộ kể :«Giáo đoàn xứ Nam cho đến lúc này, có thể nói là vẫn tạm sống trong cảnh thái bình sóng yên gió lặng, tuy đôi khi cũng bị tấn công một cách khá dữ-dội, nhưng chưa bao giờ đến phải đổ máu để bênh vực chiến đấu cho Thầy mình, và như thế chưa được hân hạnh đến trước ngai của Con Chiên Thiên Chúa với nhung phục mầu máu, đầu đội triều thiên tay cầm ngành lá chiến thắng, chỉ vì giáo đoàn đó chưa có một vị tử đạo nào thà chịu mất sự sống còn hơn chịu mất Đức tin. Chúa đã dành vinh dự đó cho một thanh niên còn trẻ, tuổi mới có 19, đã được tôi rửa tội trước đây ba năm, và sau đó trong gần hai năm trời luôn ở bên tôi, giúp đỡ trong việc giáo huấn tân tòng (2).

Lúc đó là tháng bảy năm 1644. Tống Thị (3) của triều chúa Thượng ra lệnh cho quan trấn Quảng-Nam bắt giam thầy Inhaxu

---

(1) Đắc-lộ, La glorieuse mort d'André catéchiste de la Cochinchine qui a le 1er versé son sang pour la querelle de Jésus Chist en cette nouvelle Eglise. Par le Père Alexandre de Rhodes de la Compagnie de Jésus qui a toujours été présent à toute cette histoire, Paris, 1653.

(2) Đắc-lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 194.

(3) Theo tài liệt Sử-Việt thì Tống Thị là một dâm hậu và ghét đạo.Bà được chúa Thượng coi như chính phi tuy trước kia bà là người vợ của anh Chúa. Sau này sang đời chúa Hiền vì dùng sắc đẹp mê hoặc chúa đương thời làm lắm điều ngang trái, nên đã bị kết án trảm quyết

và tìm cách phá đạo, phá công việc của cha Đắc-Lộ. Ông này vẫn có tiếng là người ghét đạo, đã nhiều phen làm cha Đắc-Lộ phải điêu đứng.

Vừa ở phủ chúa về ông liền ra lệnh bắt giam cụ già Andrêa vị quan liêu đã minh chứng đạo ở cửa Hội-an trên đây, rồi cho lính đến vây nhà của cha Đắc-Lộ để bắt thầy Inhaxu. May lúc đó cha Đắc-Lộ, thầy Inhaxu và một số các thầy giảng của cha không có nhà. Cha và các thầy vừa ở trên Kinh về vùng Quảng-Nam. Sau khi tạt qua thăm nhà ở cửa Hội-an, trước khi mở đầu hoạt động truyền giáo ở vùng đó, muốn theo xã giao đến thăm quan trấn, hy vọng nhờ đó công việc sẽ được ông để cho dễ-dàng. Nào ngờ lại chính lúc con người thù địch nổi tiếng của Công giáo đang ngấm ngầm mưu toan phá hại công việc của cha. Đến cửa dinh trấn cha mới hay biết điều đó, và người ta khuyên cha nên cho các thầy giảng đi tản mác ngay vào các họ đạo để tránh sự theo dõi của quan trấn. Cha cũng không khỏi đau lòng khi được tin thầy Andrêa của cha đã bị bắt giam và bị kết án tử hình vì tội truyền đạo Chúa trời đất.

Khi bỏ nhà lên trấn, thầy Andrêa tình nguyện xin cha cho ở lại giúp bốn thầy bạn đang mệt. Vừa ra khỏi nhà được ít lâu thì lính vây bắt thầy Inhaxu. Không thấy thầy, tức giận, chúng trói thầy Andrêa lại rồi điệu đi, sau khi lục soát nhặt nhạnh và tịch thu tất cả các đồ thờ, tượng ảnh trong nhà. Khi ngược sông gặp thuyền của cha và các thầy, chúng hỏi thăm có gặp đoàn người của cha Đắc - Lộ và thầy Inhaxu không, nhưng may trời nhá nhem tối, chúng không nhận được có cha và các thầy ở trong thuyền.

Vừa giải tới dinh, quan trấn liền ra lệnh tống giam thầy Andrêa. Vào tù, thầy gặp cụ già Andrêa đã bị giam trong đó và cũng mới bị bắt lúc ban chiều. Cả hai suốt đêm trao đổi những lời khuyến khích thúc giục nhau can đảm chứng minh đạo và trông đợi chóng đến sáng để được dâng lễ hy sinh cùng nhau lên hưởng triều thiên hạnh phúc trên Thiên-Quốc.

Mới tảng sáng, quan trấn ra lệnh dẫn hai tù nhân lên dinh

và để cho có hình thức công lý, ông cũng cho lập tòa án. Nhưng không cần điều tra tội vạ ra sao, ông tuyên bố ngay án xử cả hai người.

Sáng hôm đó, khi cha Đắc-Lộ đến dinh, biết truyện, thì quan trấn đã tuyên án rồi, và lệnh được thi hành ngay hôm đó. Sau khi cho các thầy đi trú ẩn các nơi, cha nhất định cùng với một số lái buôn người Bồ, đang buôn bán ở đó vào xin quan trấn cho rút án lại. Là những người được Chúa Thượng kính nể và tìm cách giữ mối giao hảo để mua súng ống đạn dược, cha và những lái buôn đó tìm hết cách để yêu cầu quan trấn nhiêu sinh cho hai người vô tội đó. Có lúc đã đi đến những đe dọa, nhưng ông nhất định không chịu nhượng bộ, cuối cùng ông bằng lòng rút án cho ông già Andrêa vì có gia đình con cái, còn thầy Andrêa cứng đầu đã dám thưa với ông là « dù có chết cũng nhất định không chịu bỏ tên người có đạo», vì thế ông cứ y án để cho dân chúng « biết phép vua mà trọng ». (1)

Không thể cứu sống cho thầy Andrêa, cha chỉ còn biết đến ở bên thầy trong những giây phút cuối cùng trước giờ vinh hiển để giúp thầy dâng lễ hy sinh với tất cả tinh thần đòi hỏi của người minh chứng đạo Chúa. Thầy sung sướng khi nghe án xử, thầy đã nói với giáo dân lũ lượt đến thăm thầy tất cả những lời mà một vị Laurent có thể nói khi sắp sửa phải đưa lên nướng trên giường sắt. Sắp lên đường đi chịu xử, thầy xưng tội lần cuối cùng rồi quì cầu nguyện chờ đợi.

Một toán 40 người lính đến dẫn thầy ra pháp trường, cách tỉnh lỵ độ nửa dặm. Thầy vui vẻ ra đi, vai mang gông nặng, mà chân đi rất mau, cha Đắc-Lộ phải rảo bước mới theo kịp. Đến nơi, thầy quì gối ngửa mặt lên trời miệng luôn kêu thánh danh Chúa Giêsu. Một tên lính đứng sau cầm giáo đâm vào ngực thầy một nhát mạnh, lưỡi thầy lè ra đàng trước đến gần bằng hai lòng bàn tay. Thầy Andrêa âu yếm nhìn cha Đắc-Lộ như gửi lời vĩnh biệt cuối cùng, cha làm dấu bảo thầy nhìn lên trời,

(1) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 197.

nơi mà Chúa đang chờ đợi để trao triều thiên tử đạo cho thầy. Rút giáo ra, tên lính đâm nhát thứ hai rồi thọc tìm quả tim đâm nhát thứ ba. Lạ quá, thầy Andrêa vẫn quì ngay ngắn, mắt nhìn lên trời. Thấy thế một tên lính khác vung đao chém vào cổ thầy, lát thứ nhứt chém hụt, lát thứ hai đúng cổ họng, đầu đứt rơi về phía bên phải chỉ còn dính lại một chút da cổ. Chính lúc đó cha Đắc-Lộ « nghe rõ ràng tiếng kêu tên cực trọng Chúa Giêsu, vì không ra ngoài miệng được, đã thoát ra ở vết thương nơi cổ và cùng một lúc linh hồn bay lên trời, còn xác ngã xuống đất»(1).

Của lễ hy sinh đầu mùa của Giáo hội xứ Nam đã dâng lên, một thầy giảng, một chiến sĩ đang độ thanh xuân, đầy tình yêu hy sinh sau hai năm tận tụy truyền giáo bên cha Đắc-Lộ, đã đóng dấu minh chứng lời giảng của thầy bằng những giọt máu tử đạo, mở đầu trang sử máu huy hoàng của giáo đoàn xứ Nam.

Ngày đáng kính nhớ đó là 26 tháng 7 năm 1644.

Cha Đắc-Lộ và giáo dân liệm xác và thấm máu minh chứng của thầy để trong một quan tài qui đem xuống thuyền của cha. Các thầy giảng đợi cha ở đó. Nhìn thấy xác của người bạn mới còn gặp hôm qua trước khi bỏ nhà, các thầy không khỏi xúc động đau đớn. Các thầy và nhất là thầy Inhaxu, con người đang bị theo rõi, và chính ra cái chết minh chứng của thầy Andrêa hôm nay là cái chết của thầy, tất cả đã nhìn cái chết đó, một hồi chuông báo động những ngày đòi hỏi can đảm minh chứng mà thầy Andrêa là người đi đầu. Bên xác người bạn, cha Đắc-Lộ và các thầy chắc hẳn đã cầu Chúa ban ơn can đảm bền vững trong thử thách và sẵn sàng hy sinh nếu tiếng Chúa gọi. Thầy Andrêa đang vui hưởng hạnh phúc bất diệt trên Thiên quốc, không quên nguyện cầu cho cha Đắc-Lộ và các bạn của thầy, cũng như cả Giáo-hội Việt-Nam. Máu Tử đạo là hạt giống của tin lành.

2 — Cụ già Andrêa. Lệnh trục xuất cha Đắc-Lộ.

Ít lâu sau cụ già Andrêa được tha về. Không được may mắn

(1) Đắc Lộ, Id, trang 199.

phúc tử đạo như thầy Andrêa, nhưng suốt đời cụ với bao thử thách giam cầm, cụ thật xứng tên vị minh chứng đạo. Cha Đắc Lộ không hết lời khen ngợi cụ ; « Cụ thuộc vào số những người theo đạo trước hết; không những trong tỉnh Quảng-nam quê quán của cụ, mà trong cả xứ Nam. Hơn nữa, cụ còn được hân hạnh là người chịu thử thách đầu tiên vì danh Chúa, không phải một lần mà bốn lần, mà lần nào cụ cũng can đảm chiến đấu, đứng về phía bên thầy mình, vượt thắng những kẻ thù của Đức Tin. Cụ là người đầu tiên bị giam tù vì đạo, và cũng là người đầu tiên được mang huy chương danh dự mà chúng tôi vẫn mệnh danh là thập giá của xứ Nam, huân công của người chiến sĩ Công giáo (1). Mỗi lần giao tranh cụ đều thoát hiểm, và tuy không được phúc tử đạo, nhưng cụ không bao giờ trốn tử đạo. Phu nhân của cụ tên là bà Inhaxu (2), bà sinh hạ được hai người con là cậu Emmanuel và Louis, thật là hai bức họa mô phỏng hoàn toàn hình ảnh nhân đức của bà. Nhà ông bà là nơi trú ẩn của những người có đạo trong thời bình cũng như khi gặp cơn gió bão. Ông cụ đã cất một ngôi nhà thờ rộng rãi, nhiều người ngoại đã được lĩnh nhận Phép Rửa ở đó, được giáo huấn và được lĩnh nhận ơn sức mạnh của các bí tích. Cũng vì thế, hai ông bà và các con luôn bị người ta làm phiền nhiễu, và khu nhà của cụ cũng nhiều lần bị phá phách, nhưng tất cả những cái đó không làm cho cụ mất lòng mến Chúa Giêsu Kytô. Là một vị quan liêu có địa vị và được kính nể trong vùng Quảng-nam, cụ đã biết yêu ô nhục của thập giá hơn những vinh dự của xứ Ai-cập. Ông Nghè đô tri, sau khi đã ngược đãi làm phiền cực cụ mãi, cũng phải chán tay, còn riêng cụ thì cụ vẫn mong muốn được chịu khổ vì đạo. Từ đó cụ được yên tĩnh sống ở nhà, và theo những thư cuối cùng ở xứ Nam mà tôi nhận được, viết vào khoảng năm 1648, thì cụ đã chết một cách thánh thiện tại tư gia của cụ, luôn bền vững trong Đức tin và đầy vinh dự vì bao khổ nhục cụ đã chịu đựng vì đạo Chúa.»(3)

Sau khi lên án xử thầy Andrêa, ông trấn Quảng-nam liền

(1) Tức chiếc gông mà Cha Đắc-Lộ và các thừa sai thời đó gọi là thang.

(2) Ở nơi khác Cha gọi là bà Eulalia, có lẽ bà có 2 tên thánh.

(3) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo.

ra lệnh trục xuất cha Đắc-Lộ và cha phải trẩy đi theo tàu của người Bồ khi nhổ neo. Trước cơn giông tố đang đe dọa giáo đoàn xứ Nam, cha Đắc-Lộ thấy cần phải hy sinh mạng sống ở lại với đoàn chiên, ra đi lúc này là hèn nhát. Cha định sẽ lẩn tránh trong một chiếc thuyền ban ngày lênh đênh trên các khúc sông ngòi để ban đêm đi thăm giáo dân các họ.

Muốn cho ông trấn khỏi nghi ngờ theo rõi, hôm tàu buôn người Bồ nhổ neo, cha cũng xuống tàu ra khơi với họ trước mặt cả hàng phố. Nhưng theo hẹn tàu ra khơi được ba dặm, cha xuống thuyền các thầy giảng đã đợi sẵn để bắt đầu một cuộc đời lẩn tránh hy sinh, nhưng cũng không thiếu yên ủi, điều mà Chúa thường ban cho những ai phải đau khổ vì Người : «bước vào khoang thuyền, tôi cảm thấy thú vị như sống trong một dinh thự sơn son thiếp vàng, ban ngày chúng tôi đọc kinh cầu nguyện, làm các việc đạo đức mà chúng tôi có thể, và thực ra chín chàng trai trẻ đó sống như những vị thiên thần vậy. Đêm đến, với chúng tôi không phải là lúc để ngủ nghỉ mà là bắt đầu thời gian hoạt động .» (1)

3.— 35 Anh hùng xưng đạo phủ Qui - Nhơn.

Cuộc bách hại đã bắt đầu với cái chết của thầy Andrêa, cứ mỗi ngày một đi lên và lan rộng ra. Bắt đầu ở tỉnh Chàm ông trấn cho lính đi lục soát các nhà có đạo để tịch thu hết ảnh tượng. Nhiều người đã mau tay giấu được, vì thế lính tráng phải dùng lối đe dọa tra tấn để bắt nộp. Nhưng lòng can đảm bền vững của giáo dân cũng không chịu thua. Trong số đó phải kể bà trùm Madalêna, và cụ Antôniô. Biết bà trùm đã giấu trong nhà một mẫu ảnh Chúa Cứu thế, trước đây vẫn treo ở nhà thờ, chúng tra tấn cùm chân bà suốt cả một đêm ròng, bà nhất định không chịu xưng, cuối cùng chúng phải chịu. Còn cụ Antôniô Tề, một người đàn anh giầu có trong làng, và là ông tổ dựng

(1) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 203. Nhờ chiếc thuyền, mà sau này bị trục xuất, Cha đã xin được triển hạn một thời gian, lấy lẽ để sửa thuyền.

đạo ở làng đó, công cuộc truyền giáo của cụ kết quả đến nỗi lúc đó trong làng không còn ai là người ngoại giáo cả. Nghe tin cơn cấm cách bắt đầu, lo rằng dân làng có ai vì sợ mà nản lòng chăng, cụ liền cho hội dân chúng lại và khuyên họ bền vững giữ đạo rồi bảo họ đem tất cả ảnh tượng đến để nhà cụ để cụ đem giấu đi, nếu lính đến khám và có phải nộp tiền, thì cụ sẽ nộp thay cho tất cả.

Chúa đã bênh vực giáo dân và phạt những kẻ tìm cách phá đạo của Người. Một tên lính táo bạo hung mãng trong việc lục soát ảnh tượng, tự nhiên bị chứng đau cổ, kêu gào như điên dại, rồi sau hai ngày thì chết. Còn chính quan trấn, trong có ít ngày bị chết dịch mất cả một đàn bò 50 con. Nhờ đó cuộc bách hại ở tỉnh Quảng-nam được nới lại đôi chút.

Ở Qui-nhơn, nghe tin giáo dân trấn Quảng-nam bị bách hại và được thấm máu của thầy Andrêa, giáo dân không sợ sệt, còn thêm can đảm sẵn sàng để đương đầu với bất cứ một bách hại nào sẽ xảy đến. Thời đó tỉnh Qui-nhơn vẫn còn là phủ thuộc trấn Quảng-nam, vì thế cuộc bách hại ở trấn rất có thể lan rộng ra các phủ huyện.

Đứng đầu giáo đoàn Qui-nhơn lúc đó là ông trùm Antôniô Ngữ. Ông trùm vội đến gặp cha Đắc-Lộ để lĩnh ý kiến. Trở về, làm theo lời cha, ông dọn lòng các giáo dân. Cuộc bách hại đã đến ngay sau đó ít bữa.

Quan trấn Quảng-nam sai một quan thừa lại đến phủ Qui-nhơn và ra lệnh cho tất cả người có đạo phải ra điểm mục. Tưởng như thế sẽ làm họ khiếp sợ. Nhưng trái lại vừa nghe biết lệnh quan trên, giáo dân lũ lượt kéo nhau đến phủ để khai mình là người Công giáo. Ngày đầu đã có tới 700 người, và mỗi ngày đến càng đông. Quan thừa thấy thế sợ có thể xảy ra rấy loạn, liền ra lệnh ngừng cuộc điểm mục. Ông chọn trong số những người đã ghi tên, 36 người kẻ cả, bắt trói giải lên trấn.

Tất cả đều nhất định dù chết cũng không chịu bỏ đạo, can

đảm thưa lại những lời tra tấn đe dọa. (1) Nghe tin cha Đắc-Lộ liền tìm cách đến thăm họ trong tù. Với những lời lẽ sốt sắng, cha khuyến khích họ can đảm minh chứng Đức tin: Tất cả đều xưng tội chịu lễ. Họ không buồn rầu lo sợ, trái lại, vui mừng sung sướng.

Đứng trước sự can đảm xưng đạo của đoàn người đó, quan trấn cũng không khỏi bỡ ngỡ. Tuy ghét đạo nhưng ông cũng không dám làm quá tay vì sợ bị khép vào tội lộng quyền khi chúa Thượng nghe biết. Dầu sao nhà chúa vẫn chưa bao giờ ra lệnh xử tử những người theo đạo và vẫn còn muốn giữ mối thịnh tình với những lái buôn Bồ, đàng khác những quan trong phủ chúa có thịnh tình với đạo cũng không phải ít, và tuy là ông được sự bảo vệ của dâm hậu Tống-Thị, chính bà ra lệnh cho ông làm điều đó.

Ông ra lệnh chọn 6 người trong số 35 người can đảm xưng đạo đem phạt trượng ở nơi công để làm răn cho người khác sợ. Nhưng quan thừa, do quan trấn sai thi hành lệnh đó đã gặp phải những khó khăn do một cuộc tranh luận sôi nổi. Một cuộc tranh luận của tình yêu, của mong muốn hy sinh tử đạo, thật là một cuộc tranh chấp thánh thiện và siêu việt. Tất cả đều muốn được vào số sáu người được chọn đó. Người thì đưa ra lý do mình là người bổn đạo gốc, người khác nói mình khỏe mạnh có sức chịu đau khổ nhiều hơn, người thì cho rằng mình là phần tử không cần lắm, có thể hy sinh được. Tất cả đều cố tìm cho mình một lý do chính đáng hơn để được vinh dự chịu đau khổ vì đạo.

Trước cái cảnh kỳ lạ chưa từng gặp đó, quan thừa không biết nên giận hay nên cười, phạt tất cả hay tha cho tất cả. Nhưng rồi ông đã hiểu ra rằng đạo của người công giáo có những điều luật mà ông chưa bao giờ nghe biết. Trước cảnh tranh chấp của một cha con, ông cụ thân mến bảo con, tranh chấp với cha

(1) Trong số 3 lần 12 của các Tông đồ đó, có một Judas chối Chúa. Đó là một cụ già giầu có, tiếc của, sợ chết. Trước sự hèn yếu của cụ già, 35 người còn lại nhứt định cương quyết bền vững. Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 210.

mình như thế là không phải, cha tuy già cả yếu đuối, nhưng đâu có thua con về tấm lòng hy sinh can đảm. Người con ngoan ngoãn thưa lại là vì mình nghĩ rằng cha còn phải sống để trông coi nuôi nấng các em, nên mới dám xin cha nhường cho mình danh dự tử đạo đó. Thấy thế quan thừa bỡ ngỡ mủi lòng tha cho tất cả hai cha con về cùng với 27 người khác.

Trong số sáu người được chọn, lẽ dĩ nhiên là có ông trùm Antôniô Ngữ. Thật là hai cảnh tượng khác nhau : « 29 người được tha về khi chưa được một chút đau khổ vì Chúa, mặt buồn bã, bước đi chậm chạp, còn sáu người kia vai mang gông nặng nhưng họ đi vui vẻ nhanh nhẹn như có đôi cánh để bay.» (1) Khi đến trước mặt các quan họ hy vọng sẽ được kết án tử hình mà đó là đặc ân mà họ trông đợi. Nhưng họ đã bỡ ngỡ khi thấy chỉ bị kết án phạt trượng ở nơi công, và họ lại càng bất mãn hơn nữa, khi thấy lính tráng phải thi hành lệnh trên vì thương họ, chỉ đánh rất nhẹ. Họ đánh mỗi người bốn năm trượng rồi tha cho về. Đến phàn nàn với cha Đắc-Lộ, cha khuyên những người đó luyện thêm can đảm, vì đó chỉ là một cuộc thử thách đầu tiên để đợi những cuộc đấu tranh gay go hơn nữa.

II.— NHỮNG THỬ THÁCH CỦA CHA ĐẮC-LỘ VÀ CÁC THẦY GIẢNG.

1. — Thăm viếng giáo dân miền hạ.

Bách hại giáo dân chưa đủ, ông trấn Quảng-Nam còn đang tay phạm đến nơi thờ tự. Ông ra lệnh triệt hạ các nhà thờ. Ở phủ Qui-Nhơn có ba nhà thờ rộng rãi và đẹp đẽ hơn cả đều bị triệt hạ.

Lúc đó vào trung tuần tháng chín 1644, cha bỏ xứ đạo Qui-Nhơn để đi thăm các họ ở miền hạ, và sai thầy I-nha-xu lên miền thượng để củng cố tinh thần giáo dân ở đó trước những

(1) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 211.

bách hại đã mở đầu và đang đe dọa lan tràn đi các nơi. Đi đến đâu cha cũng sung sướng nhận thấy tinh thần giáo dân trong thử thách không nhụt bại lại còn lên cao và cha Đắc-Lộ còn bỡ ngỡ vì có nhiều người ngoại xin trở lại.

Họ lũ lượt đến gặp cha để lĩnh nhận các ơn Bí tích, sức mạnh để sẵn sàng xưng đạo Chúa mỗi khi đòi hỏi. Kết quả những hoạt động tông đồ giáo dân vẫn tiếp tục khả quan. Ở một họ đạo, ông trùm Antôniô đã rửa tội cho 140 vừa trẻ em vừa người lớn và đã giáo huấn đầy đủ cho nhiều người khác chờ đợi cha Đắc-Lộ đến.

Nhưng vì đang trong giai đoạn đòi hỏi hoạt động trong bóng tối, sự khôn ngoan không cho phép cha để giáo dân đến gặp cha đông quá. Ông trấn tỉnh Quảng-nam và các quan địa phương biết sẽ làm khó để cho cha và gây phiền nhiễu cho giáo dân trong vùng. Những người đàn anh liền cho phao tin rằng cha đã rời đi nơi khác. Thực thế, cha đến tránh ở một gia đình sống hẻo lánh bên sông. Với sự mách bảo của đàn anh và với dè giữ đòi hỏi, giáo dân tiếp tục đến gặp cha.

Con số thầy giảng trong thời kỳ này đã lên tới 12, con số của các thánh Tông đồ.Mất một thầy Andrêa,Chúa đã trả lại cho bao thầy khác. Cha Đắc-Lộ đã không ngại khen các thầy: «Thực các thầy có tinh thần của các Thánh Tông đồ xưa ».

2.— Mùa Sinh nhật 1644 với cảnh giam cầm quản thúc.

Từ trước đến giờ tuy bách hại giáo dân, nhưng quan trấn Quảng-nam vẫn không dám phạm đến tính mệnh của cha Đắc-Lộ, giam cầm hay nhục mạ. Dầu sao cha vẫn là người được chúa Thượng kính nể, vì muốn giữ bang giao với người Bồ để mua súng ống đạn dược và hàng hóa. Nhưng lần này ông đã ra lệnh bắt giam cha, nhưng rồi chúa Thượng lại ra lệnh ông phải giải phóng.

Sau hơn sáu tháng bí mật hoạt động, ông đã được hay biết sự có mặt của cha trong vùng ông quản trị. Đánh rắn phải đánh vào đầu, mất chúa chiên đoàn chiên sẽ tan rã. Lần này ông nhất định sẽ không để cha lọt tay ông một lần nữa. Biết giáo dân quen mừng lễ Sinh nhật trọng thể, ông chờ dịp đó để bắt cha, đồng thời những giáo dân đến mừng lễ với cha.

Một xóm đạo làm muối được chọn làm chỗ hội họp để mừng lễ Sinh nhật, và thánh lễ đêm đó sẽ dâng tại nhà ông Nicôla Hào, một căn nhà rộng rãi và đẹp đẽ rất tiện cho buổi lễ hôm đó.

Do một nguồn tin nào đó, quan trấn đã hay biết được chỗ ở của cha và hôm vọng lễ, một toán lính được bí mật phái đến thình lình ập vào nhà ông Hào, tưởng thế nào cũng bắt được cha đang hành lễ ở đó. Nhưng may mắn hôm đó cha lại dâng lễ ở nhà bên. Không bắt được một tang vật gì, tra hỏi cũng không ai chịu nói, họ đành rút lui để rồi lại trở lại.

Suốt hôm đó, cha tiếp tục giải tội cho giáo dân và rửa tội thêm 22 người tân tòng. Đến đêm sang nhà ông Nicôla Hào thì đã có: «đến bảy tám trăm giáo hữu đợi sẵn,tất cả đều quì gối chu chu chắm chắm, thật là cảm động sốt sắng, và theo cha Đắc-Lộ, phải có mặt trong buổi lễ hôm đó người ta mới hiểu thế nào là qua một đêm Sinh nhật sốt sắng. Trong thầm lặng của đêm vắng, cha tưởng được thấy tất cả cảnh sáng ngời của Thiên-quốc, và cha sẽ không bao giờ có thể tả được hết những niềm yên vui đã được hôm đó, có thể nói tất cả những tráng lệ của các thánh đường Tây phương với những nhạc du dương đêm đó, cũng chưa thể đem sánh gần được, không ai có thể hiểu hết được nếu không là chính người đã được cảm mến niềm yên vui đó» (1).

Hình như có linh tính báo trước, vừa lễ xong, trước rạng đông, cha đã ra lệnh cho tất cả phải rút lui về. Đúng thế, vừa mới tảng sáng toán lính hôm trước lại ập tới. Nhưng cha đã

(1) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 219.

tạm lánh đi nơi khác, chỉ còn lại 5 cộng tác viên của cha trong đó có thầy Inhaxu. Sau một đêm nhọc mệt giảng cho dân chúng thầy Inhaxu thiếp ngủ lúc lính đến vây không trốn kịp, bị họ bắt trói một cách tàn nhẫn. Nhưng họ đã không trói được miệng thầy, thầy đem những lời hay lẽ phải ra nói cho họ hiểu và « trước sức mạnh bất địch của Thánh Linh, Đấng đã nói qua miệng thầy, họ đã kinh ngạc rút lui, quên không cởi trói cho thầy » (1).

Biết bị theo rõi, cha Đắc-Lộ và các thầy giảng xuống thuyền lánh ra một chỗ hẻo lánh cách xa đấy chừng bốn dặm. Cha vẫn chưa muốn rời xa vùng đó vì còn nhiều giáo dân chưa kịp xưng tội và rước lễ dịp lễ Sinh nhật. Họ tiếp tục bí mật đến gặp cha. Nhưng chiều vọng lễ thánh Têphanô, vị tử đạo tiên khởi của Giáo hội thời kỳ các Thánh Tông đồ, đang giải tội thì một thầy cai đến yêu cầu cha và thầy Inhaxu đến gặp quan đề lại ở họ đạo. Tại nhà ông Nicôla Hào, nơi cha đã dâng lễ nửa đêm Sinh nhật, ông tiếp đãi cha tử tế và giao cho các hương chức tuần đinh bên lương canh giữ cha đêm đó.

Tuy bị bắt giam nhưng tinh thần truyền giáo của cha và của thầy Inhaxu vẫn không hề lay chuyển. Còn sống còn hoạt động. Tất cả mọi cơ hội đều được lợi dụng để gieo vãi tin lành Cứu chuộc. Suốt cả đêm hôm đó, cha và thầy Inhaxu giảng đạo cho hương chức và các tuần đinh, công việc mà cha Đắc-Lộ coi là thú vị gấp nghìn giấc ngủ. Cha giúp cho họ hiểu ra lẽ phải của đạo và tất cả đều cho những lời cha nói là phải. Nhưng cha Đắc-Lộ phàn nàn vì họ thiếu can đảm để bước cái bước quyết định. Họ đã đưa ra nhiều vấn nạn để bào chữa cho thái độ của họ mà vấn nạn chính vẫn là : nếu đạo phải, đạo tốt thì sao nhà chúa lại không theo.

Bắt giam, nhưng các quan địa phương không dám xử, công việc đệ lên phủ chúa. Đang khi chờ đợi lệnh trên kinh, cha được ông lại ty tên thánh là Inhaxu mời đến nhà ông và xin

(1) Đắc-Lộ. id, trang 220.

chịu trách nhiệm với quan trên. Còn ba giáo dân oa gia và thầy Inhaxu thì được tha.

Bị giam quản thúc, cha tiếp tục hoạt động truyền giáo : giáo dân đến lĩnh nhận ơn Bí tích, người ngoại đến nghe giảng và nhiều người trở lại. Thấy thế quan phủ ra lệnh cho cha phải xuống ở dưới thuyền của cha, thỉnh thoảng lại cho lính đến xem xét. Nhưng ban đêm việc quản thúc không được chặt chẽ, cha vẫn có thể ra ngoài gặp giáo dân.

Tình trạng quản thúc cứ kéo dài như thế đến gần hai tháng. Vì sợ án trên kinh có liên hại đến số phận các thầy giảng, nhất là cho thầy Inhaxu, để đề phòng, cha đã cho các thầy trú ẩn ở các họ đạo quanh đấy, chỉ giữ lại một chú bé để lo cơm nước và mua thức ăn.

Lúc đó vào mùa buôn bán giao hàng của người Bồ, vì muốn giữ mối bang giao, chúa Nguyễn ra lệnh cho quan phủ giải phóng cha, nhưng ông ra lệnh cho cha phải ra khỏi khu vực của ông ngay. Viện lẽ phải sửa lại thuyền để có thể ra khơi, cha đã nán lại qua mấy tuần lễ đầu mùa chay với giáo dân Qui-nhơn, ở nhà ông lại ty I-nha-xu.

3.—Mùa chay 1645. Nghĩa cử của chín giáo dân Quảng - bình Quảng - trị.

Lợi dụng thời gian cha còn ở lại với họ, giáo dân tiếp tục đến gặp cha để lĩnh nhận các ơn Bí tích. Làm lại ty coi về thuế má, một hôm bất ngờ quan trấn sai quan cai bạ đến nhà ông I-nha-xu để xem xét việc thuế má. Một số độ ba chục giáo dân đến xưng tội ngủ lại nhà ông. Buổi sáng theo lệ họ dậy đọc kinh. Nghe tiếng kinh, ông cai bạ liền vào xem và bắt được giáo dân công khai hội họp ở nhà ông lại ty, ông liền ra lệnh bắt giữ ông và hai ông Giuse và Maurô, đóng gông giải về phủ. Không ai ngờ rằng ông cai bạ đã được lệnh của quan trấn trong khi thừa hành chức vụ gặp giáo dân công khai hội họp làm việc thờ phượng giải bắt giữ.

Ông I-nha-xu và hai người đàn anh trong họ không buồn bã, trái lại còn sung sướng vì được chịu đau khổ vì Chúa. Theo cha Đắc-Lộ kể, thì :« Khi các ông vừa vào ngục, một sự lạ đã xảy ra yên ủi các ông. Nhiều người không có đạo đang bị giam trong ngục thấy trong đêm tối một người đẹp đẽ, vẻ mặt uy nghiêm bước vào gian ngục chỗ giam ông I-nha-xu và hai bạn của ông. Họ ngây dại trước khuôn mặt hiền lành đẹp đẽ của người lạ và họ bàn tán, nhất quyết đó là Chúa trên trời mà họ vẫn được nghe nói là đến thăm yên ủi những kẻ có đạo, vì họ là những đầy tớ thực của Ngài. Để minh chứng sự họ được thấy không phải một ảo tưởng mơ mộng, tất cả nhất quyết xin trở lại đạo, tin theo đức tin mà nhờ nó những người có đạo đã được hân hạnh Đấng cao cả như thế đến thăm viếng trong tù. Ít ngày sau họ đã thực hiện ý định đó, xin chịu phép rửa»(1).

Trong trại giam ba ông vẫn tiếp tục hăng hái hoạt động tông đồ giáo dân. Theo lệ thời đó, các tù nhân ban ngày được dẫn ra ngoài đường phố để xin ăn. Không hổ thẹn vì chiếc gông mang trên vai, ba ông còn hãnh diện coi đó là biểu hiệu danh dự của người Công giáo được chịu đau khổ vì Chúa. Với các người hai bên đường phố và những người tò mò đến xem, các ông tìm cách truyền giáo cho họ.

Với sự hiện diện của quan cai bạ, người trên trấn, và để chuộc lại sơ xuất để cho quan cai bạ bắt được giáo dân hội họp trong vùng ông trị nhậm, lại thêm sẵn không ưa đạo, ông phủ Qui-nhơn cho lính tráng đến quấy nhiễu giáo dân, bắt giữ những người đàn anh. Nhưng biết trước, giáo dân đã bỏ làng trốn vào rừng gần đấy. Không bắt được ai, lính tráng đổ tức giận lên đầu ông trùm Antôniô Ngữ ở họ Qui-nhơn, đánh đập tàn nhẫn và đóng gông giải ngục. Cha Đắc-Lộ đến thăm yên ủi, tất cả đều can đảm vui vẻ vì được chịu khó vì đạo.

Cho cả đến phái yếu ông cũng không từ. Một bà thuộc gia đình quan lại tên thánh là Paola, cũng bị bắt giam với hai người con gái nuôi tên là Lucia và Ruphina. Bà vui vẻ can đảm

(1) Những cuộc hành trình và truyền giáo,trang 228.

chịu đòn, một hình phạt nhục nhã đối với địa vị của bà. Còn hai cô con gái bị phạt phơi nắng và bêu xấu giữa chợ. Vượt thắng tất cả những lời đe dọa của ông để lại, hai cô đã làm ông phải thua hổ thẹn, đành phải tha cho về. Mọi người đều cảm phục lòng bền vững xưng đạo của người Công giáo dù cho đến cả phái yếu.

Cho rằng sự có mặt của cha có lẽ làm cớ thêm cho cuộc bách hại và thời gian xin nán lại ít bữa để sửa lại thuyền buồm cũng không thể kéo dài hơn, sau khi đã dọn dẹp lòng giáo dân đầy đủ để đương đầu với sóng gió của cơn bách hại, cha Đắc Lộ sửa soạn lên cửa Hội-an để gặp tàu buôn người Bồ và mừng lễ Phục-sinh ở đó. Cha ra đi cảm thấy yên ủi và đầy hy vọng vì những gương can đảm của giáo dân trong những tuần vừa qua.

Trước khi lên đường, cha còn được một yên ủi khác : cuộc viếng thăm của chính giáo dân vùng Quảng-Bình, Quảng-Trị và cũng là khúc đầu câu truyện kỳ lạ của thầy giảng thứ 14 của cha, chứng minh lòng trìu mến của giáo dân đối với cha Đắc-Lộ và tính cách vô vị lợi, lòng nhiệt thành hy sinh của các thầy giảng của cha.

Cha kể : « Khi tôi sắp sửa lên đường, thì chín giáo dân từ những phủ huyện phía bắc, nghĩa là họ đã phải đi gần 100 dặm để đến gặp tôi. Lúc đó mùa đi lại khó khăn vì đường đất lầy lội. Họ nghe tin tôi phải giam tù và có thể bị nguy đến tính mệnh, họ đến để giúp đỡ tôi, đem tiền nong đến cho tôi, vì họ tưởng rằng tôi đang gặp lúc túng bấn.

« Tôi để độc giả tưởng tượng, nghĩa cử đó làm tôi cảm động đến thế nào. Tôi hết lòng cám ơn họ và từ chối những đồ vật họ mang đến cho tôi, vì nhờ ơn Chúa tôi chưa phải cần đến. Thấy tôi từ chối, họ xin dâng những của đó để trợ cấp cho giáo dân trong vùng và cả mạng sống của họ, họ cũng muốn hy sinh để giúp những người đang phải bách hại vì Đức tin.

« Họ không từ chối một điều gì có thể nâng đỡ các giáo dân trong vùng và lòng nhiệt thành của họ còn thúc đẩy họ đến

gặp quan địa hạt trách ông đã lầm lẫn bắt giam những người vô tội ...» (1)

Một trong chín người đó, có Bartêlêmi, thầy giảng tương lai của cha Đắc-Lộ. Đi xa gần trăm dặm để đến gặp cha, thầy chỉ xin cha nhận vào số những thầy giảng của cha để được cộng tác với cha trong hoạt động truyền giáo với hy vọng sẽ được chung số phận với thầy Andrêa, tử đạo tiên khởi của xứ Nam. Tuổi chừng 40, khoẻ mạnh tráng kiện, giầu có tiếng tăm trong vùng, thầy chưa được cha Đắc-Lộ nhận là vì còn vướng trở gia đình (2). Bà vợ của thầy còn ở bên ngoại và cứng lòng không chịu trở lại. Cha bảo thầy cứ tạm trở về và một lần nữa tìm khuyên bà trở lại. Nếu bà cứ nhất quyết cứng lòng, lúc đó cha mới cho phép thầy được xa cách và hiến dâng đời cho hoạt động truyền giáo.

4. — Mùa Phục sinh 1645 ở kẻ Hội-an. Những nữ tu đầu tiên đến nước Việt.

Ngày 15 tháng 2, năm 1645, cha bỏ Qui-nhơn lên cửa Hội-an gặp tàu buôn người Bồ và đồng thời để gặp hai cha dòng thánh Phanxicô và mấy nữ tu Tây-ban-nha trên mấy chiến thuyền ở Áo-môn xuôi Phi-luật-tân gặp bão dạt vào cửa Hàn.

Nguyên năm 1580, vua Bồ Sebastianô bị chết trong trận Ksar-el-Kébir ở Ma-rốc. Không có người nối nghiệp, quyền trị nước thuộc về nhà Castilla, nước Bồ bị đặt dưới quyền Philippe II, vua Tây-ban-nha. Năm 1640, Bồ-đào-nha nổi dậy chống lại nhà Castilla, dành lại chủ quyền độc lập. Người Tây-ban-nha ở Phi-luật-tân sai một chiến thuyền lớn đem quân đội lên giữ Áo-môn. Bị đánh thua và bị bắt giam, tháng 2 năm 1645 họ được tha về mang theo bốn nữ tu dòng kính Thánh Clara và

(1) Đắc Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 236 – 237.

(2) Cũng như ở ngoài Bắc, trong tổ chức thầy giảng ở Nam, cha cũng đòi các thầy không bị vướng víu gia đình. Xem trên chương IV.

hai cha dòng thánh Phanxicô, người Tây-ban-nha đến lập tu viện ở Áo-môn. (1)

Qua bờ biển nước Việt, nghe tin cha Đắc-Lộ đang bị bách hại ở Qui-nhơn, hai cha gửi thơ chia sẻ đau khổ, đồng thời kể lo ngại của các cha về số phận bốn nữ tu, chúa Nguyễn và bà hoàng hậu muốn mời lên kinh để gặp mặt. (2).

Nghe tin có bốn nữ tu Tây-giang trên chiến thuyền với những câu chuyện bàn tán về đời sống kỳ lạ của bốn « thánh nữ » đó, lối ăn mặc phủ kín từ đầu đến chân và nhất là câu truyện cắt tóc ngắn của các chị làm cho chúa Nguyễn và bà hoàng hậu càng mong muốn gặp để xem câu chuyện thực hư thế nào. Các chị trú ở nhà các cha dòng Tên cất ở cửa Hàn, hàng ngày các bà quan liêu đến thăm hỏi. Bà Maria Minh-Đức cũng có mặt để chăm nom săn sóc cho các chị, ngày nào cũng gửi quà bánh đến và còn cho cô gái của bà đến ở với các chị. Cô lúc đó mới 13 tuổi, cảm mến các chị, lúc ra đi cô nhất quyết xin đi theo, người ta phải can ngăn mãi cô mới chịu nghe.

Được lệnh đưa các nữ tu lên kinh cho chúa Nguyễn và hoàng hậu gặp, hai cha lo ngại tìm cách thoái thác, viện lẽ các chị yếu mệt vì cơn bão vừa qua, nhưng chúa Thượng đã cho thuyền xuống đón. Đến kinh, bốn nữ tu, hai cha, quan thuyền trưởng với một toán độ năm chục thủy binh Tây-ban-nha, được đưa đến nghỉ chân ở nhà một quan đại thần. Độ hai giờ chiều thì họ được mời vào yết kiến chúa Thượng.

Trên thềm phủ, chúa Thượng ngồi ở gian chính tựa tay

(1) Chappoulie, Rome et les missions d'Indochine au XVIIe siècle, t,I trang 51.

(2) Trong bản Relation des missions du royaume de Cochinchine của cha Đắc-Lộ trang 105... viết tại Áo - môn tháng 10 năm 1645 về cho Bề trên cả dòng Tên ở Roma (nguyên văn tiếng Ý, bản dịch Pháp văn của cha De Machault) chúng ta đọc thấy nhiều lo ngại của hai cha dòng thánh Phanxicô khi được lệnh chúa Nguyễn truyền đưa các nữ tu lên kinh và những cảm tưởng đen tối, nghi ngờ của nhà chúa đối với các nữ tu đó. Trong cuốn Những cuộc hành trình và truyền giáo xuất bản 8 năm sau (1653) tại Paris, cho triều đình và dân chúng Pháp, trong chương 42, 43, 44 trang 238-250, cha trình bày một cách sáng sủa hơn, theo những sự kiện xảy ra bên ngoài. Những buổi tiếp tân triều Nguyễn cũng long trọng lịch sự không kém những buổi nghi lễ của triều đại tây phương và Thượng vương cũng lịch thiệp, hào hoa không kém.

vào cửa sổ nhìn xuống, còn gian bên là hoàng hậu (1). Trong gian đình chúa đã truyền làm một trướng trăng giềm hoa dành cho các nữ tu để tránh con mắt tò mò của triều thần. Ba mặt sân phủ đều có lính dàn hàng. Bốn ngàn lính túc vệ chia làm bốn đội, hai đội hai bên mặc nhung phục mầu tim đeo kiếm, còn hai đội ở cuối mặc áo thú mầu nâu đen, đeo đao. Hàng nào đứng hàng nấy ngay như tượng gỗ không nhúc nhích cựa cậy. Sau nghi lễ chào hỏi, các nữ tu được mời vào trong trướng, còn các cha và quan thuyền trưởng được mời ngồi trên ghế làm riêng cho cuộc tiếp tân hôm đó.

Cuộc tiếp tân được bắt đầu bằng một bữa nước. Người ta đưa đến trước mặt mỗi người một bàn son sơn thiếp vàng đủ các thứ cao lương mỹ vị. Đang khi ăn có các cung nữ cử nhạc nhảy múa giúp vui. Theo cha Đắc-Lộ : « Các người Tây-ban-nha cũng thú thực rằng ở xứ họ các ca nữ cũng không nhảy đẹp hơn và có khi không tài khéo bằng ».

Sau tiệc các nữ tu lên hầu chuyện hoàng hậu. Bà muốn các chị mở khăn đội đầu để biết thực hư câu chuyện cắt tóc vấn, nhưng vì trước mặt cả triều thần các chị chỉ vén mặt cho hoàng hậu xem. Bà còn hỏi nhiều chuyện về đạo giáo, đời sống tu trì và lối tụng kinh của các chị, cuối cùng bà lại sai một cung nữ đặt tay lên đầu các chị để xem thế nào. Cung nữ sờ lên đầu một chị nhiều tuổi hơn cả, liền kêu lên là đúng thực như vậy. Tất cả đều bỡ ngỡ cho là kỳ lạ. Cuộc tiếp tân còn kéo dài đến năm sáu tiếng đồng hồ với những cuộc nhảy múa khác nhau.

Trong thời kỳ ở kinh đô, quan thuyền trưởng và hai sĩ quan tùy tùng được tiếp đón trong dinh một quan đại thần, lính tráng thì ở trong một khu đình rộng lớn, hai cha và các nữ tu ở nhà một quan có đạo, cụ Gioankim và Anna. Suốt ngày các bà lớn trong phủ chúa đến thăm hỏi trò chuyện. Ai cũng cảm phục đời sống đạo hạnh, khiêm nhượng của các chị, nhất là khi

(1) Theo thời đó, trong cuộc tiếp tân, nhà chúa nhiều khi không ngồi trên ngai, mà ngồi trên thềm phủ nhìn xuống qua chiếc cửa sổ. — Các quan có việc đến tâu trình đứng ở dưới sân đình, có sớ tâu thì để trong đĩa dâng lên. Marco Polo có ghi lại một hình ytết kiến vua Xiêm tương tự như thế.

DELLE MISSIONI DE' PADRI DELLA COMPAGNIA DI GIESV

Nella Prouincia del Giappone, e particolarmente di quella di Tumkino.

LIBRI CINQVE.

DEL P. GIO: FILIPPO DE MARINI della medesima Compagnia.

ALLA SANTITA DI N. S.

ALESSANDRO PP. SETTIMO.



Bibl. Spirit. Coll. Bav. S.J.

IN ROMA, Per Nicolò Angelo Tinassi. MDCLXIII.

Con licenza de' Superiori.

Đầu đề cuốn « Những Khu Truyền Giáo » của Cha Marini. Nguyên văn tiếng Ý, xuất bản năm 1663 tại Roma.

DELLE MISSIONI DE PADRI DELLA COMPAGNIA DI GIESV

Nella Prouincia del Giappone.

LIBRO TERZO.

Dello stato della Christianità in Tunchino dall'anno 1655. fino all'anno 1659. Cap. I.

NON vi hà campo in tutto il vastissimo Oriente preso a coltiuarsi in opera de' Padri della Compagnia di Giesù, oue la semente Euangelica, imitando le qualità naturali, o proprie di quello stesso terreno, oue fù sparsa, habbia reso frutto con più vsura, che in questo Regno del Tunchino. Insino a trecento cinquanta mila, si conta, che arriuò il numero de' battezzati dalla prima nostra entrata, fino a quando me ne partij; cioè a dire nello spatio di trent'anni; huomini per lo più di costumi sì innocenti, di vita sì intera, di coscienza sì delicata, di sentimenti sì diuoti, quanto ben ne starebbe a farne riguardeuoli di non mediocre bontà, le case religiose di più lodata osseruanza. Frutti sono questi delle grandi fatiche di pochi, ma feruenti Operari, ò per meglio dire della benedittione del Signore, che con far loro vedere sì copiosa la messe die'loro lena, e dà sempre a nuoui acquisti, & al soldo di sì viue consolationi gli tien desti, e gli conforta à sempre più faticare. Vn solo anno, sedici de' nostri Padri si contarono in quel Regno,

Trang 263 trong cuốn « Những Khu Truyền Giáo » của Cha Marini.

thấy các chị hát kinh cầu Chúa. Còn hai cha đêm ngày bận bịu với giáo dân đến gặp để lĩnh nhận các ơn Bí tích. Tuy lệnh cấm công khai truyền giáo vẫn chưa rút lại, nhưng vì nể, không ai cản trở công việc của các cha. Trong mười ngày ở phủ chúa, các cha đã rửa tội được 54 người.

Để phô trương lực lượng hùng mạnh, và tài nghệ binh pháp quân đội xứ Nam, chúa Thượng cho mở nhiều cuộc thao diễn để người Tây-ban-nha được dự. Hôm đầu tiên là cuộc thao diễn có cả thủy lẫn bộ. Kỵ binh do hoàng tử và người em của chúa chỉ huy lấy. Hôm sau là một cuộc duyệt binh có 15 chiến thuyền dự chia làm hai đội mầu sơn khác nhau : một đội thuyền mầu kim nhũ vàng, một đội mầu son đỏ chói. Đoàn thuyền cứ từng ba chiếc một tiến lên rất nhịp nhàng đều đặn, không một chiếc nào đi trước một đốt ngón tay. Tất cả những người Tây-ban-nha đều khen là rất ngoạn mục. Họ còn được dự những cuộc thi bắn và cả một buổi tế các tiên vương của nhà chúa. Lúc xuống thuyền về cửa Hàn, ai cũng thán phục cảnh tráng lệ hào hoa của phủ chúa.

Bà Maria Minh-Đức tiễn các nữ tu đến quá nửa đường mới trở về. Để đáp lại mối thịnh tình của bà, các chị đã tặng bà một dây thắt lưng và hứa khi trở về Phi-luật-tân các chị sẽ gửi tặng cả một bộ áo dòng, vì bà mến chuộng áo dòng của các chị lắm.

VI.— VĨNH BIỆT XỨ NAM.

1 —Cha Đắc-Lộ bị bắt giam.

Sau lễ Phục Sinh ở Quảng-Nam, cha trở lại cửa Hội-An để rồi lên kinh thăm viếng giáo dân ở đó và nhất là để yên ủi bà Maria Minh Đức. Vì một câu nói của chúa Thượng, con của bà tức ông Hoàng Khê đã ra lệnh cho gia nhân triệt hạ ngôi nhà nguyện rộng rãi đẹp đẽ của bà cất ở trong dinh. Bà buồn phiền suốt một tuần lễ, đi đây đó mà vẫn không khuây khỏa. Vì dè

giữ nên cha không dám lên chính phủ chúa, ngừng lại ở một phố nhỏ gần dinh phủ (1). Nghe tin cha tới, bà liền xuống gặp cha.

Bỏ khu phủ chúa, cha định ngược lên phía Bắc để thăm các họ đạo ở vùng Quảng-bình, Quảng-trị. Ba ngày trước lễ Thánh Linh, cha lên đường cùng với tám thầy giảng. Thuyền gặp gió tiến rất nhanh, chẳng may giữa đường gặp ba chiến thuyền của chúa Nguyễn đi tuần qua bắt giữ lại.

Nguyên năm 1643, Trịnh-Tráng đem đại binh vào bắc Bồ chính để đánh chúa Nguyễn, nhưng vì tiết trời tháng tư nóng bức binh sĩ chết hại mất nhiều, Trịnh-Tráng phải ra lệnh rút quân về. Sợ quân Trịnh lại đem quân lại lần nữa, nên mặt biển và các đường sông luôn luôn có quân đi tuần phòng. Nghi ngờ là thuyền của ngoài bắc sai vào dọ thám, họ liền giữ lại để khám xét. Nhưng khi biết là tây giang đạo trưởng và các con đạo, họ xử đãi rất tử tế. Dầu vậy cha và các thầy vẫn bị giữ lại để đợi lệnh ở phủ chúa.

Đang khi chờ đợi, ông đội Cơ mời cha lên nhà ông ở, dành cho cha một gian nhà làm nhà thờ và giáo dân được tự do đến gặp cha. Trong chín ngày ở đó, cha rửa tội được 70 người ngoại. Giáo dân trong vùng nghe tin cha bị bắt giam lũ lượt kéo nhau đến thăm để lĩnh nhận các ơn Bí tích.

Được tin báo, chúa Nguyễn liền ra lệnh giải cha và các thầy về kinh. Cuộc áp giải, cha Đắc-Lộ kể : « Chúng tôi xuống thuyền của chúng tôi để xuôi về phủ chúa, họ chỉ để có một người lính theo áp giải. Chúng tôi tất cả có chín người mà ông ta thì chỉ có một mình. Đây độc giả xem, họ không sợ chúng tôi tẩu thoát. Người lính đó tốt lắm, dọc đường gặp các nhà có đạo, ông để chúng tôi được tự do lên thăm. Từng đoàn từng lũ, họ đứng đợi chúng tôi đi qua, đón rước về nhà để xin lĩnh

(1) Năm trước cha đã bị ông trấn Quảng-Nam trục xuất. Công cuộc truyền giáo của cha từ đó vẫn phải tiếp tục trong bóng tối. Đằng khác mối nghi ngờ về vấn đề tìm mồ mả cho bà Minh-Đức vẫn còn (xem trên, chương V) không cho phép cha được công khai gặp bà như những lần khác.

nhận các ơn Bí tích. Họ coi chúng tôi như những người đã được phúc tử đạo rồi.»

Và đây câu chuyện thầy giảng thứ 14 của cha Đắc-Lộ, ông Batêlêmi, lại được kể tiếp : « Lúc đó ông Batêlêmi mà tôi đã kể trên đây đến gặp tôi yêu cầu tôi thi hành lời hứa trước đây, là sẽ nhận ông vào số những người cộng tác với tôi nếu bà vợ cứ một mực cứng lòng không chịu trở lại. Ông đã theo lời tôi cố gắng tìm hết cách để thay đổi lòng bà, nhưng tốn công vô ích. Lúc này đã làm trọn lời tôi bảo, nhận lời ông được toại nguyện, cái đó phải lắm. Tôi liền hỏi ông : ông bạn yêu dấu, ông có hiểu việc của ông xin hay không ? Ông không thấy tôi đang là một tù nhân sao? Đáng lẽ lúc này ông phải xin rút lui chứ sao lại xin gia nhập ? Người công giáo can đảm đó đáp lại : Thưa cha, cha nói gì vậy, chính vì thế mà lúc này hơn lúc nào hết, con muốn được gia nhập đoàn truyền giáo của cha. Phải, chính vì cha bị bắt giam và bước vào con đường tử đạo, nên con muốn được theo chân cha. Thế nào thì thế cha không thể từ chối lời hứa của cha, con nhất định không rời khỏi đây .»

Đến sẩm tối thì thuyền tới bến phủ chúa. Hôm sau lễ Đức Chúa Trời Ba Ngôi, cha được dâng lễ và từ giã giáo dân trước khi vào trại giam.

« Trong chốn tù ngục tối tăm hôi hám đó, tôi và chín thầy giảng của tôi đã coi như thấy Thiên đàng thực. Người ta đang đóng những chiếc thang cho chúng tôi (1). Chúng tôi mong đợi nó như bảo đảm của ơn tử đạo, hy vọng trọng đại hơn hết của chúng tôi. » (2)

Triều thần được họp lại để định đoạt số phận của cha Đắc-Lộ. Chúa Thượng tuyên án cha phải xử tử và lệnh sẽ được thi hành ngay hôm đó. Nhưng vị đại thần trước đây là thầy dạy của chúa, mà cha Đắc-Lộ đã nói trên đây, can ngăn lại.(3) Ông

(1) Cha Đắc-Lộ có ý nói chiếc gông, trên đây, Cha gọi là huân chương thập giá xứ Nam.

(2) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 256.

(3) Xem trên, chương V.

cho rằng, nếu nhà chúa kết án trảm quyết cha Đắc-Lộ vì một lý do nào khác, thì ông không dám can ngăn, nhưng nếu chỉ vì cha đã giảng đạo Gia-tô, một đạo thực ra không có dạy điều gì gian ác, hay trộm cắp giết người, thì kết án như thế là để gươm vấy máu người vô tội. Chúa Nguyễn nhận ra lẽ phải rút án, và tuyên bố nhiêu sinh cho cha Đắc-Lộ với điều kiện là phải ra khỏi nước ngay và không bao giờ được dám bước chân trở lại.

Người ta đem gông vào tù để bắt các thầy giảng mang. Chín thầy sung sướng đưa cổ ra lĩnh nhận. Cha Đắc-Lộ không khỏi buồn rầu vì không được phúc tử đạo và không được chịu đau khổ đeo gông mang xiềng như chín thầy : « chỉ có tôi là kẻ khốn nạn, thực đáng hổ thẹn vì không được mang dấu hiệu danh dự đó.»

Trong số chín thầy giảng cũng có một chú bé :« cách đây ít lâu người ta mới cho tôi một chú bé 15 tuổi, tôi cho đi theo với các bạn của tôi để học hỏi cách sống xứng đáng người công giáo. Chú bị giam với chúng tôi và khi người ta mang những chiếc thang đến thì chú liền đưa cổ ra để được đeo vào. Quan thấy ách đó nặng quá sức của chú nên thương tình truyền cho người ta đổi cho chú chiếc khác nhẹ hơn. I-nha-xu, tên thánh của chủ bé vô tội đó, liền xin đừng đổi cái nhẹ hơn, nói rằng chú đủ can đảm và sức vóc để mang ách của Chúa chúng ta. Ách Chúa bao giờ cũng nhẹ, vì Đấng mà người ta mang vì Người, sẽ giúp họ vui lòng mang nó.» Người ta đã để cho chú mang gông như các thầy khác.

Cảnh tù của các thầy và cha Đắc-Lộ phải chịu cũng như tất cả các cảnh tù của thời đó. Không giường chiếu, nằm trên đất không, ruồi muỗi, tối tăm, hôi tanh, ẩm thấp, cơm ăn một nắm nhỏ với chút muối, vừa đủ để giữ hơi sống. Trừ cha Đắc - Lộ, các thầy còn bị lính tráng đánh đập chửi mắng để đòi tiền.

Giáo dân đã tìm cách để làm nhẹ cảnh tù của cha Đắc-Lộ và các thầy. Một thầy đồ trẻ tuổi đã tình nguyện xin vào trong tù để mang cơm nước, thức ăn cho cha và các thầy.

Biết không còn được ở lại với các thầy trong tù và sẽ phải

vĩnh biệt các thầy và cả giáo đoàn xứ Nam, để rồi từ nay cả xứ Bắc cũng như xứ Nam sẽ là nơi cấm địa của cha, sau bao năm dầy công xây dựng. Hôm tuyên án, sáng sớm tinh sương cha đã đánh thức các thầy, khuyên bảo những lời cuối cùng, thúc giục các thầy can đảm xưng đạo Chúa và dọn tâm hồn các thầy sẵn sàng lĩnh nhận tất cả các thánh giá Chúa gửi đến. Các thầy xưng tội, dự lễ và chịu lễ. Trên đĩa bạc của lễ hôm đó cha Đắc-Lộ đã dâng lên Chúa cùng với của lễ Chúa Giêsu tất cả hy sinh của cha và của các thầy. « Xin đừng theo ý con mà chỉ một theo ý Cha ». Đời sống cộng tác với ơn Cứu chuộc kết cấu bằng lễ hy sinh trên thập giá với Chúa Cứu thế, để một ngày mai Giáo hội miền Nam sẽ thấy ngày khải hoàn phục sinh. Nhiều người con mới sẽ được sinh ra trong phép Rửa, để Giáo hội mỗi ngày lớn lên trong thập giá, đoàn chiên sẽ thêm nhiều.

2.— Vĩnh biệt xứ Nam.

Sáng hôm đó chính quan trấn Quảng-nam, người đã ra lệnh xử tử thầy Andrêa, được chúa Nguyễn sai giải cha ra cửa Hội-an để đưa xuống tàu người Bồ về Áo-môn. Biết tin trước giáo dân ở kinh đô đợi sẵn hai bên sông để vĩnh biệt. Nhưng cha không được gặp họ lâu, theo lệnh trên, lính tráng không cho cha dừng chân lại. Nhiều người theo sau khóc lóc.

Đi được bốn dặm thì có hai người có đạo tha thiết xin lính cho đến gặp cha. Thương tình, lính cho phép họ đến lạy cha lần cuối cùng. Thừa dịp họ báo cho cha biết là người ta đồn rằng chúa Nguyễn không dám xử tử cha ở kinh, nên truyền cho lính đưa cha xuống thuyền, rồi chờ đến tối sẽ giầy cha xuống nước cho chết đuối.

Cả hôm đó, cha dọn mình sẵn sàng để tử đạo, và suốt đêm cha không dám ngủ, mong đợi giờ Chúa gọi, cha viết:« Tôi trông ngóng cái giờ hạnh phúc đó đến. Không lúc nào thời gian đối với tôi sao lại dài thế.Tôi mong nó đến sớm để dẫn tôi đến đời sống đời đời » (1). Nhưng thấy lính tráng ngủ yên giấc và không

(1) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo.

tỏ một dấu gì có thể lo ngại, cha bắt đầu nghi ngờ tin đồn đó. Một đêm qua đi trong mong đợi hạnh phúc tử đạo, hôm sau cha đến cửa Hội-an.

Lúc đó tàu buôn người Bồ đang buôn bán ở đó. Cha bị giữ ở một gia đình người Nhật, đêm ngày có lính canh gác, không ai được đến thăm cha. Nhưng ông Phanxicô, tên thánh người lái buôn Nhật đó đã tìm cho cha phương thế để cha gặp giáo dân lần cuối cùng. Ở bên cạnh có một nhà cũng người Công giáo. Giáo dân bí mật đến hội họp tại đó. Ban đêm, chờ khi lính canh ngủ rồi, ông Phanxicô bắc thang cho cha trèo qua cửa sổ sang nhà bên để gặp giáo dân, rửa tội, giải tội và khuyên bảo họ. Độ hai giờ sáng, dâng lễ rồi lại bí mật trở về. Cứ như thế trong 22 ngày bị giam ở cửa Hội-an, cha đã rửa tội được 92 người.

Cha gặp các thày giảng ở miền Nam lên, căn dặn các điều cần thiết để các thầy trông coi giáo đoàn trong thời gian chưa có thừa sai đến thay thế. Trước khi lên kinh đô, cha đã chia các thầy ra làm hai toán : một toán ở lại hoạt động miền Nam gồm năm thầy, còn một toán bảy thầy và một chú theo cha qua kinh đô lên vùng Bắc. Khi nghe tin cha và các thầy toán miền Bắc bị bắt giam, cha Đắc-Lộ bị trục xuất, các thầy liền lên để gặp cha.

Ngày ra đi của cha cũng như ở miền Bắc, là một tang lớn cho giáo hội xứ Nam : « Tôi không biết tả cho xiết những tiếng khóc than của giáo dân đứng vĩnh biệt tôi ở bến, khi tôi phải lên đường với những người Bồ. Họ khóc lóc vật vã trên bãi, kêu gào thảm thiết làm cho trái tim tôi se lại. Đứng trước lòng trìu mến của những giáo dân tốt lành đó, tôi không nói được nên lời, chỉ biết gật đầu đưa tay gạt nước mắt vĩnh biệt họ. » (1)

Lệnh trục xuất được tuyên bố trước công chúng cấm cha không được trở lại xứ Nam, và không một tàu buôn nào được cả gan chở cha vào xứ này, nếu trái lệnh thì cha và vị thuyền trưởng sẽ bị chém đầu.

Hôm đó là mồng 3 tháng 7, 1635, cha từ giã đất Việt thân

(1) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 269.

yêu của cha sau ba năm hy sinh để xây dựng. Cha ra đi mang theo lễ vật quí giá : di hài, đầu thầy Andrêa, tử đạo tiên khởi của Giáo hội Việt-Nam. Trên Thiên đàng thầy đang cầu khẩn cho Giáo hội nước Việt được can đảm và lớn lên vững mạnh trong cơn sóng gió, và lúc này che chở cho cha Đắc-Lộ được qua biển bằng yên. Qua vùng Hải-nam, nơi đã làm đắm biết bao tàu buôn của người Bồ, tàu của cha Đắc-Lộ gặp bão. Đặt đầu thầy Andrêa ở giữa thân tàu, cha họp tất cả các nhân viên trên tàu lại đọc kinh cầu Đức Mẹ để xin Người và thầy Andrêa phù trợ cho. Khỏi ít lâu bão tắt, gặp gió thuận, tàu trở về Áo-môn bằng yên.

Tất cả không hết lời cảm ơn Chúa, nhờ sự bầu cử của Đức Mẹ và thầy Andrêa, vì cũng trong chuyến bão lần đó ở Hải-nam hai tàu người Bồ qua đó đều bị đắm : Một tàu ở Ấn-độ lên, và một tàu cũng cùng rời bến xứ Nam với chuyến tàu của cha. Chỉ mình tàu cha là thoát nạn.

Năm ngoái chuyến tàu buôn mang xác thầy Andrêa về Áo-môn cũng được thầy che chở cho. Thuyền trưởng giữ tay lái trong một lúc tự nhiên thấy có một sức gì huyền bí đưa tay lái về phía khác, mỗi lần ông muốn bắt lái cho đi theo đường vẫn quen lại có một sức gì cản trở lại. Ông đưa câu chuyện nói với các nhân viên trong tàu. Không ai hiểu vì sao, đành cứ để tàu đi theo sức hướng dẫn huyền bí đó. Chuyến ấy tàu đến bến Áo-môn chậm mất bốn ngày, nhưng đến nơi ông mới hay là mấy chiếc tàu đi theo đường cũ đều bị người Hòa-lan thù địch của người Bồ đón đường cướp và bắt tàu. (1).

Hai câu chuyện trên đã nâng cao sự tôn sùng của người dân Áo-môn đối với vị Tử đạo tiên khởi của nước Việt. Nhiều người được ơn thầy bầu cử.

3.—Thầy I-nha-xu và Vinh - Sơn tử đạo.

Ở tù cũng như ở ngoài, thầy I-nha-xu vẫn luôn hoạt

(1) Rhodes, La glorieuse mort d'André catéchiste, và trong cuốn Những cuộc hành trình và truyền giáo.

động trong truyền giáo. Trong chốn tối tăm cảnh tù tội thầy đem đến cho họ ánh sáng của tin lành Phúc-âm. Được cha Đắc Lộ gửi cho một số tiền giúp, thầy gửi trả lại, chỉ xin cha gửi cho nhiều tràng hạt và ảnh tượng để phân phát cho tù nhân đã vâng theo tiếng gọi của tin lành.

Cha Đắc-Lộ từ giã xứ Nam ngày mồng 3 tháng 7, thì ngày 26 tháng 7 các thầy bị đưa ra công đường. Đúng một năm sáu ngày thầy Andrêa bị xử ở Quảng-Ngãi. (1)

Cha kể :«Tất cả chín thầy cổ đeo thang nặng,mặt hiền từ như thiên thần, đứng trước công đường oai nghi của phủ chúa mà không một chút nao núng sợ hãi. Mọi người phải bỡ ngỡ. Ai cũng xót thương các thầy bị bạc đãi, đánh đập, giam cầm khổ sở,thực ra có tội tình gì cho cam,hoặc nếu có tội gì chăng nữa,thì người ta không yêu cầu gì khác là các thầy chối nó đi thôi.

« Tưởng có thể gây khiếp đảm ,chính nhà chúa đứng tra hỏi các thầy có phải là những người theo đạo Gia-tô và nếu từ trước đã trót theo thì bây giờ nhà chúa truyền cho các thầy phải bỏ đạo đó. Thầy I-nha-xu thay mặt các thầy thưa lại : muôn tâu chúa Thượng, thực thế, tất cả các bày tôi là những người theo đạo Gia-tô và nhờ ơn trên giúp tất cả sẽ là người có đạo cho đến chết.» (2)

Nghe câu trả lời cứng cỏi đanh thép đó, nhà chúa nổi giận, và các quan hết sức khuyên các thầy nên đổi ý theo lệnh truyền của nhà chúa bỏ đạo. Nhưng hai thầy I-nha-xu và Vinh-sơn thay mặt các thầy một mực xưng đạo và đã thưa lại những lời can đảm.

Cuối cùng chúa Nguyễn ra lệnh xử trảm quyết hai thầy, còn bảy thầy kia thì mỗi người bị chặt một đốt ngón tay. Lệnh sẽ được thi hành ngay lập tức. Nghe án xử, hai thầy không buồn rầu sợ hãi, trái lại hớn hở vui vẻ như người được đi lĩnh thưởng.

Hai trăm quân dẫn các thầy ra ngoài kinh thành, đến một

(1) Xem trên.

(2) Đắc-Lộ, Những cuộc hành trình và truyền giáo, trang 272.

khu đất rộng. Nghe tin dân chúng kéo đến xem đông lắm vì đấy là lần đầu tiên có một án xử tôn giáo. Người ta đã nghe bàn tán nhiều lần gương can đảm anh hùng bất khẳng quá khóa của các thầy sư bèn đạo. Các người có đạo đều đến dự không phải để thúc giục các thầy can đảm đến giờ phút cuối cùng, nhưng là để học hỏi nơi các thầy đức tính anh hùng minh chứng đạo mà các thầy đã giảng cho họ.

Một cuộc rước lễ vật đến Núi Sọ để dâng lễ hy sinh mà trong đó cũng có mặt bà mẹ của thầy I.nha-xu. Cha Đắc-Lộ đã ca tụng can đảm của bà cũng như Đức Mẹ, người Mẹ của Vua các Thánh Tử đạo khi Người theo Con lên Núi Sọ. Bà rẽ đám đông can đảm tiến lại gặp con. Bà ôm lấy con mình và không một lời hèn yếu, bà đã nói những lời của bà mẹ anh em Macabêô. I-nha-xu đã xin mẹ cầu nguyện và đã không cầm nổi giọt lệ khi nói lời vĩnh biệt, nhưng thầy đã tìm giải thích để bà cụ hiểu những giọt lệ đó là nỗi lòng tự nhiên của tình mẹ con chứ không vì sợ chết.

Đến nơi xử, thầy I-nha-xu giơ tay ngửa mặt lên trời cầu nguyện và vĩnh biệt mọi người đứng chung quanh. Người ta chém có một nhát thì đầu thầy rơi xuống. Những người đứng gần đó đã thề làm chứng rằng khi chiếc đầu thánh đó rơi xuống đất, còn kêu tên cực trọng Chúa Giêsu ba lần.

Sau khi xử thầy I-nha-xu và Vinh-Sơn, thì người ta chặt ngón tay bảy thầy khác. Các thầy vui vẻ chịu, không ai kêu ca một lời.

CHƯƠNG VII

XỨ BẮC, CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN SAU CHA ĐẮC-LỘ

I.— Giáo đoàn xứ Bắc trong thời kỳ vắng mặt của các thừa sai.

1.— Hoạt-động của các thầy giảng.
2.— Những giáo dân xưng đạo.
3 — Những thừa sai đến tiếp tục.

II.— Giáo đoàn xứ Bắc dưới quyền cha Gaspar d'Amaral (1632-1640).

1.— Lúa chín đầy đồng.
2.— Những thử thách.
3.— Công cuộc truyền giáo ở Lào.

III.— Giáo đoàn xứ Bắc dưới quyền cha Felix Morelli (1640-1649).

1.— Những thử thách tiếp tục.
2.— Bức thư quan trấn Quảng-Tây.
3.— Bách hại 1649.

IV.— Giáo đoàn xứ Bắc dưới quyền cha Hiêrônimô Majorica (1650-1656).

1.— Giáo dân và xứ đạo.
2.— Tổ chức thầy giảng.
3.— Cuối thời Trịnh-Tráng.

V.— Cha Onuphre Borgès và lệnh trục xuất 1658-1663.

1.— Những mây mù báo hiệu.
2.— Lệnh trục xuất 1658.
3.— Lệnh trục xuất 1663.

I.— GIÁO ĐOÀN XỨ BẮC TRONG THỜI KỲ VẮNG MẶT CÁC THỪA SAI (1)

1.— Hoạt động của các thầy giảng.

Cha Đắc-Lộ và Pedro Marquez đã từ giã xứ Bắc để không bao giờ được trở lại, nhưng không đầy một năm sau, đã có các thừa sai khác đến thay thế. Đó là 3 cha người Bồ : Gaspar d'Amaral, Antonio de Fontis và Antonio Cardim.

Cha Gaspar d'Amaral, năm trước đã được chứng kiến những kết quả truyền giáo của 2 cha Đắc-Lộ và Pedro Marquez, lòng đạo đức sốt sắng và quyến luyến của giáo đoàn Kẻ chợ với 2 cha. Tuy đã được chỉ định vào truyền giáo cho nước Nhật nhưng tình trạng bách hại gắt gao không cho phép, nên từ lúc bỏ xứ Bắc về Áo-môn, cha vẫn mong ước được trở lại. Đã được cha Đắc-Lộ dạy cho tiếng nói, phong tục và tánh tình người dân, cha được sai trở lại để tiếp tục công cuộc của 2 cha. Cùng cộng tác với cha có cha Antonio de Fontis, đã hoạt động lâu năm ở xứ Nam dưới quyền cha Buzomi. Còn cha Antonio Cardim, cũng người Bồ đã thông thạo tiếng Xiêm, cùng đi với 2 cha vào xứ Bắc để tìm đường lên truyền giáo cho xứ Lào.

Ngày 18 tháng 2, 1631, các cha lên đường và ngày 1 tháng 3, tới Kẻ chợ với tất cả sự vui mừng đón rước của giáo dân. Tưởng rằng giáo đoàn nếu không bị tan rã cũng bị sút kém đi nhiều, trái lại con số không giảm lại còn tăng lên gấp đôi, tinh

---

(1) Bartoli. Istoria della Compagnia di Gesu, libro 4°, parte 1 a vol. 7°, trang 181–262 ; và Đắc-Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, trang 262.

thần giáo dân trong thử thách lại thêm vững mạnh, sốt sắng hơn trước.

Được như thế, một phần lớn là nhờ ở tổ chức thày giảng mà cha Đắc-Lộ đã để lại trước khi ra đi. Trong khoảng gần 10 tháng các thừa sai vắng mặt, 3 thày Phanxicô, Andrêa, I-nha-xu đã chia nhau đi thăm các họ đạo, khuyên bảo giảng dậy giáo dân, truyền giáo cho người ngoại.

Với lời khuyên bảo thúc giục của các thày, tinh thần bác ái tương thân tương trợ và đoàn kết của giáo dân mỗi ngày thêm bền chặt. Đời sống đạo đức, trung thành giữ luật Chúa của họ đã làm các lái buôn người Bồ phải ngạc nhiên. Theo họ, muốn đo trình độ đạo đức của giáo đoàn xứ Bắc, không thể xếp họ ngang hàng với « một số giáo dân Tây phương có một đời sống đạo đức đặc biệt, mà phải so sánh họ với các thầy nhà tập trong các tu viện đã được cải tổ mới đây. » (1)

Hoạt động truyền giáo của các thầy, kết quả cũng không kém. Các thày đã rửa tội thêm được 3.340 người và dọn dẹp cho một số đông tân tòng khác sẵn sàng lĩnh nhận phép Rửa. Như thế với con số 5.602 của giáo đoàn xứ Bắc khi 2 cha Đắc-Lộ và Pedro Marquez ra đi, đầu năm 1631, đã lên tới 8.942 (2). Hai mươi nhà thờ và họ đạo mới được thành lập thêm. Số các thầy giảng do 3 thày huấn luyện cũng thêm nhiều.

Để thưởng công, các thày không yêu cầu gì hơn là được hiến dâng trọn đời cho Chúa. Trước khi cha Đắc-Lộ ra đi, các thày đã khấn hứa trước mặt cộng đồng sẽ không kết bạn, để của chung và vâng lời thầy bề trên trong suốt thời gian vắng mặt các thừa sai. Lúc này đã có các vị khác đến thay thế, các thày mong muốn được khấn hứa vĩnh viễn 3 lời tu thệ đó. Các cha rất vui lòng ưng nhận yêu cầu của các thày.

---

(1) Đắc-Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh trang 262.

(2) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu, trang 183.

2.— Những giáo dân xưng đạo.

Những điều yêu ủi và hứa hẹn hơn hết, đó là tinh thần bền vững của những giáo dân mới theo đạo

Mở đầu trang sử oanh liệt của những anh hùng xưng đạo xứ Bắc, đó là ông Phanxicô. Rất mực thương người, ông chăm lo giúp đỡ người nghèo khổ, nhất là công việc ma chay tống táng cho các gia đình túng bấn. Nhiều khi chính ông đến khâm liệm và khiêng cất cho họ. Cũng vì công việc bác ái đó mà ông bị tố cáo với hoàng đệ về tội phạm nhan, vì ông là linh hầu cận trong phủ, được cắt vào việc khiêng kiệu, võng cho hoàng đệ.

Vẫn không ưa đạo, nghe biết ông Phanxicô là người công giáo lại hay làm việc bác ái thương người, chôn cất cho các gia đình túng bấn, ông cho gọi vào hầu và truyền bỏ đạo. Ông Phanxicô can đảm thưa lại mình là tôi con Chúa trời đất, cương quyết trung thành giữ đạo của Người và thi hành giới răn bác ái của Người. Tưởng có thể làm ông thất đảm bằng cách đe dọa cất ngôi chức và đuổi ra khỏi phủ, nhưng ông Phanxicô vui vẻ ra đi, để từ nay được hoàn toàn hiến dâng cho công việc từ thiện bác ái.

Nghe biết chuyện, ông hoàng truyền bắt giam, đánh đòn, kìm kẹp, truyền bỏ đạo. Không một nao núng, cuối cùng ông bị án trảm quyết. Đó là anh hùng xưng đạo đầu tiên của xứ Bắc.

Trong nữ giới, cũng không thiếu những gương anh hùng. Cô Đaria và cô Pia là 2 gương trung thành giữ luật Chúa và đồng thời nêu cao đức trinh khiết của người theo đạo.

Luật đạo chỉ cho phép có một vợ một chồng. Cô Đaria bị một quan trong vùng ép hỏi làm thiếp. Để có thể trung thành với luật Chúa trước sức mạnh của cường quyền, cô bỏ làng trốn đi nơi khác. Tức giận, quan liền bắt giam bà con để tra hỏi. Tất cả đều can đảm thưa rằng vì tôn trọng luật Chúa họ không được phép nộp cô cho quan. Để tránh những phiền nhiễu

của lính quan sai về với những đe dọa tra khảo tiếp tục, bắt bỏ đạo và tế thần, họ bỏ làng trốn lên Kinh.

Theo gương cô Đaria, cô Pia, bị cha mẹ đánh đập đe dọa ép cưới làm tì thiếp bố nuôi, sau nhiều trận đòn mê man chí tử, cô phải tìm đường trốn lên Kẻ chợ để có thể trung thành giữ đạo và bảo vệ đức trinh.

Trong đám tuổi trẻ đầu xanh cũng không thiếu gương can đảm. Mới 14 tuổi đầu, cậu I-nha-xu đã được ơn trở lại. Cha mẹ cậu còn ở bên ngoại, nhất định tìm cách bắt cậu bỏ đạo không cho cậu giữ luật đạo. Ngày chay,cha mẹ bắt cậu phải dùng bữa ; ngày kiêng, bắt cậu phải ăn thịt... Nhưng dầu bị đánh đập đe dọa, cậu nhất định không vì nể cha mẹ mà lỗi luật Chúa. Cậu bị đuổi khỏi nhà. Hy sinh vì Chúa, cậu lên Kẻ chợ và sau được ở giúp việc các cha.

3.— Những thừa sai đến tiếp tục.

Đến Kẻ chợ, nhận thấy tình trạng giáo đoàn xứ Bắc rất khả quan và nhiều hứa hẹn như thế, các cha thêm phấn khởi và công việc đầu tiên là vào yết kiến vua Lê, chúa Trịnh để hy vọng xin ở lại truyền giáo.

Lúc đó gặp kỳ thi hội, vua Lê, chúa Trịnh ra trường thi để ban mũ áo cho các ông nghè mới ; giữa đường gặp 3 cha, liền truyền lấy 3 ngựa cho các cha theo đến dự. Được chúa Trịnh Tráng ân cần hỏi han và hứa cho ở lại truyền đạo, các cha dâng cho chúa một chiếc đồng hồ bằng bánh xe. Nhà chúa thích lắm và thỉnh thoảng lại cho gọi vào để chỉ dẫn máy móc cho chúa xem.

Trong suốt thời kỳ tàu buôn người Bồ ở lại buôn bán, các cha được tự do truyền đạo. Trong vòng 2 tháng, các cha đã rửa tội được thêm một ngàn người nữa. Nhưng khi tàu buôn sắp giỗ neo thì Trịnh Tráng đổi ý, ra lệnh cho các cha phải theo tàu buôn trở lại Áo-môn. Sau nhiều lần yêu cầu, chúa mới cho



Quan Nghè mặc triều-phục.
Hình trong cuốn « Những Khu Truyền Giáo » của Cha Marini.



Lính Thị - Vệ.
Hình trong cuốn « Những Khu Truyền Giáo » của Cha Marini.

một hoặc 2 cha ở lại, với điều kiện là không được hoạt động truyền giáo. Cha Antonio Cardim đã được chỉ định lên truyền giáo đất Lào đành phải rút lui, còn lại 2 cha Gaspar d'Amaral và Antonio de Fontis.

Nguyên do sự đổi ý này, như các cha nhận xét, một phần do sự thúc đẩy của một quan lớn ghét đạo có ảnh hưởng lớn trong việc triều chính và nhất là vì người Bồ không chịu nhận đề nghị của Trịnh Tráng yêu cầu họ tuyệt giao với chúa Nguyễn. Từ năm 1630, sau chuyến giao tranh lần thứ nhất 1627, chúa Nguyễn, Sãi-vương, đã đổi thế thủ ra thế công, sai tướng đánh lấy phía Nam ngạn sông Linh-Giang (1). Trịnh Tráng lo ngại, muốn lôi kéo người Bồ về phía mình để chúa Nguyễn mất người tiếp viện khí giới. Nhưng người Bồ lại muốn lợi dụng chiến tranh để bán khí giới cho đôi bên, và dẫu sao liên lạc buôn bán với chúa Nguyễn vẫn dễ dàng và lợi lộc hơn với chúa Trịnh.

Ở lại, 2 cha phải vất vả cắt lượt nhau mỗi tuần đôi lần vào ra mắt chúa Trịnh với các quan triều để khỏi bị nghi ngờ. Nhưng đồng thời vẫn lén lút hoạt động truyền giáo với sự trợ giúp của các thày giảng và tông đồ giáo dân.

Vào tháng mười năm đó lại có một chuyến tàu buôn ở Áo-môn vào Kinh. Bề trên kinh lược tỉnh dòng lúc đó là cha Palmeiró lại sai thêm 2 cha người Ý : cha Hiêrônimô Majorica và Bernardinô Reggiô. Cha Majorica, bạn truyền giáo của cha Đắc-Lộ, hoạt động truyền giáo nhiều năm ở xứ Nam, thông thạo tiếng nói phong tục và đã qua nhiều thử thách. Còn cha Reggio tuy mới vào trường hoạt động, nhưng cũng đã học được ít nhiều tiếng nói và rất yêu mến nước Việt.

Chuyến tàu buôn lần đó không may gặp nhiều tai nạn. Qua Hải Nam đâm phải một mỏm đá ngầm, đến lúc vào sông Cái lại va phải một súc gỗ lớn, tàu bị chìm, may mà người trên tàu đều thoát nạn.

(1) Trần trọng Kim, Việt-Nam Sử Lược, trang 260.

Cũng như lần trước, 2 cha được tiếp đón niềm nở với nhiều hứa hẹn, để đến lúc tàu đã sửa chữa, bán hàng xong xuôi, sắp trở về thì được lệnh nhà chúa chỉ cho 2 cha ở lại. Cuối cùng với sự can thiệp của người Bồ, cả 4 cha được ở lại.

II.— GIÁO ĐOÀN XỨ BẮC DƯỚI QUYỀN CHA GASPAR D'AMARAL (1632 - 1640).

1.— Lúa chín đầy đồng.

Dưới quyền cha Gaspar d'Amaral, ba cha Majorica, de Fontis và Reggio hăng hái tiếp tục công cuộc của 2 cha Đắc-Lộ và Pedro Marquez. Hoạt động truyền giáo vẫn phải thi hành trong bóng tối. Mỗi tuần đôi lần, một vài cha vào ra mắt chúa Trịnh với các quan triều để khỏi bị nghi nghờ.

Lúc đó, sang đầu năm 1632. Chúa Trịnh được tin trong Nam, Nguyễn-phước-Ánh, con thứ ba của chúa Sãi, trấn thủ đất Quảng-Nam, muốn làm phản để tranh quyền với hoàng tử nối nghiệp, và đã cho người đưa thư ra xin làm nội ứng nếu chúa Trịnh đem quân vào đánh. Trịnh Tráng đã ra lệnh cho ba quân sẵn sàng để lên đường, Các cha cũng hy vọng trong thời kỳ chúa Trịnh vắng mặt, sẽ được tự do đôi chút để thăm viếng, tổ chức lại các họ đạo.

Binh thuyền đã sẵn, thêm một ngàn voi trận đã được huấn luyện, chỉ còn làm lễ tế trời nữa là xuất binh. Ngày 20 tháng 2 âm lịch được chọn làm ngày tế. Nơi tế là một đảo con ở giữa Sông Cái. Từ sáng sớm, suốt hai bên bờ sông, binh thuyền lính tráng, voi trận dàn hàng rất oai vệ. Nhưng vừa mới tế trâu và lợn xong thì tự nhiên trời xầm lại, mưa như trút suốt một tiếng đồng hồ. Mưa tạnh, chung quanh mặt trời lại có quầng u ám.

Cho hỏi các thầy cúng thầy bói,ai cũng bảo là điềm gở,Trịnh Tráng liền cho lệnh hoãn binh. Lo có nội loạn, chúa Trịnh

cho quân canh phòng cẩn mật, suốt một thời gian ở trong phủ không ra ngoài (1).

Để tránh nghi ngờ,các cha vẫn tiếp tục hoạt động trong bóng tối. Nhưng với ơn Chúa và cố gắng hoạt động cộng tác của các thầy giảng, số giáo dân mỗi ngày một thêm đông. Năm trước, 1631, các cha đã rửa tội thêm được 4.043 người, và năm 1632, 5.727 người.

Vào cuối năm 1632, Trịnh Tráng tỏ ra dễ dàng hơn, bốn cha liền chia nhau : hai cha Gaspar d'Amaral và Reggio ở lại kinh để theo rõi tình hình, đồng thời tiếp tục vào yết kiến chúa Trịnh hàng tuần, còn hai cha Majorica và de Fontis thông thạo tiếng nói, khu vực hơn, thì đi thăm các họ đạo vùng Nghệ An, Thanh Hóa. Đã ba năm, từ khi được cha Đắc-Lộ, trong thời kỳ lưu vong, đi qua truyền giáo cho, họ vẫn chưa được thấy bóng người linh mục.

Suốt bốn, năm tháng liền,hai cha chia nhau đi thăm các họ, cha Majorica vùng Nghệ An, cha Antonio de Fontis vùng Thanh Hóa, họ một đôi ngày, họ bốn năm ngày. Nhiều đêm phải thức trắng để ngồi tòa,còn suốt ngày bận công kia việc nọ,giảng giải cho giáo dân, tổ chức, xếp đặt họ đạo. Các thày giảng và các tông đồ giáo dân đã giúp các cha rất nhiều.

Nhưng cuộc thăm viếng chưa xong thì một sắc chỉ cấm đạo làm ngừng trệ. Ở Thanh Hóa, cha de Fontis bị bắt giam bốn ngày rồi được tha, còn cha Majorica sau hai tháng. Cảnh giam cầm kéo dài tiếp ngay sau thời gian vất vả đi thăm các họ, cha Majorica vì thế mất sức đi nhiều.

Vào tháng 4-1633, tàu buôn Áo-môn lại cập bến, vì nể người Bồ, Trịnh Tráng lại để các cha được tự do hoạt động. Một số ảnh tượng gửi đến bị tịch thu,nhưng các sách chữ Hán và nhiều ảnh tượng cũng đến tay các cha. Cha Reggio với tài điêu khắc cũng cho in một ảnh Chúa Cứu Thế và ảnh Đức Mẹ để phát cho giáo dân.

---

(1) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu.

Ở Nghệ-An và Thanh-Hóa, hai cha Majorica và Fontis sau khi ra khỏi tù, liền tiếp tục đi thăm các họ đạo. Còn hai cha Amaral và Reggio hoạt động ở kinh đô. Cha Felix Moulli sau này đã tả cho chúng ta đời sống của hai cha : « Suốt ngày không mấy lúc được nghỉ yên, hết công kia đến việc nọ. Mới sáng tinh sương đã dậy dâng lễ, sau đó giải tội và giảng dậy cho giáo dân, tiếp theo là các lớp học đạo, đám này ra đám kia vào, mỗi ngày có đến 5, 6 lớp và có khi đến 7 lớp người đến học. Về chiều, các cha đi thăm các họ đạo chung quanh để giải tội, thăm viếng người liệt, đến khuya mới về. Trong các cuộc xê dịch đi lại, hầu hết phải đi bộ, ngày nóng bức cũng như ngày đông rét lạnh, những buổi mưa dầm gió bấc, lội bùn lầy, thật vất vả ».

Không chịu quen khí hậu, lại thêm đời sống vất vả, cha Reggio đã ngã bệnh và từ trần ngày 24 tháng 5, 1634, tuổi mới có 39. Cha yêu sống khó khăn, kham khổ, mặc áo cũ vá, chay lạt đánh tội. Dân chúng, người theo đạo cũng như chưa theo đạo, đều kính phục. Cha chết đi, ai cũng thương tiếc.

Cha Fontis về Kẻ chợ giúp cha Amaral, một mình cha Majorica phải kiêm cả hai vùng Nghệ-an, Thanh-Hóa. Vào đầu năm 1634, sau khi đi thăm các họ đạo một lượt, cha đã về nghỉ tại họ Kẻ Rùm, một xứ đạo lớn với 4.183 nhân danh. Kết quả hoạt động cộng tác của các thầy giảng, mở đầu bằng một ơn lạ Chúa ban cho bà cụ Maura, do lòng tin tưởng của cậu Bênêđettô, con bà cụ. Bà cụ ốm nặng và bất tỉnh. Cậu Bênêđettô buồn lắm vì vắng mặt các cha, bà cụ không được chịu phép bí tích Xức dầu trước khi chết. Bà con đến để định khâm liệm. Cậu xin họ cầu nguyện một lúc với cậu, rồi với lòng tin tưởng cậu đổ một ít nước phép vào miệng bà cụ. Bà cụ tỉnh lại và sống. Mọi người kinh ngạc, ngợi khen Chúa. Mở đầu đã có 900 người ở Kẻ Rùm và chung quanh đó xin trở lại.

Ở Kẻ Rùm, cha Majorica đã viết nhiều sách cho giáo dân dùng. Cha là người đầu tiên trong các cha dòng Tên đã soạn nhiều sách bằng chữ nôm. Những loại sách về Minh Giáo, và nhiều sách thiêng liêng để đọc ở nhà thờ như sách sự thương khó Đức Chúa Giêsu, nhiều sách có tính cách giáo huấn như

sách về sự bền vững giữ đạo trong khi phải cấm cách, về phép lấy vợ lấy chồng, về việc cho vay nợ ăn lãi, sách giúp xưng tội chịu lễ nên, sách nói về những ích bởi sự xem lễ mà ra... Về loại chuyện các thánh cha cũng viết nhiều như sách Đức Bà Mẹ Chúa Trời, sách ông thánh Antôn, thánh Girôlamô, thánh I-nha-xu... và nhiều sách nguyện ngắm. Biết người Việt thích xem hát kịch cha soạn ra nhiều bản kịch như kịch thánh Alêxù, thánh Eustachiô... Để giáo dân nhớ lâu và in sâu vào trong trí những lẽ cần trong đạo, cha cổ động việc học bổn chung ở nhà thờ và việc thi bổn, phát phần thưởng. Nghe tin ở đâu giáo dân có điều thắc mắc vấn nạn, những tệ lạm cần sửa chữa, mà vì xa không thể đến nơi được, cha viết thư cho họ, để ngày chủ nhật hay lễ lạy, ông trùm đọc cho cả nhà thờ nghe.

Công cuộc truyền giáo cho người ngoại cũng được nhiều kết quả. Năm 1634, cha rửa tội được 4.183 người, hai cha Amaral và Reggio ở Kẻ chợ cũng rửa tội được hơn 5 ngàn. Số người rửa tội năm đó tất cả là 9.874. Năm trước 1633, được 7.652. Như thế từ năm 1627 bắt đầu với cha Đắc Lộ và Pedro Marquez, đến cuối năm 1634, trong khoảng 8 năm, giáo đoàn xứ Bắc từ con số không, số người được rửa tội đã lên tới 35.238.

2.— Những thử thách.

Con số đó đã lớn lên trong thử thách và với ơn Chúa, nhờ công cố gắng hy sinh của các thừa sai và các thầy giảng. Thử thách đầu tiên xảy ra vào cuối năm 1632, đang lúc hai cha Majorica và Fontis đi thăm các họ đạo vùng Thanh - Hóa, Nghệ-An.

Ở gần Kẻ Chợ, có một khu trại tên là Kẻ Sét (1), là đất chúa Trịnh ban cho một vương phi. Rất sùng bụt và ghét đạo, bà có xây ở đó một ngôi đền. Một hôm, có người điên vào bẻ gẫy tay một pho tượng rất được sùng bái. Được tin báo, bà liền đến

(2) Bartoli, Istoria della Compagnia di Gesu, viết là CheSet. Tức là Kẻ Sét, làng Giáp Bát, đại lý Hoàn Long, Hà nội ngày nay.

than vãn với chúa Trịnh và vu cáo cho người công giáo ở đó đã phạm đến thần phật. Không cần điều tra, ngày 17 tháng 10 âm lịch tức 28 tháng 11 năm 1632, Trịnh-Tráng lại ra chỉ cấm đạo. Một dịp để các quan địa phương quấy nhiễu giáo dân.

Riêng vùng Kẻ Sét, để báo thù, bà vương phi cho lính tráng về phá phách xứ đạo ở đó. Nhà thờ mới cất đẹp đẽ, rộng rãi, bị triệt hạ, và lính tráng đem gỗ lạt về khu bên ngoại để cất một đền mới. Bàn thờ, ảnh tượng trong các gia đình bị phá phách và một số đàn anh bị bắt giam, đánh đập khổ sở.

Ở Kẻ chợ, hai cha Amaral và Reggio bị bắt trói, lôi qua các phố. Người theo đạo, và người bên lương, vẫn một lòng kính phục các cha, thấy lính tráng hành hạ một cách quá đáng liền chạy lại bênh vực. Một quan trong triều biết chuyện, cũng đến quở trách họ. Họ bị một vài quan ghét đạo, lợi dụng cơ hội cho tiền để làm nhục các cha. Câu chuyện đến tai Trịnh-Tráng, nhà chúa vội xin lỗi các cha và nghiêm phạt lính tráng. Hôm sau lại ra lệnh cấm không được phạm đến của cải và sinh mệnh của người theo đạo. Nhờ đó phong trào bách hại quấy nhiễu ở các địa phương ngừng lại.

Nhưng những người không ưa đạo vẫn tìm các cơ hội có thể để làm cản trở hoạt động truyền giáo. Cũng như ở trong Nam hay trước đây cha Đắc-Lộ đã gặp ở Kẻ chợ, cha Majorica ở Thanh Hóa, Nghệ an cũng gặp phải nhiều phao đồn vu cáo phá hoại. Các thầy sãi phao đồn cha là một phù thủy cao tay, có phép đánh bùa mê quyến dũ những người đến nghe giảng. Một lần qua giếng, cha múc nước uống và rửa tay, có thế mà từ đó dân làng không dám dùng nước vì sợ bùa mê. Cha cũng không khỏi đau lòng thấy nhiều họ đạo mới trong các làng giáo tông bị tan rã vì bị người bên lương quấy nhiễu. Nhiều lần cha bị họ cầm gậy guộc đến đe dọa hay đuổi ra khỏi làng. Rồi mỗi lần bị hạn hán hay lụt lội mất mùa lại là một dịp để họ vu cáo vì người theo đạo mà thần phật phạt.

Hai năm 1635 và 1636, xứ Bắc gặp nhiều tai ương. Vào tháng 9 - 1635, một trận bão lớn dâng sóng tràn vào phá hại nhiều làng vùng Thanh-Hóa Nghệ-An. Vua Lê-thần-Tông phải đổi niên

hiệu Đức Long ra Dương Hòa (1635 — 1643). Trịnh Tráng ra lệnh cấm đạo. Một số nhà thờ các họ đạo bị triệt hạ. Nhưng hầu hết tránh được. Để đề phòng những khi bị cấm cách, khi làm nhà thờ, giáo dân đã làm nhiều cửa hai bên, có tin báo là họ lấy liếp chia thành nhiều gian, cho người đến ở. Quan quân có định đến phá, thì chỉ thấy là một khu nhà dài của nhiều gia đình ở chung với nhau, không dám phạm đến.

Hết nạn lụt, vào tháng 2 năm 1636, Kẻ chợ lại bị một nạn hỏa tai lớn. Người ta cho là do tay sai chúa Nguyễn gây ra để phá binh lực của chúa Trịnh. Năm trước, thấy Nguyễn-phước-Ánh nhân khi Sãi-Vương băng hà, nổi lên định tranh ngôi chúa với hoàng tử nối nghiệp, Trịnh Tráng đã sai tướng vào đánh đất Nam Bố chính (1), nhưng vì những tai ương xảy ra liên tiếp không cho phép chúa Trịnh lợi dụng cơ hội, kéo đại binh vào đánh Thượng vương.

Vì cấm cách và tai ương, công cuộc truyền giáo trong ha năm đó cũng bị ngừng trệ. Số người rửa tội được có 7.101.

Áo môn tiếp tục gửi thêm thừa sai : cha Antonio Barbosa người Bồ, rồi đến Felix Morelli, người Ý. Năm 1637, tình thế yên ổn, với 5 thừa sai, số người rửa tội lên tới 9.594.

Cha Antonio Barbosa và Felix Morelli sau khi thông thạo tiếng nói, được phái đi thăm các họ đạo vùng xứ Kẻ Đông, Kẻ Nam, tức Hải Dương, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình ngày nay, và lập thêm hai cơ sở ở vùng đó. Giáo đoàn xứ Bắc lúc đó đã chia thành 5 khu vực : vùng Kẻ chợ do cha Amaral, bề trên giáo đoàn và cha Fontis quản nhận, hai khu Thanh-Hóa, Nghệ-An do cha Majorica kiêm, và hai khu Kẻ Đông, Kẻ Nam mới thành lập giao cho hai cha Felix Morelli và Antonio Barbosa.

Không quản vất vả nguy hiểm trong những chuyến qua rừng núi, hai cha cố gắng thăm viếng và tổ chức khu vực mới. Cha Barbosa một lần bị cướp đánh gần chết bỏ giữa đường, may có người đi qua đem về cứu sống được. Nhưng hai cha được

(1) Trần-trọng-Kim, Việt-Nam sử lược, trang 297.

yên ủi. Trong số những người trở lại, có nhiều người có địa vị, họ sẽ là những người chống đỡ cho các họ đạo khi bị cấm cách và nhất là nhiều thày sư thày sãi. Trong một thời gian vắn, các cha tính đã có 27 thày cúng xin trở lại, đốt các sách vở, bùa bèn, ấn tượng... Giáo dân sốt sắng thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, nhiều người vui lòng hy sinh tất cả để trung thành với đạo trước những thử thách.

Ở vùng Nghệ-an, Thanh Hóa hoạt động của cha Majorica cũng tiến mạnh. Năm 1638, Chúa đã gửi đến cho cha một thử thách.

Nguyên ở làng Kẻ Rùm, chỗ cha đóng trụ sở, số người công giáo rất đông và số người trở lại vẫn tiếp tục, người bên lương vùng đó đem lòng hiềm khích, xui giục một bọn đầu trộm đuôi cướp người Tàu nhân đi buôn qua đấy đến phá rối và sinh sự với người có đạo. Hôm đó là thứ tư đầu mùa chay, lễ Tro sắp được cử hành, bọn chúng xông vào nhà thờ, làm xôn xao, tỏ vẻ bất kính. Giáo dân yêu cầu rút lui, chúng sinh sự to tiếng, cha Majorica đến can thiệp bị chúng dùng búa đánh nhiều vết thương nặng. Để bênh vực cha xứ, các tuần tráng phải dùng đến võ lực. Không may trong bọn chúng, một tên bị tử thương.

Các tổng lý bên lương nhân cơ hội hợp với bọn chúng cho tuần tráng đến phá phách nhà thờ, bắt giam người bên giáo. Công việc đưa lên quan trấn và chuyển lên kinh, sau khi điều tra biết rõ câu chuyện và tông tích bọn lái buôn đầu trộm đuôi cướp đó, cha Majorica và các giáo dân được trắng án, còn bọn chúng trái lại sẽ bị tống giam để trị tội. Biết tin ban đêm chúng trốn ra biển và theo tàu buôn Hòa Lan để qua Nhật. Giữa đường chúng lại cướp tàu buôn vứt xác họ xuống biển rồi phân tán ra ba thuyền lớn. Nhưng rồi cả ba đều không thoát lưới công lý. Thuyền xuống Nam bị tịch thu vì ở xứ Bắc xuống. Thuyền xuống Chiêm thành vì mang súng ống có dấu hiệu Hòa Lan, bị điều tra, và cả bọn bị trảm quyết. Còn thuyền ngược lên Quảng Đông cũng chung số phận.

Còn ở Kẻ Rùm, quan phủ theo lệnh trên kinh bắt người bên lương phải cất trả bên giáo ngôi nhà thờ như cũ. Nhiều người

vì sợ Chúa bên đạo phạt như những lái buôn Tàu, còn dâng cúng nhiều của cải vào nhà thờ để chuộc lỗi. Từ đó, sự đạo vùng Nghệ an, Thanh-Hóa được một thời kỳ bình yên.

Vào đầu năm 1638, Áo-môn lại gửi thêm 3 thừa sai. Cha Gioan Baotixita Bonel, người Ý, nguyên viện trưởng học đường Áo-môn được cha bề trên tỉnh dòng mới, cha Manielô Diaz thay cha Palmeiro qua đời, phái làm bề trên kinh lý giáo đoàn xứ Bắc và sau đó sẽ qua Lào để mở đầu công cuộc truyền giáo ở đó. Cùng đi với Ngài là hai cha Raymond de Govea và Martino Coelho, cả hai là người Bồ.

Năm sau 1639, cha Gaspar d'Amaral, bề trên giáo đoàn xứ Bắc, đã từ lâu yếu mệt, được về Áo-môn dưỡng bệnh. Dưới quyền cha, giáo đoàn đã tiến những bước rất dài. Năm 1638 số người rửa tội được 9.070 và năm 1639, 12.230. Như thế từ con số hơn 5 ngàn cha Đắc-Lộ để lại, trong 9 năm đã lên tới hơn 7 vạn. Giáo đoàn xứ Bắc đã trở nên một giáo đoàn phồn thịnh với 5 cơ sở truyền giáo được tổ chức đầy đủ, hơn 100 nhà thờ và hơn 100 nhà nguyện với rất nhiều nhà giáo ở các họ ít người. Cha Barbosa vì yếu mệt nên cũng được về Áo-môn nghỉ. Cha Gaspar d'Amaral năm 1646 trở lại xứ Bắc nhưng bị đắm tàu chết ở vùng Hải-Nam, còn cha Barbosa qua đời ở Goa năm 1647. Trong thời kỳ ở Áo-môn, cha Amaral đã soạn cuốn tự điển Việt Bồ, và cha Barbosa soạn cuốn tự điển Bồ Việt. Cha Đắc-Lộ đã dùng tài liệu hai cuốn đó để soạn cuốn tự điển Việt-Bồ-La xuất bản sau này ở Roma năm 1651 (1).

Để thay thế hai cha, năm 1639, Áo-môn sai hai cha Balthasar Caldeira, người Bồ, và cha Giuse Maurô, người Ý. Hai cha sau một thời gian học thêm tiếng nói được sai trông coi vùng Thanh-Hóa vẫn do cha Majorica kiêm từ khi cha Fontis trở về Kẻ-Chợ. Một thử thách đến với các cha năm đó. Cha Giuse Maurô vì quá nhiệt thành hoạt động lại thêm khí hậu ẩm thấp nóng bức chưa quen, bị ngã bệnh qua đời, tuổi mới có 31. Thày

(1) Đắc-Lộ, Dictionnarium annamiticum lusitanum et latinum, ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide in lucem editum, Romæ 1651 - trang 7 và 8 bản đề tựa.

I.nha-xu và thày Andrêa, trong 3 năm giảng đầu tiên, cũng qua đời vào kỳ đó với sự mến tiếc của cả giáo đoàn.

3. — Công cuộc truyền giáo ở Lào.

Từ khi được biết kết quả công cuộc truyền giáo ở xứ Bắc do cha Đắc-Lộ và Pedro Marquez mở đầu, bề trên các thừa sai dòng Tên ở Áo-môn đã nghĩ đến công cuộc truyền giáo ở Lào nằm ngay cạnh xứ Bắc, mà tiếng nói phong tục lại tương tự như người Xiêm. Năm 1631, trong số 3 cha đến xứ Bắc, cha Antonio Cardim đã được bề trên chỉ định tìm đường qua Lào để mở đầu công cuộc truyền giáo ở đó. Gặp khó dễ do Trịnh-Tráng gây ra, cha phải trở về Áo-môn (1).

Lợi dụng năm 1634 có sứ Lào sang cống vua Lê, cha Gaspar d'Amaral liền viết một lá thư xin phép vua Lào cho sang truyền giáo và sai 2 thày giảng Gioan và Tomas theo sứ giả sang biếu nhà vua một mẫu ảnh Chúa Cứu Thế.

Cũng như chúa Nguyễn, chúa Trịnh hay vua Cao miên, vua Lào rất mong muốn có thừa sai người Bồ đến ở đất mình để bắt liên lạc buôn bán với Áo-môn. Lợi ích đó, sứ giả Lào đã được mắt thấy tai nghe ở trên đất chúa Trịnh. Vua Lào liền sai chính sứ giả cùng với thày Tomas trở lại Đông Kinh để mời cha sang. Nhưng vì thiếu thừa sai, và chính sức khỏe của cha cũng không cho phép, cha đành phải từ chối và viết thư về Áo-môn yêu cầu gửi thêm thừa sai. Lúc đó cha Reggio mới qua đời, còn lại có cha và hai cha Majorica, Fontis (2). Ba cha với con số gần 4 vạn giáo dân.

Đáp lại yêu cầu của cha, năm 1638, Áo-môn đã sai cha Gioan Baotixita Bonelli làm bề trên kinh lược giáo đoàn xứ Bắc và sau đó qua Lào mở đầu công cuộc truyền giáo ở đó.

---

(1) Xem trên Chương VII, Phần, I, mục 3.

(2) Xem trên Chương VII, Phần II, mục 1.

Vào đầu tháng 10-1638, cha Bonelli lên đường cùng với thày Andrêa, một trong ba thày giảng tiên khởi, và mấy thày khác trong đó có thày Tomas đã qua chuyến trước để dẫn đường.

Nhưng cha đã chết dọc đường. Đường qua xứ Lào lúc đó rất gian nan nguy hiểm. Sau một tháng giời vất vả xuyên rừng trèo non lặn suối, tới vùng núi Trường-Sơn phân địa giới nước Lào với nước Việt thì cha bị cơn sốt rét nặng. Sau khi đặt thày Andrêa làm trưởng phái đoàn để tiếp tục con đường qua Lào truyền giáo, cha Bonelli từ trần. Xác được đưa về an táng ở xứ Kẻ No, nhà xứ vùng Thanh-Hóa.

Tới đất Lào, các thày hăng hái bắt tay vào công cuộc truyền giáo. Nhưng « vua và triều thần chú trọng đến con người đến rao giảng tin lành hơn là tin lành của họ đem đến, nên không muốn nghe các thày » (1). Chúng ta cũng không quên là vua Lào mời các thừa sai người Bồ đến là để bắt liên lạc buôn bán với Áo-môn. Đàng khác gặp nhiều cản trở, nhất là do ảnh hưởng Phật giáo đã ăn rễ sâu trong con người và tổ chức chính trị xã hội xứ Lào cũng như ở Xiêm và Cao Miên, nên sau một năm không thu lượm được kết quả, các thày đành trở về. Ít lâu sau thày Andrêa và Hierônimô ngã bệnh qua đời.

Danh dự tông đồ tiên khởi của nước Lào trong số các thừa sai dòng Tên dành lại cho cha Gioan Maria Leira, thừa sai xứ Nam. Năm 1639 vì sự thúc đẩy của ông trấn tỉnh Quảng Nam, Thượng vương ra lệnh trục xuất tất cả các thừa sai dòng Tên ở xứ Nam (2). Không thể vào xứ Nam, lòng nhiệt thành truyền giáo đã thúc đẩy cha tìm đường qua truyền giáo cho Lào. Con đường qua đất Xiêm bị cản trở, cha theo đường sông Mê-kông thuộc Cao-miên để ngược lên. Đến nơi cha được nhà vua và triều thần tiếp đãi tử tế niềm nở. Hoạt động truyền giáo đã đem lại được một vài kết quả.

---

(1) Đắc-Lộ, Lịch sử xứ Đông-Kinh, trang 286.

(2) Xem trên, chương VI.

III.— GIÁO ĐOÀN XỨ BẮC DƯỚI QUYỀN CHA FELIX MORELLI (1640 — 1649)

1.— Những thử thách tiếp tục.

Cha Gaspar d'Amaral về Áo-môn nghỉ, cha Felix Morelli lên thay thế chỉ huy giáo đoàn. Năm 1640, sau 14 năm giời hoạt động truyền giáo, số người được các cha rửa tội lên tới gần 10 vạn (1). Áo-môn tiếp tục sai thêm thừa sai. Chuyến đầu năm đó có cha Thomas Rodriguez, người Bồ, nhưng sau một vài tháng ngã bệnh qua đời. Chuyến thứ hai, có cha Onuphre Borgès, người Thụy sĩ, một thừa sai có tên tuổi sau này ở xứ Bắc, cha Paolô Calopresi, người Ý, cha Manuele Monteiro người Bồ. Đầu năm 1641 lại thêm cha Pedro Alberto, người Bồ. Năm trước 1640, cha đã cùng với cha Đắc-Lộ vào hoạt động ở xứ Nam và sau mấy tháng cả hai cha đều bị trục xuất. Cha Đắc-Lộ lại trở lại còn cha thì vào xứ Bắc. Năm sau 1642 lại thêm cha Manuêlê Cardoso, người Bồ.

Với số thừa sai thêm đông, công cuộc truyền giáo đang nhiều tiến triển và hứa hẹn thì năm 1643 Trịnh Tráng bất ngờ ra lệnh cấm đạo (2). Nhà chúa cấm dân chúng không được giao tiếp với các cha, những người đã cả gan dậy dân chúng tà đạo, và những điều mê tín dối trá, lại truyền thiêu hủy tất cả các ảnh tượng, sách vở và đồ đạo. Lệnh được niêm yết trước nhà các cha.

Nguyên do các cha không nói rõ vì sao, nhưng có lẽ vì lúc đó Trịnh-Tráng muốn bắt tay với người Hòa-Lan. Sau nhiều lần yêu cầu người Bồ tuyệt giao với chúa Nguyễn đều không kết quả, từ năm 1639, Trịnh-Tráng đã quay sang phía người Hòa-Lan bị chúa Nguyễn làm khó dễ trong việc buôn bán ở xứ Nam. Người Hòa-Lan hứa sẽ giúp tầu chiến và quân đội súng

(1) Xem A. Brou. Les statistiques dans les anciennes missions, trong Revue d'Histoire des Missions. t. VI, năm 1929, trang 369.

(2) Đắc-Lộ, Lịch-Sử xứ Đông-Kinh trang 301 - và Marini, Missioni trang 200.

ống với điều kiện là nhà chúa sẽ cấm người Bồ không được phép buôn bán ở xứ Bắc (1). Trịnh-Tráng định vào quãng tháng 5 năm 1643, sẽ đem đại binh và rước vua Lê vào đánh đất Bắc Bồ chính, đồng thời người Hòa-Lan cũng hứa sẽ cho thủy quân đến hộ chiến. Để làm vừa lòng họ, Trịnh-Tráng đã gây nhiều khó dễ cho tàu buôn người Bồ vào buôn bán ở xứ Bắc đầu năm đó (2) và đồng thời ra lệnh cấm đạo. Lần giao chiến với chúa Nguyễn lần thứ ba này, Trịnh-Tráng cũng không thu lượm được kết quả và thủy quân hộ chiến của người Hòa-Lan cũng bị đánh đại bại. (3)

Có lẽ vì bài học thất bại đó, Trịnh-Tráng lại đổi chính trị. Tự nhiên nhà chúa cho gọi cha Majorica vào phủ, phàn nàn vì đã quá tin nghe những quan ghét đạo vu cáo cho người theo đạo đã phạm đến các thần phật, mà ra lệnh cấm đạo và cho phép các cha lại được tự do truyền giáo như trước.

Thời gian cấm cách kéo dài ba tháng. Các họ đạo bị các quan địa phương về quấy nhiễu, phá phách nhà thờ, tịch thu ảnh tượng, lấy của cải của dân, đánh đập tra khảo khổ sở. Hầu hết đều can đảm xưng đạo. Đứng trước những gương hy sinh đó, một quan ghét đạo và bắt đạo đã tìm thấy chân lý, trở lại và bỏ tiền ra xây lại nhà thờ mà ông đã cho lệnh triệt hạ.

Qua cơn thử thách, số giáo dân mỗi ngày một đông. Tuy số thừa sai đã tăng thêm nhiều nhưng vẫn không đủ trả nhời cho đòi hỏi của con số. Từ năm 1640, công cuộc truyền giáo ở Trung Quốc được tự do và nhiều kết quả, số thừa sai cũng cần có thêm nhiều. Một mình Áo-môn không thể trả nhời cho đòi hỏi cả một vùng. Đàng khác con số đông các thừa sai ngoại quốc trong một khu vực, rất có thể là cớ nghi ngờ cho các vua chúa, đưa đến cấm cách tai hại. Để giải quyết vấn đề, cần phải thành lập

(1) Buch, La Compagnie des Indes Néerlandaises I, trang 166 ; xem Chappoulie, Rome et les Missions d'Indochine au XVIIe siècle I, chú thích số 3 trang 39.

(2) Buch, id, trang 185.

(3) Trần-trọng-Kim, Việt-Nam Sử Lược, trang 297. Về thất bại của người Hòa-Lan có thể xem Buch, id, trang 183. Maybon, Histoire moderne du pays d'Annam trang 95 và Cadière, Le Mur de Đồng-Hới, trang 157.

ngay một hàng giáo sĩ bản quốc và cần có giám mục để truyền chức cho họ. Cuộc bách hại ở Nhật và tình trạng tan rã của giáo đoàn thiếu linh mục bản quốc là một bài học đau đớn còn đó.

Vào tháng 6 năm 1645, cha Đắc-Lộ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi xứ Nam trở về Áo-môn, được bề trên giao cho sứ mệnh qua Rôma để trình bày vấn đề đó với Tòa Thánh.

Đang lúc thiếu thừa sai truyền giáo đó thì năm 1646 các cha lại phải mang một tang lớn (1). Lúc đó, ở Hải Nam, cha Benoit de Mattos hoạt động được nhiều kết quả và xứ Bắc cũng cần thêm nhiều thừa sai, Áo môn liền sai một toán 7 thừa sai cùng đi một chuyến tàu. Ba thừa sai vào Hải Nam : cha Giovanni Andrea Lubelli và Antonio Costantino, cả hai người Ý, và cha Valentino Noguera, người Bồ, còn ba thừa sai khác do cha Gaspar d'Amaral nguyên bề trên giáo đoàn xứ Bắc trở về Áo-môn để dưỡng bệnh năm 1639 dẫn đầu : cha Pedro Alberto đã hoạt động ở xứ Nam với cha Đắc-Lộ năm 1640 và từ năm 1641 ở xứ Bắc, mới trở về Áo-môn năm trước và cha Gioan I-nha-xu Levisky người Ba Lan, cha Francesco Ascanio Ruida người Ý.

Ngày 23 tháng hai 1646, tàu bỏ bến Áo-môn, trời đã có mây mù, qua đảo Trần Châu viếng mộ thánh Phanxicô, các cha tiếp tục xuôi xuống đảo Hải Nam. Đêm sau khi qua vùng đảo, bão nổi mạnh, tầu vấp vào mỏm đá bị vỡ chìm, nhân viên trên tầu đều chết đuối cả chỉ còn sống sót một vài thủy thủ, cha Andrea Lubelli và ông Gilles, giáo dân xứ Bắc, năm trước qua Áo-môn cùng với cha Alberto. Ông này đã cứu được chiếc hòm đựng lễ vật cho chúa Trịnh và tiền nong giúp cho giáo đoàn xứ Bắc. Thoát nạn, ông đã đưa về tới tay các cha, nhờ đó các cha có lễ vật dâng chúa Trịnh.

2.— Bức thư quan trấn Quảng Tây.

Qua tang đau đớn trên, Chúa đã gửi đến cho các cha một yên ủi bất ngờ.

---

(1) Đắc-Lộ, Lịch sử xứ Đông Kinh, trang 312,

Ở Việt Nam,vua chúa tôn trọng người Tàu và hay bắt chước họ. Năm đó sứ vua ta sai sang cống lễ vật ở Bắc Kinh lúc trở về có ghé qua Quảng Tây. Quan trấn mang chức phó vương ở đó mới được cha Andrea Koffler (1) người Đức, đưa trở lại. Lợi dụng cơ hội, cha liền yêu cầu phó vương tiếp sứ tử tế để mong có hiệu quả cho công cuộc truyền giáo ở xứ Bắc. Phó vương không hết lời khen ngợi chân lý của đạo công giáo và tài trí thông minh của các thừa sai dòng Tên,lại còn cho người tiễn chân sứ giả để mang thư cho vua Lê - thần - Tông. Từ năm 1643, vua Lê-thần-Tông nhường ngôi cho con là Lê-chân-Tông lên làm Thái thượng Hoàng (2). Được thư vua cha liền trao lại cho Lê-chân-Tông. Cả hai từ đó cũng như các quan triều phủ đều tỏ lòng kính trọng cảm phục các cha và đạo công giáo vì là đạo mà các quan đại thần và cả chính nhà vua bên Đại Trung-Quốc đều tán dương và đã có nhiều người theo.

Ảnh hưởng lan rộng ra quần chúng.Từ trước nhiều người chưa muốn theo đạo, vin lẽ nếu đạo hay đạo tốt sao nhà vua và triều thần không theo. Kết quả, trong có 6 tháng, số người xin rửa tội lên tới 12 ngàn.

Để thay thế cho 5 thừa sai bị chết đắm tàu đầu năm, cuối năm 1646, Áo-môn lại sai 5 cha khác sang. Đứng đầu là cha Gioan Cabral người Bồ làm bề trên kinh lược giáo đoàn xứ Bắc và 2 cha Phanxicô Rangel, nguyên giáo sư thần học, Phanxicô Figheira, nhà giảng thuyết có tài, cả hai là người Bồ và 2 cha người Ý, Phanxicô Montescoli và Stanislas Torrente.

---

(1) Cha Andrea Xavier Keffler thu lượm được nhiều kết quả trong hoạt động truyền giáo cho giới hoàng gia và quan lại. Năm 1647, cha đã rửa tội cho hoàng thái hậu và hoàng tử của vua Trang Liệt, vua cuối cùng của nhà Minh.Năm 1651,ngày 12 tháng 12, cha bị quân nhà Thanh bắt giết đi. (Pfister, Notices, t. I, trang 265). Chappoulie, id, chú thích số 1, trang 191.

(2) Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược trang 264-265. Lúc Lê-chân-Tông làm vua mới có 14 tuổi. Làm vua được 6 năm thì băng hà (1643-1649), thọ 20 tuổi. Nhà vua không có con, vua cha, Lê-thần-Tông lại phải trở lại làm vua (1649-1662). Cha Tissanier, trong cuốn Voyage au Tonkin trang 117 viết «Nhà«bua»hiện mang danh hiệu hoàng đế bây giờ (1660) trước đây vì không chịu nổi cảnh cô đơn chốn cung triều đã xin được phép nhường ngôi báu có tên mà không có quyền đó cho con, để được yên vui với bạn bè và được thoát chốn tù ngục lầu son gác tía đó. Nhưng không may người con chết sớm,vua cha buồn rầu lắm vì phải trở lại ngôi báu mà ngài đã muốn từ bỏ.»

Khi cha Gioan Cabral đến thì tất cả có 7 thừa sai ở rải rắc trong 5 cơ sở truyền giáo. Mấy tháng sau thì cha Paolô Calopresi ngã bệnh qua đời sau 6 năm truyền giáo. Nhưng may mắn số tiếp viện lại thêm. Cha Philippô Marini, người Ý, năm đó được sai vào truyền giáo cho người Cao Miên, nhưng vì gặp khó khăn không thể ở lại được, qua xứ Bắc, thấy dân chúng có thuần phong mỹ tục, giáo dân có lòng đạo sốt sắng, cha có cảm tình với họ và xin ở lại.

Sự đạo tiếp tục tiến triển mau chóng. Theo thư cha Gioan Cabral gửi về bề trên cả dòng thì năm 1645-1646, số người rửa tội được thêm 24 ngàn. Tất cả có 200 nhà thờ, không kể các nhà nguyện các họ đạo ít người. Bên cạnh các nhà thờ đều có nhà xứ để các cha đến thăm có chỗ ăn nghỉ.

Ngày 11 tháng 3 năm 1647, vua Lê-chân-Tông lại còn gửi cho cha bề trên lúc đó là cha Felix Morelli, sắc phong làm dưỡng tử của nhà vua. Một phẩm tước trọng vọng sau chức hoàng tử và được coi vào hàng các đại thần trong triều.

3.— Bách hại 1649.

Nhưng sau một thời kỳ phồn thịnh, giáo đoàn xứ Bắc lại phải qua một cơn thử thách. Khác với những cuộc bách hại trong Nam, kéo dài và đi đến chỗ đổ máu, cha Marini đã gọi những cuộc thử thách ở ngoài Bắc : « Những cuộc bách hại nhỏ nhặt, tương tự như cuộc quấy rối của đám ruồi muỗi ».

Năm 1649, Trịnh Tráng ra lệnh cấm đạo, và cấm giáo dân hội họp cầu kinh. Lại một lần nữa, các quan địa phương có dịp để quấy nhiễu giáo dân và cũng là một dịp để giáo dân thi gương can đảm trung thành. Nhiều nhà thờ bị triệt hạ, nhất là ở vùng Nghệ an, trong 120 nhà thờ, chỉ còn 4 nhà thờ là đứng vững. Nhưng sinh mệnh các thừa sai và giáo dân được tôn trọng. Ở xứ Kẻ Đông, ngày lễ Mình Thánh, giáo dân và cha xứ bí mật hội họp dâng lễ ; quan trấn không ưa đạo, được tin báo cho lính đến vây bắt, nhưng nhờ bà mẹ quan, bà Catarina, người có đạo tốt nói giúp nên được tha cả.

Nguyên nhân gây ra, có lẽ vì lòng đạo quá nhiệt thành và thiếu giữ gìn của một ít người công giáo. Gặp lúc sự đạo được nhà vua và nhiều người trong giới quan lại khen lao, kính nể, họ đã tổ chức những cuộc rước sách bên ngoài một cách quá ồn ào. Ở vùng quê, nhiều khi còn xảy ra những cuộc thách thức giữa người theo đạo với người bên lương (1).

Với những câu chuyện thiếu giữ gìn của một ít người bên giáo trên đây, lại thêm những mối hằn thù mỗi ngày một lên của những người không ưa đạo thấy sự đạo tiến. Trong giới quan lại ở triều vua phủ chúa, những người đó không thiếu. Họ chỉ chờ đợi lúc nhà chúa có điều bất mãn, là xui giục cấm đạo.

Năm 1648, Trịnh-Tráng sai tướng đem quân thủy bộ vào đánh xứ Nam. Quân Trịnh bị ngăn lại trước lũy Trường Dực rồi bị thua to trong trận đương đầu với Nguyễn-phúc-Tần con chúa Nguyễn. Một số tướng tài và 3000 quân Trịnh bị rơi vào tay quân Nguyễn.

Bất mãn vì thua trận, lại thêm xúi giục của một số triều thần dèm pha người Bồ, đồng minh của chúa Nguyễn và đạo công giáo mà họ cho là đạo của người Bồ, Trịnh Tráng đã ra lệnh cấm đạo. Nhưng cũng như những lần trước, chỉ là trong một thời gian vắn, một khi « có chiếc tàu buôn ở Áo-môn đến đem theo những món hàng chúa cần và ưa thích, theo như cha Marini nhận xét, thì mối hằn thù ghét người bên giáo lại được xóa nhòa ngay và sự đạo lại được dễ dàng có khi hơn trước .»

IV.— GIÁO ĐOÀN XỨ BẮC DƯỚI QUYỀN CHA HIERÔNIMÔ MAJORICA (1650-1656)

1.—Giáo dân và xứ đạo.

Cơn cấm cách vừa bớt thì cha Bề trên lúc đó là cha Hierô-

(1) Marini, Missioni trang 226.

nimô Majorica từ năm 1649 lên thay cha Felix Morel (1) với tổ chức lại giáo đoàn. Công việc đầu tiên là dựng lại các nhà thờ đã bị triệt hạ. Theo cha Marini thì vào cuối thời Trịnh Tráng 1657, giáo đoàn xứ Bắc đã có 414 nhà thờ, lẽ dĩ nhiên không thể so sánh với những nhà thờ bằng đá cẩm thạch trang hoàng bằng những bức họa thời danh như ở Tây phương, vì chỉ là những nhà gỗ lá đơn sơ theo kiến trúc của người dân Việt thời đó, nhưng rất được giáo dân tôn trọng và giữ gìn sạch sẽ.

Ở kinh đô có 4 nhà thờ và 12 nhà thờ vùng ngoại ô. Nhiều hơn cả là ở vùng Nghệ-an, có 120 nhà thờ, rồi vùng Kẻ Nam 114, vùng Thanh Hóa 74, Kẻ Đông 50, Kẻ Bắc 25, Kẻ Tây 15. (2)

Số người được rửa tội vượt lên mau chóng, năm 1641, tính tất cả có 108.000, đến năm 1648 đã lên 195.777, vào cuối thời Trịnh Tráng 1657 đã nhân lên gần gấp đôi tức hơn 350.000.

Cũng như thời kỳ đầu, lòng nhiệt thành đạo đức của giáo dân tuy qua nhiều thử thách vẫn không hề giảm (3). Trong các gia đình theo đạo, nhà nào cũng có bàn thờ ở gian giữa, tối sớm cả nhà hợp nhau đọc kinh lần hạt. Ở các họ xa nhà xứ hay chỗ linh mục ở, các ngày chủ nhật, lễ lạy, họ hội nhau ở nhà thờ họ, đọc kinh, học bổn, nghe sách. Còn ở vùng gần nhà xứ hay nghe biết có thừa sai đến thăm viếng họ trong vùng là họ kéo nhau lũ lượt đến dự lễ, cả những người ở xa đến 4,5 tiếng đồng hồ và có khi gần một ngày đường. Còn những dịp lễ lớn như Sinh Nhật, Phục Sinh, Lên Trời, Hiện Xuống, thì dù xa đến đâu họ cũng cố đến nhà xứ chỗ thừa sai ở để xưng tội chịu lễ.

Đi đôi với lòng nhiệt thành đạo đức, giáo dân còn sống một đời thánh thiện gương mẫu, các người bên lương đều cảm phục. Không thẹn vì tín ngưỡng của mình tất cả đều đeo tràng hạt ảnh tượng trước ngực, và với dấu hiệu đó, họ nhận nhau là người công giáo, chào đón niềm nở khi gặp nhau. Nếu phải đi đường

(1) Cha Felix Morel chết đắm tàu năm 1650.

(2) Marini, Missioni trang 264.

(3) Marini, id, trang 265.

đêm hôm tìm chỗ trọ, họ chỉ việc tìm đến các họ đạo, thế nào cũng có chỗ ăn ngủ bảo đảm tử tế. Số người sống nhiệm nhặt khổ tu, ăn chay đánh tội cũng không thiếu.« Thật đáng gọi là một dân thánh, đoàn người đã được Chúa chọn ».

Đứng đầu các họ đạo, là các trùm trưởng đàn ông tương tự như các tổ chức làng mạc Việt Nam. Ở các họ đông người thường lại có thầy giảng, thay mặt thừa sai trông coi các họ trong vùng. Các đàn anh và thầy giảng rất được kính nể và vâng nghe. Có điều gì cần phân xử họ đưa đến.

Đứng trước con số mỗi ngày thêm đông và lòng nhiệt thành đạo đức của họ, đòi hỏi thừa sai cũng mỗi ngày một nhiều. Áo môn tiếp tục gửi, có năm con số lên tới 16 vị. Nhưng nhận thấy Trịnh Tráng tỏ vẻ bất mãn và nghi ngờ, nên từ đó về sau, để giữ gìn, con số hàng năm độ chừng 6 hay 7 là cùng.

Ở Kinh đô và trong 6 trấn đều có đặt nhiều cơ sở cho các cha thừa sai. Vào tháng 5 đến tháng 8 là kỳ mưa, các cha ở nhà xứ, còn các tháng khác đi thăm các họ (1), người ta gọi là thời kỳ « đi làm phúc».

Khi đi thăm các họ thường có 2 hoặc 3 thày giảng theo giúp. Một vài thày đến trước các họ cha sẽ qua để báo tin và dọn dẹp. Các cha phải mang tất cả đồ lễ, đồ dùng, chăn màn... khỏi nhờ đến giáo dân, nên thường có một vài bổ theo để mang đồ, nhiều khi họ đạo cho người đến đón và gánh đồ thay. Vừa đến nơi, cha gặp các trùm trưởng đàn anh để biết tình hình trong họ, xếp đặt các công việc, cắt cử người làm việc, sửa chữa những sai lầm. Đang khi đó thày giảng giúp cho giáo dân dọn mình xưng tội, tiếp theo là giờ kinh hạt, nghe sách. Suốt chiều và đêm hôm đó cha phải ngồi tòa giải tội. Còn các thày giảng khác thì đi thăm người ốm, thúc giục những người khô khan đến nhà thờ, hoặc khảo bồn hay dậy thêm kinh nghĩa cho những người muốn chịu phép Rửa.

Nếu họ đông người thì cha ở 3, 4 hôm, ít người thì 1 hôm,

(1) Marini, Missioni trang 188.

2 hôm. Ngoài giờ dâng lễ, giải tội, rửa tội, thăm người ốm, tổ chức họ, đàm đạo với đàn anh, người ta còn xin cha xử các nố kiện tụng tranh dành, vừa mau chóng lại công bằng, tránh được những phiền phức tốn tiền ở cửa quan. Ngày cuối cùng thường có lễ mồ cầu cho các người quá cố trong họ. Việc kính nhớ, cầu nguyện cho người chết rất được cổ võ trong giáo dân và rất hợp với tinh thần sùng kính ông bà cha mẹ của người dân Việt.

Còn ở kinh đô, trụ sở của cha bề trên, cha Majorica, mỗi tuần, vẫn phải vào phủ yết kiến chúa Trịnh, theo lần lượt đã chỉ. Đến lượt thì dù trời mưa to gió lớn, đường lầy lội đến đâu cũng phải có mặt, đến nơi lại phải chờ đợi xếp hàng và chịu đựng những khó dễ của hoạn quan.

Là người lái con thuyền của giáo đoàn, cha phải ở chỗ cao để trông xa những điều báo hiệu đề phòng những tai nạn nguy hiểm có thể xảy ra. Ở một nước quân chủ như nước Việt ta lúc đó, những khó khăn đạo giáo gặp phải thường do triều phủ và giới quan lại. Cha Marini nhận xét (1):

« Gặp lúc nhà chúa khó ở, một câu vu cáo của thầy sư thầy sãi, một lời khích bác gây nghi ngờ của một vị quan, nhất là các quan trong phủ, một chuyến tầu buôn Áo-môn cập bến không mang theo lễ vật, hoặc lễ vật không được khả quan để thỏa lòng tham của nhà chúa, cũng đủ để đe dọa công cuộc truyền giáo đưa đến bách hại, trục xuất các thừa sai ».

Tuy phải vất vả đi lại chờ đợi trong những buổi chầu, nhưng nhờ đó cha Majorica có thể nhìn được những điềm báo không lành để đề phòng, đồng thời cũng là dịp để cha làm quen và truyền giáo cho giới quan lại, nhất là các quan ở các trấn về yêu cầu các vị ủng hộ giúp đỡ cho. Đàng khác, dân chúng ở ngoài trông vào, thêm kính nể các cha.

(1) Marini, Missioni trang 271.

2.— Tổ chức các thày giảng.

Trong thời kỳ cấm cách cũng như trong thời bình, thày giảng là những chân tay cộng tác đắc lực của các cha.

Bị cấm cách, các cha không thể đi thăm các họ và hoạt động truyền giáo, nhưng các thày là người Việt, danh tích cũng như hoạt động chỉ có giáo dân biết, các thày có thể đi đây đó, thăm viếng khích lệ giáo dân mà không lo bị cản trở.

Trong thời bình, các thày giúp các cha trong các cuộc thăm viếng các họ như chúng ta đã thấy trên đây, hoặc lĩnh trách nhiệm trông coi một vùng họ đạo mới, huấn luyện bổ túc cho những người tân tòng và truyền giáo cho những người chung quanh. Là người Việt, sống từ bé trong xã hội Việt, các thày hiểu hơn ai những tệ lạm, mê tín mà người tân tòng vướng phải, mang trong mình truyền thống tư tưởng của người Việt, các thày biết trình bày đạo lý hợp với trình độ tư tưởng của người dân hơn.

Dưới thời cha Majorica số các thày giảng tất cả được 70, chia làm ba bậc : các thày đang tập sự, các thày đã hoạt động nhưng chưa khấn trọn đời và các thàyđã khấn trọn đời. Số các thày đã khấn trọn đời thời kỳ sau cha Đắc-Lộ là 3 thày, năm 1635 được 7 thày và dưới thời cha Majoria được 10 thày.

Trong số các thày giảng mới đáng kể nhất là thày Luca. Nhiệt thành truyền giáo ngay từ khi mới trở lại ; thời kỳ hai cha Đắc-Lộ và Pedro Marquez bị giam quản thúc trước khi bị trục xuất, nhiều lần thày đã bí mật liên lạc để đưa những người tân tòng vào cho hai cha rửa tội. Để có thể học hỏi sâu xa hơn về đạo, thày mua đọc các sách của cha Ricci và các cha thừa sai đã xuất bản bên Trung-Quốc. Hiến dâng vào Nhà Đức Chúa Trời, sau một thời kỳ tập sự bên các cha, thày lên đường hoạt động trong những vùng xa xôi hẻo lánh chưa hề được nghe tin lành của Chúa Cứu thế. Thày đi thăm các gia đình, từ câu chuyện thăm nom thày đưa họ đến vấn đề tôn giáo. Nhiều lần bị bạc đãi, chế nhạo, thày vẫn luôn luôn can đảm bền vững trong hi vọng ơn Chúa. Đời sống đạo hạnh khó khăn của thày

đã làm nhiều người phải kính phục. Thày đã đem về cho nước Chúa nhiều linh hồn và thành lập nhiều họ đạo mới.

Tổ chức và huấn luyện các thày giảng thời kỳ này cũng đã khá hoàn bị. Muốn được khấn trọn đời, các thày đã hoạt động, cần phải qua một thời gian khá lâu trong thử thách. Ở họ đạo hay ở nhà xứ với các cha, các thày sống một đời cộng đồng, nghiêm ngặt và khắc khổ. Dậy từ sáng sớm tinh sương, sau giờ kinh nguyện, chiêm ngưỡng và dự lễ, buổi sáng thường các thày lo việc giảng dậy người tân tòng, còn buổi chiều thì đi thăm các họ đạo trong vùng, những người ốm yếu hay những người khó khan cần khuyên trở lại. Chiều tối là lúc học hỏi thêm, bàn bạc và kết cục bằng một giờ kinh chiều, nghe sách thiêng liêng và xét mình. Ngoài những cuốn sách của cha Đắc-Lộ, cha Majorica, cha Onuphre Borgès, và các cha khác cũng viết nhiều sách về giáo lý, đời sống thiêng liêng cho các thày và giáo dân.

Để thực hành tinh thần khó khăn và tinh thần cộng đồng, thường các thày sống chung và để của chung. Tất cả các của giáo dân dâng cúng đều để vào quỹ chung, dùng vào việc chung. Ở các họ lẻ, các thày phải làm sổ các của nhận được về cho cha xứ trong địa hạt của mình. (1)

Các thừa sai đều không hết lời khen ngợi đời sống đạo đức hy sinh và nêu cao kết quả hoạt động truyền giáo của các thày, gọi các thầy là những cột trụ của tòa nhà giáo đoàn xứ Bắc.

3.— Cuối thời Trịnh Tráng.

Ngoài sự cộng tác truyền giáo của các thày giảng trên đây, các cha còn nhiều người công giáo trong giới quan lại ở triều phủ và cả trong số các vương phi cung nữ, làm hậu thuẫn, bảo vệ các cha trước những phao đồn vu cáo phá hoại của những người ghét đạo, gây ảnh hưởng nơi chúa Trịnh Tráng để ngăn ngừa những cấm cách.

(1) Tissanier, Voyage au Tonkin, trang 201

Về cuối thời Trịnh Tráng, trước hết phải kể bà Gioanna, quả phụ của quan trấn Kẻ-chợ. Từ sau khi quan trấn qua đời, bà được gọi vào trông coi các cung nữ trong phủ chúa. Lợi dụng cơ hội, bà đã đưa được nhiều cung phi trở lại. Trong số đó có 2 bà vợ của hoàng tử đã qua đời, được rửa tội với tên thánh là Pia, Colomba, và một nàng hầu tên thánh là Bianca. Cả 4 bà hợp lực truyền giáo cho các vương phi và cung nữ. Tuy bị vướng trở không được lĩnh nhận phép rửa, các bà tỏ ra rất mến phục đạo và sẵn sàng bênh vực đạo khi bị cấm cách, nhất là tìm gây ảnh hưởng nơi chúa Trịnh-Tráng. Không thể ra ngoài cung cấm để dự những buổi hội họp của giáo dân ở nhà thờ, các bà sung sướng được biết giáo dân cầu nguyện cho và đôi khi sai các nàng hầu có đạo đi thay. (1)

Bà Saula, người có đạo, được Trịnh-Tráng dùng để dọn bữa, vì dùng người có đạo, chúa không lo bị đầu độc. Nhiều khi Trịnh-Tráng bảo bà lặp lại những bài giảng của các cha ở nhà thờ. Đôi khi bà ngại ngùng vì sợ chạm đến tư tưởng thần phật của nhà chúa. Để bà yên tâm, Trịnh Tráng đọc cho bà nghe bài thơ nhà chúa làm trước khi lên ngôi, trong đó có nhiều câu chế riễu các thần thánh và tuyên bố mình chỉ thờ có trời và tổ tiên.

Bà cô của Trịnh Tạc, hoàng tử nối nghiệp sau này, là người có đạo, tên thánh bà cũng gọi là Gioanna. Bà rất đạo đức, các ngày chủ nhật và các ngày lễ lạy, đều có mặt ở nhà thờ, chăm chỉ đọc kinh nguyện ngắm và chay lạt hãm mình.

Nhờ có các bà mà năm 1656, cha Phanxicô Rangel, lúc đó làm bề trên thay cha Majorica qua đời ở Hà-Nội, sau bao năm hy sinh truyền giáo ở xứ Nam và xứ Bắc, đã được thoát tù. Vào tháng 7 năm đó có một tàu buôn Áo môn bị đắm ở cửa sông Cái. Quan thừa ti sau khi điều tra đã tố cáo về phủ chúa là tàu buôn đắm vì chở nhiều sinh diêm và chì xuống cho chúa Nguyễn.

Mới năm trước, 1655, Trịnh Tráng cho quân xuống đánh vùng

(1) Marini, Missioni trang 273-274.

Nam Bộ chính đã bị Hiền vương đánh đại bại (1). Mối thù giữa hai bên Trịnh Nguyễn mỗi ngày một lên. Theo luật thì những người bán khí giới hay nguyên liệu chế tạo cho địch quân, sẽ bị án tử hình hay bị đi đầy. Viên trưởng thuyền bị tống giam và đồng thời cha Phanxicô Rangel cũng bị bắt, tuy cha đã hết lời biện bạch là mình chỉ là nhân viên truyền giáo không có liên lạc chi với vấn đề chính trị và thương mại. May nhờ sự can thiệp của các bà có đạo trên đây, Ngọc-tử, chính phi của Trịnh Tráng nói giúp cho, nên cả hai được tha. Để cảm ơn, các cha nhờ dâng cho bà một lễ vật quí và bà đã đáp lễ bằng cách gửi tặng các cha một tấm lụa và 6 quan tiền để mua nến đốt trước bàn thờ Đức Chúa Trời.

Năm 1657, triều đình mừng Trịnh Tráng thọ 81 tuổi và công bố cho dân chúng biết nhà chúa tuy đã già mà có thêm răng mới. Nghe tin tất cả các quan địa phương đều về phủ chúa để mừng và chúc thọ. Cha Rangel cũng phải có mặt trong buổi lễ, nhưng vì mắt kém nên cha yêu cầu được tới gần để thấy rõ dung nhan nhà chúa. Trịnh Tráng cho phép, lại còn cho xem cả mấy chiếc răng mới. Tất cả triều thần đều bỡ ngỡ trước cử chỉ thân mật của nhà chúa đối với cha và kính sợ cha. Nhưng chẳng may ít lâu sau Trịnh Tráng băng hà (2).

Trịnh Tạc lên nối ngôi và tuần sau cho tất cả các vương phi và cung nữ của chúa cũ được phép ra ngoài cung cấm, trở về gia đình. Các bà đã được học đạo trong thời kỳ ở trong cung, vội đến gặp các cha để xin chịu phép Rửa.

Theo cha Tissanier viết sau này, thì trong 37 năm dưới thời Trịnh Tráng, giáo đoàn xứ Bắc đã qua « một thời hoàng kim. Dạo đó, cũng như cảnh địa đàng đầy những cảnh đẹp thú vị, giáo dân đã sống một đời sống thánh thiện thanh sạch, người bên lương đều cảm phục và thú thực rằng đạo các cha dậy là

(1) Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược trang 298.

(2) Theo cha Marini, trong cuốn Histoire nouvelle et curieuse, trang 306, thì Trịnh Tráng băng hà ngày 26 tháng 5 dương lịch ; cha Tissanier, trong cuốn Voyage au Tonkin trang 162, đề ngày 27-5 ; còn cha Cadière trong bài Le mur de Đồng Hới, trang 87, dựa theo tài liệu sử Việt, cho là 28-5.

một đạo thánh thiện không thể chê trách được điều gì.» (1)

V.— CHA ONUPHRE BORGÈS VÀ LỆNH TRỤC XUẤT 1658, 1663.

1.— Những mây mù báo hiệu.

Trịnh Tạc, trong năm đầu còn trong thời kỳ để tang, vẫn theo đường lối chính trị của cha. Đối với người công giáo, nhà chúa vẫn để tự do hành đạo. Các quan có đạo nhiều khi phải ngạc nhiên khi nghe thấy nhà chúa gọi mình bằng tên thánh. Cũng như dưới thời chúa Trịnh-Tráng, dịp thề hứa trung thành hàng năm, các ông được miễn theo nghi lễ triều đình (2) và được phép đến thề ở nhà thờ bên giáo.

Nhưng trong câu chuyện, đôi khi người ta đã thấy nhà chúa tỏ vẻ bất mãn và nhất là tỏ vẻ nghi ngờ người công giáo. Tính hay nghi kỵ của Trịnh Tạc đã bộc lộ ngay từ lúc mới lên ngôi. Năm 1656, tướng Trịnh là Đào quang Nhiêu bị quân Nguyễn đánh thua phải chạy về An tràng. Trịnh Tráng sai Trịnh Toàn là con út vào làm thống lĩnh trấn thủ Nghệ-An. Biết hậu đãi tướng sĩ, thương quân và mến dân, nên lòng người ai cũng mến phục. Trịnh Tráng chết, Trịnh Tạc lên thay, thấy em có nhiều người mến phục, nghi kỵ, cho con là Trịnh Căn đem quân vào Trấn Nghệ-An và gọi Trịnh Toàn về Kinh, bắt giam ngục và để chết rũ tù (3). Thấy các cha được giáo dân kính trọng mến phục, Trịnh Tạc cũng đem lòng nghi kỵ, có lần đã bộc lộ với cận thần : « Không hiểu sao đạo công giáo có một sức quyến dũ kỳ lạ đến thế. Những người đã đọc sách đạo hay được nghe nói về đạo đều cảm mến và theo một cách trung thành », và theo nhà chúa thì các thừa sai từ phương trời xa qua bao dặm

(1) Tissanier, Voyage au Tonkin, trang 180.

(2) Một số súc vật được giết để làm lễ hy sinh. Trên một bệ thờ ở giữa khu đất rộng các quan đến uống máu ăn thề và xin quỉ thần chứng minh. Theo cha Đắc-Lộ và các thừa sai thì việc xin quỉ thần chứng thực lời thề của mình là một hành động trái với đức tin công giáo. Trong các quan có đạo, có một sĩ quan đã thề lấy tên Chúa Trời ba ngôi, nhà Chúa không nói sao (Đắc-Lộ, Lịch sử xứ Đông-Kinh, trang 35). Về sau các quan được phép đến thề ở nhà thờ bên đạo.

(3) Trần trọng Kim, Việt-Nam Sử Lược, trang 300-301.

trường hi sinh vất vả lại chỉ có một mục đích truyền giáo ? (1)

Đã sẵn có tính nghi kỵ lại thêm nhiều cận thần không ưa đạo xúc xiểm vào, kèm theo hoàn cảnh rối loạn trong nước và gương bắt đạo của nhà Minh bên Tàu, Trịnh Tạc đã đi dần đến một chính trị cốt ý làm khó dễ kiềm hãm người có đạo và trục xuất các thừa sai.

Thực thế, số các quan có đạo hay có thịnh tình với đạo dầu sao chỉ là một số ít. Trịnh Tạc lại tỏ ra thiên hẳn về nho giáo, không ưa phật giáo, lão giáo và lẽ dĩ cả công giáo. Các quan trong triều phủ cũng đều xuất thân trong trường nho giáo. Trong những năm vừa qua, những cuốn sách đạo viết bằng chữ Hán ở bên Trung Quốc tràn sang, và nhiều cuốn sách bằng chữ nôm của cha Majorica đã được phổ thông trong dân chúng, là một mối đe dọa lớn cho đạo lý của các « thánh hiền ». Mỗi chuyến tàu buôn ở Áo-môn sang, các ông đã tìm cách tịch thu tất cả những sách đạo đem đến. Và nếu trước đây, theo gương của một số triều thần nhà Minh, cảm phục đạo và tôn trọng các thừa sai dòng Tên, các ông cũng rất dễ bị ảnh hưởng của nhà Thanh vừa mới chiếm ngôi nhà Minh và đang tìm cách bách hại, bạc đãi người Bồ, và các thừa sai được trọng đãi của triều cũ.

Đằng khác tình trạng trong nước lúc Trịnh Tạc lên ngôi cũng không lấy gì làm khả quan. Dưới Nam, trong cuộc đương đầu với nhà Nguyễn, tuy quân lực mạnh hơn mà vẫn thất bại này qua thất bại khác. Trong triều phủ, anh em họ Trịnh cũng bất bình và nghi kỵ nhau nhất là từ sau khi Trịnh Toàn bị bắt giam và chết rũ tù. Trên Bắc, nhà Mạc lợi dụng tình trạng, cứ thỉnh thoảng lại cho quân về quấy rối. Những người không ưa đạo cũng nhân dịp tung ra lời vu cáo phao đồn từ trước là người công giáo làm tay sai cho chúa Nguyễn trong Nam và sẽ sẵn sàng làm nội công khi quân Nguyễn tiến ra Bắc với sự trợ giúp của người Bồ. Câu chuyện người Bồ đã giúp cho vua mới ở Xiêm chiếm được ngôi báu cũng rất có thể xảy ra. Khi Trịnh Toàn bị triệu về kinh, cũng có một số người đứng lên chống lại, nhưng

(1) Tissanier, Voyage au Tonkin, trang 182.

bị Trịnh Căn dẹp ngay, chẳng may trong đó cũng có một vài người có đạo tham dự.

2.— Lệnh trục xuất 1658.

Đầu năm 1658, các cận thần ghét đạo đã yêu cầu Trịnh Tạc vì lợi ích quốc gia « chặn đứng lại sự tràn lan của đạo công giáo đã truyền đi khắp các trấn trong nước ». Nhưng Trịnh Tạc còn trong thời kỳ tang tóc, chưa muốn thay đổi đường lối chính trị của cha, và nhất là thời kỳ tàu buôn Áo-môn vào buôn bán cũng đã đến. Không may, chuyến tàu buôn lần đó không đem vào nhiều hàng hóa như mọi năm, lễ vật dâng cho Trịnh Tạc cũng không có gì quí giá. Chuyến tháng tư đó, cha bề trên cũng gửi thêm hai cha người Pháp, Giuse Tissanier và Phêrô Albier.

Trịnh Tạc bất mãn và vào cuối tháng 6 khi tàu buôn sắp nhổ neo, ra lệnh cho cha Onuphre Borgès, từ năm 1657 được đặt làm bề trên thay cha Phanxicô Rangel, gọi tất cả các thừa sai ở các trấn về kinh. Số các thừa sai lúc đó là 8 vị. Trịnh Tạc ra lệnh các cha phải theo tàu buôn trở về Áo-môn, chỉ một mình cha bề trên là được ở lại, nhưng cấm không được truyền đạo và ra ngoài khu thành. Sau nhiều lần yêu cầu, nhà chúa mới cho giữ lại thêm một cha bạn. Cha Onuphre Borgès đã giữ lại cha Giuse Tissanier.

Các cha Phanxicô Rangel, Philippô Marini, Giuse Agnese, Carlo della Rocca, Barnabê d'Oliveira và Phêrô Albier ngày 17 tháng 7 theo tàu buôn từ giã xứ Bắc với tất cả mến tiếc của giáo dân. Tuy mến tiếc, nhưng có người cho rằng thế là các cha thoát nạn, vì chỉ ít lâu nữa là chúa Nguyễn lợi dụng tình trạng rối loạn ngoài Bắc, cho quân tiến ra, và « một phần lớn xứ này sẽ thấy cảnh máu lửa ». Gặp bão, tàu buôn bị đắm ở gần vùng đảo Hải Nam, may mọi người đều thoát nạn và vào tháng 10 thì các cha trở về tới Áo-môn. Cha Marini sau đó trở về Âu châu vào năm 1661 và năm 1663 cho xuất bản ở Roma cuốn sách nói về giáo đoàn xứ Bắc (1).

(1) Tức cuốn Delle missioni de padri della compagnia di Giesu nella provincia del Giappone, e particolarmente di quella di Tunkino. Roma 1663, mà chúng tôi đã trích nhiều trong chương này.

Ở lại với cha Onuphre Borgès, hai thừa sai giữa một giáo đoàn đông đúc, cha Tissanier cố gắng học tiếng nói và vào tháng 8 Lễ Đức Mẹ lên trời năm đó, cha đã giải tội được cho giáo dân. Hơn lúc nào hết, các thày giảng là những chân tay cộng tác cần thiết và đắc lực của các cha. Không thể ra ngoài kinh, công việc thăm viếng các họ đạo đều trao lại cho các thày. Các cha cũng cho các thày được quyền rửa tội cho các tân tòng ở xa. Bị quản thúc ở Kinh, các cha, cũng như thời kỳ cha Đắc Lộ, không được phép ra khỏi nhà và liên lạc với giáo dân. Người ta còn đồn rằng chỉ trong chuyến tàu buôn năm đến là 2 cha cũng sẽ bị trục xuất và Trịnh Tạc đã sửa soạn cho ra sắc chỉ cấm đạo. Để đề phòng, ở vùng Kinh, các giáo dân không hội họp ở nhà thờ và trở về với thời xưa, họ bí mật hội họp trong các tư gia từ trước gà gáy, rồi đến tảng sáng là đã giải tán và ban đêm qua những đường lối liên lạc bí mật, họ đến gặp các cha.

Tháng 3 năm 1659, tàu buôn Áo môn trở lại, mang theo 2 Cha Phanxicô Rangel, bề trên cũ của giáo đoàn và cha Edmond Poncet, người Pháp. Một lễ vật quí giá được dâng cho chúa Trịnh kèm theo thư của cha bề trên tỉnh Dòng, cha Simon da Cunha, yêu cầu cho phép tự do truyền giáo và giữ đạo. Trịnh Tạc nhận lễ vật nhưng khi tàu buôn sắp nhổ neo, 2 cha Rangel và Poncet được lệnh phải trở lại Áo môn.

Hai cha Borgès và Tissanier vẫn được ở lại. Có lẽ Trịnh Tạc cho rằng sự có mặt của hai cha dẫu sao vẫn là bảo đảm sự đi lại của tàu buôn Áo môn. Tuy có thịnh tình với người Hòa-Lan, nhưng vẫn không thể bỏ rơi được người Bồ, tuy họ là đồng minh của chúa Nguyễn. Vì những rối loạn trong nước vẫn tiếp tục từ lúc Trịnh Tạc lên ngôi, người Hòa Lan đã tỏ ý chán nản và muốn tạm ngừng buôn bán (1).

Cũng nhờ đó và với thời gian, lại thêm sự giúp đỡ của nhiều vương phi có thịnh tình với đạo, hai cha dần dần được nới rộng, đi lại tự do trong khu kinh đô, và giáo dân lại đến hội

(1) Buch: La Compagnie des Indes Néerlandaises II, trang 142.

họp trong các nhà thờ, tuy vẫn phải để ý đề phòng. Năm đó các thày giảng rửa tội được 7.900 người.

Năm sau, dịp tết Nguyên đán vào tháng 2-1660, các cha được phép vào triều phủ để chúc tết vua Lê, chúa Trịnh cùng với cả triều thần .« Mặc áo tim, đội mũ 6 cạnh » của các quan thời đó (1), theo nghi lễ, các cha cũng phục lạy Trịnh Tạc 4 lạy. Mấy hôm sau, trong buổi tiếp tân dành cho ngoại kiều, Trịnh-Tạc còn cho quan đến hỏi thăm các cha, và tỏ ra có thịnh tình hơn trước (2).

Lợi dụng thời kỳ được tự do đôi chút, các cha và các thày giảng tiếp tục hoạt động. Năm đó, số người rửa tội được hơn 8 ngàn, trong đó có nhiều người thuộc giới quan lại và quí tộc. Ngoài ra các cha còn được sự giúp đỡ của một lái buôn Nhật, ông Paolo de Vada và ông Raphael Rhodes, người xứ Nam làm thông ngôn cho hãng buôn Hòa Lan. Các lái buôn Hòa Lan cũng có thịnh tình với các cha. Hoạt động, nhưng các cha luôn luôn dè giữ vì thái độ của Trịnh Tạc đối với đạo vẫn chưa có gì bảo đảm chắc chắn, lệnh trục xuất thứ hai, hay lệnh cấm đạo có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

3.— Lệnh trục xuất 1663.

Từ khi lên ngôi, Trịnh Tạc cho con là Trịnh Căn vào thay Trịnh Toàn trấn thủ đất Nghệ An, việc binh đao giữa Trịnh Nguyễn vẫn tiếp tục,khi thắng khi bại, con đường ranh giới thay đổi bên này hoặc bên kia sông Lam giang. Năm 1658, quân Nguyễn thua phải lùi, đến năm 1660, quân Trịnh lại bị thua. Nhưng vì hai tướng của chúa Nguyễn, Nguyễn-hữu-Tiến thấy Nguyễn-hữu-Dật được Hiền-Vương trọng đãi hơn, sinh hiềm khích, làm kế rút quân về,để Nguyễn-hữu-Dật một mình đương

(1) Tissanier, Voyage au Tonkin, trang 265.

(2) Năm 1660, vào tháng 4, cũng có một chuyến tàu buôn ở Áo-môn định vào xứ Bắc nhưng bị giặc bể cướp ở ngoài khơi. Hai cha Phanxicô Rangel và Giuse Agnese bị giết trong chuyến đó (ngày 8-4-1660). Trịnh Tạc biết tin, liền cho quân đuổi theo bọn cướp. (Tissanier, Voyage au Tonkin, trang 300).

đầu với quân Trịnh, nên quân Trịnh lại thắng. Quân Trịnh tiến đến cửa Nhật Lệ thì phải ngừng lại.

Năm đó, tuy tình hình trong nước chưa yên hẳn, nhưng Trịnh Tạc nhất định sửa soạn cử đại binh xuống đánh xứ Nam. Nhà chúa ra lệnh điểm mục toàn dân. « Từ 10 tuổi trở lên phải khai sổ, không kể thuộc quan thứ hay hoàng tộc ». Dân chúng tỏ thái độ bất mãn. Trịnh Tạc cho nguyên nhân là do người theo đạo công giáo và cả một số người theo đạo Phật, đạo Lão, nên đã tuyên bố là sau khi chinh phạt miền Nam về, sẽ xét lại các luật lệ thói tục trong nước và sẽ chỉ giữ lại một đạo giáo, tức Nho giáo (1).

Sau khi đã lấy 160.000 quân ở bốn trấn và đã cho sứ sang Tàu để điều đình với nhà Thanh, mong giữ yên mạn Bắc, năm 1661, Trịnh Tạc cử đại binh, đem vua Lê xuống đánh chúa Nguyễn. Bị chặn đứng lại trước sức chống giữ can đảm của quân Nguyễn-hữu-Dật, quân Trịnh không tiến lên được. Sang đầu năm 1662, quân mệt, lương hết, Trịnh Tạc đành phải cho lệnh thu quân về Bắc.(2)

Năm đó, Trịnh Tạc cho ra bản sắc dụ cải tổ phong tục, và bắt buộc toàn dân, từ quan đến thứ dân đều phải tuân cứ thi hành. Về vấn đề tôn giáo, sắc dụ bắt dân phải tuân giữ đạo tam cương ngũ thường của Nho giáo và khuyên họ đừng mù quáng tin theo các tà đạo. Các sách của Phật giáo, Lão giáo và các tà đạo khác, cấm không được in bán hay mua đọc vì dạy những điều trái với đạo cương thường. Và để chống nạn trốn việc quan đi ở chùa trong chuyến bắt lính vừa rồi, sắc dụ chỉ cho phép các cụ già, sau khi đã được quan trên ưng chuẩn, là được đến tu trì ở các chùa chiền lại cấm các làng mạc không được tự tiện phí tiền vô ích xây cất các đền đài miếu mạo khi chưa có phép quan trên.

Sắc dụ được ban bố là một điềm báo không lành cho các thừa sai. Nhưng Trịnh Tạc vẫn chưa muốn rứt hẳn các cha, năm đó lại còn cho phép cha Phêrô Albier, được ở lại với hai cha

(1) Tissanier, Voyage au Tonkin

(2) Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, trang 302,303

Borgès và Tissanier. Cha Albier đã vào xứ Bắc cùng với cha Tissanier năm 1658 và bị trục xuất cùng với các cha khác trong chuyến tàu buôn về Áo môn năm đó.

Giữ các cha ở lại, Trịnh Tạc chỉ có mục đích bảo đảm sự buôn bán khi giới với Áo môn, cần thiết để đương đầu với chúa Nguyễn mỗi ngày một mạnh. Một khi mục đích đó không đạt được, Trịnh Tạc sẽ không ngần ngại trục xuất các cha.

Không may lúc đó bên Tàu,nhà Thanh chiếm ngôi nhà Minh và bách hại các thừa sai được trọng đãi của triều cũ. Áo-môn, đồng minh của nhà Minh, cũng bị hai đoàn 22 chiến thuyền của quân nhà Thanh đến bao vây ngày 3 tháng 5 năm 1662.Tướng nhà Thanh ra lệnh cho tất cả người Tàu trú ngụ buôn bán hoặc làm phu ở đó đều phải rút lui về nội địa.Áo-môn bị rơi vào thế phong toả. May nhờ có hai cha Jacques le Faure và Adam Schall can thiệp với triều Khang Hi, Áo-môn mới được thoát. Nhưng phía biển vẫn bị phong toả và không một tàu buôn nào có thể rời bến Áo-môn đi nơi khác. Cuộc liên lạc buôn bán với chúa Trịnh cũng bị ngừng trệ.

Được tin đó, Trịnh Tạc liền đổi thái độ, bạc đãi các cha. Lợi dụng cơ hội, các quan ghét đạo yêu cầu nhà chúa để ý đề phòng đạo công giáo. « Sự đoàn kết chặt chẽ giữa các giáo dân rất có thể đưa đến một bè phái có thế lực và với sự tuân phục mù quáng các chỉ huy ngoại kiều, rất có thể gây nhiều nguy hại cho quốc gia ». Cuối năm 1663, Trịnh Tạc ra lệnh trục xuất hẳn các cha.Ngày 12 tháng 11 năm 1663,ba cha Borgès, Tissanier và Albier, gạt nước mắt từ giã giáo đoàn xứ Bắc, theo một đoàn tàu buôn Hòa Lan về Batavia.

Cha Borgès qua đời ở Batavia, còn hai cha Tissanier và Albier qua Xiêm ở với cha Valguarneira, thừa sai dòng Tên ở đó. Cha Borgès đã qua 18 năm giời hoạt động truyền giáo ở xứ Bắc, đã viết nhiều sách bằng chữ nôm và đã chỉ huy giáo đoàn trong thời kỳ khó khăn hơn cả từ lúc Trịnh Tạc lên ngôi.

Sau khi trục xuất các cha. Trịnh Tạc đã cho soạn một sắc chỉ cấm đạo, trong đó gọi đạo công giáo « là một đạo kỳ quặc,

nguy hiểm, dạy người ta không được thờ trời đất, không được tế quỉ thần, lại bắt vợ phải bỏ chồng, chồng phải bỏ vợ.» và truyền tịch thu và thiêu hủy tất cả các sách kinh, sách đạo, tố giác các đạo trưởng và thày giảng (1). Sắc chỉ được soạn ra nhưng không ban bố. Dần dần Trịnh Tạc lại tỏ ra không ngặt nghèo với đạo công giáo, giáo dân lại tiếp tục hội họp. Mọi người hy vọng các thừa sai lại trở lại.

Nhưng Áo-môn vẫn tiếp tục bị phong tỏa, mãi đến tháng 8 năm 1667, mới có tàu ở Goa đến cứu. Vào tháng 11 năm đó Manuêlê de Saldagna lên Bắc Kinh để điều đình. Được chiếm giữ Áo môn với điều kiện hàng năm phải triều cống 500 yến bạc, đến mùa xuân năm 1669, người Bồ mới lại cho tàu buôn sang buôn bán ở xứ Bắc và đưa ba thừa sai sang. Lúc đó xứ Bắc cũng như xứ Nam đã được Tòa Thánh giao cho hai Giám mục đại diện Tông Tòa, Đức Cha Pallu và Lambert de la Motte, và các thừa sai người Pháp của các ngài. Cha chính Deydier đã có mặt ở xứ Bắc từ đầu năm 1666 và đang cố gắng tổ chức lại giáo đoàn sau ba năm vắng mặt các thừa sai. Sự trở lại của các thừa sai dòng Tên lần này sẽ mở đầu cho một thời kỳ chia rẽ tai hại và kéo dài của giáo đoàn xứ Bắc cũng như xứ Nam, mà chúng tôi sẽ trình bày trong cuốn II.

---

(1) Pallu, Relation abrégée, trang 10.

D 84.2

CATHECHISMVS

Pro ijs, qui volunt ſuſcipere

BAPTISMVM

In Octo dies diuiſus. Latin. Tonquinois.

Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, mà giảng đạo thánh đức Chúa blời

Ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus

Ab Alexandro de Rhodes è Societate IESV, eiuſdemque Sacræ Congregationis Miſsionario Apoſtolico.



ROMÆ, Typis Sacræ Congregationis de Propaganda Fide.
Superiorum permiſſu.

Cuốn « Bổn 8 ngày »
của Cha Đắc-Lộ, in năm 1651 tại Roma.

[a] *SVpra breuitèr explicatum eſt, quod iam ab æterno, antequã eſſet cælum aut terra aut quidquã aliud,* [b] *iam erat ſubſtantia ſpiritualis eſſentiæ infinitæ, æternæ, immenſæ,* [c] *ſapientiam quoque habens infinitam omnipotentiam infiniam, bonitatem infinitam,* [d] *æquitatem denique & iuſtitiã infinitã.* [e] *Atque hæc ſubſtantia infinita, quæ vocatur Deus, verusq; cæli Dominus* [f]*: quamuis nullo indigens, ſibique ſola ſufficentiſſima eſſet, ad perfectã ſuam beatitudinẽ, omni ex parte completam;* [g] *pro ſua liberavoluntate ac infinita,* [h] *voluit creaturas ex nihilo, in quo ab æterno iacuerant, per ſuam Omnipotentiam extrahere,* [i] *illiſque exiſtentiam in tempore præſtituto tribuere,* [k] *creando ſcilicet cœlum & terram, omniaque in illis contenta:* [l] *quæ quamuis potuiſſet vnico momento ſi-*

Ngày thứ bã.

[a] [a] NGày thuớc đã giảng, khi chưa có blờ-i, chưa có đất, chưa có đí gì sốt thuớc vô cữ, [b] đã có tính thiêng liêng, là tính khí vô cữ, hàng có vócữ, phủ mọi nơi vo cữ, [c] mà hay biết mọi sự vô cữ, phép tác vô cữ, lảo lành vô cữ, [d] lại là coũ bàng vô cữ. [e] [e] Mà tính thiêng liêng vô cữ nấy, gọi là Chúa *Deus*, thạt là đức Chúa blờ-i. [f] dẫu chẳng có dữ gì bề ngoài, mà bui có blọn đui để một mềnh no mọi đàng; [g] sảo le vì có chúa í mềnh, lại có lảo lành vô cữ, [h] thì có tỏan dữ phép mềnh vô cữ, mà bởi khoũ hỏá ra mọi sự có, dẫu xưa đờ-i đờ-i một khoũ đệy: [i] đến ngảy tỏan làm, thì cho mọi sự có, [k] má làm nên blờ-i đết, cữ mọi sự ở tlaõ thế giái nấy đệy: [l] mà dù đức Chúa blờ-i có muốn hỏá ra một chốc

mul-

CHƯƠNG VIII

XỨ NAM, CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN SAU CHA ĐẮC-LỘ (1646-1665)

I.— Giáo đoàn xứ Nam dưới thời cha Metello Saccano (1646-1655).

1.— Cha Metello Saccano tới xứ Nam.

2.— Anh hùng xưng đạo ở Quảng Bình.

3.— Thêm cha Carlo della Rocca.

4.— Bách hại tiếp tục.

II.— Giáo đoàn xứ Nam dưới thời cha Phanxicô Rivas và Pedro Marquez (1655-1665).

1.— Ông Phêrô Văn Nết xưng đạo ở Cát-dinh.

2.— Thời kỳ hòa hoãn. Các cha đi thăm các họ.

3.— Bách hại lại nổi lên.

I.— GIÁO ĐOÀN XỨ NAM DƯỚI THỜI CHA MÉTELLO SACCANO (1646-1655).

1.— Cha Métello Saccano tới xứ Nam. (1)

Cha Đắc-Lộ ra đi ngày 3 tháng 7-1645, cơn bách hại vẫn tiếp tục. Thượng vương đã lên án trảm quyết hai thày I-nha-xu và Vinh Sơn trong số 9 thày giảng cùng bị bắt với cha. Tới Áo môn, cha yêu cầu bề trên kinh lược tỉnh dòng Manuêlê de Azevedo sai thừa sai khác đến thay thế. Nhiều thương gia Bồ tỏ vẻ lo ngại, vì Thượng vương đã tuyên bố nghiêm phạt tầu buôn nào dám cả gan đưa các thừa sai trở lại. Nhưng một giáo đoàn gần 50.000 giáo dân, kết quả công lao của bao thừa sai sau 30 năm truyền giáo, họ đang sống những ngày đen tối của cơn bách hại, họ cần có linh mục ở bên để chỉ huy, để nâng đỡ. Đàng khác các cha hy vọng có thể làm dịu bất mãn của Thượng vương một cách dễ dàng. Cha Metello Saccano viết : « Người ta còn lạ gì tính tình hay thay đổi của nhà chúa, dễ nổi nóng mà cũng chóng dịu đi, và người ta cũng không quên rằng muốn lấy lòng nhà chúa, chỉ cần một số lễ vật quí giá và tốt hơn hết là một vài viên ngọc trai, lễ vật mà nhà chúa mong muốn và ưa thích hơn cả, ai mà dâng cho nhà chúa lễ vật đó thì muốn xin gì cũng được. » (2)

Không đầy một năm sau, ngày mồng 6 tháng 2-1646, hai

---

(1) Relation des progrès de la foi au royaume de la Cochinchine es années 1646 et 1647 envoyée au R.P. Général de le Compagnie de Jésus par le P. Metello Saccano, religieux de la même Compagnie employé aux missions de ce pays. Paris 1653. Bản dịch của cha De Machault.

(2) Metello Saccano, id, trang 55-56.

cha Balthasar Caldera và Metello Saccano xuống tàu, và sau 5 ngày thuận buồm xuôi gió, tới Cửa Hàn. Cha Balthasar Caldera đã hoạt động lâu năm ở xứ Bắc dưới thời cha Felix Morelli, đã thông thạo tiếng nói và phong tục, còn cha Metello Saccano mới ở Tây phương sang.

Mang theo 4 viên ngọc trai quí và nhiều lễ vật khác, các cha được tiếp đãi rất niềm nở với những bữa yến tiệc linh đình. Nhưng khi nói đến việc xin cho ở lại, Thượng vương đổi giọng nói rằng lệnh mới ra, không nhẽ đổi ngay. May nhờ quan cai bạ nói giúp, lấy lẽ là lệnh nhà chúa vẫn được tôn trọng vì đạo trưởng Đắc-Lộ đã xuống tàu về Áo-môn và không còn dám cả gan trở lại, ông cũng không quên đề cao lòng kính trọng của cha bề trên tỉnh dòng mà ông gọi là đại đạo trưởng qua những lễ vật dâng cho nhà chúa, đằng khác nếu nhà chúa chỉ cho một mình đạo trưởng Metello Saccano ở lại, thì không lo ngại có thể truyền tả đạo cho dân chúng vì đạo trưởng không biết tiếng nói.

Cuối cùng Thượng vương cho cha Metello Saccano ở lại, còn cha Balthasar Caldera phải qua Cao miên hay trở lại Áo-môn. Cha bề trên kinh lược tỉnh dòng cũng đã đoán trước ý định của Thượng vương nên đã chỉ cha Balthasar Caldera sau thời kỳ ở lại xứ Nam với tàu buôn người Bồ sẽ qua kinh lược giáo đoàn Cao miên.

Nhìn lại giáo đoàn xứ Nam từ khi cha Đắc-Lộ ra đi, cha Metello Saccano sung sướng nhận thấy giáo dân trong thử thách vẫn bền vững và thêm nhiệt thành hơn. Các thày giảng đã rửa tội thêm được 200 người và hơn 200 người khác được dọn sẵn để chờ đợi các cha đến, không kể con số những người đã được rửa tội hay đã được dậy đạo do hoạt động tông đồ giáo dân ở những vùng xa xôi.

Kết quả gương tử đạo của hai thày I-nha-xu và Vinh Sơn : hai quan trong phủ chúa xin theo đạo, giáo dân thêm can đảm hơn. Trong số những giáo dân có công lúc đó, không kể bà Maria Minh Đức, quan Gioankim, phải kể bà vợ một quan ở trấn Quảng Nam. Bà đã già 83 tuổi, nhưng rất nhiệt thành truyền đạo. Chính

trong thời cấm cách ở Kinh, bà đã nuôi và giúp đỡ các thày giảng.

Tuy được ở lại, nhưng cha Metello Saccano cần phải giữ gìn. Với sự xếp đặt và liên lạc của các thày giảng, ban đêm giáo dân lần lượt đến gặp cha để lĩnh nhận các ơn bí tích và những lời chỉ dẫn khuyên bảo thúc giục. Cứ sẩm tối cha xuống chiếc thuyền nan, tưởng như chiếc thuyền đánh cá của mấy bác chài nghèo, dọc theo sông đến một khu vắng vẻ đã định trước. Có những giáo dân ở xa 7, 8 ngày đường đến để gặp cha.

Không được phép ra khỏi khu vực cửa Hội-An, cha viết thư gửi cho các họ đạo để các ông trùm trưởng đọc cho giáo dân trong các ngày chủ nhật và ngày lễ. Dần dần cha cũng đánh bạo đi thăm các họ đạo chung quanh và đã có lần lên tận vùng dinh phủ của Thượng vương. Cha được bí mật đón tiếp trong dinh quan Gioankim và trong hai đêm cha đã rửa tội được 25 người.

2.— Anh hùng xưng đạo ở Quảng - Bình. (1)

Cuộc bách hại vẫn tiếp tục. Bắt đầu với cái chết của thầy Andrêa, rồi đến hai thày I-nha-xu và Vinh-Sơn, cuối năm 1646 lại tái diễn với án trảm quyết hai ông Agostinô và Alêxi.

Thấy hoạt động tông đồ giáo dân của hai ông Agostinô và Siméon, hai vị trùm trưởng nhiệt thành của họ Quảng-Bình, dù trong thời kỳ cấm cách, vẫn tiếp tục và kết quả, một số người ghét đạo ở làng bên tìm cách phá hại (2). Họ nhờ một quan cai đội đệ trình lên Thượng vương một đơn tố cáo một số đàn anh họ đạo Quảng Bình, trong đó tên hai ông Agostinô và Siméon được đặt lên trên hết. Họ kêu ca vì dân bên giáo bỏ thần phật, nên mùa quả bị hỏng và trâu bò chết nhiều.

Thượng vương ra lệnh cho lính phủ về bắt hai ông Agos-

(1) Metello Saccano, Relation, trang 89-108.

(2) Cha Metello Saccano đã ghi tên làng đó là làng «Kenyka».

tinô và Siméon đóng gông giải về dinh. Cậy thế triều đình, họ Quảng-Bình bị lính phủ phá phách tàn tệ. Hai ông Agostinô và Siméon bị bắt giam cùng với 4 giáo dân trong họ, trong đó có ông Alêxi. Ông là người trong quân đội, nghe biết lính phủ lên bắt giáo dân trong họ, ông liền ra xưng mình là người có đạo. Bị bắt giải đến trước mặt quan cai đội, ông hăng hái xưng đạo. Lấy tình bạn đồng nghiệp, quan cai đội chỉ yêu cầu ông ký bản chối đạo, không bắt ông phải đạp ảnh và tìm hết các đường lối quanh co để gỡ cho ông thoát, nhưng ông Alêxi từ chối những cử chỉ hèn nhát đó. Ông lại còn yêu cầu được danh dự mang gông như hai ông Agostinô và Siméon. Theo luật, quân lính có tội được miễn nhục hình đó, nhưng vì ông Alêxi khẩn khoản, nên sau khi hỏi ý kiến quan phủ, quan cai đội cũng để ông được mang gông.

Bị giải đến trước mặt Thượng vương, nhà chúa bỡ ngỡ vì lệnh truyền chỉ đóng gông có hai người. Hiểu chuyện do quan cai đội tâu trình, Thượng vương bắt đầu tra vấn ông Alêxi rồi đến hai ông Siméon và Agostinô. Tất cả đều can đảm xưng đạo. Nổi giận, Thượng vương kết án trảm quyết hai ông Agostinô và Alêxi, còn cụ già Siméon đã 62 tuổi và 3 giáo dân khác bị chặt một ngón tay, bị đánh đòn và cạo trọc đầu. Án giao cho quan phủ Quảng Bình thi hành và còn truyền cho ông phải truy nã những giáo dân bất tuân lệnh vẫn cả gan hành đạo và trừng phạt để làm gương cho người khác sợ. Một số ảnh tượng và sách đạo tịch thu trong chuyến vây bắt họ Quảng-Bình, cũng bị đem thiêu hủy hôm đó.

Ông phủ Quảng-Bình là người đã chịu phép Rửa, tuy không dám giữ đạo bên ngoài, nhưng ông vẫn tìm cách che chở cho giáo dân được đến từ giã hai ông Agostinô và Alêxi. Bà vợ ông Alêxi cũng giắt đứa con 6 tuổi đến từ giã chồng. Cảnh từ giã của những giáo dân đầy tin tưởng đó đã làm cho lính canh phải ngạc nhiên. Không thấy vợ chồng ông Alêxi kêu trách than khóc như những tù nhân khác khi bị kết án xử, một lính canh đã bỡ ngỡ hỏi ông không có tình thương vợ thương con sao. Ông Alêxi thản nhiên trả nhời: sao lại bảo vợ con tôi than khóc kêu trách, khi tôi sắp đến ngày được thăng thưởng ? Ngày thăng thưởng đó đã đến. Cha Metello Saccano tường thuật:

« Sáu anh hùng bị dẫn ra pháp trường, lính tráng và các quan đứng một bên, thành hai hàng song song. Lòng bác ái can đảm của một phụ nữ công giáo được phát biểu ngay nơi pháp trường. Bà tiến lại chỗ các người sắp bị xử, trải chiếu cho họ ngồi, để máu khỏi rơi xuống đất. Vì khiêm nhượng các người bị xử từ chối hân hạnh đó, nhưng trước những lời năn nỉ của bà, họ phải nhượng bộ. Mới theo đạo mà bà đã không sợ xưng đạo mình ra dù quan trên vừa mới đọc chiếu chỉ của nhà chúa kết án trảm quyết những người theo đạo người Bồ. Các giáo dân khác cũng không ai núng lòng rút lui khỏi pháp trường ».

Đang khi cụ Siméon và 3 giáo dân khác bị phạt trượng, chặt ngón tay và cạo trọc đầu, ông Agostinô khuyên giáo dân có mặt những lời sốt sắng can đảm và tuyên bố với người bên lương là hai ông bị trảm quyết không phải vì có tội gì, chỉ vì theo đạo Chúa trời đất. Đầu hai ông Agostinô và Alêxi bị bêu trên một chiếc cọc cao. Còn cụ Siméon, vì tuổi già không đủ sức chống lại với những nhát đòn chí tử, đã từ trần mười ngày sau, lên nhận triều thiên tử đạo với hai bạn.

Lệnh thiêu hủy ảnh tượng và sách đạo cũng được thi hành ngay sau đó. Lấy lý do phải tôn trọng sách đạo của ông trời, Đấng ở trên cao, ông truyền cho lính không được vứt xuống đất phải buộc trên đầu gậy mà đốt.

3.— Thêm cha Carlo della Rocca.

Cùng với án trảm quyết hai ông Agostinô và Alêxi, Thượng vương còn tuyên bố sẽ ra lệnh trục xuất cha Metello Saccano và không cho một tây giang đạo trưởng nào bén mảng đến xứ Nam để mê hoặc dân chúng.

Thấy gương can đảm, vui vẻ đi đón cái chết của ông Alêxi, Thượng vương tin ngay câu chuyện đồn thổi các tây giang đạo trưởng lấy xương người chết tán thành bột hòa với nước làm thuốc mê cho giáo dân uống. Những người uống thuốc mê đó thì không còn sợ tra tấn hay sợ chết nữa.

Nguyên do câu chuyện theo cha Metello Saccano đoán (1) có lẽ tại năm trước khi cha lên dinh để dâng lễ vật cho Thượng vương, cha có đeo một ảnh có xương thánh. Tưởng trong có ngọc quí, một ông quan yêu cầu cha mở cho xem. Chiều lòng cha mở cho xem, bên trong chỉ có một vài miếng xương vụn. Ông còn thấy cha có một hộp thuốc bột vẫn mang theo trong mình. Đoán ngay là một thứ thuốc bùa mê của các tây giang đạo trưởng như các thày cúng, thày bùa ở Việt-Nam, ông đưa câu chuyện trình Thượng vương.

Nhưng may mắn, Thượng vương chỉ tuyên bố chứ không thi hành. Nhà chúa còn cần súng ống của người Bồ và hi vọng lại có những lễ vật, những hạt trai quí như năm ngoái. Mùa buôn bán cũng đã đến, Thượng vương chờ đợi.

Đầu năm 1647, tàu buôn Áo-môn lại đưa thêm cha Carlo della Rocca, người Ý. Mang dâng cho nhà chúa hai hạt trai quí và một thoi vàng lớn, cha Carlo della Rocca được đón tiếp rất niềm nở. Cha Metello Saccano cũng theo người Bồ lên dinh để yết kiến Thượng vương. Cha Metello Saccano viết : « Chúng tôi hết sức tìm kiếm thêm lễ vật, tất cả những gì mà chúng tôi cho là nhà vua xứ đó ưa thích hơn cả. Chúng tôi vui chịu mất tiền mất của để lấy lòng ngài mong nhờ đó có thể cứu được biết bao linh hồn đáng thương, những linh hồn đã được dọn sẵn để đón nhận Tin lành nước Chúa. » (2)

Được ở lại dinh 3 ngày, hai cha lợi dụng để thăm viếng giáo dân. Để tránh những hiềm khích của những quan không ưa đạo, chỉ ban đêm hai cha mới tiếp xúc với giáo dân. Trong ba ngày, hai cha rửa tội được hơn 60 người. Đứng đầu họ đạo ở dinh lúc đó là quan Paolô, quan sư phó, dậy học các con của Thượng vương. Ông rất đạo đức và nhiệt thành truyền đạo. Năm ngoái ông đã xin phép cha Saccano từ giã gia đình và quan chức để gia nhập vào tổ chức thày giảng. Nhưng cha can ngăn, vì sự có mặt của ông ở chốn dinh phủ giúp rất nhiều

(1) Metello Saccano, Relation, trang 98-99.

(2) Metello Saccano, trang 112.

cho giáo đoàn và họ đạo ở đinh. Năm đó, ông được bổ đi trị nhậm ở một trấn lớn, giáo dân rất nhớ tiếc ông.

Bỏ đinh, trở về cửa Hội-An, hai cha được tự do hoạt động trong khu vực dành riêng cho người Bồ. Giáo dân tiếp tục bí mật đến gặp các cha. Sự đạo vẫn tiến triển. Hoạt động tông đồ giáo dân và của các thày giảng đem lại nhiều kết quả. Ở vùng Quảng Bình, nhờ máu tử đạo, có tới 500 người xin trở lại. Ở Phú-yên một bà cụ già đã khuyên được 31 bệnh nhân trở lại. Trong số đó có một người thuộc giới quan lại. Bình phục, ông từ giã quan trường để được tự do giữ đạo ở nhà.

Ngày 19 tháng 3 năm sau; 1648, Thượng vương băng hà, thọ 48 tuổi. Con thứ hai là Nguyễn-phúc-Tần lên thay. Dưới triều Thượng vương (1635-1648), giáo đoàn xứ Nam đã qua một thời kỳ bách hại gay go. Năm 1639 tất cả các thừa sai bị trục xuất, rồi dưới thời cha Đắc-Lộ trở lại xứ Nam, cuộc bách hại đi dần đến chỗ đổ máu, thày Andrêa tử đạo, rồi tiếp đến hai thày I-nha-xu và Vinh-Sơn. Cuối năm 1646, là hai ông Agostinô và Alêxi.

4.— Bách hại tiếp tục.

Hiền vương, chúa mới (1648-1687), đối với công giáo, thái độ không thay đổi, nhiều khi còn tỏ vẻ gay gắt hơn.

Hiếu chiến, kiêu kỳ và nhiều tham vọng, Hiền-vương nhiều lần đem quân dẹp Nam đánh Bắc (1). Năm 1653, vua Chiêm Thành là Bà Thấm quấy nhiễu vùng Phú-Yên. Hiền vương cho quân xuống chinh phạt, Bà Thấm phải xin hàng. Phần đất từ sông Phan-Rang trở ra được sát nhập vào lãnh thổ xứ Nam, đặt là Thái-ninh-Phủ. Năm 1655 Hiền vương lại sai tướng đem quân tiến qua sông Linh-giang ra đánh đất Bắc-Bồ-Chánh, chiếm được cả vùng phía Nam sông Lam-giang tức sông Cả ngày nay. Năm 1658 đem quân qua đánh Cao - Miên, lấy được kinh - đô Udong, tịch thu kho tàng của vua Nặc ông Chân, tất cả 27 thuyền

(1) Xem Trần trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, trang 298, 299, 327, 329.

lớn và 70 thuyền nhỏ để chở các báu vật, 800 con voi, ngựa bò rất nhiều và 1600 khẩu súng (1). Nặc ông Chân bị giam ở Quảng-Bình, nhưng vì muốn rút quân về để đương đầu với họ Trịnh, Hiền vương tha cho Nặc ông Chân về, bắt phải triều cống và nhượng đất Biên-Hòa cho xứ Nam.

Với tất cả những cuộc chinh phục miền Nam và đương đầu ở miền Bắc đó, Hiền vương cần sự viện trợ khí giới của người Bồ. Trong hai nước Bồ và Hòa-Lan thường đi lại buôn bán với vùng Hoa-Ấn, thì Hòa-Lan đã bắt tay ra mặt với chúa Trịnh ngoài Bắc và nhiều lần đã đem thủy binh vào đánh xứ Nam. Vì thế tuy ghét đạo và bắt đạo trong nước, nhưng Hiền vương vẫn kính trọng các thừa sai vì sợ làm mất lòng người Bồ.

Cuộc bách hại vẫn tiếp tục, lệnh chỉ cấm đạo vẫn được thi hành,lúc gay go lúc chùng lại, tùy theo mối giao hảo của Hiền vương với người Bồ và nhất là tùy theo kết quả những cuộc chinh phục của nhà chúa.

Mở đầu thời kỳ Hiền vương, giáo đoàn xứ Nam gặp phải tang đau đớn : cái chết của bà Maria Minh-Đức :« Giáo dân thiệt hại rất nhiều vì cái chết của bà, lúc sinh thời bà đã che chở cho họ trong những cơn khốn khó. Bà rất sốt sắng trong việc chinh phục các linh hồn cho Chúa Giêsu». Bà hưởng thọ hơn 80 tuổi, sau 24 năm trung thành với đạo Chúa (2). Bà là chiếc cột cái trong tòa nhà giáo đoàn xứ Nam và là vị lãnh đạo can đảm của họ trong thời bị bách hại.

Máu minh chứng vẫn tiếp tục đổ. Đầu năm 1650, một thương gia người Armênia tên là Đavít và thày giảng Antôniô bị trảm quyết. Bà Isave, vợ một thương gia Nhật, bị kết án voi giầy.

Hai cha Saccano và Rocca vẫn tiếp tục bí mật truyền giáo

---

(1) Marini, Missioni, trang 395.—Tissanier, Voyage au Tonkin, trang 261.—Udong, kinh đô của Cao-Miên từ năm 1618 đến 1866, ở hữu ngạn sông Mékong cách Pnom-Penh 45 cây số về phía Bắc.

(2) Theo bản tường trình của cha Đắc Lộ về năm 1644, thì lúc đó bà đã ngoại 76 tuổi. Bà được cha De Pina rửa tội vào năm 1624, khi cha Đắc Lộ mới đến xứ Nam. Bà từ trần vào cuối năm 1648 sau Thượng vương ít tháng.

ở cửa Hội an và Cửa Hàn. Tuy bị bách hại, giáo dân vẫn nhiệt thành can đảm. Những dịp lễ lớn, từ những nơi xa xôi, họ kéo đến gặp các cha để lĩnh nhận các ơn bí tích.Một bà lão mù cách xa trấn Quảng Nam hơn 5 ngày đường, không ngại cảnh mắt mù chân chậm, bà nhờ một em nhỏ đưa bà đến cửa Hội an để được lĩnh nhận các ơn bí tích trước khi chết. Hôm sau, sung sướng trong ơn Chúa,bà đã chết lành,mặt ngoảnh về quê nhà.Và hằng ngày không thiếu những cảnh những người ốm liệt từ xa đến,người được võng,người được cõng trên vai,người được đưa bằng thuyền để đến gặp các cha,dọn mình về với Chúa.Lòng nhiệt thành hoạt động tông đồ giáo dân vẫn không kém. Ở làng « Bau Gya », hai cụ đồ nho đã trở lại sau khi được nghe giảng tin lành và đọc các sách đạo viết bằng chữ Hán do các thừa sai bên Trung Quốc. Cả hai đi bộ đến gặp các cha để học hỏi sâu xa hơn về lẽ đạo, lĩnh nhận các ơn bí tích, rồi trở về đưa cả bà con và dân làng trở lại (1).

II.— GIÁO ĐOÀN XỨ NAM DƯỚI THỜI CHA PHANXICÔ RIVAS VÀ PEDRO MARQUEZ (1655-1665)

1.— Ông Phêrô Văn Nết xưng đạo ở Cát - dinh.

Năm 1655 hai cha Phanxicô Rivas và Pedro Marquez đến thay thế cha Saccano được bầu làm quản lý đại diện tỉnh dòng ở Roma và cha Rocca được phái qua Cao miên.

Cha Pedro Marquez trước đây đã hoạt động lâu năm ở xứ Nam dưới thời cha Buzomi và đã được phái ra xứ Bắc mở đầu công cuộc truyền giáo cùng với cha Đắc-Lộ. Sau khi bị trục xuất, một thời kỳ cha đã hoạt động ở đảo Hải Nam. Là người lai, cha người Bồ, mẹ người Nhật, cha có thể trà trộn dễ dàng với các thương gia người Nhật ở cửa Hội-An. Còn cha Phanxico

(1) Marini, Missioni trang 368, 369.

Rivas, người Bồ, đến sau. Lúc đó liên lạc thương mại giữa chúa Nguyễn và người Bồ gặp khó dễ, người Bồ quyết định không đem súng ống vào cho chúa Nguyễn nữa. Không có tàu buôn vào cửa Hội-An, cha phải lấy tàu qua Xiêm rồi theo thuyền buôn người Tàu hay người Xiêm qua xứ Nam. Sau 43 ngày đương đầu với sóng gió, cha mới tới nơi.

Ngoài lá thư của cha bề trên kinh lược tỉnh dòng lúc đó là Sebastianô de Maia với những lễ vật quí giá, cha còn biếu nhà chúa một ống bơm nước, thiết dụng trong những mùa đại hạn. Hiền vương thích lắm, nhưng đang bận sửa soạn sai quân đánh vùng Bắc-bồ-chánh, nên bảo cha sau cuộc binh đao trở lại dùng cho chúa xem, hi vọng cha sẽ giúp dẫn nước vào ruộng khô trong khi gặp đại hạn.

Trở về cửa Hội-An, cha cùng với cha Pedro Marquez tiếp tục công cuộc truyền giáo trong bóng tối của hai cha Saccano và Rocca. Lúc này các cha cần phải giữ gìn, vì liên lạc thương mại giữa chúa Nguyễn và người Bồ đang bước vào giai đoạn gay go. Do những khó dễ gặp phải, Áo-môn đã quyết định không cho tàu buôn vào cửa biển xứ Nam « vì lý do cần bảo vệ sinh mệnh và tài sản người dân khỏi rơi vào tay bạo vương cay nghiệt và tàn ác đó» (1). Lý do thúc đẩy Hiền vương gây những khó dễ cho người Bồ và đồng thời bách hại đạo công giáo, theo cha Marini, là do một số thương gia ghét đạo người Nhật (2). Số thương gia Nhật hàng năm đến buôn bán ở cửa Hội-an rất đông. Hầu hết những người đến sau này là những người đã chối đạo hoặc đã có những thành kiến không hay về đạo. Hoàng đế Nhật đã ra lệnh cho các thương gia trước khi xuất ngoại phải đạp ảnh. Liên lạc buôn bán với người Nhật cũng là một mối lợi lớn, Hiền vương không thể bỏ qua. Vì tranh thương với người Bồ, họ tìm cách ảnh hưởng chúa Nguyễn, đem câu chuyện bách hại bên Nhật tâu trình cho nhà chúa nghe với những lo ngại của hoàng

(1) Tissanier. Voyage au Tonkin, trang 79.

(2) Marini, Missioni, trang 360-361. Trong cuốn Missioni, cha Marini đã dành quyển thứ IV để tường trình tình hình giáo đoàn xứ Nam từ năm 1655 đến năm 1658. Những tài liệu về thời kỳ này chúng tôi theo cuốn Missioni của cha.

đế Nhật trước sự đe dọa xâm lăng của người Bồ. Nghe theo, Hiền vương đã gây những khó dễ cho việc buôn bán của người Bồ. Để trả nhời lại, người Bồ đã cắt đứt liên lạc với xứ Nam. Muốn nối lại liên lạc cũ, vì dầu sao Hiền vương đang lúc cần súng ống đạn dược để mong thực hiện tham vọng Bắc tiến, nhà chúa chỉ còn trông cậy ở các thừa sai làm môi giới, vì thế hai cha Pedro Marquez và Phanxicô Rivas mới được ở lại.

Nương nhẹ đối với các thừa sai, nhưng cuộc bách hại vẫn được tiếp tục trong dân chúng. Máu vẫn tiếp tục đổ, gương anh hùng minh chứng đạo vẫn không thiếu. Vào khoảng cuối năm 1655 sang đầu năm 1656, giáo đoàn xứ Nam lại được hân hạnh ghi vào sổ danh dự tên ông Phêrô Văn Nết (1).

Sinh năm 1606 tại làng Trà Bát, tức Cát dinh, phủ cũ của chúa Nguyễn, ông dòng dõi người Bắc, thuộc gia đình quan lại. Ông được cha Đắc-Lộ rửa tội năm 35 tuổi, trong chuyến đầu cha trở lại xứ Nam (2).Có tiếng là người liêm chính ngay thẳng, ông được bà Maria Minh Đức đặt làm quản lý trông coi khu đền của bà.

Sau khi bà Maria Minh Đức qua đời, giáo dân mất chỗ nương tựa và nơi hội họp, ông liền dành một khu nhà của ông để thay thế. Ông rất nhiệt thành hoạt động tông đồ giáo dân, không e ngại những sắc chỉ cấm đạo, ông vẫn tiếp tục hội họp giáo dân trong nhà, dậy kinh bổn cho người đạo mới và giúp đỡ những người ốm liệt.Trong những lời khuyên bảo,ông luôn mong muốn được có dịp minh chứng đạo.

Vì lòng thương giúp người nghèo khó, ông đã bị một Giuđa phản bội tố cáo ông với quan trên. Bị bắt quả tang trong nhà có nhiều ảnh tượng và sách đạo, ông bị tống giam. Cha Marini kể : « bị dẫn ra tòa, ông can đảm xưng mình là người có đạo và cương quyết không gì có thể làm lay chuyển đức tin của ông... Quan hỏi : là bề tôi nhà chúa, sao lại không chịu

(1) Marini, Missioni, trang 364-367. Cha phiên âm là Gnêt.

(2) Xem trên.

vâng lệnh nhà chúa truyền? Ông trả lời: Trước hết ông là bề tôi của Chúa trời đất, Người là Đấng có quyền trên hết, ông có bổn phận phải vâng lệnh Người trước rồi mới đến nhà chúa, nghĩa là ông chỉ có thể vâng trong những điều không trái với luật của Chúa trời đất, và ông sẵn sàng đổ máu để minh chứng đạo ông».

Bị kết án trảm quyết, ông sung sướng nhận án như được một ân huệ lớn lao. Họ hàng bà con muốn dùng tiền bạc để chuộc án, nhưng ông can ngăn. Nghe tin giáo dân rất thương tiếc, kéo đến từ giã ông. Ông đã khuyên bảo họ những lời lẽ sốt sắng can đảm. Lý hình chém hai nhát, đầu rơi xuống đất, linh hồn ông lên lĩnh triều thiên tử đạo, vui hưởng hạnh phúc bất diệt với các Andrêa, I-nha-xu và Vinh-Sơn.

2.— Thời kỳ hòa hoãn, các cha đi thăm các họ.

Hiền vương thắng quân Trịnh, chiếm được vùng Bắc-bộ-chính và mải mưu toan việc thừa thắng kéo quân ra vùng Bắc, vì thế hai năm 1656 và 1657, giáo đoàn xứ Nam được qua một thời kỳ hòa hoãn. Đằng khác, Hiền vương muốn chiều các cha để mong nối lại liên lạc buôn bán với người Bồ.

Giáo dân được tự do đến gặp các cha, không còn phải lẩn lút đêm hôm như những năm trước. Nhưng các cha vẫn không được ra ngoài khu vực cửa Hàn và cửa Hội-An. Cha Phanxicô Rivas ở cửa Hội-An. Cha Pedro Marquez ở cửa Hàn. Lợi dụng thời gian, và để nhóm lại lòng đạo đức của giáo dân, cha Phanxicô Rivas đã tổ chức mừng lễ Sinh Nhật 1656 trọng thể ở cửa Hội-An.

Nhưng mong muốn của cha Phanxicô Rivas, từ khi lĩnh nhận trách nhiệm chỉ huy giáo đoàn xứ Nam thay cha Metello Saccano, là tìm cách để có thể đi thăm các họ đạo một lượt suốt từ trên xuống dưới. Đã gần 3 năm, từ khi bị Hiền Vương làm khó dễ, tàu buôn Áo môn không cập bến xứ Nam. Biết ý Hiền vương muốn nhờ các cha làm môi giới để nối lại liên lạc, cha Phanxicô Rivas

liền vin cớ để bỏ cửa Hội-an lên phủ, dọc đường sẽ bí mật thăm viếng các họ vùng đó. Từ sau cha Đắc-Lộ, họ chưa được một thừa sai nào đến thăm viếng.

Lúc đó, Hiền Vương đang đóng quân ở Cát dinh, phủ cũ, Cha Phanxicô Rivas đến nơi vào đúng dịp lễ Phục sinh 1657. Giáo dân họ Trà Bát và chung quanh vùng đó đến gặp cha rất đông. Đêm thứ 7 Tuần thánh có tới 400 người đến dự lễ. Cha phải bỏ thuyền lên bộ,bí mật hội họp giáo dân ở trong một nhà đúc súng gần đấy. (1) Hôm ấy là phiên gác của một quân nhân có đạo. Ngày lễ Phục sinh, cha rửa tội cho một quân nhân có tên tuổi trong quân đội tên thánh là Paolô, và một bà chị quan cai bạ, tên thánh là Maria. Cha sung sướng tạ ơn Chúa vì những kết quả thu lượm được và vì lòng trung thành giữ đạo của giáo dân được thấy trong khi thăm các họ.

Sau lễ Phục sinh cha ở lại Cát-dinh để chờ đợi lệnh vào yết kiến Hiền Vương.Đang khi chờ đợi cha nhận được thư của một quan lớn trong triều yêu cầu cha đến chữa vết thương của ông. Là cố vấn tin cẩn của Hiền Vương,nhà chúa đã sai nhiều danh y đến săn sóc, nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Nhờ một thày giảng tên là Phêrô giới thiệu, ông được biết cha Phanxicô Rivas đang ở Cát dinh, cũng biết nhiều phương pháp chữa bệnh của của Tây phương. Được Hiền vương cho phép, cha liền bỏ Cát dinh đến tư thất của quan đó, cách xa 3 ngày đường.

Đến nơi cha lập bàn thờ và dâng lễ. Vừa săn sóc cho quan cha vừa giảng đạo cho vợ con và gia nhân của ông. Được tin báo nhà chúa bằng lòng cho cha trở về Áo-môn để thương thuyết với người Bồ, cha liền viết thư cho cha Pedro Marquez ở Cửa Hàn lên tiếp tục săn sóc cho quan.

Cha Pedro Marquez kỳ Phục sinh vừa qua cũng đã tổ chức những cuộc lễ trọng thể ở Cửa Hàn. Trong nhà của bà Maria gần đấy (2) có tới gần 500 giáo dân các nơi đến dự các nghi lễ

(1) Nhà đúc súng này khác với khu phường đúc do Juan de Cruz đứng đầu, gần Huế.

(2) Bà là vợ quan phủ Phú Yên trước đây đã che chở giúp đỡ cha Buzomi và về sau được gọi về phủ làm cố vấn,

Tuần thánh. Họ cảm động sốt sắng, nhất là trong nghi lễ rửa chân. Hai ông quan thù ghét nhau từ lâu, nhờ bài học tha thứ bác ái hôm đó đã làm hoà và từ đó thương yêu nhau như hai anh em.

Được Hiền Vương cho một tờ hộ chiếu làm bảo đảm và năm quân hộ vệ cho đến tận biên giới xứ Nam, cha Phanxicô Rivas đi xuôi xuống miền Nam định lấy thuyền qua bờ biển Chiêm thành sang Cao Miên hi vọng sẽ gặp tàu buôn người Bồ ở đó để về Áo-môn, đồng thời dọc đường sẽ thăm viếng các họ ở Qui-Nhơn, Phú-Yên, mà trước đây đã được cha Buzomi đến truyền giáo. Tình hình những họ đạo ở đây không được khả quan như những họ vùng Bắc. Chẳng hạn một họ thuyền chài trước đây có hơn 100 người có đạo, chỉ còn lại 3 gia đình còn giữ đạo. Cái đó không lạ vì nhiều họ đã hơn 20 năm không được thừa sai đến thăm viếng. Nhưng số những họ còn trung thành giữ đạo không phải là ít. Trong chuyến đi qua đó cha đã xức dầu cho 60 bệnh nhân và giải tội cho độ 300 người. Gặp lúc trái gió không thể lấy thuyền xuống Cao Miên được, cha lại trở về cửa Hội-An.

Cha Pedro Marquez đến thay cha Rivas, săn sóc cho ông quan cố vấn của Hiền Vương. Trong ba tuần lễ, bệnh tình đã thuyên giảm rất nhiều. Hiền Vương biết tin liền gọi cha Pedro Marquez đến ban khen. Vào tháng 4-1658 Hiền Vương có việc binh đao đi qua cũng ghé vào thăm quan đó. Nhờ sự săn sóc của cha Pedro Marquez, quan đó đã có thể thân ra chào nhà chúa. Hiền Vương hỏi bà vợ quan : « Ta nghe nói tây giang đạo trưởng đã tế lễ đạo Hoa lang và làm nhiều nghi lễ khác ở nhà này ». Bà thú thực là vì đạo trưởng đã muốn tế lễ ông trời, trước khi làm thuốc cho chồng mình. Nhà chúa cười bảo, không sao, miễn là chồng bà được lành mạnh. Chẳng may vì sốt ruột muốn chóng khỏi, quan đó lại để cho một thày cúng chữa. Bệnh tình thêm nặng, vô phương cầu cứu, quan đó qua đời, nhưng cha Pedro Marquez đã cứu được linh hồn của quan đó, cha đã rửa tội cho ông trước khi chết.

Được tin cẩn, Hiền Vương lại gọi cha đến chữa bệnh cho quan trấn Quảng Nam. Được khỏi bệnh, quan trấn cho phép cha được đi thăm các họ trong vùng của ông.

Assistentiæ Germaniæ 1651

DICTIONARIVM ANNNAMITICVM LVSITANVM, ET LATINVM OPE SACRÆ CONGREGATIONIS DE PROPAGANDA FIDE

IN LVCEM EDITVM AB

ALEXANDRO DE RHODES

È Societate IESV, eiusdemque Sacræ Congregationis Missionario Apostolico.



ROMÆ, Typis, & sumptibus eiusdem Sacr. Congreg. 1651.

SVPERIORVM PERMISSV.



Đầu đề cuốn tự vị Việt - Bồ - La của Cha Đắc-Lộ, in năm 1651 tại Roma.

bít chên, bít tất: *meyas*: caliga, æ.

bít tặọc: *trazer pollos cabellos*: trahere aliquem capillis. xé bắt bít: *pegar e trazer por força*: vi aliquem trahere.

blá, dối blá: *enganar*: decipio, is. nói dối nói blá: *mintir enganando*: mendacijs decipere.

blả: *pagar*: soluo, is, reddo, is.

blả coũ: *pagar o trabalho*: soluere opus. blả ơn: *render o beneficio*: retribuere beneficium. máng blả: *agastarse com quem se agasta*: rependere iram.

blả ḥọ chảõ: *dar licença aquem pertence pera se consumar o matrimonio*: dare facultatem consummandi matrimonium, hoc autem pertinet ad parentes sponsorum.

blả tặóc: *deixar cair o cabello, desamarralo*: capillos soluere. tặóc blả bluọ̃c: *cabello mal penteado*: capillus impexus.

blác, blúc blác: *ondearse*: agitari, tàu blúc blac: *o nauio*

ioga: agitatio nauis. voi đi blúc blác: *o elefante andar ondeandose*: agitari elephantem.

blai: *macho de homem*: adolescens tis. iuuenis, is. tốt blai: *gentilhomem*; pulcher iuuenis. blai hay là gái: *he macho ou femea*: masculus ne est an fœmina?

blai gái: *fornicar*: fornicor, aris.

blái: *fruta*: fructus, vs.

blái núi: *monte alto, serra*: mons, tis.

blái cân: *pezos da balança*: libra trutinæ.

blái, một blái hai blái: *hum tirodous tiros de peza*; explosio vna & altera bombardæ.

blái dựa: *coxim de incostar*: stragulum, i.

blái tim: *coração*: cor, dis.

blái cật: *rins*: renes.

blái chên: *perna do toelho o baixo*: crus, ris.

blái ḥê: *coxa do ioelho pera riba*: fœmur, oris

blái tai: *a parte mais baixa da oureiha*: auriculæ pars infima.

Một trang trong cuốn « Tự-vị Việt - Bồ - La » của Cha Đắc-Lộ.

Được thêm cha Đôminicô Fuciti người thành Napôli, nước Ý, mới đến, cha Pedro Marquez liền yêu cầu Hiền vương cho về Áo-môn để thương thuyết thay cha Phanxicô Rivas chuyến năm trước đã bị nhỡ. Được nhà chúa ưng nhận, lần này cha lấy thuyền qua Xiêm và được gặp tàu buôn người Bồ ở đó. Chẳng may lúc trở về vào tháng 8, 1658, tàu gặp bão phải trú vào bờ biển xứ Nam.

Hiền Vương có dịp để làm áp lực bắt Áo-môn phải đem khí giới cho mình, liền ra lệnh giữ tàu buôn, hàng hóa và các thủy thủ lại, và còn đe dọa nếu Áo-môn cứ cương quyết không chịu đổi thái độ, sẽ ra lệnh tịch thu tàu bè hàng hóa và chém đầu các người Bồ. May gặp thuyền buôn người Trung Hoa về đảo Hải-Nam, cha Marquez liền nhờ báo tin về cho các cha ở đó để chuyền lên cho Áo-môn.

Đe dọa của Hiền Vương không phải không có hiệu quả. Đầu năm 1659, một chuyến tàu buôn Áo-môn vào cửa Hội An đem súng ống vào cho chúa Nguyễn. Họ đến vừa đúng lúc để cứu nhà thờ của bà Maria khỏi bị triệt hạ. Mới đây, chờ đợi sốt ruột, Hiền Vương đã cho lệnh triệt hạ, nhưng may lệnh chưa thi hành.

Hiền Vương sung sướng đem quân xuống nhận súng ống đã mấy năm chờ đợi. Tàu Bồ được đón tiếp một cách long trọng, 3 phát đại bác và 3 tiếng hô lớn của muôn quân. Nhìn những khẩu súng bầy trước mặt, Hiền Vương mơ màng đến cuộc Bắc tiến nay mai.

Các cha và giáo dân lại được qua một thời kỳ hòa hoãn, dễ thở. Cửa nhà bị tịch thu ở Hội-An lại được trả lại và còn được dựng một nhà thờ ở đó. Năm đó, tàu buôn cũng đem thêm cha I-nha-xu Baudet, người Pháp. Số thừa sai lên 4 vị. Sự đạo được tự do một phần. Giáo dân tuốn đến gặp các cha ở Cửa Hàn và cửa Hội An. Các nghi lễ không còn phải làm lén lút như năm trước. Số rửa tội thường mỗi năm tới 2 ngàn. Được gọi lên phủ chữa bệnh cho một quan lớn trong triều, cha Rivas còn được phép đi thăm các họ ở Quảng Bình.

Nhưng thời kỳ hòa hoãn không được lâu, năm 1661 một cuộc bách hại dữ tợn lại bắt đầu.

3.— Bách hại lại nổi lên (1).

Vào đầu năm 1661, vì có sự bất bình và ghen tương giữa các tướng họ Nguyễn, Hiền vương lại bị mất 7 huyện vùng phía nam sông Lam giang đã chiếm được từ năm 1655 (2).

Sống trong một nước chế độ quân chủ, sự đạo được dễ dãi hay bị khó dễ tùy theo lúc dễ tính hay lúc khó tính của người nắm cả chính quyền trong tay. Với những bất mãn của Hiền Vương vì thua trận, cơn bách hại lại được tái diễn. Năm đó cha Phanxicô Rivas phải về Áo môn nghỉ, cha Pedro Marquez lên thay chỉ huy giáo đoàn.

Máu minh chứng lại bắt đầu chảy, ngày 29 tháng giêng 1661. bà Martha bị đâm chết cùng với hai ông Đamasô và Simong, Cũng năm đó thêm 5 ông Michael, Simong, Vinh Sơn, Gioan, Yves, và bà Monica (3).

Vào cuối năm 1663, cuộc bách hại càng đi lên, có vẻ dữ dội và bao trùm hơn. Ở Cát-Dinh, họ Trà-Bát là một họ đạo rất thịnh vượng và đã được hân hạnh ghi tên ông Phêrô Văn-Nết, xưng đạo năm 1655 (4). Hiền-Vương ra lệnh bắt nhiều người giải về phủ. Bị lính tráng hành hạ, nhiều người bị chết dọc đường.

Mở đầu cuộc tra vấn những giáo dân đó, ngày 22 tháng chạp, 4 quân nhân bị dẫn đến trước mặt Hiền Vương: một người thuộc kỵ binh, còn 3 người thuộc lính phủ. Nhà chúa tỏ vẻ oai nghi ghê sợ, khiếp đảm, người lính kỵ liền xin nhiêu sinh, còn 2 người khác đứng yên không dám mở miệng. Thấy

---

(1) Montezon. Mission de la Cochinchine et du Tonkin, trang 216-242.

(2) Xem Việt-Nam Sử Lược Trần trọng Kim trang 302-303.

(3) Những anh hùng tử đạo này bị xử ở những trấn xa kinh đô nên các thừa sai không được rõ các chi tiết để ghi lại cho chúng ta.

(4) Xem trên. chương VIII, trang 215.

thế, ông Phêrô Đang liền can đảm thưa: « Muôn tâu nhà chúa, trước hết tôi là bề tôi của Chúa trời đất và sau là bề tôi của nhà chúa ». Làm như không nghe thấy, Hiền-Vương quắc mắt ngồi yên, ông Phêrô Đang lại lớn tiếng nhắc lại. Tức giận, Hiền Vương mắng bảo ông : « Làm chúa nước này là ta đây, ta có quyền trị dân ta như ý ta, không phải tùy thuộc vào Chúa trời đất nào cả ». Và ra lịnh chém đầu ông Phêrô Đang ngay.

Mấy hôm sau đến lượt 3 ông Phêrô Ký, Michael Miên và I-nha-xu Vang bị dẫn ra trước mặt Hiền-Vương. Ông Phêrô Ký là trùm họ Trà Bát, trước kia làm quan huyện ở Quảng-Ngãi rồi được gọi làm việc ở phủ chúa, vì có đạo nên bị cất chức làm lính trơn. Còn hai ông Michael Miên và I-nha-xu Vang cũng thuộc giới quân nhân. Cả ba can đảm xưng đạo thay cho 3 bạn trên. Ông Phêrô Ký bị án trảm quyết phân thây làm bốn, còn 2 ông Michael Miên và I-nha-xu Vang bị án bá đao.

Đang giữa cơn bách hại đó thì 3 cha được thư của Đức Cha Lambert de la Motte báo tin sẽ đến thăm giáo đoàn xứ Nam. Được Thánh Bộ Truyền Giáo đặt làm Giám mục đại diện tông tòa ở xứ Nam, Đức Cha đã tới Xiêm từ năm 1662. Ba cha liền viết thư can ngăn, sợ rằng sự có mặt của Đức Cha lúc đó càng tăng thêm cuộc bách hại. Đức Cha sai Cha Louis Chevreuil làm cha chính đại diện sang thay, cha tới cửa Hội-An ngày 26 tháng 7-1664. Lúc đó cuộc bách hại vẫn tiếp tục.

CHƯƠNG IX

NHÌN LẠI 50 NĂM TRUYỀN GIÁO CỦA CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN

I.— Một giáo hội thịnh vượng nhất miền Đông-Á.

1.— 50 năm truyền giáo ở xứ Nam.

2.— 37 năm truyền giáo ở xứ Bắc.

3 — Những lý do thành công.

II.— Các thừa sai dòng Tên với nền văn hóa Việt-Nam.

1.— Cha Đắc-Lộ và chữ quốc ngữ.

2.— Những tài liệu quí hóa về sử địa Việt-Nam.

3.— Một nền văn chương công giáo tiên khởi.

I.— MỘT GIÁO HỘI THỊNH VƯỢNG NHẤT MIỀN ĐÔNG - Á.

Nhìn lại hoạt động truyền giáo của các thừa sai dòng Tên trong 50 năm ở xứ Nam (1615-1665) và 37 năm ở xứ Bắc (1626-1663) chúng ta thấy gì? Chúng ta phải công nhận các ngài thực là những người có công đầu trong lịch sử khai nguyên công giáo Việt Nam, những người xây dựng nền móng một giáo hội, nếu so sánh với các giáo hội miền Đông Á lúc đó, như Xiêm, Lào, Cao Miên, Trung Hoa, không kể Nhật Bản đang bị bách hại và đang đi đến chỗ tắt thở, có thể gọi là một giáo hội thịnh vượng nhất miền Đông Á, theo lối gọi của cha Đắc-Lộ.

Để có thể nhận định rõ ràng công lao khai thác của những thừa sai tiên khởi đó, chúng ta sẽ cùng nhau kiểm điểm hoạt động và kết quả của các ngài ở xứ Nam cũng như ở xứ Bắc, rồi do đó tìm ra nguyên nhân thành công của các ngài trong thành phần tổ chức xã hội, con người và hoàn cảnh Việt Nam lúc đó, và nhất là trong phương pháp và tinh thần truyền giáo của các ngài.

1.— 50 năm truyền giáo ở xứ Nam.

Có công hơn cả trong việc khai nguyên giáo đoàn xứ Nam, phải kể cha Buzomi. Trước cha, đã có các cha dòng thánh Phan-xicô, Agostinô, Đa Minh, người Bồ hay người Tây-ban-nha đến truyền giáo, nhưng các ngài chỉ là những người đi qua, gieo vãi một chút hạt giống tin lành, thiếu một chương trình hoạt động, một tổ chức bền bỉ, thiếu nhân viên cộng lực để tiếp tục,

vì thế không mang lại kết quả lâu bền đáng kể. Với các cha dòng Tên dưới quyền cha Buzomi, công cuộc truyền giáo xứ Nam mới bắt đầu bước vào giai đoạn thực sự. (1)

Bách hại tôn giáo ở Nhật đã thúc đẩy các ngài đến với chúng ta. Bỏ Áo Môn, trung tâm truyền giáo của các thừa sai dòng Tên và cũng là trung tâm thương mại của người Bồ trong vùng Đông Á, cha Buzomi với đoàn truyền giáo đầu tiên của cha tới cửa Hội-An ngày 18 tháng giêng 1615, một ngày đáng ghi nhớ trong Lịch Sử khai nguyên Giáo-Hội Việt-Nam.

Trong gần 25 năm liền, nghĩa là đến năm 1639 lúc cha từ trần ở Áo-môn và cũng là năm tất cả các thừa sai dòng Tên ở xứ Nam bị trục xuất, cha đã luôn luôn sống với giáo đoàn trừ một vài chuyến bị trục xuất tạm, cha phải tránh qua Chiêm-Thành, Cao-Miên hay về Áo-Môn. Cha là vị thừa sai dòng Tên đầu tiên đến nước Việt và cũng là vị thừa sai đã hoạt động truyền giáo lâu năm hơn cả ở xứ Nam trong thời kỳ này.

Bắt tay vào công cuộc truyền giáo với nhà thờ đầu tiên ở cửa Hội-An, và 10 giáo dân tiên khởi ngày lễ Phục sinh 1615, một năm sau, số người trở lại đã được 300 và nhà thờ thứ hai ở Quảng Nam được thành lập. Ở đây, cha đã được bà Phanxica tục gọi là bà Gioanna giúp đỡ rất nhiều, bà là một trong những giáo dân tiên khởi ở Việt Nam.

Áo-môn sai thêm thừa sai, trong số đó có cha Phanxicô de Pina, một thừa sai có tên tuổi và đáng ghi tên sau cha Buzomi trong công cuộc truyền giáo xứ Nam.

Qua thử thách 1617, nhà thờ Hội-An bị đốt phá, các cha phải lẩn tránh ở một khu rừng hoang nước độc, cha Buzomi bị ngã bệnh nặng. Được quan phủ Qui-nhơn đưa về vùng của ông để chữa chạy, cha đã thành lập ở Nước Mặn nhà thờ và cư sở truyền giáo thứ ba. Còn nhà thờ ở Hội-An được cha Pedro Marquez mới đến, xây cất lại đẹp đẽ hơn.

---

(1) Xem trên, chương II.

Ở Qui Nhơn, trong hoạt động truyền giáo, các cha chú trọng đến giới trí thức và cầm quyền. Nhưng tin lành Phúc âm trước hết vẫn là của những người nghèo khó đơn sơ thanh sạch. Nhiều họ đạo được thành lập trong những vùng quê chung quanh. Phải chờ một thời gian sau, hạt giống tin lành gieo vãi trong giới trí thức và cầm quyền mới đem lại kết quả. Mở đầu là hai ông bà sứ giả triều Nguyễn qua Cao miên, ông I-nha-xu và bà Ursula, trở lại ở Nước Mặn năm 1621 cùng với hơn 20 gia nhân, rồi đến một vị « sãi hiền » có tên tuổi trong giới tăng già.

Công cuộc truyền giáo của cha De Pina ở Quảng Nam do cha Buzomi phái lên lại có phần kết quả hơn nhờ sự thông thạo tiếng nói, phong tục và tinh thần thích ứng mềm dẻo của cha. Cũng như ở Nước Mặn, những người được dọn sẵn để đón nhận tin lành vẫn là những người dân quê nghèo nàn chất phác, nhưng cha cũng thu lượm được nhiều kết quả trong giới trí thức, cầm quyền. Kết quả đầu tiên là cụ nghè Giuse, sau nhiều công lao vất vả và chinh phục, rồi đến cụ nghè Phêrô và sư cụ Manuêlê. Đáng kể hơn cả là cụ nghè Paolô, một tông đồ nhiệt thành và có nhiều công lao hơn cả trong giáo đoàn xứ Nam. Cụ đã trở lại nhờ cuốn sách bổn của cha Matteo Ricci.

Đứng trước những kết quả mỗi ngày một lên đó, các người không ưa đạo tìm cách phá hại. Theo các bản tường trình của các cha thời đó thì đứng đầu là các thày sư, thày sãi, thầy pháp thày cúng, mà các cha gọi chung là các « onsai ». Họ nhìn thấy kế sinh nhai của họ bị đe dọa, vì đạo mới làm cho « chùa chiền miếu mạo bị bỏ hoang vu ». Lúc đầu họ tổ chức những cuộc tranh luận công cộng để mong đánh đổ giáo thuyết của các thừa sai như thầy Tư Bình ở Nước Mặn. Nhưng chân lý đã thắng. Thất bại, họ lợi dụng mê tín của dân chúng, tung ra nhiều phao đồn vu cáo. Chẳng hạn các tây giang đạo trưởng là tay sai của vua Bồ sai sang xứ Nam để bắt hồn người Việt về hóa kiếp làm tôi đòi ở xứ Bồ. Hay câu chuyện bà lão theo đạo bị các thần oán phạt ở âm ti địa ngục đã hiện về cảnh cáo người còn sống đừng mê theo đạo mới. Rồi mỗi lần tai ương dịch tễ mất mùa, hạn hán xảy ra là dịp để họ vu cáo vì người có đạo mà thần phật giận phạt. Họ còn đi đến chỗ bẻ tay chặt đầu các thần phật của họ,

rồi vu cáo cho người có đạo đã phạm thánh, làm cớ cho cuộc bách hại chia rẽ lương giáo.

Nhưng giáo hội lớn lên trong thử thách, nhờ sự cộng tác đắc lực của tông đồ giáo dân và các thầy giảng. Áo-môn vẫn tiếp tục gửi thêm các thừa sai. Trong số những thừa sai đến cuối năm 1624, có cha Đắc-Lộ, một thừa sai xuất sắc mà tên tuổi sẽ không bao giờ phai mờ trong lịch sử khai nguyên công giáo Việt-Nam, vị tông đồ tương lai của xứ Bắc.

Với số thừa sai tiếp viện, cha De Pina nghĩ đến việc mở thêm một cơ sở truyền giáo ở dinh chúa Nguyễn, vùng Thuận-hóa. Kết quả đầu tiên của cha là việc trở lại của bà vương phi Maria Minh Đức. Trở lại, bà nhiệt thành truyền giáo trong giới quan lại và hoàng gia.Một nhà nguyện được thành lập trong dinh của bà, nơi trú ngụ của các thừa sai và nơi hội họp của giáo dân trong vùng,thời bình cũng như thời cấm cách. Có thể coi bà như cột trụ của tòa nhà giáo đoàn xứ Nam và là lãnh đạo của giáo dân trong vùng.

Nhưng sau mỗi kết quả lại đến thử thách. Lần này không phải do các «onsai» mà do phái nho giáo, cầm quyền. Vì sự cấm đoán những nghi lễ pha trộn mê tín trong việc kính nhớ hương hồn người quá cố, họ đã tố cáo các thừa sai đem vào cho dân một đạo trái luân thường và theo đạo là bỏ ông bà cha mẹ. Chúng ta không quên rằng các thừa sai dòng Tên được chúa Nguyễn giữ lại trong xứ mình chỉ vì lý do chính trị thương mại với người Bồ. Nhà chúa cần được họ tiếp tế đạn dược súng ống để đương đầu với chúa Trịnh ngoài Bắc. Các cha là những người tàu buôn đưa vào và sự có mặt của các cha là bảo đảm tàu buôn trở lại. Một khi mục-đích không đạt được, nhà chúa không ngại làm khó dễ các cha và sự đạo.

Năm 1625, tàu buôn Áo-môn không cập bến như mọi năm. Sãi vương liền ra lệnh tập trung các cha ở cửa Hàn. Cái chết của cha De Pina, tuy là một tang đau đớn, nhưng giúp các cha một lối thoát để đả phá những hiểu nhầm trên. Dần dần các cha lại được tự do truyền giáo.

Tháng 7-1626, cha Đắc-Lộ và Pedro Marquez được gọi về Áo-môn để vào xứ Bắc mở đầu công cuộc truyền giáo ở đó. Số thừa sai còn lại là 8 vị, tính đến năm 1629 số người nhập đạo được độ 15.000.

Từ năm 1629, các cha bước vào một giai đoạn thử thách liên tiếp. Sống lẩn lút trong những khu rừng hoang nước độc, các cha bắt đầu một giai đoạn hoạt động truyền giáo trong bóng tối. Vào cuối đời Sãi vương các cha được một thời kỳ dễ dãi,nhưng năm 1635, Sãi vương băng hà. Thượng vương lên thay, đối với vấn đề tôn giáo, thái độ lại có vẻ gay gắt hơn, cuộc bách hại tiến dần đến chỗ đổ máu.

Năm 1639 tất cả các thừa sai lại bị trục xuất.Cha Buzomi nghe tin, ngã bệnh qua đời, sau 24 năm hy sinh truyền giáo cho xứ Nam. Năm 1640, cha Đắc-Lộ được sai trở lại tiếp tục công cuộc của cha Buzomi (1), 3 lần bị trục xuất, 3 lần cha trở lại. Trong những thời gian vắn vỏi đó, cha rảo thăm các họ. Lòng can đảm sốt sắng của giáo dân xứ Nam đã nhiều lần được cha đề cao với nhiều kết quả đáng kể của tông đồ giáo dân và của các thày giảng được nhắc đến. Cũng như ở ngoài Bắc, cha đã tổ chức các thày giảng thành một hội dòng triều với ba lời tu thệ và hoạt động truyền giáo giữa thế tục. Cha cũng chú trọng đến công cuộc truyền giáo cho giới quan lại và trí thức. Cha để ý đến một ông nghè có quyền thế trong triều và là thày dạy của Thượng vương. Tuy không lôi cuốn được ông trở lại,nhưng cha đã rửa tội cho vợ con của ông. Chính ông ta đã can thiệp cho cha khỏi án tử sau này.

Bắt đầu từ tháng 7-1644, giáo đoàn xứ Nam bước vào giai đoạn bách hại đổ máu. Vị tử đạo đầu tiên của xứ Nam là thày Andrêa. Từ Quảng-Nam, cuộc bách hại lan xuống phủ Qui-Nhơn, 35 người đàn anh ở đó được hân hạnh xưng đạo Chúa. Bị trục xuất, cha Đắc-Lộ ra đi, nhưng trở lại bí mật hoạt động để nâng đỡ bảo vệ đoàn chiên trước nanh vuốt của sói rừng. Cuối cùng cha bị bắt giam cùng với 9 thày giảng. Bị Thượng

(1) Xem trên, chương V và VI.

vương kết án trảm quyết, may nhờ có ông thày dạy của nhà chúa can thiệp, cha bị trục xuất vĩnh viễn ngày 3 tháng 7-1645. Số giáo dân lúc đó độ 50.000. Mấy tháng sau 2 thày I-nha-xu và Vinh-Sơn được danh dự tử đạo.

Năm sau 1646, cha Metello Saccano đến thay thế (1). Máu minh chứng vẫn tiếp tục chảy, cuối năm 1646, hai ông Agostinô và Alêxi bị án trảm quyết ở Quảng-Bình. Tuy bắt đạo, nhưng Thượng vương vì chính trị thương mại với người Bồ và mong muốn được nhận lễ vật của các cha đưa đến, năm 1647, lại cho phép cha Carlo della Rocca ở lại. Không được phép ra ngoài cửa Hội-An, các cha dùng các thày giảng làm trung gian liên lạc để bí mật gặp các giáo dân ban đêm.

Năm 1648, Thượng vương băng hà, Hiền vương lên thay, bách hại vẫn tiếp tục, mỗi ngày thêm gay gắt hơn, nhất là từ năm 1661. Năm 1655 hai cha Phanxicô Rivas và Pedro Marquez đến thay thế hai cha Saccano và Rocca. Sau cái chết minh chứng của ông Phê-rô Văn Nết ở Cát dinh, các cha được qua một thời kỳ hoà hoãn. Hiền vương muốn dùng các cha làm môi giới nối lại liên lạc với người Bồ đã bị đứt đoạn từ 3 năm. Nhưng không lâu, năm 1661, Hiền vương mất 7 huyện vùng phía nam sông Lam giang, cuộc bách hại lại tiếp diễn. Cát dinh lại được hân hạnh ghi thêm mấy anh hùng tử đạo.

Giữa những thử thách đó, thì cha chính Louis Chevreuil do Đức Cha Lambert de la Motte sai đến. Giáo đoàn xứ Nam từ nay đặt dưới quyền Đức Cha đại diện Tông tòa do Thánh Bộ Truyền Giáo sai đến, bắt đầu giai đoạn truyền giáo thứ hai với các thừa sai hội truyền giáo Paris được thành lập sau này.

Công cuộc truyền giáo ở xứ Nam tuy bắt đầu trước xứ Bắc, nhưng xét về số người theo đạo thì không bằng xứ Bắc, trước hết vì dân số ít hơn, đàng khác các thừa sai luôn gặp khó dễ, nhất là từ năm 1629 trở đi, công cuộc truyền giáo phải rút lui vào bóng tối, phải lẩn lút trong những khu rừng hoang nước

(1) Xem trên, chương VIII.

độc, hay bị quản thúc trong khu cửa Hội-An và cửa Hàn, thời gian lâu hơn cả là từ năm 1646 đến năm 1656. Nhưng với những bách hại đó, tuy công cuộc truyền giáo bị ngừng trệ và nhiều họ đạo bị tan rã, giáo đoàn xứ Nam lại hơn giáo đoàn xứ Bắc trong thời kỳ khai nguyên này ở chỗ có nhiều anh hùng tử đạo hơn.

Chúng ta cũng có thể tìm nguyên nhân sự chậm tiến này trong vấn đề tôn giáo và hoàn cảnh xã hội. Xứ Nam là khu vực mới chiếm được của người Chiêm thành. Phật giáo ở Chiêm thành cũng như ở Cao Miên, Lào, Xiêm rất được tôn trọng và thịnh hành, ăn sâu và ảnh hưởng vào tất cả các tổ chức xã hội, chính trị và đời sống dân chúng. Công cuộc truyền giáo ở những nơi đó đã vấp phải một cản trở lớn không thể tiến được. Người Việt di cư xuống Nam cũng bị ảnh hưởng không ít nền văn minh và tôn giáo của người Chiêm nhất là về vấn đề Phật giáo, một tôn giáo chung của hai dân tộc. Họ có thể gặp khắp nơi chùa chiền, miếu mạo, di tích của người dân đã ở trước. Hoàn cảnh chiến tranh luôn tiếp diễn bên ngoài, càng làm cho họ chán ngán cuộc đời, nghiêng về cảnh tu trì, thoát tục của đạo Phật. Thêm vào đó, cảnh làm ăn vất vả với những bệnh tật do chướng khí vùng mới khai phá giúp cho những mê tín sẵn có càng lan mạnh ra. Trong các bản tường trình của các thừa sai lúc đó nói rất nhiều đến các thày pháp thày cúng sống nhờ trên những mê tín của người dân. Tất cả những cái đó kèm thêm những lời vu cáo phao đồn của những người không ưa đạo, là những chướng ngại lớn cho tiến triển của công cuộc truyền giáo.

2.— 37 năm truyền giáo ở xứ Bắc.

Công cuộc truyền giáo cho xứ Nam bắt đầu từ năm 1615, mãi đến năm 1626, nghĩa là 11 năm sau, bề trên tỉnh dòng các thừa sai dòng Tên ở Áo môn mới sai người đến truyền giáo xứ Bắc. Có lẽ vì trước đây liên lạc buôn bán giữa người Bồ và

xứ Bắc chưa được điều hòa (1).Đàng khác trong nước luôn luôn có rối loạn. Họ Trịnh mới thu phục được xứ Bắc cho nhà Lê, đã lại muốn lấn quyền vua Lê, tự xưng làm chúa. Vì thế hết phải đương đầu với nhà Mạc ở mạn ngược, lại phải đương đầu với những cuộc nổi loạn trong nước. Mãi sau năm 1625, tình hình trong nước mới tạm yên, họ Mạc ở Cao Bằng đã về hàng, nội loạn cuối cùng do dư đảng Trịnh Xuân gây ra cũng đã dẹp xong.

Được rảnh tay, chúa Trịnh lúc đó là Trịnh Tráng mới nghĩ đến việc diệt trừ họ Nguyễn trong Nam. Họ Nguyễn lúc đó đã mạnh, có nhiều súng ống đạn dược, muốn diệt trừ, họ Trịnh cũng cần mua súng ống đạn dược của người Bồ. Cũng theo chính trị họ Nguyễn trong Nam, Trịnh Tráng yêu cầu thừa sai đến truyền giáo để bảo đảm liên lạc thương mại.

Nói đến công cuộc truyền giáo xứ Bắc là nói đến cha Đắc-Lộ, nhưng cha không phải thừa sai dòng Tên tiên khởi đến xứ Bắc. Trước cha đã có cha Baldinotti. Đến xứ Bắc ngày 2 tháng 2 năm 1626, vì không biết tiếng nói cha đành trở về Áo-môn.

Lúc đó ở trong Nam, cha Đắc-Lộ được phái qua xứ Bắc để mở đầu công cuộc truyền giáo với cha Pedro Marquez (2). Tới Cửa Bạng, lễ thánh Giuse, 19 tháng 3 năm 1627, ngay từ lúc đầu, công cuộc truyền giáo của cha đã đem lại nhiều kết quả : họ đạo Cửa Bạng được thành lập, rồi đang khi chờ đợi Trịnh Tráng vào đánh chúa Nguyễn trong Nam, họ đạo thứ hai ở An-Vực. Với sự cộng tác của Tông đồ giáo dân, sự đạo tiến mau chóng ra các làng chung quanh và bước vào cả trong triều phủ, giới vương phi cung nữ và hoàng thân theo vua Lê chúa Trịnh xuống Nam đỗ lại ở đó.

Theo Trịnh Tráng lên Kinh và được phép ở lại truyền giáo, cuối năm đó hai cha đã rửa tội được 1200 người. Căn nhà Trịnh

(1) Trong cuốn : Histoire de ce qui s'est passé ès royaume d'Ethiopie en l'année 1626 jusqu'au mois de mars 1627. Et de la Chine en 1625 jusques en février 1626. Avec une brève narration du voyage qui s'est fait au royaume de Tunquin nouvellement découvert, Paris 1926», thì xứ Bắc được coi là một vùng mới khám phá ra.

(2) Xem trên, chương III và chương IV.

Tráng cất cho các cha được đổi làm nhà thờ đầu tiên xứ Kẻ Chợ. Số người đến học đạo rất nhiều, mỗi ngày cha phải giảng 4, 5 lần, có khi 6 lần. Trong số những người trở lại, nhiều người thuộc giới quan lại và hoàng gia, đáng kể hơn cả là công chúa Catarina. Với bà chúng ta đã có những vần thơ tôn giáo đầu tiên, được truyền tụng trong khắp dân chúng thời đó. Số các thày sãi trở lại cũng nhiều, đáng kể hơn cả là thày sãi Antoniô, ở làng Vũ-xá, một tông đồ giáo dân gương mẫu. Giáo dân sống một đời sống thanh sạch và đạo đức sốt sắng.

Công tác bên các cha, có các thày giảng. Một tổ chức đã lập được bao công nghiệp sáng lạn trong suốt Lịch Sử công giáo Việt Nam. Ba thày giảng tiên khởi : thày Phanxicô, Andrêa và I-nha-xu.

Trước kết quả đó, những người không ưa đạo, những người thấy kế sinh nhai của mình bị đe dọa : các vương phi, cung nữ, hoạn quan, các thày sãi thày cúng tìm cách tung ra những phao đồn vu cáo để phá hoại. Trịnh Tráng ra lệnh cấm đạo, hai cha bị quản thúc, cuối cùng bị trục xuất vào cuối tháng 3-1629.

Nhờ sự giúp đỡ của quan trưởng thuyền đã được cha đưa trở lại trong chuyến xuôi Nam, cha lên phủ Bồ chánh, rồi từ đó cha ngược lên vùng Nghệ-An, lần lút truyền đạo ở đó. Theo tầu buôn người Bồ, vào đầu năm 1630 cha trở lại Kẻ-Chợ. Lợi dụng thời gian, cha tổ chức lại giáo đoàn, đặt ba lời tu thệ cho các thày giảng rồi tháng 5-1630 cha lên đường trở về Áo-môn, vĩnh biệt xứ Bắc, nơi cha đã dầy công khai thác. Số giáo dân lúc đó được hơn 5 ngàn.

Năm sau, hai cha Gaspar d'Amaral và Antoniô de Fontès đến tiếp tục. Tình hình giáo đoàn trong thời kỳ vắng mặt các thừa sai, rất khả quan. Giáo dân trung thành giữ đạo. Các thày giảng đã rửa tội thêm được 3340 người. Trong số giáo dân có tên tuổi và nhiệt thành truyền giáo, không kể công chúa Catarina, còn bà vương phi Madalêna, bà Anna, dì của một hoàng tử, ông I-nha-xu, phò mã của chúa Trịnh và ông Giuse thân phụ của

ông, rồi hai ông Phêrô và Paolô, hai vị quan lớn trong triều phủ. Vị tử đạo đầu tiên của xứ Bắc là ông Phanxicô.

Không được phép truyền giáo, hai cha phải hoạt động trong bóng tối với sự cộng tác của các thày giảng. Tổ chức thày giảng lúc đó được 7 thày đã khấn trọn đời, còn một số đông đang thời kỳ tập sự. Cuối năm 1630 lại thêm hai cha Girolamô Majorica và Bernadinô Reggio. Vào năm 1632 lợi dụng thời gian, hai cha Majorica và Fontès đi thăm các họ đạo vùng Nghệ-An, Thanh-Hóa và lập thêm 2 cơ sở truyền giáo ở đó.

Trong hai năm 1635 và 1636 gặp nhiều tai ương liên tiếp lại thêm lệnh cấm đạo, công cuộc truyền giáo bị ngừng trệ ít nhiều, ngoài ra mỗi năm các cha rửa tội được gần một vạn. Tính đến năm 1639 số người được Rửa tội đã lên 82.500,hơn 100 nhà thờ và 120 nhà nguyện. Thêm hai cha Barbosa và Morelli, cha Gaspar d'Amaral lại mở thêm hai cơ sở truyền giáo ở trấn Đông và trấn Nam.

Năm 1638 các cha cũng nghĩ đến công cuộc truyền giáo ở Lào, nhưng cha Bonel giữa đường bị sốt rét ngã nước chết, các thày giảng tới nơi, nhưng không thu lượm được kết quả, phải trở về.

Năm 1639 cha Gaspar d'Amaral trở về Áo-môn dưỡng bệnh. Cha Felix Morelli lên thay. Số giáo dân thêm nhiều, số thừa sai vẫn được tiếp tục gửi đến thay thế cho những vị đã qua đời hay được gọi về để phái đi nơi khác. Năm 1643, Trịnh Tráng bất ngờ ra lệnh cấm đạo, nhưng sau 3 tháng các cha lại được tự do truyền giáo.Năm 1646, một số các thừa sai vào xứ Bắc bị đắm tầu chết ở vùng Hải Nam,trong đó có cha Gaspar d'Amaral.

Cũng năm đó, nhờ bức thư của quan trấn Quảng Tây tán dương đạo công giáo và các cha thừa sai dòng Tên, vua Lê và triều thần tỏ ý tôn trọng đạo và thán phục các cha.Cha Morelli, lúc đó là bề trên được vua Lê chân Tôn nhận làm dưỡng tử. Kết quả rất khả quan. Số người trở lại rất nhiều.

Năm 1649, sau một thời gian bị cấm cách, các cha lại được

RELATIONE

DELLA NVOVA MISSIONE DELLI PP. DELLA COMPAGNIA DI GIESV, AL REGNO DELLA COCINCINA.

Scritta dal Padre Christoforo Borri Milanese della medesima Compagnia,

Che fù uno de primi ch'entrorono in detto Regno.

ALLA SANTITA DI N. SIG.

VRBANO PP. OTTAVO



IN ROMA, Per Francesco Corbelletti.
MDCXXXI.

CON LICENZA DE' SVPERIORI.

Đầu đề cuốn Tường-trình của Cha Christophe Borri.
Nguyên văn tiếng Ý — 1631.

RELATIONE DELLA COCINCINA,

DIVISA IN DVE PARTI:

Nella prima si tratta dello stato temporale del medesimo Regno: nella seconda di quello, che spetta allo stato spirituale.

PARTE PRIMA.

Dello stato Temporale del Regno della Cocincina.

CAPO PRIMO.

Del nome, sito, & grandezza di questo Regno.

LA Cocincina così detta da Portoghesi; da proprij Paesani si chiama Anam, voce, che significa parte occidentale, essendo veramente questo Regno occidentale rispetto alla Cina, per la medesima ragione fù da Giapponesi

Trang 5 trong cuốn « Tường-trình » của Cha Christophe Borri (1631).

tự do hoạt động. Cha Majorica chỉ huy giáo đoàn. Sự đạo vẫn tiến một cách khả quan. Các cha đi thăm các họ đạo với sự cộng tác của các thày giảng lúc đó đã được 70 thầy. Hoạt động của tông đồ giáo dân cũng đem lại nhiều kết quả. Vào cuối đời Trịnh Tráng, các cha cũng có nhiều bà trong triều phủ bảo vệ và giúp đỡ: bà quả phụ Gioanna, hai bà Pia và Colomba, vợ của một hoàng tử đã qua đời và bà Gioanna, cô của Trịnh Tạc.

Năm 1656, cha Majorica qua đời, sau 15 năm hy sinh tận tụy cho xứ Bắc. Cha Onuphre Borgès lên thay. Năm 1657 Trịnh Tráng cũng băng hà, Trịnh Tạc lên nối nghiệp. Trong thời kỳ đầu, đối với tôn giáo và các thừa sai, vẫn theo đường lối của Trịnh Tráng, nhưng nhiều điểm báo các cha và giáo dân sắp phải bước vào một giai đoạn cấm cách khó khăn.

Vào tháng 6-1658, Trịnh Tạc ra lệnh cho cha bề trên gọi các thừa sai ở các nơi về, rồi ra lệnh trục xuất, chỉ còn hai cha Borgès và Tissanier được ở lại, nhưng không được ra ngoài khu Kẻ Chợ. Tất cả đều trông nhờ vào các thày giảng và hoạt động tông đồ giáo dân. Vào năm 1662 thêm cha Albier, nhưng các cha vẫn không được ra ngoài khu Kẻ Chợ, tuy với thời gian, từ năm 1659 các cha được dễ dãi đôi chút. Dầu vậy, số người được rửa tội, nhiều năm, trung bình cũng 6, 7 ngàn.

Áo môn từ năm 1663 bị quân nhà Thanh phong tỏa, tàu buôn không thể vào xứ Bắc như mọi năm. Nghe tin, Trịnh Tạc ra lệnh trục xuất cả ba cha, ngày 12-11-1663. Mãi đến tháng 4-1669, nghĩa là 6 năm sau các thừa sai dòng Tên mới trở lại xứ Bắc. Lúc đó, cũng như ở xứ Nam, xứ Bắc đã thuộc quyền giám mục đại diện Tông tòa do Thánh Bộ Truyền Giáo sai đến, mở đầu một giai đoạn truyền giáo mới.

Nhìn lại 37 năm truyền giáo của các thừa sai dòng Tên ở xứ Bắc (1626-1663) nếu so sánh với những kết quả thu lượm được ở xứ Nam, chúng ta nhận thấy giáo đoàn xứ Bắc đã vượt trội hơn giáo đoàn xứ Nam nhiều, mặc dầu công cuộc truyền giáo được bắt đầu muộn hơn 11 năm.

Trước hết vì dân số ở ngoài Bắc đông hơn. Đằng khác các cha không bị những cơn cấm cách ngặt nghèo và kéo dài như ở trong Nam. Suốt từ năm 1626 đến năm 1657, 31 năm giời dưới thời Trịnh Tráng, có thể coi là thời kỳ hoàng kim của giáo đoàn xứ Bắc. Đôi khi bị cấm cách, nhưng theo cha Marini, chỉ là những bách hại nhỏ nhặt, những cuộc phá đám của đàn ruồi muỗi. Mãi sang thời Trịnh Tạc, các cha mới gặp những khó dễ đáng kể và kéo dài. Suốt từ năm 1658, một năm sau khi Trịnh Tạc lên ngôi chúa, đến năm 1663 khi các cha bị trục xuất, trong 5 năm liền, các cha bị quản thúc trong khu Kẻ Chợ. Nhưng lúc đó giáo đoàn đã vững mạnh, đông đúc ; tổ chức trùm trưởng đàn anh trong các họ đã có qui củ bền chặt; các thầy giảng nhiều và được huấn luyện đầy đủ có thể thay thế các cha một phần nào. Phật giáo và Lão giáo không được thịnh hành như ở trong Nam, các cha cũng không gặp nhiều vướng trở khó khăn về phương diện đó.

Tính sau 37 năm truyền giáo, số người được các cha rửa tội ở xứ Bắc có thể lên tới gần 250.000 (1). Cha Đắc-Lộ, trở về Roma yêu cầu sai giám mục sang Việt - Nam để tổ chức hàng giáo phẩm bản quốc, trong bản tâu trình lên đức Thánh Cha Innoxentiô X năm 1652, đã nói đến con số hơn 200.000 giáo dân của giáo hội Việt-Nam.

Với con số 250.000 người được rửa tội trên đây, trừ đi số người đã chết hay bỏ đạo, đem so sánh với con số 200.000 giáo dân chung cho cả xứ Nam, xứ Bắc, thì cho dù các thừa sai có nói tăng lên cho tròn số, số giáo dân xứ Bắc lúc đó ít ra cũng đã hơn 10 vạn người (2), và giáo dân xứ Nam cũng gần 5 vạn.

---

(1) Cha Tissanier trong cuốn Voyage au Tonkin trang 340 và 350, cho con số người được rửa tội lên tới 3.0.000.

(2) Theo bản tường trình của Đức Cha Lambert de la Motte năm 1669 (Launay, Tonkin, trang 86) thì « số giáo dân khi các thừa sai dòng Tên bị trục xuất vào quãng 80.000, theo lời các thầy giảng và từ khi các ngài ra đi đến bây giờ, số giáo dân đã thêm lên 20.000, tính như thế thì hiện năm 1669 ở xứ Bắc số giáo dân là hơn 100 000 người giữ đạo ». Nhưng chúng ta có thể cho rằng các thầy giảng mỗi thầy chỉ ở trong khu vực của mình, số giáo dân thực sự rất có thể hơn số các thầy biết.

Sau khi kiểm điểm những tiến triển trong công cuộc truyền giáo và kết quả thu lượm xứ Nam và xứ Bắc của các thừa sai dòng Tên, với những lý do con số giáo dân sai biệt giữa hai miền trên đây, chúng ta thử tìm những lý do thành công của các ngài trong giáo hội Việt-Nam so sánh với các giáo hội miền Đông Á lúc đó. Đang khi ở Xiêm, Lào, Cao-Miên và Trung-Hoa, công cuộc truyền giáo tiến rất chậm, kết quả thu lượm được quá ít so với công lao hy sinh của các thừa sai, thì trái lại ở Việt-Nam, nhất là ở xứ Bắc, các ngài đã thu lượm được những kết quả quá sự mong muốn của các ngài về con số cũng như tinh thần đạo đức của giáo dân. Những lý do thành công đó chúng ta có thể tìm thấy ở đâu ?

3.— Những lý do thành công.

I.— Trước hết trong người dân Việt-Nam và trong xã hội Việt-Nam lúc đó. Những con người trong một xã hội đã được dọn sẵn để đón nhận hạt giống tin lành Phúc-âm. Với những hoàn cảnh thuận tiện, nơi đất tốt, hạt giống nầy mầm, lớn lên thành cây to, mang quả nặng.

Nói đến người dân Việt, các cha đã không hết lời khen ngợi : «Tính tình họ thuần hậu, tốt lành ». Họ biết nhận lẽ phải, « không kiêu căng hay tự tôn như người Tàu ». Thực thế, trong các làng Việt-Nam xưa, ngoại trừ một vài người giàu có, đàn anh quan lại mục nát vợ nọ con kia, rượu chè cờ bạc thuốc sái, còn hầu hết người dân đều sống một đời thanh sạch đơn sơ chất phác. Nhờ những gì cao quí trong hai đạo Phật và đạo Khổng,người Việt có một tâm hồn đạo đức sâu xa, từ bi thương người, nhẫn nhục làm ăn, tôn trọng lễ nghĩa cương thường là những điều rất hợp với đạo tự nhiên.

Trong xã hội người Việt, các cha cũng tìm thấy nhiều thuần phong mỹ tục, nhất là không có phân chia giai cấp hay phái tộc một cách quá đáng như ở Ấn-độ,một cản trở cho công cuộc truyền giáo.

Về vấn đề tôn giáo, các cha cũng không gặp những cản trở

lớn lao như Phật giáo ở Xiêm, Lào, Cao miên. Tôn giáo được tôn trọng hơn cả là Nho giáo, về phương diện thần học là một chủ thuyết vô thần, không chối Thiên Chúa, nhưng không bàn đến sự hữu hay bản tính của Người, nhưng về phương diện luân lý, xã hội, chính trị, Nho giáo đã đem lại cho vùng Đông Á một nền văn minh vượt trỗi hơn nhiều nơi. Cản trở một phần lớn là do óc câu nệ hẹp hòi của phái Nho giáo. Với tinh thần thích ứng mà chúng ta sẽ cùng nhau bàn đến sau đây, các cha đã phá được nhiều hiểu nhầm, thêm vào những hoàn cảnh giúp đỡ bên Trung Quốc, mà người Việt lúc đó tôn trọng và thích theo đòi, như những cuốn sách tôn giáo viết bằng Hán văn hay lá thư của quan trấn Quảng Tây gửi cho vua Lê.

Hơn nữa, với vấn đề tôn giáo cũng như các vấn đề khác, họ thường đua theo thái độ của vua chúa đứng đầu trong nước. Lúc đó, vì chính trị thương mại với người Bồ, các cha lại được chúa Trịnh ngoài Bắc cũng như chúa Nguyễn trong Nam tôn trọng. Các cha được ra vào nơi triều phủ cũng như các quan khác, cái đó giúp các cha có nhiều thế giá trong dân chúng. Đằng khác, hầu hết các cha là những người học thức rộng, thông thạo về khoa học, thiên văn, địa dư, toán lý, nên rất được trọng đãi kính nể trong giới trí thức. Họ cảm phục các cha nhất là về tài thiên văn.

Nếu đem so sánh những hoàn cảnh thuận tiện trên đây với những cản trở khó dễ các cha gặp phải do những cấm cách của hai chúa Trịnh Nguyễn trong thời gian hay những phao đồn vu cáo của đối phương, những tệ tục như nạn đa thê của xã hội Việt Nam lúc đó, phải nhận rằng các cha đã gặp ở người dân Việt và xã hội Việt Nam nhiều yếu tố trợ giúp hơn là ở những nước khác miền Đông Á. Cha Gioan Cabral, bề trên kinh lược xứ Bắc 1645-1646 cũng công nhận như thế (1).

2) Đi xa hơn, chúng ta còn có thể tìm lý do thành công

(1) Bản tường trình của cha Gioan Cabral, kinh lược xứ Bắc, gửi về bề trên cả của dòng ngày 12-10-1647, cho chúng ta nhiều lý do thành công của các thừa sai dòng Tên trong con người và xã hội Việt-Nam. Xem trong cuốn Histoire Universell edes Missions chrétiennes, t. II, trang 67, 68.

của các cha trong chính đời sống đạo đức nhiệt thành của các giáo dân tiên khởi.

Theo cha Gioan Cabral :« Các giáo dân đó có một nền đạo đức chắc chắn, họ lĩnh nhận ơn đức tin không ngoài mục đích để cứu rỗi linh hồn mình và thường thường họ đã từ bỏ hoàn toàn các mê tín cũ không còn để lại một dấu vết gì tưởng như trước đây họ không hề theo những đạo đó, thực là một điều đáng để ý ». Hơn nữa họ rất trung thành giữ đạo, chăm đi nhà thờ đọc kinh nghe giảng, sống một đời sống thanh sạch mà cha Đắc-Lộ có lần đã ví họ như các thiên thần. Đời sống của họ là những bài giảng sống của đạo mới.

Thêm vào đó là tinh thần tông đồ giáo dân rất cao. Các cha đã kể cho chúng ta biết bao kết quả thu lượm được do những giáo dân như bà Maria Minh Đức, quan Paolô, thày sãi Antoniô, công chúa Catarina... Tất cả các đàn anh trong họ, những người biết ăn nói hay có học thức đôi chút đều là những tông đồ giáo dân trong khu vực và với nghề nghiệp của mình. Chúng ta cũng không cần nhấn mạnh ở đây hoạt động của các thày giảng, một tổ chức đặc biệt và duy nhất ở vùng Đông Á trong tổ chức nhà Đức Chúa Trời, mà các cha đã gọi là những cột trụ của tòa nhà giáo hội Việt-Nam, và cha Đắc-Lộ đã không ngần ngại gán cho các thầy phần lớn những kết quả đã thu lượm được(1).

3) Nhưng chúng ta sẽ quá bất công và thiên vị, nếu không phải là vô ơn, nếu chúng ta muốn tìm tất cả lý do thành công trong người dân Việt, trong xã hội Việt với những hoàn cảnh thuận tiện lúc đó,hay trong đời sống đạo đức gương mẫu và tinh thần nhiệt thành hoạt động tông đồ của những giáo dân tiên khởi và của các thày giảng. Lý do chính đưa đến thành công, đó là tinh thần và phương pháp truyền giáo của các cha, mà trong đó những cha như Đắc-Lộ, Majorica, De Pina và Buzomi là những vị tiêu biểu.

Những thừa sai đến trước các cha đã không thu lượm

(1) Xem bài Harvest Time của Đ.C. James E. Walsh trong Mission Bulletin, HongKong tháng 6-1954.

được kết quả khả quan, vì như chúng ta đã nhận định ở đầu chương II, các ngài chỉ là những người đi qua, thiếu một tổ chức bền bỉ, thiếu nhân viên cộng lực để tiếp tục, không nói đến những thiếu sót về tiếng nói và hiểu biết xã hội của người dân. Trái lại với các thừa sai dòng Tên, công cuộc truyền giáo ở nước Việt bước vào một giai đoạn có tổ chức qui củ và liên lạc. Các thừa sai, trước khi bước vào hoạt động, hầu hết đều phải qua một thời kỳ dọn dẹp học hỏi tiếng nói, phong tục ở Áo-môn và ở chính khu vực.

Bước vào hoạt động truyền giáo, các cha rất hy sinh. Một số ít thừa sai, thường là 5, 6, có khi chỉ một hai vị cho cả một giáo đoàn đông đúc, sốt sắng, siêng năng xưng tội rước lễ, các cha không mấy lúc được nghỉ ngơi, nhiều đêm thức trắng liên tiếp, đi đôi với những ngày phải giảng giải cắt nghĩa lễ đạo, đến 5, 6 lần, cho người tân tòng hay người đã theo đạo. Nhà ở là những gian nhà gianh vách đất như của người dân với những bữa cơm thanh đạm, một đời sống thấp kém so với đời sống của Tây phương các cha đã quen sống không, nói đến những cảnh bùn lầy nước đọng, những dặm đường xa đi thăm các họ. Tất cả một đời hy sinh vô bờ bến.

Đáng kể hơn nữa, là bên lòng hy sinh đó, các cha không hề nghĩ đến việc trục lợi cho mình hay cho quốc gia mình. Ít khi các cha nhận của giúp đỡ của giáo dân. Trong các bản tường trình hay các sách để lại, chúng ta không hề thấy đả động đến vấn đề quốc gia của các ngài. Tất cả cho dân Việt, không pha trộn vấn đề chính trị trong vấn đề tôn giáo.

Hơn nữa, các cha hoạt động một cách có tổ chức phương pháp, và nhất là biết thích ứng với hoàn cảnh. Về tổ chức, và phương pháp, chúng ta chỉ cần nêu ra tổ chức thày giảng, tổ chức các họ đạo với trùm trưởng đàn anh theo tổ chức các làng mạc Việt Nam, và sự liên kết, điều hòa hoạt động giữa các thừa sai theo cùng một tinh thần và phương pháp. Chúng ta muốn nhấn mạnh ở đây tinh thần thích ứng của các ngài, và nó là một thành công của tổ chức dòng Tên trong giai đoạn truyền giáo bấy giờ.

Thích ứng truyền giáo là gì nếu không là ứng hợp miếng

bánh tin lành Phúc âm với hoàn cảnh, khu vực và nhất là với trình độ, tinh thần người dân mình đến truyền giáo, đồng thời cũng là hòa mình với lối sống, với ngôn ngữ, với đường lối tư tưởng của người dân để có thể dùng nó làm bánh xe truyền giáo. Qua các thời đại, tinh thần truyền giáo chính thống của Giáo Hội vẫn không thay đổi. Mở đầu công đồng các thánh tông đồ tại Giêrusalem đã quyết định một vấn đề rất cách mạng của thời đại đó, không bắt người tân tòng tuân giữ cổ luật Maisen. Tiếp theo một cuộc rửa tội văn hóa Roma — Hi Lạp thành văn hóa công giáo. Nhiều nghi lễ, lối ăn vận được đưa vào phụng vụ. Nhiều đền miếu dinh thự được đổi thành đền thánh. Hình ảnh thần Orpheus được thay thế bằng hình ảnh Chúa Chiên Lành. Đạo luật Roma được dùng làm nền tảng cho luật giáo hội. Thánh Agostinô đã rửa tội cho triết học Platon và thánh Tôma cho triết học Aristoteles, nghĩa là « tất cả những gì có một chân giá trị, tất cả những gì phát nguồn ở một bản chất tinh tuyền đều phải thuộc về Thiên Chúa và có quyền đứng trong nước Chúa » (1).

Một phần lớn các thừa sai vùng Đông-Á lúc đầu, vì thiếu tinh thần thích ứng đã gây ra những phản ứng tai hại, những hiểu nhầm đối với đạo và do đó cũng không thu lượm được kết quả trong hoạt động. Kinh nghiệm những thất bại của người đi trước, một số các cha dòng Tên đã tung ra phong trào thích ứng truyền giáo cựu truyền của giáo hội. Tiêu biểu cho phong trào là hai cha Mattheus Ricci và Ruggieri ở Trung-Hoa và cha Nobili ở Ấn-độ.

Bước theo vết của những vị đàn anh, các cha Đắc-Lộ, Majorica, De Pina và Buzomi với hầu hết các thừa sai dòng Tên đến truyền giáo ở nước Việt-Nam, đã biết đồng hóa với người Việt để tìm hiểu văn hóa, phong tục, tính tình của họ, đồng thời thích ứng đạo lý với trình độ tinh thần và tình trạng đòi hỏi của xã hội mà vẫn giữ được hoàn toàn tính cách tinh tuyền và thuần túy của đạo.

---

(1) Karl Adam, L'esprit du christianisme.

Vì thế, vừa mới đến Việt Nam, và nhiều khi trước khi đến nước Việt,các cha đã cố học hỏi tiếng nói và tìm hiểu phong tục tính tình người dân. Trừ một vài cha thời kỳ đầu phải giảng bằng thông ngôn,còn hầu hết những cha đến sau đều đã qua một thời kỳ học tiếng ở Áo-môn. Qua những cuốn sách các cha để lại, chúng ta nhận thấy các cha có những nhận xét rất đúng về phong tục tập quán của xã hội Việt Nam lúc đó, từ những tập tục ngày tết nhất cho đến lối đặt tên xấu cho con đều được đem ra học hỏi tỉ mỉ.

Nhìn vào thực hành, chúng ta nhận thấy các cha đã thành công rất nhiều trong việc khai trương một nền văn hóa công giáo, và đã có công lớn trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam nói chung, nhất là vấn đề chữ quốc ngữ mà chúng ta sẽ đem ra kiểm điểm trong những trang sau.

Trong việc trình bày đạo giáo, đọc qua cuốn sách bổn của cha Đắc-Lộ, chúng ta gặp biết bao hình ảnh sống động trong xã hội Việt-Nam được đem ra dùng để giúp cho người nghe hiểu những mầu nhiệm cao siêu của đạo. Và để đả phá những tập tục mê tín cổ truyền, biết rằng không gì tốt hơn là thay thế bằng những tập tục tốt khác, các cha đã tuyên truyền cổ võ chẳng hạn việc đeo ảnh tượng thay cho tục đeo bùa bèn ấn quyết, việc dùng nước thánh và nến phép để đánh tan những sợ sệt về quan ôn và hung thần ...

Nhiều nghi lễ ma chay tống táng và kính nhớ người quá cố, giáo dân vẫn được giữ lại sau khi loại trừ những gì có vẻ mê tín hay vô lý. Chẳng hạn thời đó, giáo dân được phép vái lạy, và còn được phép làm cỗ cúng để tỏ lòng biết ơn người quá cố đã sinh ra mình và để lại hương hỏa gia nghiệp cho, chỉ phải kiêng không được gọi hồn ông bà về ăn của cúng (1).

Trong hoạt động truyền giáo, các cha chú trọng đến giới

(1) Tissanier, Voyage au Tonkin, trang 169.

trí thức và cầm quyền, mặc dầu vẫn không bỏ rơi đám quần chúng và họ vẫn là số đông hơn cả. Trước hết vì trong chế độ quân chủ, họ là những người cầm sinh mệnh của dân chúng, sự đạo được dễ dàng hay gặp khó dễ là tùy ở họ. Trong suốt những năm truyền giáo, các cha luôn cố gắng lôi cuốn một số quan lại trong triều phủ, nếu họ không theo đạo thì ít ra có cảm tình với đạo để nhờ họ bênh vực cho đạo giáo khi gặp những khó khăn. Đối với nhà chúa các cha cũng không ngại phí tổn, hằng năm có những lễ vật qui giá, món quà của cha bề trên tỉnh dòng biếu, mà kinh nghiệm cho các cha biết là một phương tiện dễ dàng để « lấy lòng nhà chúa, xóa nhòa những bất mãn hoặc để xin rút lệnh cấm đạo đã ban bố trước ». Đằng khác, các quan lại, nho sĩ có một ảnh hưởng rất lớn trong dân, các cha đã kể cho chúng ta biết bao những kết quả trong quần chúng nhờ sự trở lại của một nho sĩ hay một quan lại, hầu hết, sau khi trở lại họ lại còn là những tông đồ giáo dân rất đắc lực. Trong các họ đạo, các người có chữ nghĩa, có quyền thế được dùng làm cột trụ của tổ chức họ.

Một trong những nguyên nhân thành công của các cha, còn phải kể đến việc các cha biết dùng người Việt để truyền giáo cho người Việt. Lòng nhiệt thành truyền giáo của giáo dân và các thày giảng đem lại nhiều kết quả trước hết là nhờ các cha biết tổ chức, cổ võ và thúc đẩy họ, biết chia công việc và nhường công việc cho họ.

Nhìn lại 50 năm truyền giáo của các cha dòng Tên với những tiến triển của giáo hội Việt Nam thời khai nguyên trên đây, chúng ta ghi ơn ở đây những vị đã có công đầu trong việc đem tin lành Phúc-âm đến cho dân Việt, và cũng là rút bài học của lịch-sử, thúc đẩy chúng ta theo gương những vị tiền bối của đạo.

Nhưng công lao của các thừa sai dòng Tên không phải chỉ nguyên trong khu vực tôn giáo mà cả trong khu vực xã-hội, nhất là về phương diện văn-hóa.

II.— CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN VỚI NỀN VĂN - HÓA VIỆT - NAM

1.— Cha Đắc-Lộ và chữ quốc ngữ (1).

Cha Đắc-Lộ không phải là người sáng kiến ra phương pháp viết tiếng Việt theo vần la ngữ. Nó là sự chung tay góp sức của tất cả các thừa sai trong thời kỳ khai nguyên giáo hội Việt-Nam, không phải chỉ nguyên các cha dòng Tên mà cả các cha dòng thánh Đaminh, Phanxicô hay Augustinô đã đến trước các ngài. Đi xa hơn nữa, phải kể cả các thừa sai ở Nhật hay ở Trung - Hoa với cố gắng và sáng kiến của các ngài trong việc phiên âm những tiếng đó theo vần la ngữ đã có một ảnh hưởng không nhỏ trong việc la tự hóa tiếng Việt của các thừa sai ở Việt-Nam.

Nhưng có công hơn cả, chính là các thừa sai dòng Tên. Các ngài giữ một chân trọng yếu trong việc khai nguyên giáo hội Việt-Nam và góp phần lớn trong việc xây dựng nền văn hóa nước Việt của thượng bán thế kỷ XVII. Trong đó, tên cha Đắc Lộ phải đặt lên trên hết.

Tuy là người đến sau trong số các thừa sai tiên khởi, với năng khiếu đặc biệt, cha là người thông thạo tiếng Việt hơn tất cả các thừa sai đương thời và với cố gắng hoàn bị phương pháp phiên âm tiếng Việt theo vần la ngữ đã được phác họa do những thừa sai đi trước, cha là người đầu tiên đã cho ra đời mấy cuốn sách viết bằng lối phiên âm đó.

---

(1) Linh mục Nguyễn khắc Xuyên giáo sư trường Thần-học Xuân-Bích đã trình bầy một luận án về cuốn sách bổn của cha Đắc-Lộ ở đại học Grégoriana, Roma, trong đó có nhiều chương khảo cứu công phu về vấn đề romaji tiếng Việt.

* Dạo đó hai cha Amaral và Barbosa, cả hai là học trò tiếng Việt của Cha Đắc Lộ, cũng đã soạn hai cuốn tự vị Việt Bồ và Bồ Việt nhưng vì chết sớm, nên không được cho ra đời.

* Về cha Đắc Lộ và chữ quốc ngữ, có thể xem thêm : Maybon, Histoire moderne du pays d'Annam. Paris 1919 trang 36,— Huar, Durand, Connaissance du Việt-Nam 1954 trang 25.— Henri Bernard, Un aspect inconnu de l'œuvre du P. Alexandre de Rhodes avec l'Exrême—Orient, trong Avenir du Tonkin, 1938.

Nói rằng vấn đề phiên âm tiếng Việt theo vần la ngữ được bắt đầu ngay với những thừa sai tiên khởi. Thực thế, là nhân viên của một tổ chức truyền giáo, các ngài có nhiệm vụ viết thơ về bề trên tỉnh dòng báo cáo hoạt động và tình hình khu vực các ngài được sai đến. Sự không thể tránh được là việc phiên âm những tên riêng, lẽ dĩ nhiên là theo vần la ngữ, chữ viết của các ngài. Đằng khác, muốn học tiếng nói của người dân, các ngài cần ghi ký. Không biết chữ nôm, bó buộc các ngài phải ghi ký bằng la tự. Lúc đầu do sáng kiến mỗi người, dần dần được đem thâu góp lại, sửa chữa cho hoàn bị hơn để dậy cho các thừa sai đến sau. Cha Đắc-Lộ kể, khi cha tới xứ Nam, cha học tiếng Việt với cha De Pina, mỗi ngày một vài bài, chắc chắn là những bài học đó viết bằng chữ quốc ngữ, kèm theo giải thích bằng tiếng Bồ hay tiếng Ý.

Qua lối phiên âm tên riêng của các thừa sai Đa-Minh hay của Ordonez de Cevallos trong những tài liệu để lại, chúng ta rất khó đoán được nơi chỗ các ngài định chỉ. Chẳng hạn **Picipuri, Quibenhu, Guanci.** Đến thời các cha dòng Tên, lối phiên âm đã hoàn bị hơn, và chúng ta có thể đoán hiểu một cách dễ dàng. Trong cuốn Tường trình của cha Christophe Borri, chúng ta gặp những tên riêng như **Anam, Cocincina, Tunchin, Chiampa, Ainam, Sinnua** (Thuận Hóa), **Gacciam** (Kẻ chàm), **Quamguya** (Quảng Nghĩa) **Quiguim** (Qui Nhơn)...hay những chữ như **Sayckim** (Sách kinh), **Saycchin** (Sách chữ), **onsai** (ông sãi), **ongne** (ông nghè), **noecman** (nước mắm), **bua** (vua)...và cả những câu như **scin mocaij** (xin một cái), **onsaij di lay** (ông sãi đi lại), **con gno muon bau tlom laom Hoalaom chiam** (con nhỏ có muốn vào trong lòng Hoa lang chăng). Trong thủ bản 1645 gởi về tỉnh dòng Roma về các mẫu thức rửa tội(1), một vài thừa sai trong đó có cha Đắc-Lộ và cha Saccano muốn đổi chữ « nhân danh» trong câu :« **Tau rua mai nhân danh Cha và Con và Spirito Sancto**» bằng câu «**Taulay tên Chaú**...»,ta thấy lối phiên âm đã tiến hơn, các thừa sai đã dùng một vài dấu sẵn có trong tiếng Bồ để ghi những giọng trầm bổng, bằng trắc của tiếng Việt, như

(1) Arsi. Jap. Sin. 80 ff. 35-39

dấu mũ, dấu huyền, dấu sắc. Đến cuốn sách bổn và cuốn tự vị của cha Đắc-Lộ xuất bản 1651, thì những dấu chúng ta hiện có đều đã được đem ra dùng. Cha Đắc-Lộ đã gọi các dấu là linh hồn của tiếng Việt.

Nhưng trước khi đem ra học hỏi cuốn sách bổn và cuốn tự vị đầu tiên viết theo lối phiên âm la tự của cha Đắc-Lộ, chúng ta cũng nên tìm hiểu qua ảnh hưởng của việc la tự hóa tiếng Nhật và tiếng Trung-Hoa trong việc la tự hóa tiếng Việt.

Việc la tự hóa tiếng Nhật được bắt đầu ngay từ thời thánh Phanxicô. Theo thư của thánh nhân gửi về Roma thì Yajiro, người Nhật được rửa tội ở Goa, đã dịch một số sách về tôn giáo ra tiếng Nhật viết theo vần la ngữ (1). Từ năm 1591, để ý đến vấn đề ấn loát truyền giáo, các cha dòng Tên đã cho xuất bản 26 cuốn sách, trong đó 10 cuốn bằng chữ Nhật, còn 15 cuốn bằng chữ Nhật viết theo vần la ngữ. (2).

Là thừa sai chỉ định vào đất Nhật, chắc cha Đắc-Lộ đã qua một thời gian học hỏi tiếng Nhật ở Áo-môn trước khi được sai xuống truyền giáo cho xứ Nam. Với người ngoại quốc lúc đó muốn học tiếng Nhật, cách dễ dàng và nhanh chóng hơn hết là học theo lối viết la tự hóa. Cuốn Kytô giáo thuyết và cuốn tự vị Bồ Nhật (3) chắc chắn phải là hai cuốn gối đầu giường của cha và đang khi học hỏi, cha cũng không quên nhận xét đường lối la tự hóa tiếng Nhật của những người đi trước. Nó ảnh hưởng vào việc la tự hóa tiếng Việt của cha sau này.

---

(1) Epistolæ Japanicæ trang 42.

(2) Singetono Koda– Notes sur la presse jésuite au Japon et spécialement sur les livres imprimés en caractères japonais, trong Monumoenta nipponica, Tokyo, 1939, t.II.

(3) Doctrina Jesus no Companhia no Collegio Amcausa ni voite superiores no von Yuru no Comuri, core no fanto nasu mono nari, Nengi 1592 gồm 106 trang viết theo lối hỏi thưa.

Dictionarium latino lusitanicum ac japonicum ex Ambrosii Calepini volumine depromptum, in quo omissis nominibus propriis tam locorum quam hominum ac quibusdam aliis minus usitatis, omnes vocabulorum significationes elegantioresque, derecendi modi apponuntur ; in usu et gratiam Japonicæ Juventutis quæ latino idiomati operam navat, necnon Europeorum qui Japonicum sermonem addiscent. In Amacusa in collegio Japonico Soc. Jesu. Anno 1595.

Nhưng nếu việc la tự hóa tiếng Nhật được bắt đầu ngay với những cuốn sách tôn giáo đầu tiên, thì trái lại các sách tôn giáo đầu tiên viết cho người Trung-Hoa lại bằng chữ Hán. Có lẽ vì các cha nhận thấy người Trung-Hoa trọng chữ viết của họ, và tuy tiếng nói mỗi miền theo thổ âm khác nhau, nhưng chữ viết lại duy nhất; viết bằng chữ Hán vừa được qui trọng vừa có thể phổ thông cả nước. Dần dần để giúp các thừa sai đến sau có thể học tiếng nói dễ dàng, những vị đi trước đã soạn ra những tập ngữ vựng, thường chia làm ba cột. Cột đầu là tiếng Bồ hay tiếng Tây ban Nha, tiếp theo là chữ Hán viết bằng bút lông, cột thứ ba là lối đọc phiên âm theo vần la ngữ. Đáng kể hơn cả là cuốn ngữ vựng của cha Trigault, xuất bản năm 1626.

Việc phiên âm chữ Hán chắc cũng có ảnh hưởng một phần nào trong việc phiên âm tiếng Việt của cha Đắc-Lộ. Theo cha kể thì từ năm 1630, sau khi bị trục xuất khỏi xứ Bắc đến năm 1640 khi trở lại xứ Nam, cha cũng hoạt động truyền giáo cho người Trung-Hoa khu Áo-môn, cha học tiếng Trung-Hoa nhưng không giảng được những bài dài. Với nhiệm vụ giáo sư cha không có nhiều giờ rỗi rãi, chắc cha chỉ học tiếng nói mà không học chữ viết và cha đã dùng những cuốn ngữ vựng như cuốn của cha Trigault.

Lối dùng 5 dấu : thanh, trọc, thương, khu, nhập của cha Trigault chắc được cha Đắc-Lộ để ý đến. Vừa dạy thần học, cha Đắc-Lộ cũng dạy tiếng cho những thừa sai dọn dẹp vào truyền giáo cho nước Việt. Cuốn sách bổn và cuốn tự vị có lẽ cha dọn thời kỳ này để làm bài học cho các học trò của cha. Để ý đến vấn đề phiên âm tiếng Việt, chắc hẳn cha cũng tìm học lối phiên âm chữ Hán của các cha Ricci, Ruggieri và Trigault. Dầu sao tiếng Việt vẫn gần tiếng Trung-Hoa hơn tiếng Nhật, cả hai đều là đơn âm, có những giọng lên xuống giống nhau mà tiếng Nhật không có. Nhưng dị điểm giữa tiếng Việt và tiếng Trung Hoa cũng không phải ít, trong việc phiên âm cha Đắc-Lộ cũng cần phải nhiều cố gắng và sáng kiến, với sự giúp đỡ của các bạn đồng nghiệp, nhất là cuốn tự vị Việt Bồ của cha Gaspar d'Amaral và cuốn tự vị Bồ Việt của cha Antonio Barbosa, mà

chính cha đã nhắc đến trong bài mở đầu cuốn tự vị của cha.

Cuốn tự vị đó cha Đắc-Lộ đã cho ra đời vào đầu năm 1651 sau cuốn Lịch Sử xứ Đông Kinh bằng tiếng Ý in năm 1650. Vào cuối năm 1651 đến lượt cuốn sách bổn 8 ngày, 1651 một niên hiệu đáng ghi nhớ, hai cuốn sách đầu tiên bằng tiếng Việt la tự hóa được xuất bản tại Roma, do thánh bộ Truyền giáo đỡ đầu.

Đầu đề cuốn tự vị : « **Dictionarium Anamiticum Lusitanum et Latinum** » ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide in lucem editum. Romæ 1651, dầy 645 trang, khổ 4°, 6 trang đầu là đầu đề và đề tặng rồi đến bài tựa. Chính phần tự vị chia làm hai cột, bắt đầu bằng chữ **A** và kết bằng chữ **Xư**, tất cả 900 cột, đầu tiên là tiếng Việt in chữ đứng rồi đến phần giải nghĩa bằng tiếng Bồ, in chữ nghiêng và tiếng La-tinh in chữ đứng. Cuối sách có thêm bản Index latini sermoni, các chữ la ngữ được xếp theo vần a, b, c, chua thêm số cột để tìm nghĩa bằng tiếng Việt, không đề số trang, nhưng đếm được 181 trang.

Mục đích, theo như cha viết, là để giúp các thừa sai tương lai của nước Việt muốn học tiếng nói của người dân và cũng là để giúp người Việt muốn học la ngữ để có thể tiếp xúc trực tiếp với đạo các thánh Tông-đồ giảng và với Tòa thánh Roma.

Cuốn tự vị của cha không phải chỉ là một cuốn ngữ vựng mà còn có giá trị gần như một cuốn bách khoa toàn thư trong đó chúng ta tìm được rất nhiều tài liệu về địa dư, sử ký, phong tục, tôn giáo, xã hội nước Việt thời đó. Về phương diện ngữ học, nó còn là một tài liệu quí giá về tiếng Việt thượng bán thế kỷ XVII.

Nhưng đáng để ý hơn cả là «**Bản tuyên ngôn vắn tắt về tiếng An-nam hay tiếng xứ Đông-Kinh**». **Linguæ annamiticæ seu Tunchinensis brevis declaratio**, cha cho đóng xen vào phần đầu cuốn tự vị, mà tài liệu Thánh bộ Truyền giáo gọi là cuốn văn phạm(1). Bản đó dầy 31 trang, khổ 4° chia làm 8 chương vắn. Hai chương đầu quan trọng hơn cả, trình bày các mẫu tự và các

(1) A.P. SRCG vol. 193, f.183.

dấu dùng trong việc phiên âm tiếng Việt,tiếp theo là 5 chương về ngữ học, chương cuối về một vài ngữ pháp.

Lần đầu tiên tiếng Việt được đem ra học hỏi theo lối văn phạm và so sánh với nhiều ngôn ngữ Á Đông và Tây phương, 23 mẫu tự la ngữ được dùng để phiên âm tiếng Việt, trừ những chữ z, j, f, được thay thế bằng **gi, d** và **ph.** Về tử âm cha Đắc-Lộ đã sáng kiến ra hai mẫu tự mới, ɓ và đ. Chữ ɓ đọc giữa chữ **b** và **v**. Các sách của các thừa sai thế XVII và XVIII vẫn còn dùng, mãi sang đầu thế kỷ XIX, người ta thay bằng chữ **v**. Còn chữ đ thì hoàn toàn một sáng kiến mới, còn giữ mãi cho đến ngày nay. Về mẫu âm, ảnh hưởng của tiếng Bồ, cha đã đặt ra những chữ **ă, â, ô, ơ, ư**. Còn về dấu mà cha Đắc-Lộ gọi là linh hồn của tiếng Việt, thì trước cha, cha Trigault đã dùng để phiên âm chữ Hán.

Nói rằng cha Đắc-Lộ phiên âm tiếng Việt theo vần la ngữ, đó là về lối viết, còn về lối đọc cha đã dùng đến nhiều lối đọc cả lối đọc Do thái và Hi lạp, như chữ **ch, kh, th** và **ph.** Lối đọc của tiếng Bồ và tiếng Ý được cha áp dụng nhiều hơn vào lối đọc các mẫu tự dùng để phiên âm tiếng Việt, có lẽ vì nó gần với lối đọc của người Việt, hơn nữa còn là tiếng nói thông dụng và chính thức của các thừa sai lúc đó.

Cuốn sách bổn cũng được in tiếp theo vào cuối năm 1651, cùng một khổ với cuốn tự vị, dầy 319 trang. Đầu đề : **Catechismus pro iis qui volunt suscipere Baptismum, in octo dies divisus. Phép giảng 8 ngày cho ke muan chịu phép rua tội mà beào đao thánh đức Chúa blời,** ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus, ab Alexandro de Rhodes e Societate Jesu, ejusdemque Sacræ Congregationis Missionario Apostolico, Romæ, Typis Sacræ Congregationis de Propaganda Fide, Superiorum permissu... Bản văn chia làm hai cột, một bên là la ngữ in chữ nghiêng,một bên là chữ Việt in chữ đứng.Vì chia theo ngày nên không phân thành chương.

Việc xuất bản hai cuốn tự vị và sách bổn của cha Đắc.Lộ đã đánh dấu một giai đoạn quan trọng của chữ quốc ngữ trong

thời kỳ khai nguyên và cho nền văn hóa nước nhà. Nhờ chữ quốc ngữ mà ngày nay tình trạng dân trí của Việt-Nam vượt trỗi hơn nhiều nước vùng Đông Á, nạn mù chữ được thanh toán, « một phương tiện giải phóng tinh thần và truyền bá văn hóa vô địch trong vùng Đông Á » (1).

2.— Những tài liệu quí hóa về sử địa Việt-Nam.

Góp phần xây dựng văn hóa nước Việt-Nam, công nghiệp của cha Đắc-Lộ và các cha thừa sai dòng Tên không phải chỉ trong việc sáng kiến ra chữ quốc ngữ, với các sách xuất bản, các ngài đã để lại cho chúng ta một kho tài liệu quí hóa về sử địa Việt Nam thời đó và với hoạt động văn hóa của các ngài đi đôi với hoạt động truyền giáo, các ngài là những người đầu tiên đem truyền bá nền văn hóa tây phương vào nước Việt và làm trung gian liên lạc hai nền văn hóa Âu-Á, nhờ các ngài mà thế giới biết nước Việt-Nam chúng ta và trọng người dân Việt.

Là những nhà thiên văn thông thạo, mỗi lần có nhật thực, nguyệt thực, vua chúa và các quan trong triều phủ hội lại nghe các ngài trình bày. Nhờ cha Đắc-Lộ giải thích, Trịnh-Tráng đã hiểu ra lý do và những tiến triển của nhật thực, nguyệt thực và ra lệnh cấm dân chúng không được mê tín khua mõ, đánh trống, đập mẹt để cho ác quái sợ nhả mặt trời mặt trăng ra.

Đem biếu vua Lê chúa Trịnh hay chúa Nguyễn những máy móc kỹ thuật : chiếc đồng hồ cát, đồng hồ bánh xe, máy bơm nước... hay bản đồ năm châu, các cha đã truyền bá vào nước Việt nền văn minh kỹ thuật của tây phương. Không nói đến tài chữa bệnh của nhiều thừa sai đã cứu sống cho nhiều người Việt và đưa dẫn vào xã hội Việt những phương dược của Tây phương.

Nhưng nhất là với những cuốn sách giá trị các ngài đã cho

(1) Huard, Durand, Connaissance du Việt-Nam, trang 53.

+ 1640

Beatissime Pater.

Petrus, Andreas, Joannes, et reliqui Cocincinenses Christiani ad Sanctitatis Vestrę pedes prostramur uenerabundi: qui enim Christi fide uiginti sex ab hinc annis per Patres Societatis Jesu imbuti sumus, Sanctitatem quoque Vestram Christi Domini loco à nostrę conuersionis initio semper habuimus: attamen humilitatis nostrę conscij ad Sanctitatis Vestrę pedes per epistolam nostram uenire minimè ausi sumus. Donec benignitas Vestrę Sanctitatis, quę uel minimos Christi filios complectitur, nobis per eiusdem Societatis Patres significata fuit. hoc etiam negotiū animos addidit. Inter sacra quę seruator Noster tanquam salutis nostrę præsentissima remedia reliquit Confirmationis etiam edocti sumus Mysterium, quo interius roborati crescemus in uirum perfectum: at nullus è nobis huc usque illis Christi Domini armis accinctus est, cum tamen ad quindecim millia Christianorū ~~[illegible]~~ et amplius numeremur, Deoque fauente numerus in dies augeatur; uersamur scilicet in medio conflictus ubi noua quotidie contra fidem catholicam insurgunt prælia, nosque in fide adhuc infantuli ualidioris inimici persecutionibus ~~facilè~~ uincimur nisi Christi Domini gratia nouas nobis adeat uires. Quare Sanctitatem Vestram eninè rogamus, ut, quandoquidem minima hęc nostra Cocincinensis Ecclesia Præsulem nondum habet, qui Confirmationis nobis Sacramentum largiatur, Sanctitas Vestra è Patribus aliquem subroget qui sacro nos Chrismate confirmet, ac legitimos Christi Domini milites perficiat, ut fideliter certemus certamen fidei.

40 Cocincinenses Christiani ad Pontifice

47

Bức thư của giáo-dân xứ Nam gửi về Đức Thánh Cha xin cho đấng nào đến làm phép Thêm-sức cho giáo-dân.
— Bản La-ngữ năm 1640.

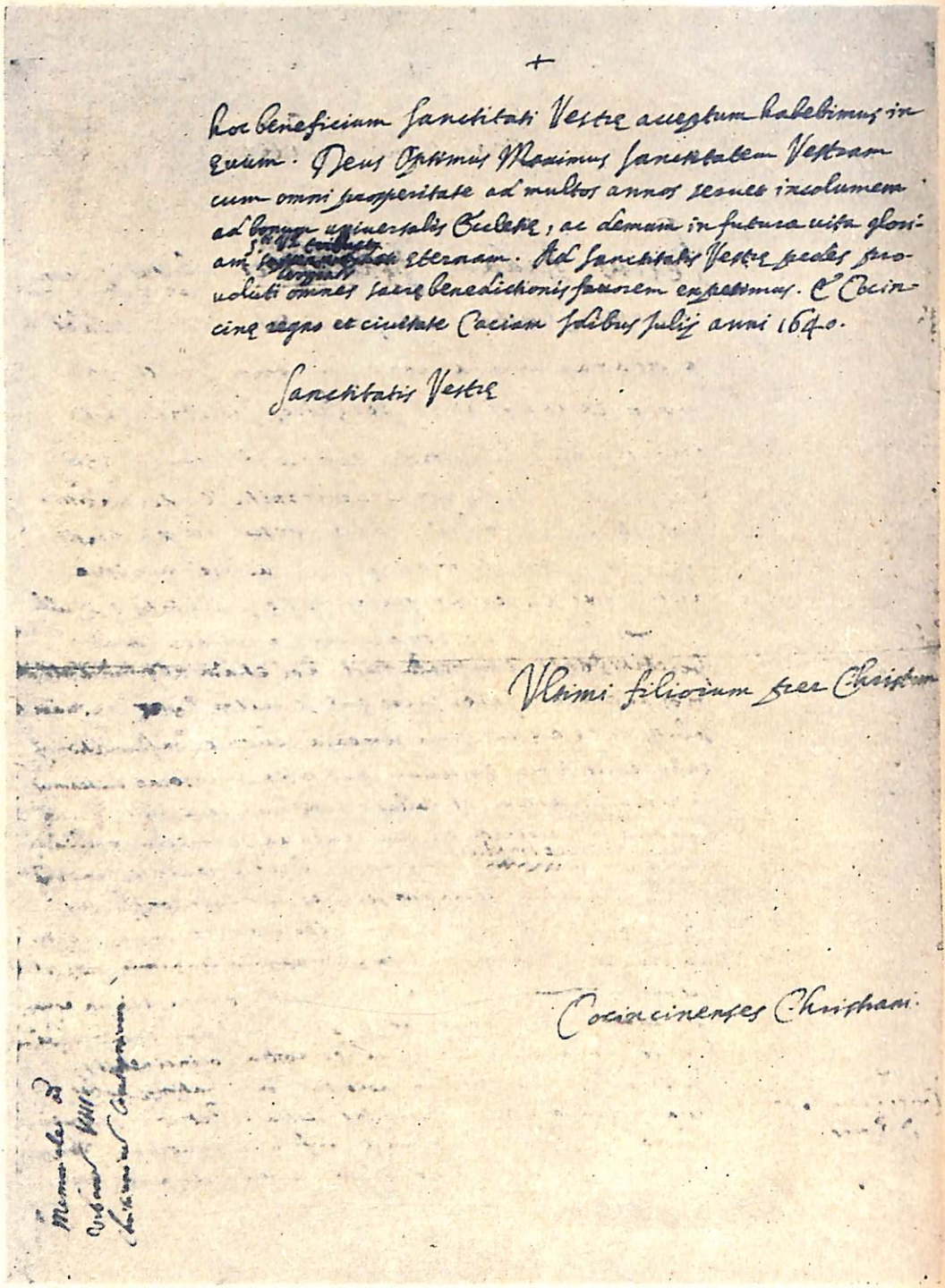

Thư giáo dân xứ Nam yêu cầu Đức Thánh Cha cho các đấng làm Thầy đến làm phép Thêm sức cho giáo dân.

xuất bản ở Âu châu, trước hết các ngài đã làm cho thế giới công giáo tây phương chú ý và thán phục nước Việt, con người dân Việt và xã hội của họ, đồng thời để lại chúng ta một kho tài liệu qui hóa về sử địa thượng bán thế kỷ XVII, cuộc nam tiến và xã hội dưới hai triều Trịnh Nguyễn phân tranh.

Trong số đó, giá trị hơn hết là hai cuốn « **Lịch sử xứ Đông-Kinh** » của cha Đắc-Lộ và «**Các khu truyền giáo**» của cha Marini. Hai cuốn « **Bản tường trình** » của cha Borri và «**Hành trình**» của cha Tissanier cũng góp nhiều tài liệu đáng kể.

Cuốn «**Bản tường trình**» của cha Borri xuất bản lần thứ nhất tại Roma, 1631, nguyên văn tiếng Ý (1). Được quần chúng rộng tay đón nhận, ngay năm đó hai bản dịch Pháp văn được ấn hành ở Lille và ở Rennes (2).Cuốn sách chia làm hai phần : phần đầu về tình trạng thế tục, phần thứ hai về tình trạng tôn giáo xứ Nam.

Trong phần đầu, từ trang 5 đến trang 102,chia làm 8 chương, cha đã để lại cho chúng ta những tài liệu qui giá về xứ Nam đầu thế kỷ XVII. Chương đầu cha bàn đến nguồn gốc danh từ Cocincina và địa thế xứ Nam, rồi đến khí hậu (chương II), thổ sản phì nhiêu (chương III) và súc vật (chương IV). Những tài liệu đáng để ý hơn cả là từ chương V, cha bàn về tính tình, tình trạng xã hội, tập tục, lối cư xử giao tiếp, ăn vận và chữa bệnh của dân xứ Nam, rồi đến triều Nguyễn, tổ chức chính trị, hành chính (chương VI), thế lực trong nước, tổ chức quân đội (chương VII), và đối ngoại, các đường liên lạc thương mại và các cửa biển (chương VIII).

Hai mươi năm sau, cũng theo lối trình bày của cha Borri,

(1) Đầu đề : Relatione della nuova missione delli PP. della Compagnia di Giesu al Regno della Cocincina,scritta dal Padre Christoforo Borri, Milanese della medesima Compagnia, che fu uno de'primi ch'entrono in detto Regno. Alla santita di N. Sig Urbano PP. Ottavo. In Roma Per Francesco Corbelletti 1631, khổ 8· dầy 231 trang.

(2) Đầu đề bản dịch tiếp Pháp : Relation de la nouvelle mission des Pères de la Compagnie de Jésus au royaume de la Cochinchine,traduite de l'italien du Père Christofle Borri, Milanois qui fut un des premiers qui entrèrent en ce royaume, par le Père Antoine de la Croix de mesme Compagnie. Lille 1631, in 8.

nhưng với những nhận xét sâu sắc và tỉ mỉ hơn,cha Đắc-Lộ cho chúng ta những tài liệu quí giá về xứ Bắc. Cả hai chung đúc lại với những cuốn sách của các thừa sai xuất bản sau, nhất là của cha Marini và Tissanier bổ túc, chúng ta có thể có một trình bày khá đầy đủ về nước Việt, Đàng Trong và Đàng Ngoài của thượng bán thế kỷ XVII.

Cuốn «**Lịch sử xứ Đông Kinh**» của cha xuất bản lần thứ nhất bằng tiếng Ý tại Roma, năm sau 1651 bằng tiếng Pháp, tại Lyon, rồi năm sau nữa 1652 cũng ở Lyon, bằng La ngữ (1).

Bàn về cuốn này,Đức Cha Chappoulie trong cuốn **Rome et les missions d'Indochine au XVIIè siècle**, đã viết : « Ngài không phải là người đầu tiên tìm cách lôi kéo thế giới công giáo để ý đến khu truyền giáo vùng Hoa Ấn. Trước ngài 20 năm,cha Christophe Borri, thừa sai dòng Tên, người thành Milan, năm 1631 đã viết một bản tường trình bằng tiếng Ý... Tác phẩm của cha Borri chia làm hai phần gần bằng nhau, một phần về tình trạng thế tục, một phần về tình trạng tôn giáo. Phần đầu có thể coi là một tổng lược về nhân địa học... Cha Borri đã vạch đường Cha Đắc-Lộ chỉ việc theo, cha dành phần đầu cuốn «**Relazione de'felici successi della fede predicata da Padri della Compagnia di Giesu nel Regno di Tunchino** » để mô tả xứ sở và người dân Việt Nam. Pha trộn những cái hiếu kỳ với những gương đạo đức trở thành một luật hành văn thời đó». (2)

---

(1) Đầu đề bản tiếng Ý : Relazione de'felici successi della Santa Fede predicata da Padri della Compagnia di Giesu nel Regno di Tunkino alla Santita di N.S.PP. Innocenzio Decimo, di Alessandro de Rhodes, Avignonese della medesima Compagnia e Missionario Apostolico della Sacra Congregatione de Propaganda Fide. Roma 1650, in 4°.

Đầu đề bản tiếng Pháp : Histoire du royaume de Tunquin et des grands progrès que la prédication de l'Evangile y a faits en la conversion des infidèles. Depuis l'année 1627 jusques à l'année 1646. Lyon 1651, in 4°. Bản dịch do cha Henri Albi, dòng Tên, dịch theo bản la ngữ, bản chính đầu đề : Tonchinensis historiæ libri duo quorum altero status temporalis hujus Regni, altero Mirabilis Evangelicæ prædicationis progressus referuntur, ceptæ per Patres Societatis Jesu ab anno 1627 ad annum 1646. Authore P. Alexandro de Rhodes Avenionensi ejusdem Societatis presbytero eorum quæ hic narrantur teste oculato. Lyon 1652, in 4°.

(2) Tập thượng, trang 14 chú thích số 2.

Trong 116 trang, chia làm 31 chương, cha Đắc-Lộ lần lượt bàn về tên gọi, vị trí nguồn gốc xứ Đông Kinh (chương 1,2). Bắt đầu cha không quên chú thích cho độc giả là xứ Bắc và xứ Nam trước đây cũng là một nước tên gọi là An-nam, do người Tàu đặt, có nghĩa là miền Nam an bình. Bị coi là đất của người Tàu, họ gọi xứ đó là xứ Đông Kinh cũng như Bắc kinh, Nam kinh, nhưng trong vị trí nước Tàu, xứ đó không phải là kinh đô ở phía Đông mà thực ra ở phía Nam, nhưng vì xưa kia, nước Tàu bao trùm cả vùng Xiêm, Lào nên với hai xứ đó, xứ Đông Kinh là kinh đô phía Đông của họ. Nói đến chế độ ngoài Bắc, cha Đắc-Lộ không khỏi ngạc nhiên trong nước có vua mà lại có chúa (chương 3, 4). Cha đưa chúng ta trở lại với thời xưa khi Lê-Lợi nổi lên chống lại ách nô lệ người Tàu, rồi qua thời Lê mạt, nhà Mạc chiếm ngôi, Nguyễn Kim rồi Trịnh Kiểm giúp nhà Lê trung hưng, cho đến lúc Trịnh-Tráng, Chúa Bằng chiếm tất cả quyền bính trong tay chỉ để cho vua Lê chút hư vị. Có nhiều sử liệu cha thu lượm được do chính những người trong cuộc, mà sử sách của ta không ghi lại. Về binh lực và tổ chức quân đội, cha dành ra năm chương từ chương 5 đến chương 10. Theo cha thì binh lực của ta lúc đó không thua kém gì nhiều nước bên tây phương. Tiếp theo là về hành chính (chương 11) và lối chọn nhân viên trong các khoa cử (chương 12), về luật pháp và xử kiện (chương 13). Cả vấn đề kinh tế như thổ sản (chương 14), súc vật (chương 15), thương mại (chương 16) và tiền tệ (chương 17) cũng được cha bàn đến, cho chúng ta nhiều tài liệu quí giá về địa dư học. Vấn đề tôn giáo có liên quan đến hoạt động truyền giáo của các thừa sai được cha đem ra mổ xẻ một cách tỉ mỉ hơn trong 4 chương 18 đến 21. Những chương về phong tục nghi lễ như ma chay, cưới hỏi, tết nhất trong 8 chương từ 22 đến 29, tỏ ra cha có những nhận xét rất sâu sắc và phải là người đã sống trong quần chúng và sát với quần chúng mới có thể thu lượm được những sự kiện tỉ mỉ và đầy đủ như thế. Những tài liệu quí hóa cho các nhà xã hội học. Chương 30 cha bàn về ngôn ngữ, còn chương 31 có thể coi như một chương phụ, cha bàn về tục đặt tên gọi, đặt tên xấu cho con là để khỏi tà ma đến bắt. Ở đầu sách cha có cho xen vào một bản đồ xứ Bắc lúc đó.

Trong cuốn «**Hành Trình và Truyền Giáo**»(1) một phần lớn dành cho hoạt động truyền giáo của cha ở xứ Nam, cha cũng dành ra một vài chương bàn về tình trạng triều chính của chúa Nguyễn.

Mười năm sau (1663), cha Tissanier cũng cho ra đời «**Bản tường thuật chuyến đi từ Pháp qua xứ Đông kinh**» (2). Qua xứ Bắc có một thời gian vắn nên cha cũng không đem lại nhận xét gì hơn cha Đắc-Lộ,và hầu hết là lấy lại những tài liệu của cha Đắc-Lộ.

Nhưng cũng năm 1663 đó, cha Philippo Marini, thừa sai ở xứ Bắc 12 năm giời, cho xuất bản ở Roma một tài liệu qui giá đáng kể về tình trạng địa dư chính trị và hoạt động truyền giáo ở xứ Bắc,nguyên văn tiếng Ý (3),khổ 4o,dầy 550 trang, chia làm 5 tập.Cha dành tất cả tập I từ trang 1 đến trang 167,chia làm 15 chương để bàn về tình trạng địa dư, chính trị, xã hội, phong tục và tôn giáo ở xứ Bắc. Tất cả những vấn đề cha Đắc-Lộ đã đem trình bày trong cuốn «**Lịch sử xứ Đông kinh**» được cha đem ra bàn lại với nhiều nhận xét riêng biệt và đầy đủ hơn, nhất là những buổi triều yết và nghi lễ tống táng của chúa Trịnh Tráng.

Ba năm sau, nghĩa là năm 1666, cuốn sách của cha được dịch ra Pháp văn, nhưng dịch giả, ông François Célestin Le Comte, chỉ chọn có phần nói về lịch sử, địa dư xứ Bắc và nước Lào, nghĩa là toàn thể tập I và chương đầu tập V với đầu đề :

---

(1) Divers voyages et missions du P. Alexandre de Rhodes en la Chine et autres royaumes de l'Orient avec son retour par la Perse et l'Arménie. Paris 1653.

(2) Relation du voyage du P. Joseph Tissanier de la Compagnie de Jesus depuis la France jusqu'au royaume du Tunquin, avec ce qui s'est passé de plus mémorable depuis les années 1658, 1659 et 1660. Paris 1663.

(3) Delle missioni de'padri della Compagnia di Giesu nella provincia del Giappone, e parti colarmente di quella di Tunkino, libri cinque del P. Gio. Filippo de Marini della medesima Compagnia, alla Santita di N.S. Alessandro PP. settimo, in Roma 1663.

Lịch-sử tân kỳ nước Đông-Kinh và nước Lào (1).

Ngoài ra giữa các trang sách, chúng ta còn thấy 4 bản khắc : một bản vẽ hình các thừa sai dòng Tên truyền giáo cho các dân tộc thuộc tỉnh dòng Nhật, qui nhất là hai bản về một quan nghè mặc triều phục, một lính thị vệ một tay vác gươm một tay cầm quạt đề thơ, và một bản lớn vẽ hình chiến thuyền xứ Bắc, ở cuối phía bên phải có hình bữa ăn hai vợ chồng xứ Bắc.

Kiểm điểm lại những hoạt động văn hóa của thừa sai dòng Tên trong thời kỳ khai nguyên công giáo Việt Nam trên đây, công nghiệp của các ngài trong vấn đề chữ quốc ngữ, với những tài liệu sử địa qui giá về nước Việt các ngài để lại, chúng ta cũng không quên ghi ở đây tấm lòng biết ơn của dân Việt đối với các ngài trong việc góp phần xây dựng văn hóa.

3.— Một nền văn chương công giáo tiên khởi.

Nhưng nếu các thừa sai dòng Tên đã góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam thì trước hết các ngài là những người đã khai trương và đặt nền móng cho nền văn chương công giáo tiên khởi.

Tất cả các sách vở các ngài xuất bản là những sách về tôn giáo hay với mục đích truyền giáo. Chẳng hạn hai cuốn sách giá trị về chữ quốc ngữ của cha Đắc-Lộ, thì cuốn **sách bổn** là một cuốn hoàn toàn tôn giáo, còn cuốn **tự vị Việt-Bồ-La** của cha xuất bản cũng là để giúp các thừa sai học tiếng Việt và giáo dân Việt muốn biết La ngữ để học hỏi sâu xa hơn về đạo. Còn những cuốn sách để lại những tài liệu qui giá về sử địa Việt Nam,

(1) Đầu đề bản dịch Pháp văn : Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lao, contenant une description exacte de leur origine, grandeur et étendue, de leurs richesses et de leurs forces, des mœurs et du naturel de leurs habitants, de la fertilité de ces contrées et des rivières qui les arrosent de tous costez et de plusieurs autres circonstances utiles et nécessaires pour une plus grande inteligence de la géographie. Ensemble de la magnificence de la cour des Roys de Tunquin et des cérémonies qu'on observe à leurs enterrements, Traduite de l'italien du P. de Marini. Paris 1660.

trước hết là những cuốn về lịch sử truyền giáo mà phần nói về tình trạng thế tục, không phải làm thỏa mãn hiếu kỳ của người xem, mà thực ra để giúp họ hiểu rõ tình trạng xã hội khu vực các ngài đến truyền giáo, trong đó sẽ được trình diễn những quá trình tiến triển của một giáo hội.

Với những bản tường trình hằng năm gửi về cho tỉnh dòng Áo môn và trung tâm của dòng ở Roma (1), chúng ta có thể theo rõi tất cả các giai đoạn tiến triển của Giáo Hội Việt Nam thượng bán thế kỷ XVII. Nhiều tài liệu được xuất bản ở Roma hay ở Pháp, hoặc thành những cuốn riêng hay trong những tập thư truyền giáo được xuất bản từng thời kỳ. Đáng kể hơn cả là bản tường trình của cha Christophe Borri, cuốn «**Lịch sử xứ Đông-Kinh**», cuốn «**Những cuộc hành trình và truyền giáo**», «**Cái chết oanh liệt của thày giảng Andrê**» của cha Đắc-Lộ, «**Bản tường trình**» của cha Metello Saccano, «**Bản tường thuật chuyến đi**» của cha Tissanier, và cuốn «**Những khu truyền giáo**» của cha Marini (2). Nếu đem chắp nối và bổ túc những tài liệu đã xuất bản đó, chúng ta đã có hầu đủ những tiến triển liên tục về 50 năm truyền giáo của các cha ở xứ Nam và 57 năm truyền giáo ở xứ Bắc. Những bản tường trình của cha Buzomi trong thời kỳ đầu ở xứ Nam, chúng ta có thể tìm bổ túc trong cuốn **Lịch sử Dòng Tên** của cha Bartoli. Với những cuốn đó, các cha không những đã để lại cho chúng ta một tài liệu quí giá về lịch sử khai nguyên công giáo Việt-Nam, lại còn làm rạng danh giáo hội Việt-Nam trong thế giới công giáo.

Chúng ta còn phải kể nhất là những cuốn sách bằng tiếng Việt mà các cha viết cho giáo dân và cho các thày giảng. Đó là những cuốn sách đầu tiên trong tủ sách văn chương công giáo Việt-Nam. Ngoài cuốn **sách bổn** của cha Đắc-Lộ viết bằng chữ quốc ngữ, in ở Roma, còn các cuốn sách khác bằng chữ nôm, thứ chữ thịnh hành của thời đó. Hoặc đầu tiên các thừa sai thảo bằng chữ quốc ngữ để các thày giảng viết ra chữ nôm, hoặc đọc

(1) Các tài liệu hiện còn giữ tại thư viện của dòng Tên ở Roma. Chúng tôi thành thực cảm ơn sự giúp đỡ của các cha, các thày trong thư viện và nhất là cha Smeteis.

(2) Xem phần tủ sách tham khảo.

cho các thày viết, mà ta có thể đoán đó là trường hợp cha Buzomi và De Pina cho ra đời cuốn sách về đạo lý công giáo đầu tiên bằng tiếng Việt ở Nước Mặn, Qui Nhơn, hay trường hợp cha Đắc-Lộ viết cuốn **Ngắm 15 sự thương khó Đức Chúa Giêsu**...Hoặc do chính thừa sai viết bằng chữ nôm, như những cuốn của cha Majorica, nhưng chắc chắn cha cũng được sự cộng tác của các thày giảng.

Kiểm điểm những cuốn sách viết cho thày giảng và giáo dân thời đó, chúng ta không khỏi bỡ ngỡ là đã có đủ hầu hết các loại cần thiết. Lẽ dĩ nhiên là đã có một cuốn **sách kinh** và một cuốn **sách bổn**. Mới đến xứ Bắc, với các giáo dân đầu tiên, cha Đắc-Lộ đã nhờ một thầy đồ chép cho họ những **kinh tối sớm** và **kinh mười điều răn**.Thời cha Majorica đã thấy nói đến việc thi bổn, học theo lối hỏi thưa. Về loại giáo thuyết, cho thầy giảng có cuốn **sách bổn** của cha Đắc-Lộ; cho giáo dân, cha Majorica đã dịch cho họ một cuốn **giáo thuyết công giáo** (1), và nhiều cuốn loại minh giáo do các thừa sai khác viết. Về loại sách thiêng liêng,có nhiều sách **nguyện ngắm**,về các ngày lễ lạy, sách **ngắm 15 sự thương khó**... Về loại sách thánh truyện, cha Majorica đã viết cuốn **Đời Sống Chúa Giêsu** và nhiều thánh khác. Cả đến loại kịch trường, mà dân chúng Việt rất ưa thích, cũng được các cha lợi dụng vào công cuộc truyền giáo, kịch **thánh Alêxi** còn được truyền lại mãi thời sau này. Nhiều giáo dân cũng góp phần xây dựng bằng những bài thơ văn như bà công chúa Catarina. Về loại huấn luyện, cha Onuphre Borgès cũng viết một cuốn cho thày giảng và các đàn anh trong họ biết cách hoạt động tông đồ giáo dân, cách dậy bổn cho người mới theo đạo, cách giúp kẻ liệt và rửa tội khi cần kíp.

Có công hơn cả trong việc khai trương nền văn chương công giáo tiên khởi đó phải kể đến cha Majorica và cha Đắc-Lộ. Theo cha Marini thì cha Majorica đã viết hoặc dịch tất cả 48 cuốn thuộc nhiều loại để hướng dẫn đời sống giáo dân trong những khi vắng mặt các thừa sai. Nhưng giá trị hơn cả là cuốn **Sách bổn** của cha Đắc-Lộ. Một đánh dấu quan trọng của việc

(1) Của thánh Bellarminô.

khai trương chữ quốc ngữ, và đồng thời của nền văn chương công giáo Việt-Nam, mà chúng ta có thể đặt ngang hàng với hai cuốn bổn thời danh của hai cha Ruggieri và Ricci của giáo hội Trung Quốc.

Đem so sánh với hai cuốn của cha Ruggieri và Ricci, cuốn **Phép giảng 8 ngày** của cha Đắc-Lộ có những giá trị và đặc tính cần phải nêu cao. Nó là kết quả những cố gắng thích ứng truyền giáo của cha, sau nhiều kinh nghiệm và học hỏi trong khi hoạt động. Về phương diện biện hộ giáo cuốn của cha Đắc-Lộ có phần giống cuốn của cha Ruggieri, nhưng về phương diện giáo thuyết lại giống cuốn của cha Ricci, nghĩa là vừa có tính cách biện hộ vừa có tính cách trình bày đạo lý, và nếu xét toàn thể thì có tính cách trình bày mời gọi hơn là biện hộ. Ngay trong biện hộ, cha chú ý đến tính cách tích cực và tránh tiêu cực. Cha không chia thành chương mà chia từng ngày, không theo lối đối thoại như của hai cha Ruggieri và Ricci, nhưng theo lối giảng thuyết.

Về lối trình bày đạo giáo, trong cuốn đó, cha đã dành một chương trong cuốn **Lịch sử xứ Đông Kinh** để bàn vấn đề (1). Không theo chủ trương của một số người cho cần phải đả phá rồi mới xây dựng, cái đó cha cho rằng làm mất lòng người nghe hơn là lôi cuốn họ. Trong hai ngày đầu, cha trình bày cho thính giả những chân lý của đạo tự nhiên, về Đức Chúa Trời, Đấng dựng nên vũ trụ và nhân loại, mục đích sống của con người và bổn phận con người đối với Đấng Tạo Hóa. Để sửa chữa tin tưởng vật chất về ông Trời của người Việt, cha đã giải thích chữ Thiên 天, Đấng Nhất 一, Đại 大 hay là Đức Chúa Trời Đất chứ không phải là trời đất vô tri. Vin vào câu : « *Trời che đất chở* » mà thờ trời đất vô tri, có khác nào người vào nhà lạy chiếc nhà mà không biết lạy chủ nhà. Từ ngày thứ ba cha bước sang phần thần học giảng về Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ, Thiên Thần và loài người. Cha theo phần Thánh Kinh trong Sáng thế ký. Ngày thứ tư cha bước sang phần thánh sử, nhấn mạnh đến

(1) Histoire du royaume de Tunquin, trang 17-177.– Relazione trang 173-176. Tonchinensis Historiæ trang 93-94 (Kẻ Sở).

tính cách liên tục của đạo được truyền và giữ qua các tổ phụ của dân Chúa chọn, từ Adam qua Noe, Abraham, Đavít đến Chúa Cứu Thế (1). Từ ngày thứ năm, cha bắt đầu trình bày ba mầu nhiệm cả của đạo công giáo : **Thiên Chúa Ba Ngôi, Nhập Thể và Cứu Chuộc**, dành riêng cho những người muốn chịu phép rửa (2). Ngày thứ 6 cha nói đến đời sống của Chúa Kytô, ở đây vì quá chú trọng đến phép lạ, cha bỏ rơi những giáo huấn của Người, có lẽ cha muốn đánh nổi tính cách Con Thiên Chúa của Chúa Kytô để dọn lòng tân tòng bước sang ngày thứ 7 với cuộc tử nạn của Người, cha nhấn mạnh những sự lạ xảy ra, giờ sinh thì, kèm theo ngay sự sống lại vinh hiển. Ngày cuối cùng cha nói phán đến xét chung, 10 giới điều và sửa soạn cho họ lĩnh nhận phép rửa.

Cuốn sách bổn của cha, đọc qua những đầu đề trên đây, chúng ta nhận thấy không phải là một cuốn bổn cho trẻ em, mà là cho người lớn hay đúng hơn cho thày giảng học theo để dạy cho người lớn muốn theo đạo. Nó có tính cách một dự tòng huấn luyện truyền giáo, người giảng là một thừa sai của Chúa và của Giáo Hội sai đến để đưa tin lành với nhiều lời mời gọi tha thiết. Cha Đắc-Lộ đã có công biết nhào trộn giáo thuyết vào trong đời sống của người dân, với những tỉ dụ và hình ảnh sống thường ngày. Thiếu sót có lẽ ở chỗ vì quá chú trọng đến việc gây lòng sùng kính, cha đã trộn lẫn sự thực với nhiều câu chuyện truyền khẩu không căn cứ, nhưng nó là bệnh chung của thời Trung cổ.

Một vấn đề khác chúng ta cũng không nên bỏ rơi, khi đọc cuốn **bổn** của cha, đó là vấn đề danh từ thần học (3). Xưa kia, bên Tây phương, vấn đề danh từ thần học đã gây ra biết bao tranh luận đi đến những tà thuyết tai hại. Với công cuộc truyền giáo ở Đông Phương vấn đề lại càng nan giải hơn. Là những người

(1) Cha quên Maisen, một tổ phụ quan trọng trong thời kỳ dọn đường Chúa Cứu Thế đến.

(2) Theo cha, không nên để mầu nhiệm ba Ngôi vào phần giáo huấn sau khi chịu phép rửa. Với kinh nghiệm, cha nhận thấy người dân Việt cảm thấy khó nhận mầu nhiệm nhập thể hơn mầu nhiệm ba Ngôi.

(3) Xem thêm : Cadière. Le titre divin en annamite. Etude de terminologie chrétienne trong « Revue d'histoire des missions», 1931. VIII, supplément.

ngoại quốc chưa đủ thông thạo đòi hỏi để chọn lọc danh từ tôn giáo, một số có sẵn lại pha trộn nhiều mê tín không thể dùng được. Có người chủ trương để nguyên văn không dịch. Nhưng đó là một giải quyết lười biếng, giáo thuyết sẽ thành một pha trộn những danh từ « rợ mọi » xa xăm, kỳ quặc, có hại cho công cuộc truyền giáo. Chủ trương thứ hai xây dựng hơn, cố tìm những danh từ có sẵn, nếu cần thì « rửa tội » đi, hoặc nếu không có thì tạo ra. Văn chương công giáo nhờ đó sẽ giàu có hơn. Người ngoại sẽ hiểu đạo hơn. Nhưng nhiều nguy hiểm có thể do hiểu nhầm gây ra mà lịch sử qua đã đem lại nhiều chứng cớ. Hầu hết các thừa sai có tên tuổi theo chủ trương trung dung nghĩa là cố tìm dịch những danh từ có thể, còn không, tạm dùng bằng la ngữ, kèm theo giải thích.

Cha Đắc-Lộ cũng theo chủ trương đó. Nhưng nhiều danh từ để nguyên văn cha đã khéo kèm theo tiếng Việt chẳng hạn, « *nghĩa cu đức Chua blời gọi là Gratia* », hay ghép thêm một phần tiếng Việt một cách rất tài tình như « *cây Crux* » « *phép Sacramento* ». Cha đã sáng kiến hay đã rửa tội được nhiều danh từ mà ngày nay chúng ta vẫn còn dùng như: đạo, linh hồn, ma quỉ, thiên đàng, thánh, kinh. Đáng kể hơn là danh từ: Đức Chúa Trời để thay thế cho : «*Chúa Đêu*» hay « *Thiên Chủ* » của người Tàu. Cha không muốn dùng : « *Chúa Thánh Thần* ». thay cho«*đức Spiritô Santô*», vì theo cha tiếng«thần» theo người Việt là những hồn có thể làm hại : thần đánh thánh vật. Cần phải chờ thời gian khi sự đạo đã vững.

Với cái nhìn tổng quát nền văn chương công giáo tiên khởi trên đây, chúng ta không khỏi cảm phục sự cố gắng xây dựng của các thừa sai dòng Tên. Trong có 50 năm truyền giáo, các cha đã cho xuất bản gần 80 cuốn sách gồm đủ hầu hết các loại mà cuốn Sách bổn của cha Đắc-Lộ có thể coi là một thành công rực rỡ và là một tác phẩm tiêu biểu những cố gắng của các cha. Hai văn sĩ đáng ghi tên tuổi của giai đoạn đó là cha Đắc-Lộ và Majorica. Đi xa hơn nếu chúng ta muốn tìm trong số giáo dân Việt Nam, tưởng không ai đáng ghi tên tuổi hơn nữ văn sĩ Catarina.

TỦ SÁCH THAM KHẢO [1]

I.— DO CÁC THỪA SAI DÒNG TÊN.

— *Gaspar Luiz*— Lettera scritta l'anno MDCXXI della missione della Cocincina dal P. Gaspar Luiz S.J. — Dal porto di Macao li 17 di Dicembre 1621 (tìm trong Lettere Annue d'Etiopa, Roma 1627, trang 97-118).

—*Lettre du P.Gaspar Luiz S.J.*—escritte de la Cochinchine: Mai 1625 (tìm Advis Certain, Paris 1628, trang 12-28).

— Histoire de ce qui s'est passé en Ethiopie, Malabar, Brasil et les Indes Orientales, tirée des lettres escrittes es années au R.P. Mutio Vitelleschi, Général de la Compagnie de Jésus, traduite de l'Italien en françois par *un Père de la mesme compagnie* à Paris, chez Bastien Cramoisi, rue Saint Jacques, aux Cigoignes MDCXXVIII.

— *Baldinotti* (*Juliano*).—Lettere dell'Etiopia dell'Anno 1626 fino al Marzo del 1627. E della Cina dell'Anno 1625 fino al Febraro del 1626.Con una breve Relatione del viaggio al Regno di Tunquin nuovamente scoperto. Mandate al molto Rever, Padre Mutio Vitelleschi, Generale della Compagnia di Giesu. Roma 1629 và Milano 1629.

---

(1) Chúng tôi chỉ ghi ở đây những cuốn sách thiết yếu của vấn đề để giúp những bạn muốn tra khảo sâu xa hơn, còn nhiều cuốn sách nhắc đến trong các chương nhưng không quan hệ đến vấn đề, nên không ghi lại đây. Những cuốn sách có dịch ra Pháp văn, chúng tôi ghi kèm, để tiện bề tìm kiếm.

— Histoire de ce qui s'est passé es royaumes d'Ethiopie en l'année 1626 jusqu'au mois de mars 1627. Et de la Chine en l'année 1625 jusques en février 1626. Avec une brève narration du voyage qui s'est fait au royaume de Tunquim nouvellement découvert. Tirées des lettres adressées au R. Père Général de la Compagnie de Jésus. Traduite de l'italien en francois par *un Père de la mesme Compagnie.* A Paris, chez Sébastien Cramoisy, rue St. Jacques, aux Cigoignes MDCXXIX, 2°, 210 trang.

(Có thể tìm trong Premier Congrès Internat. Etudes Ext. Orient, Hanoi 1902. Nocentini, La relation sur le Tonkin du P. Baldinotti trang 29/30, và trong Bulletin de l'Ecole française d'Extr. Orient III, Hanoi 1903, trang 70/74).

— *Borri (Christoforo)* — Relatione della nuova missione delli PP. della Compagnia de Giesu al Regno della Cocincina. Scritta dal Padre Christoforo Borri, Milanese della medesima Compagnia, che fu nno de prime ch'entrono in detto Regno. Alla Santita di N. Sig Urbano PP. Ottavo. In Roma, Per Francesco Corbelletti, 1631, in 8°, 231 pp.

— Relation de la nouvelle mission des Pères de la Compagnie de Jésus au royaume de la Cochinchine. Traduite de l'Italien du Père Christophe Borri, Milanois qui fut un des premiers qui entrèrent en ce royaume. Par le Père Antoine de la Croix de la mesme Compagnie (xuất bản ở Lille và Rennes 1631, khổ 8°, dày 231 trang. (Mấy năm sau dịch ra tiếng Flamand (1632) tiếng Anh (1633) tiếng Đức (1633) và La ngữ (1633) (In lại trong Bulletin des Amis du Vieux Huê 1931).

— *Rhodes (Alexandre)* — Lettre du P. Alexandre de Rhodes, S.J. au P. Général, escritte de la Cochinchine 1641.

— Tìm trong *Cardim (François)*, Relation de la province du Japon escritte en Portugais par le Père François Cardim de la Compagnie de Jésus, procureur de cette province, Tournai 1645, 12°, trang 106-114. (bản dịch tiếng Ý: Relatione della Provincia del Giappone... Romæ 1645 trang, 93-99.

— Relazione de'felici successi della Santa Fede predicata da'Padri della Compagnia di Giesu nel Regno di Tunkino alla

Santita di N.S.PP. Innocenzio Decimo, di *Alessandro de Rhodes*, Avignonese della medesima Compagnia e Missonario Apostolico della Sacra Congregatione de Propaganda Fide, Roma 1650, 4°.

— Histoire du royaume de Tunquim et des grands progrès que la prédication de l'Evangile y a faits en la conversion des infidèles. Depuis l'année 1627 jusques à l'année 1646. Composée en latin par le *R.P. Alexandre de Rhodes*, de la Compagnie de Jésus et traduite en francois par le R.P. Henri Albi de la mesme Compagnie. Lyon 1651, in 4°.

— Tonchinensis historiæ libri duo quorum altero status temporalis hujus Regni, altero Mirabilis Evangelicæ prædicationis progressus referuntur, ceptæ, per Patres Societatis Jesu ab anno 1627 ad annum 1646. Authore *P.Alexandro de Rhodes*, avenionensi ejusdem Societatis presbytero eorum quæ hic narrantur teste oculato. Lyon 1652 (Bản la ngữ này có in lại tại nhà in Kẻ Sở, Ex typis Missionis Tunquini Occidentalis 1906).

— Dictionnarium Anamiticum Lusitanum et Latinum, ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide inlucem editum... Typis et symptibus ejusdem Sacræ Congregationis. Romæ 1651, khổ 4°, 645 trang,

— Catechismus pro iis qui volunt suscipere Baptismum in Octo dies divisus. Phép giang tám ngày cho kẻ muan chịu phép rua tôi mà bcào đao thánh đuc Chúa blời.Ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus. Ab Alexandro de Rhodes e Societate Jesu, ejusdem Sacræ Congregationis Missionario apostolico. Romæ, Typis Sacræ Congregationis de Propaganda Fide (1651).

(*Đức Cha Chappoulie* (*Henri*) đã dịch ra pháp văn in trong Aux origines d'une Église, Rome et les missions d'Indochine au XVIIe siècle, tome II, Paris Bloud et Gay 1943, Le Catéchisme d'Alexandre de Rhodes pour les missions d'Annam. Traduction trang 145-260).

— Relation des progrès de la foi au royaume de la Cochinchine vers les derniers quartiers du Levant, Paris 1652, in 8°.

— La glorieuse mort d'André catéchiste de la Cochinchine qui a le premier versé son sang pour la querelle de Jésus-Christ en cette nouvelle Eglise. Par *le Père Alexandre de Rhodes* de la Compagnie de Jésus, qui a toujours été présent à toute cette histoire. Paris 1653, in 8°/o

— Divers voyages et missions du P. Alexandre de Rhodes en la Chine et autres royaumes de l'Orient, avec son retour de la Chine à Rome. Depuis l'année 1618 jusques à l'année 1653, Paris 1653, in 8° (448 trang).

— Sommaire des divers voyages et missions apostoliques du R.P.Alexandre de Rhodes de la Compagnie de Jésus, à la Chine et autres royaumes de l'Orient, avec son retour de la Chine à Rome. Depuis l'année 1618 jusques à l'année 1653. Paris 1653, in 8°.

— *Maracci (Jean)* —Relation de ce qui s'est passé dans les Indes Orientales en ses trois provinces de Goa, de Malabar, du Japon et de la Chine et autres pays nouvellement découverts, par les Pères de la Compagnie de Jésus, présentée à la Sacrée Congrégation de la Propagation de la Foi par le P. Jean Maracci, Procureur de la Province de Goa, au mois d'avril 1649. Paris 1651, in 8°.

— *Saccano (Metello)*.— Relation des progrès de la foi au royaume de la Cochinchine ès annés 1646 et 1647.Paris 1653.in 8°.

— *Tissanier (Joseph)* — Relation du voyage du P. Joseph Tissanier de la Compagnie de Jésus, depuis la France jusqu'au royaume de Tunquin. Avec ce qui s'est passé de plus mémorable dans cette mission, depuis les années 1658, 1659 et 1660. Paris 1663, in 8°.

— *Marini (Giovanni, Filippo de)* — Delle missioni de'padri della compagnia di Giesu nella provincia del Giappone, e particolarmente di quella di Tumkino, libri cinque del P. Gio. Filippo de Marini della medesima Compagnia, alla santita di N.S. Alessandro PP. settimo, in Roma, 1663.

— Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquim et de Lao, contenant une description exacte de leur origine,

grandeur et étendue, de leurs richesses et de leurs forces, des mœurs et du naturel de leurs habitants, de la fertilité de ces contrées et des rivières qui les arrosent de tous costez et de plusieurs autres circonstances utiles et nécessaires pour une plus grande intelligence de la géographie. Ensemble de la magnificence de la cour des Roys de Tunquim et des cérémonies qu'on observe à leurs enterrements. Traduite de l'italien du P. Marini. Paris 1666.

— *Ferreira (Emmanuel).*— Noticias summarias das perseguicoes da missam de Cochinchina, principiada & continuada pelos Padres da Companhia de Jesu. Offerecidas pelos mesmos missionarios a el Rey nosso Senhor D. Pedro II. Em Liboa, Na officina Miguel Manescal, Impressor do Santo Officio da Serenissima Casa de Bragança & de Sua Eminencia. Anno 1700.

— *Montézon.*— Mission de la Cochinchine et du Tonkin. Paris 1858, in 8°.

— *Bartoli.*— Istoria della Compagnia di Giesu. La Cina. 3ª parte 8 vol, 4 libri. Plaisance 1821 (Napoli 1859).

II.— DO CÁC TÁC GIẢ KHÁC.

— *Pedro Ordonez de Cevallos* — Tratado de las relaciones verdaderas de los Reynos de la China, Cochinchina, y Champa, y otras cosas notables y varios successos sacadas de sus originales, Iaen 1628.

— Historia y Viage del Mundo del clerigo agradecido Don Pedro Ordonez de Zeballos, Madrid 1691, xuất bản lần 2 (xuất bản lần 1, 1614).

— *Marcello de Ribadeneyra* — L'historia de las Islas del Archipielago y reynos de la Gran China, Tartaria, Cuchinchina, Malacca, Siam, Camboya y Japon y de los succedido en ellas a los religiosos de calzos de la Orden de San Francisco, Barcelona 1601.

— *Juan de Santa Maria* — La Chronica de la Provincia de

San Joseph de los Descalzos de la Ordèn de los Memores de nuestro Seraphico Padre S. Francisco. Madrid 1615.

— *Iacinto de Deos* — Vergel de plantas a flores da Provincia da Madre de Deos dos Capuchos Reformados. Lisbonna 1690.

— *Fr. Fernando da Soledade* — Historia serafica cronologica da Orden de S. Francisco na provincia de Portugal. Lisbonna 1705.

— *Juan Francisco de S. Antonio* — Las chronicas de la Apostolica Provincia de S. Gregorio de Religiosos Descalzos de Nuestro Padre S. Francisco en las Islas Philippinas, China, Japon etc... Sampaloc 1738.

— *Fonseca Ferrando* — Historia de los PP. Dominicos en las islas Filipinas y en sus Missiones, 6 vol. Madrid 1871.

— *Marcos Gispert* — Historia de las Missiones Dominicanas en el Tungkin. Avila 1928.

— *F.Romanet du Caillaud*—Essai sur les origines du christianisme au Tonkin et dans les autres pays annamites.Paris 1915.

— *Bonifacy* — (*Lt-Col.*) — Les débuts du christianisme en Annam. Des origines au commencement du 18e siècle. Hanoi 1930.

— *G. Poncet* — La Princesse Marie d'Ordonez de Cevallos và Un des premiers annamites sinon le 1er converti au catholicisme, trong Bulletin des Amis du Vieux Huê 1941.

— *H. Bernard* — Aux portes de la Chine, les Missionnaires du Seizième siècle (1514-1588). Tientsin 1933.

— *H. Bernard* — Pourquoi l'expansion chrétienne a-t-elle échoué en Indochine au Seizième siècle ? trong Revue d'histoire des missions 1935.

— *H. Bernard* — Le. P. de Rhodes et les Missions d'Indochine (1615-1645) trong cuốn « Histoire Universelle des Missions Catholiques » t-II.

— *H. Bernard*— Un aspect nouveau de l'œuvre du P. Alexandre de Rhodes avec l'Extrême-Orient chez les Annamites, trong Bulletin de la Ligue Missionnaire des Etudiants de France. Paris 1938-39, VIII.

— *S. Seffer*— Le Catéchisme d'Alexandre de Rhodes, trong « Les Missions Catholiques » Paris-Lyon 1955, V.

— *L. Gaide*— Quelques renseignemets sur la famille du P. Alexandre de Rhodes,trong Bull. des Amis du Vieux Huế, 1927

— *L. Cadière* — Les Européens qui ont vu le Vieux Huế : Alexandre de Rhodes. B.A.V.H. 1915.

— *L. Cadière* — Iconographie du Père de Rhodes, B.A.V.H 1938.

— *L. Cadière*— Une princesse chrétienne à la Cour des premiers Nguyễn. BAVH, 1939.

— *Phạm đình Khiêm* : Minh Đức Vương Thái Phi — Tinh Việt, Sàigòn, 1957.

— *Hồng Lam* — Lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam—Đại Việt, Huế, 1944.

— *L.E. Louvet* — La Cochinchine religieuse — Paris 1885 1er volume

— *E. Veuillot* — Le TonKin et la Cochinchine
Le pays, l'histoire et les missions. Paris 1883.

—*H. Chappoulie* : Aux origines d'une église. Rome et les missions d'Indochine au XVIIe siècle. Paris 1943.

— *G. Goyau* — Missions et missionnaires. Paris 1931.

— *G. Goyau* — L'Eglise en marche. Etudes d'histoire missionnaire. Paris 1934.

— *M.R.A. Henrion* — Histoire générale des missions catholiques depuis le XIIIe siècle jusqu'à nos jours.

L. Joly—Le christianisme en Extrême-Orient, t. I, Indochine, Paris 1907.

—*Trương vĩnh Ký*—Cours d'histoire annamite—Saigon 1875.

— *Trần trọng Kim* — Việt Nam Sử Lược. Tân Việt, Saigon 1954.

— *Lê thành Khôi* — Le Việt Nam, Histoire et civilisation' Paris 1955.

— *Huard et Durand*— Connaissance du Viet-Nam. Paris 1954.

MỤC - LỤC

Trang :

Thay lời tựa 5

CHƯƠNG I

Những bước đầu của Giáo-Hội Việt-Nam.

I,— Giáo-Hội Việt-Nam trước thế kỷ XVI :

1.— Công cuộc truyền giáo vùng Đông-Á trước thế kỷ XVI 9
2.— Giáo-hội Việt-Nam trước thế kỷ XVI. . . . 14

II.— Công cuộc truyền giáo trong khu vực nhà Hậu-Lê, Nam Triều :

1.— Những cuộc gặp gỡ với Tây phương đầu thế kỷ XVI 17
2.— Công cuộc truyền giáo dưới triều Lê-Anh-Tông (1556-1573). 21
3.— Ordonez de Cevallos và Công chúa Mai-Hoa . . 24

III.— Công cuộc truyền-giáo trong khu vực nhà Mạc, Bắc Triều :

1,— Đoàn truyền giáo của Cha Diego Oropesa . . . 31
2.— Cha Bartolomé Ruiz 35

IV.— Công cuộc truyền giáo miền Nam nước Việt :

1.— Các Cha Dòng Thánh Đa-Minh người Bồ. . . 38
2.— Các Cha Dòng Thánh Đa-Minh Tây-Ban-Nha . . 40

CHƯƠNG II

Cha Buzomi, Tông-đồ xứ Nam.

I.— Bách hại tôn giáo ở Nhật với công cuộc truyền giáo ở Việt-Nam :

1.— Bách hại tôn giáo ở Nhật 1614 45
2.— Áo môn, trung tâm thương mại và truyền giáo . . 47
3.— Hy vọng truyền giáo ở xứ Nam 49

Trang :

II.— Nước Việt-Nam vào đầu thế kỷ XVII :

1.— Chúa Nguyễn trong Nam 51
2.— Tình trạng tôn giáo 54
3.— Người dân Việt và xã hội Việt 57

III.— Cha Buzomi với những thử thách đầu tiên :

1.— Những bông lúa đầu mùa (1615-1618). . . . 59
2.— Những thử thách đầu tiên 63
3.— Quan phủ Qui-Nhơn 64

IV.— Xứ đạo Quảng-Nam và Nước Mặn (1618-1622) . . . 67

1.— Công cuộc truyền giáo ở Qui-Nhơn 68
2.— Những khó khăn gặp phải 70
3.— Cha Pina với giới trí thức Quảng-Nam . . . 73

V.— Những thử thách tiếp tục của giáo đoàn xứ Nam :

1.— Những vu cáo phá hoại 77
2.— Những thừa sai mới 79
3.— Bà Vương Phi Minh Đức trở lại. 80
4.— Cha De Pina qua đời và lệnh tập trung các thừa sai về Cửa Hội-An. 82

CHƯƠNG III

Cha Đắc-Lộ Tông, đồ xứ Bắc.

I.— Cha Đắc-Lộ.

1.— Ơn gọi đi truyền giáo 90
2.— Trên đường vào khu truyền giáo 91
3.— Thừa sai xứ Nam 92

II.— Tông Đồ xứ Bắc.

1.— Xứ Bắc, vua Lê chúa Trịnh. 95
2.— Cha Baldinotti, Kẻ Chợ 1626. 97
3.— Cha Đắc-Lộ và Pedro Marquez trên đường ra Bắc . 98

III.— Cửa Bạng, những bông lúa đầu mùa.

1.— Hòn ngọc nước Chúa 99
2.— Họ Cửa Bạng 100
3.— Cờ chiến thắng trên núi Cửa Bạng 102

IV.— An Vực, đang khi chờ đợi chúa Trịnh trở về.

1.— Trịnh Tráng đem quân vào đánh xứ Nam . . 103
2 — Sư cụ Gioan-Kim và nhà thờ An-Vực . . . 105
3.— Những giáo dân đầu tiên trong hoàng gia . . 107

V.— Trên đường lên Kẻ Chợ.

1.— Trịnh Tráng rút quân 109
2.— Được phép ở lại truyền giáo 110
3.— Trên đường lên Kẻ Chợ 112

Trang :

CHƯƠNG IV

Giáo đoàn Kẻ Chợ với những thử thách đầu tiên.

I.— Kẻ Chợ : những giáo dân tiên khởi :

1.— Những giáo dân tiên khởi. 117
2.— Cuốn sách bổn chữ Hán của thầy sãi . . . 119
3.— Những ơn lạ 121
4.— Lòng đạo đức của giáo dân và đời sống phụng vụ . 122

II.— Tinh thần Tông đồ giáo dân.

1.— Thầy sãi Antôniô.. 125
2.— Vấn đề thầy giảng 126

III.— Những thử thách.

1.— Những phao đồn vu cáo 128
2.— Cảnh giam cầm quản thúc 131
3.— Lệnh trục xuất 133

IV.— Vĩnh biệt xứ Bắc.

1.— Trên con thuyền biệt xứ 134
2.— Công cuộc truyền giáo vùng Nghệ-An. . . . 137
3.— Trở lại Kẻ Chợ và vĩnh biệt xứ Bắc. . . . 138

CHƯƠNG V

Cha Đắc - Lộ trở lại xứ Nam và công cuộc truyền giáo ở đó.

I.— Giáo đoàn xứ Nam từ khi cha Đắc-Lộ ra Bắc.

1.— Cha Đắc-Lộ trong thời kỳ ở Áo-môn . . . 145
2.— Cha Buzomi với lệnh trục xuất 1629 . . . 146
3.— Giáo đoàn xứ Nam từ năm 1630 đến năm 1639 . 149
4.— Cha Đắc-Lộ trở lại xứ Nam và bị trục xuất (2/1640 — 9/1640). 155

II.— Hai lần bị trục xuất, hai lần trở lại.

1.— Cha Đắc-Lộ trở lại xứ Nam lần thứ hai và công cuộc truyền giáo ở các tỉnh vùng Nam . 156
2.— Lệnh trục xuất lần thứ hai (7-1641) 159
3.— Trở lại xứ Nam lần thứ ba và tổ chức các thầy giảng (1/1642—9/1643) 160

III.— Cha Đắc-Lộ trở lại xứ Nam lần thứ tư.

1.— Hoạt động truyền giáo của các thầy giảng . . 163
2.— Bà Maria Minh Đức. — Tuần Thánh ở cửa Hội-An 164
3.— Phái đoàn giáo dân ngoài Bắc 167
4.— Công cuộc truyền giáo cho giới trí thức và quan lại 169

Trang :

CHƯƠNG VI

Cha Đắc - Lộ với những trang sử máu đầu tiên của Giáo đoàn xứ Nam.

I.— Những anh hùng xưng đạo.

1.— Thầy giảng Andrêa, anh hùng tử đạo tiên khởi của giáo đoàn xứ Nam 175
2.— Cụ già Andrêa.— Lệnh trục xuất Cha ĐắcLộ. . 178
3.— 35 anh hùng xưng đạo phủ Qui-Nhơn . . . 180

II.— Những thử thách của Cha Đắc-Lộ và các thầy giảng.

1.— Thăm viếng giáo dân miền hạ 183
2.— Mùa Sinh-Nhật 1644 với cảnh giam cầm quản thúc 184
3.— Mùa Chay 1645. — Nghĩa cử của 9 giáo dân Quảng-Bình, Quảng-Trị 187
4.— Mùa Phục-Sinh 1645 ở Kẻ Hội An. Những nữ tu đầu tiên đến nước Việt . . . 190

III.— Vĩnh biệt xứ Nam.

1.— Cha Đắc-Lộ bị bắt giam 193
2.— Vĩnh biệt xứ Nam 197
3.— Thầy I-nha-xu và Vinh-Sơn tử đạo 199

CHƯƠNG VII

Xứ Bắc, các thừa sai Dòng Tên sau cha Đắc-Lộ.

I.— Giáo đoàn xứ Bắc trong thời kỳ vắng mặt của các thừa sai.

1.— Hoạt động của các thầy giảng 205
2.— Những giáo dân xưng đạo. 207
3.— Những thừa sai đến tiếp tục 208

II.— Giáo đoàn xứ Bắc dưới quyền cha Gaspar d'Amaral (1632-1640)

1.— Lúa chín đầy đồng 210
2.— Những thử thách 213
3.— Công cuộc truyền giáo ở Lào 218

III.— Giáo đoàn xứ Bắc dưới quyền cha Felix Morelli (1640-1649).

1.— Những thử thách tiếp tục 220
2.— Bức thư quan trấn Quảng-Tây 222
3.— Bách hại (1649) 224

IV.— Giáo đoàn xứ Bắc dưới quyền cha Hiêrônimô Majorica (1650-1656).

1.— Giáo dân và xứ đạo 225
2.— Tổ chức thầy giảng 229
3.— Cuối thời Trịnh-Tráng 230

Trang :

V.— Cha Onuphre Borgès và lệnh trục xuất (1653-1663).

1.— Những mây mù báo hiệu 233
2,— Lệnh trục xuất 1658 235
3.— Lệnh trục xuất 1663 237

CHƯƠNG VIII

Xứ Nam, các thừa sai Dòng Tên sau cha Đắc-Lộ (1646-1665)

I.— Giáo đoàn xứ Nam dưới thời cha Metello Saccano (1646-1655).

1.— Cha Metello Saccano tới xứ Nam 243
2.— Anh hùng xưng đạo ở Quảng-Bình 245
3.— Thêm cha Carlo della Rocca 247
4.— Bách hại tiếp tục 249

II.— Giáo đoàn xứ Nam dưới thời cha Phanxicô Rivas và Pedro Marquez (1655-1665).

1.— Ông Phêrô Văn Nết xưng đạo ở Cát-dinh . . 251
2.— Thời kỳ hòa hoãn. Các cha đi thăm các họ . . 254
3.— Bách hại lại nổi lên 258

CHƯƠNG IX

Nhìn lại 50 năm truyền giáo của các thừa sai Dòng Tên.

I.— Một giáo hội thịnh vượng nhất miền Đông-Á.

1.— 50 năm truyền giáo ở xứ Nam 263
2.— 37 năm truyền giáo ở xứ Bắc 269
3.— Những lý do thành công 275

II.— Các thừa sai Dòng Tên với nền văn hóa Việt-Nam.

1.— Cha Đắc-Lộ và chữ quốc ngữ 282
2.— Những tài liệu quí hóa về sử địa Việt-Nam . . 288
3.— Một nền văn chương công giáo tiên khởi . . 293

Tủ sách tham khảo.

1.— Do các thừa sai Dòng Tên 299
2.— Do các tác giả khác 303

LỊCH - SỬ TRUYỀN GIÁO
Ở VIỆT - NAM, IN LẦN
THỨ NHẤT 5000 CUỐN,
TẠI NHÀ IN PHƯỚC-SƠN,
165 TRẦN-BÌNH-TRỌNG,
(CHỢ-QUÁN) CHỢ-LỚN.

Tủ Sách HIỆN - TẠI

SẼ IN TIẾP :

LỊCH-SỬ TRUYỀN-GIÁO Ở VIỆT-NAM

Tập II.— Của L.m. Nguyễn-Hồng

PHÚT SUY - NIỆM

Tập III.— Với Đức Mẹ

NHIỆM TÍCH XỨC DẦU BỆNH-NHÂN

★ Tập sách thuộc loại TÌM HIỂU PHỤNG VỤ.

★ Giúp tìm hiểu tường tận Nhiệm-tích can hệ cho mỗi người giáo-hữu trước giờ chết, hiểu rõ ý nghĩa sự chết và dọn mình lĩnh nhận ơn Chúa.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

PHÚT SUY-NIỆM

Tập II.— Với Thánh Paulô

★ 60 bài nguyện ngắm đầy hứng thú dựa trên căn bản học thuyết thánh Paulô.

★ Những kinh nghiệm quý-báu của một tâm hồn nồng-nhiệt « Yêu Chúa » để được « Chết vì Chúa ».

★ Những dòng tâm-sự nóng hổi của vị Tông Đồ dân ngoại mến gửi các em nhỏ của Ngài cũng đang mạnh bước trên những cánh đồng truyền-giáo.

★ Những lời nhắn nhủ thiết-tha của Paulô đến những bạn trẻ đang đứng giữa ngã ba đường tìm hướng để đặt bước.

GIÁO-LÝ CÔNG-GIÁO

Diễn giảng theo Thánh-Kinh
(Katholischer Katechismus)

★ Cuốn Giáo lý đã được Hội Đồng toàn thể các Giám mục nước Đức nhóm họp tại Fulda, công nhận làm sách dậy Giáo-lý chính thức của Giáo-hội Đức

HIỂU VÀ DÂNG

★ Cuốn sách giúp Hiểu Thánh Lễ và Dâng Thánh-Lễ.

★ Những phương pháp Dâng Lễ hoàn toàn dựa trên căn bản Phụng-vụ.

★ Hơn 20 phụ-bản chụp rất mỹ thuật do nghệ sĩ Mạnh-Đan hoàn thành.

★ Bài viết đổi mới do Linh-mục Hi-Sơn sáng tác sau nhiều năm kinh nghiệm.

TIẾNG GỌI CỦA THÁNH-TÂM

★ Bản dịch cuốn « Manete in Dilectione mea » của linh-mục J. Trần-công-Hoán.

★ Lời lẽ nồng nàn sốt sắng, tư tưởng cao minh thành thiết, một cuốn sách đã dịch ra ngoài 20 thứ tiếng và được hoan nghênh nhiệt liệt khắp Giáo-Hội.

In tại Phước-Sơn Ấn-Quán, Chợ-lớn
G.P. số 965/XB. Saigon 23/5/59

GIÁ BÁN : loại thường : 35$
loại đặc-biệt : 50$

110000